

ABHIDHAMMA PIṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG

Bộ Sách Chú Giải

MAHĀPATTHĀNA ĐẠI PHÁT THÚ

&

MAHĀPATTHĀNA
SĀDHIPPĀYASARŪPATTHANISSAYA
GIẢNG GIẢI TỔNG LƯỢC
NỘI DUNG ĐẠI PHÁT THÚ

TẬP I – VOLUME I
(Gồm các Duyên 1, 2 & 3)



Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO

P. L: 2539

(Hiệu Đính: P. L. 2557 / D. L. 2013)

D. L: 1996

**MAHĀPAṬṬHĀNA
&
MAHĀPAṬṬHĀNASĀDHIPPĀYASARŪPAṬṬHANISSAYA
By SADDHAMMA JOTIKA
Volume I (Paccaya 1,2 & 3)**

**Translated into Vietnamese and revised edition
By Bhikkhu PASĀDO**

Copyright © 2013 by Bhikkhu PASĀDO

All rights reserved.

ISBN 978-1-4675-7491-4

September 2013.

Published by Library of CATUDISA SANGHA VIHĀRA
5044 Old Shipp's Store Road, Bealeton, VA 22712

Printed by Focus Digital Publishing,
Annandale, VA 22003, USA.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Cung Kính Đức Thế Tôn - Ứng Cúng - Chánh Đẳng Giác

Mahāpatthānasādhippāyasarūpatthanissaya
Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ

BUDDHAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHẬT

Vicittadhammavadannum Paramatthapāranatgum
Hanaripum nayavidum Vandāmi sirasā garum.

Đệ tử có tên gọi Pháp Sư Chánh Pháp Quang Minh hay là Giáo Sư Chánh Pháp Quang Minh xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Chánh Đẳng Giác, Giáo chủ nhân loại, Bậc Toàn Trí thuyết giảng phân tích Chánh Pháp một cách tỷ mỷ tốt đẹp. Ngài đã đạt đến tột cùng của bờ an vui là Pháp Siêu Lý. Ngài đã sát trừ hoàn toàn phiền não (kilesa) là chủ các pháp nghịch. Ngài có trí tuệ thông suốt Pháp Siêu Lý một cách vẹn toàn.

Antam jātijarādīnam Akāsi dupaduttamo
Anekassāhacittena Assāsentam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Đức Phật, bậc chí thượng hơn cả loài hữu tình hai chân. Với sự dũng mãnh của Tâm Lực, Ngài đã diệt trừ tất cả mọi khổ đau, về sanh, già, đau, chết, v.v. Ngài đã ban phát nguồn sinh lực vi diệu.

Nudeti rāgacittāni Nudāpeti param janam
Nuna attham manussānam Nusāsantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Đức Phật, Ngài đã giảng dạy đối với tất cả chúng sanh, với ý nghĩa trau chuốt, thường làm diệt mất tất cả Tâm hăng hiện hữu sự tham ái.

DHAMMAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHÁP

Atthobhāsehi jutantam Lilāpadasatārakam
Malahantam dhammacandam Vandāmi sirasādaram.

Đệ tử xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Chánh Pháp chói sáng với nội dung thâm sâu, kết hợp với sự quyến rũ của các câu Pháp lớn nhỏ, xinh đẹp như một vì sao, sáng tỏ như vầng trăng sáng sạch mây mờ.

Vantarāgam vantadosam Vantamoham vantapāpam
Vantabālā micchadinnam Vantatantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Pháp Bảo, Giáo Pháp có năng lực diệt trừ mọi tham ái, sân hận, si mê, xa lìa mọi điều tội lỗi, điều xấu ác, và tà kiến.

Tāresi sabbasattānam Tāresi oramatīram
Tārentam mokkhasamsāram Tārentantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Pháp Bảo, với Giáo Pháp có năng lực làm cho tất cả chúng sanh được vượt thoát khỏi mọi phiền não và khổ đau; có năng lực làm cho tất cả chúng sanh vượt thoát khỏi Tứ Bộc Lưu, vượt thoát khỏi bờ này đến bờ kia, vượt thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi và cho đi đến chứng đạt Níp Bàn.

Lito yo sabbadukkhesu Likkhite pitakattaye
Limpittepi suvannena Likkhantantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Pháp Bảo, với Giáo Pháp đã được các bậc Giáo Thọ A La Hán tiền bối soạn thảo khắc ghi vào những mảnh vàng lá, làm thành Tam Tạng để cho hàng hậu bối có được học hỏi tu tập, và xin trí kính lễ Pháp Học và Pháp Hành.

SANGHAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TĂNG

Aggasāra dhammathitim Bhaggamānājayasirim
Aghamigim hanajivim Vandāmya samghakesarim.

Đệ tử xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Thánh Tăng, bậc đã kiên trì an trú trong cùng tột cốt lõi bản thể Pháp. Bậc đã chiến thắng và kết hợp với điều an lành. Bậc đã tiêu diệt hết mọi Pháp đối nghịch là các Pháp Phiền Não cùng với Mạn tùy miên đã được đoạn trừ, ví như sư tử dũng mãnh đã sát tử mọi loài nai vạy.

Tosento devamanussānam Tosento dhammadesapi
Toseti dutthacittāni Tosentantam namāmiham.

Đệ tử xin trí kính lễ Tăng Bảo, với Tăng Bảo hằng làm cho Chư Thiên và Nhân Loại luôn được an vui trong Thiện Pháp. Là bậc trình bày Giáo Pháp với Pháp Học, Pháp Hành và Pháp Thành dẫn đến phát sanh sự vui mừng thỏa thích hoan hỷ trong Nhân Loại. Là bậc làm cho người có Tâm Bất Thiện, với Tâm bị gây tổn hại bởi những điều xấu ác, cho được phục thiện và có khả năng đi đến làm cho suy giảm và diệt trừ mọi điều xấu ác. Là người hằng làm cho Tứ Phật đồ chúng được hoan hỷ an vui trong Tam Vô Lậu Học.

*Sāsanam sampaticchannam
Sāsanam anusāseyyam*

*Sāsanantam sivam rammam
Sāsanantam namāmiham.*

Đệ tử xin trí kính lễ Tăng Bảo, với Tăng Bảo đã hướng dẫn Giáo Pháp mà Đức Phật đã khéo giảng dạy cho đi đến tốt đẹp, làm thành Pháp Độ Nhân (*Niyyanikadhamma*), dẫn dắt tất cả chúng sanh chặt đứt ái dục thúc phược và chúng đạt Níp Bàn, là Pháp an vui tuyệt đối một cách xác thực. Là bậc hằng luôn hướng dẫn dạy bảo Giáo Pháp, hằng dẫn dắt Giáo Pháp cho được tiếp nối mãi, cho trở thành di sản bất tử được truyền thừa lại mãi mãi cho thế hệ mai sau.

ĀCARIYAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TÔN SƯ

*Dhīrānadhīrasettantam Silāghasighanānikam
Hitāvaham mahātheram Panāmya mama āceram.*

Đệ tử xin nghiêng mình bày tỏ trí kính lễ Đức Tôn Sư Đại Trưởng Lão **BHADDANTANĀNIKA** (Ngài là Tăng Trưởng của thủ đô nước Miến Điện). Ngài là Tôn Sư của bản đạo, là một bậc trí thức thông tuệ trong tất cả những bậc trí thức thông tuệ. Ngài là bậc có trí tuệ xảo diệu đáng ca ngợi. Ngài dẫn dắt phân lợi ích thế gian và siêu xuất thế gian đến tất cả mọi hạng người.

PATINNĀKĀRA – LỜI THỀ NGUYỆN

*Yācitoham karissāmi Sissaganehi sādhuḥkam
Mahāpatthānanissayam Deyyabhāsāya dullabham.*

Bản đạo có tên gọi là Pháp Sư Chánh Pháp Quang Minh hay là Giáo Sư Chánh Pháp Quang Minh xin soạn tác kinh điển “Đại Phát Thứ” và “Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ” với lòng từ ái, thể theo sự yêu cầu của tất cả bậc học giả.

*Yam nissayam susankhatam
Tam sadāppapannānampi*

*Sudhāriya bhisundaram
Vuddhim pāpeti tankhane.*

Bản đạo soạn tác kinh điển “Đại Phát Thú” và “Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thú” này có chất lượng như vật thực ở cõi trời (*sudhābhajana* – tiên thực), sẽ thường luôn tăng trưởng trí lực ngay cả với người thiếu trí trong khi tinh cần học tập.

PATTHANAKĀRA - LỜI SỞ NGUYỆN

*Abhivaddhantu me pannā Saddhā sati samādhayo
Parakkamo lokassāda Bodhayatthāna param param*

Xin cho Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ của bản đạo luôn được tăng trưởng, ngõ hầu đem lại hữu ích đến Tuệ Giác trong thời vị lai. Đó là niềm ước muốn cao quý nhất của Thế Giới Hữu Tình.

*Apattham yāva buddhattam Pannādhikam bhavāmiham
Jāṭisarananikova Jetthasettho nirantaram*

Bao giờ “*Tuệ Chí Thượng Giác Hữu*” (*Pannādhikabuddhabhava*) của bản đạo vẫn chưa được đạt thành kết quả, thì xin nguyện cho bản đạo được chứng đắc ở trong kiếp sống có được “*Truy Niệm Trí*” (*Anussarananāna*) thanh cao cùng tột, luôn suốt mãi với thời gian lâu dài.

*Na jānāmīti vacanam Na kathemi kudācanam
Yam loke atthi tam sippam Sabham jānāmi sādhumkam*

Bất luận trong kiếp sống nào, hữu nào, thì xin cho bản đạo không có nghe nói đến lời nói rằng “*không biết chi, không biết chi*”, về tên gọi của bất luận nghệ thuật nào trong Thế Gian này, và xin nguyện cho bản đạo đều được liễu tri hết tất cả.

*Sutamattena yā bhāsā Samvijjanti anappakā
Tāsu cheko bhavēyyāmi Aggappatto susīlavā*

Bất luận có một loại ngôn ngữ nào, cho dù chi là được nghe nói đến, thì cũng xin cho bản đạo có được Trí Tuệ để rõ biết hết tất cả các loại ngôn ngữ đó, và cùng tột, xin cho bản đạo được thành người có Giới Hạnh thanh cao.

Natthi natthīti vacanam Dehi dehīti kulanam
Kudācanam na sunomi Navadeyyāmi so aham

Xin cho bản đạo không có được nghe nói đến lời nói rằng “*không có, không có*”, và xin cho bản đạo không phải nói đến với lời nói rằng “*xin hãy bi miễn xả thí*”.

Kareyyam gāravam garum Māneyyam mānanāraham
Vandeyyam vandanāraham Pūjeyyam pūjanāraham

Xin cho bản đạo được tôn trọng đến bậc đáng tôn trọng, xin cho bản đạo được tôn kính đến bậc đáng tôn kính, xin cho bản đạo được lễ bái đến bậc đáng lễ bái, và xin cho bản đạo được cúng dường đến bậc đáng cúng dường.

Abhijjhā issā maccheva Micchādittthīhi pāpato
Mānakodhā kāmālokā Yāpyarogā gato sadāti

Xin cho bản đạo được xa lìa tách khỏi các Ác Pháp, là cừu hận, tật đố, lận sắt, tà kiến, kiêu mạn, phần nộ, và sự rung động trong mọi Dục công đức, và trong tất cả bệnh tật ốm đau, và xin cho không có nhầm lẫn lẫn lộn trong suốt mọi thời gian.

NIGAMAGĀTHĀ - BÀI KỆ TÓM TẮT

Nattham patto ayam gantho Deyyabhāsāya sankhato
Tidullabho bhisundaro Sādhūhi atimānito

Với bộ Kinh sách “Đại Phát Thứ” và “Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ” do bản đạo đã soạn tác, quả là một bộ Kinh sách rất khó liễu tri và là bộ Kinh sách rất có giá trị, là nơi đáng được hoan hỷ duyệt ý với những có đức hạnh, đã được kết thúc chỉ là bấy nhiêu đây.

-----00000-----



MỤC LỤC

BUDDHAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHẬT	1
DHAMMAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ PHÁP	1
SANGHAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TĂNG	2
ĀCARIYAPANĀMA – TRÍ KÍNH LỄ TÔN SƯ	3
PATINNĀKĀRA – LỜI THỆ NGUYỆN	3
PATTHANAKĀRA – LỜI SỞ NGUYỆN	4
NIGAMAGĀTHĀ – BÀI KỆ TÓM TẮT	5
LỜI MỞ ĐẦU	8
LỜI HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG SÁCH KINH	12
PHẦN MỞ ĐẦU – PATTHĀNAPAKARANA – PHÁT THỨ - TÊN GỌI QUYỀN KINH	14
PATTHĀNAVACANATTHA – CHÚ GIẢI PHÁT THỨ	14
TRONG KINH ĐẠI PHÁT THỨ CÓ SÁU NHÓM PHÁT THỨ, LẬP Ý TRÌNH BÀY MỖI NHÓM PHÁT THỨ CÓ BỐN PHẦN (NAYA)	19
TRÌNH BÀY CÂU MẪU ĐỀ TAM TRONG SÁU NHÓM PHÁT THỨ	19
TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG PHÁT THỨ TRONG KINH PHÁT THỨ	23
VIỆC TÍNH SỐ LƯỢNG PHÁT THỨ TRONG SÁU NHÓM PHÁT THỨ VÀ CẢ BỐN PHẦN PHÁP	24
LỜI GIẢI THÍCH KIỆU MẪU PHẦN PÀLÌ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HỌC HỎI	25
PACCAYAVACANATTHA – CHÚ GIẢI CỦA TỪ NGỮ “PACCAYA – NĂNG DUYÊN”	26
PACCAYUPPANNAVACANATTHA – CHÚ GIẢI CỦA TỪ NGỮ “PACCAYUPPANNA – SỞ DUYÊN”	27
PACCANIKAVACANATTHA – CHÚ GIẢI CỦA TỪ NGỮ “PACCANIKA – DỊCH DUYÊN”	27
PACCAYUDDESA VĀRA – CÂU XIÊN THUẬT VỀ 24 DUYÊN	28
PACCAYANIDDESA – DUYÊN XIÊN MINH, PÀLÌ VÀ LỜI DỊCH	29
DUYÊN THỨ NHẤT: HETUPACCAYA – NHÂN DUYÊN	30
- DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	30
- PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP	30
- TOÀN BỘ DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ) TRONG NHÂN DUYÊN	31
- TẬP HỢP 24 HIỆP LỰC TRONG NHÂN DUYÊN	33
- Ý NGHĨA CỦA TỪ NGỮ “GHATANĀ – HIỆP LỰC”	42
- LỜI GIẢI THÍCH CỦA NHÂN DUYÊN	43
- PHỤ CHÚ GIẢI NHÂN DUYÊN	47
- LỜI GIẢI THÍCH TÓM LƯỢC TRONG CHÚ GIẢI PHÁT THỨ VỀ NHÂN DUYÊN	48
- PHÂN TÍCH NHÂN DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC	50
- TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG TRONG NHÂN DUYÊN	51
- PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHĀ) VÀ CHI PHÁP TRONG NHÂN DUYÊN	51
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN	51
(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN	58
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KỶ	65
- HETUPACCAYASUDDHASANKHAYĀVĀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở NHÂN DUYÊN	69
- HETUPACCAYASABHĀGA – NHÂN DUYÊN TÁU HỢP	70
DUYÊN THỨ HAI: ĀRAMMANAPACCAYA – CẢNH DUYÊN	71
- DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	71
- PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP	72
- 5 CẢNH LINH TINH HIỆP LỰC – ĀRAMMANAPAKINNAKAGHATANĀ	77
- LỜI GIẢI THÍCH	77
- Ý NGHĨA CỦA CÁC CÂU Ở TRONG CÂU BẤT ĐỊNH VÀ CÂU XÁC ĐỊNH	85
- CHÚ GIẢI TÓM LƯỢC VỀ CẢNH DUYÊN	85

- GIẢI THÍCH TÓM TẮT CẢNH DUYÊN	85
- PHÂN TÍCH CẢNH DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC	87
- TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA CẢNH DUYÊN	87
- PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG CẢNH DUYÊN	87
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN	88
(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN (Trong Câu Thiện)	100
(C) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN (Trong Câu Bất Thiện)	117
(D) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KỶ	132
- ĀRAMMAPACCAYASUDDHASANKHAYĀVĀRA	
- PHÂN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CẢNH DUYÊN	154
- ĀRAMMANAPACCAYASABHĀGA – CẢNH DUYÊN TÁU HỢP	155
DUYÊN THỨ BA: ADHIPATIPACCAYA – TRƯỞNG DUYÊN	157
- DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	157
- PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP	158
- 6 CHANDĀDHIPATIGHATANĀ – 6 DỤC TRƯỞNG HIỆP LỰC	159
- 6 VIRIYĀDHIPATIGHATANĀ – 6 CẦN TRƯỞNG HIỆP LỰC	162
- 6 CITTĀDHIPATIGHATANĀ – 6 TÂM TRƯỞNG HIỆP LỰC	165
- 6 VIMANSĀDHIPATIGHATANĀ – 6 THẨM TRƯỞNG HIỆP LỰC	169
- CHÚ GIẢI TÓM LƯỢC VỀ TRƯỞNG DUYÊN	173
- GIẢI THÍCH TÓM TẮT CẢNH TRƯỞNG DUYÊN	173
- GIẢI THÍCH TÓM TẮT CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN	176
- PHÂN TÍCH CẢNH TRƯỞNG DUYÊN VÀ CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC	178
- (I) ARAMMANĀDHIPATIPACCAYA – CẢNH TRƯỞNG DUYÊN	178
- TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA CẢNH TRƯỞNG DUYÊN	179
- GIẢI THÍCH MỘT CÁCH TỶ MỸ KỸ CĂNG PHÁP CẢNH TRƯỞNG NĂNG DUYÊN VÀ PHÁP CẢNH TRƯỞNG SỞ DUYÊN	180
- PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG CẢNH TRƯỞNG DUYÊN ...	182
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN	182
(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN	193
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KỶ	196
- ĀRAMMANĀDHIPATIPACCAYA SUDDHASANKHAYĀVĀRA	
- PHÂN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CẢNH TRƯỞNG DUYÊN	204
- ĀRAMMANĀDHIPATIPACCAYASABHĀGA – CẢNH TRƯỞNG DUYÊN TÁU HỢP	205
- (II) SAHAJĀTĀDHIPATIPACCAYA – CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN	205
- TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN	205
- PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN	207
(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN	208
(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN	214
(C) ABYĀKATAPADA – CÂU VÔ KỶ	221
- SAHAJĀTĀDHIPACCAYA SUDDHASANKHAYĀVĀRA	
- PHÂN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN	224
- SAHAJĀTĀDHIPATIPACCAYASABHĀGA – CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN TÁU HỢP	224
PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÙNG DƯƠNG	226
KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH	228
KINH SÁCH SẴP ĐƯỢC IN ẤN VÀ SẼ PHÁT HÀNH	228
PHẦN BẢN ĐỒ (GỒM 22 TRANG)	A-1 – A-22

-----00000-----

LỜI MỞ ĐẦU

TẠNG VÔ TỶ PHÁP (ABHIDHAMMA PITAKA) gồm có bảy bộ:

- (1) Dhammasangani – Pháp Tụ,
- (2) Vibhanga - Phân Tích,
- (3) Dhātukathā – Nguyên Chất Ngữ,
- (4) Puggalapannati - Nhân Chế Định,
- (5) Kathāvatthu – Ngữ Tông,
- (6) Yamaka – Song Đối,
- (7) Patthana – Phát Thú.

Theo phần chú giải cho thấy, tất cả bảy bộ này quả thật, đều là nơi tiến hành của Bạc Toàn Giác, tuy nhiên từ bộ thứ nhất đến bộ thứ sáu, cho dù, quả thực là chỗ tiến hành của Bạc Toàn Giác, nhưng tất cả sáu bộ này vẫn chưa hội đủ năng lực đối với Bạc Toàn Giác; có ý nghĩa là vẫn chưa rộng lớn thâm sâu đối với Trí Tuệ của Bạc Toàn Giác.

Do đó, trong thời gian Đức Chánh Đẳng Giác quán xét ở sáu bộ đầu thì Ngài tiến hành quán xét một cách thông thường, tiếp đến quán xét bộ thứ bảy là bộ Đại Phát Thú này thì hào quang sáu loại (sắc) phún tỏa từ kim thân Đức Phật ra ngoài.

Là như vậy, vì bộ Đại Phát Thú này là một bộ kinh rộng lớn, có nội dung thâm sâu hơn tất cả bộ kinh mà Đức Phật đã quán xét qua, và là bộ kinh duy nhất thích đáng đối với Bạc Trí Toàn Giác vì vừa thích hợp với trí tuệ rộng lớn thâm sâu.

Do đó, ngay khi Đức Phật đang quán xét nơi đó, làm khởi sanh sự phỉ lạc suốt trọn thời gian trú vào Pháp Vị (**Dhammarasa**), ví như kinh ngư có tên gọi là **Timirapingala** ở trong đại dương sâu thẳm 84,000 do tuần thường có sự vui mừng thích ý một cách mát mẻ trong việc được bơi lội tung hoành ngang dọc trong đại dương, dường như thế nào, thì Bạc Toàn Giác cũng thường có sự phỉ lạc thỏa thích trong việc quán xét một cách rộng lớn thâm sâu, cực nan kiến (gambhīra) của kinh Đại Phát Thú này vậy.

Một tia sáng xanh phún tỏa lan tỏa ra từ râu, tóc và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng vàng phún tỏa lan tỏa ra từ sắc da và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng đỏ phún tỏa lan tỏa ra từ máu thịt và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng trắng phún tỏa lan tỏa ra từ xương cốt, răng và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng màu da cam và ánh hào quang sáng rực rỡ lan tỏa ra khắp mọi nơi từ kim thân của Ngài.

Cả sáu loại tia sáng này lan tỏa ra tiếp chạm Đại Địa dày đặc 240,000 do tuần, ví như sỏi vàng trong núi được phủi sạch hết bụi trần. Và tia sáng này xuyên qua lòng đất đến tiếp chạm thủy quyển ở dưới lòng đất dày đặc 840,000 do tuần, ví như vàng nóng chảy ra trong khuôn.

Rồi xuyên qua nước đến tiếp chạm với khí quyển dày đặc 960,000 do tuần, ví như sỏi vàng ở trong núi được chất thành đống.

Rồi xuyên qua gió đến tiếp chạm khí quyển trong phần phía dưới lòng đất (**Ajjhatàkasa**).

Còn tia sáng ở phần trên chiếu tỏa lên đến các tầng Thiên Giới, từ Cõi Tứ Đại Thiên Vương, xuyên qua đến Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma, Đâu Xuất Đà, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, cho đến 9 tầng Phạm Thiên Giới, thấu suốt Quảng Quả Thiên (**Vehapphalà**), Ngũ Tịnh Cư Thiên, cả 4 tầng Vô Sắc Phạm Thiên Giới.

Tia sáng xuyên qua cả 4 Vô Sắc Phạm Thiên Giới đi đến tiếp chạm khí quyển bên trong Tam Giới.

Tia sáng hào quang của Đức Phật tỏa khắp mọi nơi, vô cùng tận, bao trùm khắp cả thế gian.

Tia sáng này, chẳng phải được thành tựu do việc cầu nguyện, cũng chẳng phải được thành tựu do tiến tu bất cứ thể loại nào, mà phát sanh do bởi quán chiếu Pháp ở phần vi tế, thậm thâm vi diệu, quảng bác.

Chính do nhân này, máu huyết của Ngài trở nên tinh khiết, kim thân thanh tịnh, sắc da trong suốt, ánh sáng hào quang có Tâm làm xuất sinh xứ được hiện hữu một cách kiên định khắp mọi nơi theo một đường kính 80 hắc tay.

Do đó, từ ngữ Phát Thú trong bộ kinh thứ bảy này mới có nội dung khác biệt với từ ngữ Phát Thú trong phần **Satipatthàna** – Niệm Phát Thú (trong Chương thứ 7, nhóm **Bodhipakkhiyadhamma** – Giác Chi Pháp).

Bộ Kinh Đại Phát Thú có nội dung kỳ diệu đặc thù hơn cả sáu bộ trong Tạng Vô Tỷ Pháp, trình bày mối tương quan nối tiếp nhau giữa sáu nhóm Pháp:

- (1) Lục Phát Thú (6 Patthàna),
- (2) Tứ Phần Pháp (4 Dhammanaya),
- (3) Thất Giai Đoạn (7 Mahàvāra),
- (4) Nhị Thập Tứ Duyên (24 Duyên),
- (5) Nhị Giai Đoạn Chỉ Số,
- (6) Tứ Duyên Phần (4 Paccayanaya)

hiện hành dưới dạng vấn đề (hỏi và đáp xuyên suốt), bao hàm nội dung vô cùng thậm thâm thù thắng.

Trong bộ Kinh này, được kết hợp hai bộ Chú Giải lớn, “Đại Phát Thú” (**Mahà**

Patthàna) và “*Giảng Giải Tổng Lược Nội Dung Đại Phát Thứ*” (**Mahàpatthànasàdhip - pàyasarūpatthanissaya**), vào thành một bộ Chú Giải với nội dung đầy đủ súc tích, nhằm đem lại lợi ích với tất cả Học Giả hiện triết có Tâm hoan hỷ duyệt ý tâm cầu Giáo Pháp cao siêu, thù thắng trong Kho Tàng Pháp Bảo.

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão **SADDHAMMA JOTIKA** đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác cả hai bộ Kinh này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khái trí vào sở học sở cầu kỳ hạ, xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ Kinh Đại Phát Thứ, hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Phước Báu hướng đến hai bậc Ấn Sư, Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ (SANTAKICCO MAHÀ THERA)**, và Ngài Đại Trưởng Lão **SIÊU VIỆT (ULÀRO MAHÀ THERA)** với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ Kinh Đại Phát Thứ, hội đủ túc duyên Phước Báu, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính, Cô Tư Tu Nữ **PHẠM THỊ YÊN** (Chùa Siêu Lý – Phú Định) kính thương, đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc những bản đồ với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ Kinh Chú Giải Đại Phát Thứ và chỉ đến toàn thể quý Phật Tử luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy (**Anumodanà, Anumodanà, Anumodanà**).

Với tám lòng Từ Ái,
Mettàparamatthapàramì,
Sàdhu, Sàdhu, Sàdhu.

Dịch Giả cẩn kính,
Bhikkhu PASÀDO Sán Nhiên.

-----00000-----



*Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.*
A 6.37

*Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa ánh lợi danh.*

-----00000-----



LỜI HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG SÁCH KINH

Trong bộ Kinh này được phân chia ra làm ba phương pháp để tu học:

I. Học tuần tự từng mỗi Chủ Đề của quyển Kinh.

Có ý nghĩa học lần lượt từng mỗi Duyên trong 24 Duyên, đi theo thứ tự mỗi Chủ Đề trong quyển Kinh, dựa theo Chủ Đề của quyển Kinh làm nền tảng để tu học, như sau:

1. Theo phần Pàli xiển thuật (**Paccayuddesa**) cùng với lời dịch.
2. Theo phần Pàli xiển minh (**Paccayaniddesa**) cùng với lời dịch, luôn cả việc phân tích Câu với nội dung Chi Pháp, và Duyên Hiệp Lực (**Ghatanà**).
3. Tóm tắt nội dung ba thể loại, luôn cả việc phân tích theo Trạng Thái, Giống, Thời và Mãnh Lực.
4. Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề.
5. Chú Giải và lời giải thích.

Ví như việc tu học trong phần Pàli xiển thuật về “Nhân Duyên” cho đến “Bất Ly Duyên” phải cho đến chấm dứt hết. Rồi đến phần Pàli xiển minh, tương tự như trên, từ Nhân Duyên cho đến Bất Ly Duyên. Và như thế, tuần tự tu học theo từng phần cho đến phần Chú Giải và lời giải thích, là phần cuối cùng.

Đây là phương pháp tu học thứ nhất (là phương pháp tu học theo thứ tự mỗi Chủ Đề trong quyển Kinh đã có hiện bày).

II. Học từng mỗi Duyên theo thứ tự hạn định của mỗi Chủ Đề mới.

Có ý nghĩa việc tu học từng mỗi một Duyên theo thứ tự mỗi Chủ Đề trong năm Chủ Đề (như điều một của phương pháp thứ nhất) xấp thành việc tu học tuần tự, như sau:

1. Chú Giải và lời giải thích.
2. Theo phần Pàli xiển thuật và lời dịch.
3. Theo phần Pàli xiển minh và lời dịch, cùng với việc phân tích Câu và nội dung Chi Pháp (chỉ loại trừ sự việc liên quan với phần Duyên Hiệp Lực).
4. Tóm tắt nội dung ba thể loại, luôn cả việc phân tích theo Trạng Thái, Giống, Thời và Mãnh Lực.
5. Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề.
6. Duyên Hiệp Lực (**Ghatanà**).

- Tấu Hợp (**Sabhàga**): (trình bày phần cuối của “Phân tích Giai Đoạn Vấn Đề” trong từng mỗi Duyên).

- Hiệp Lực (**Ghatanà**): (trình bày phần cuối của “Duyên xiển minh” trong từng mỗi Duyên).

Việc tu học trường hợp Duyên Hiệp Lực (Tấu Hợp – Hiệp Lực) cũng nên nhìn theo nền tảng của phần Pàli phụ lục của quyển Kinh này để làm phát sanh sự hiểu biết một cách rõ ràng.

Ví như việc tu học Nhân Duyên theo trường hợp của phần “Chú Giải và lời giải thích” cho chấm dứt hết. Rồi tiếp theo là việc tu học Nhân Duyên theo phần “Duyên xiển thuật” v.v. cho đến việc tu học Nhân Duyên theo phần “Duyên Hiệp Lực” là chấm dứt việc tu học trọn vẹn của phần Nhân Duyên.

Đây là phương pháp tu học theo phương pháp thứ hai.

III. Học từng mỗi Giống (hoặc từng mỗi một nhóm) theo thứ tự hạn định của mỗi Chủ Đề mới.

Có ý nghĩa việc tu học từng mỗi Giống (nhóm) theo thứ tự Chủ Đề trong Kinh sách đã hạn định (như Chủ Đề theo phương pháp thứ hai) tương tự với việc tu học từng mỗi một Duyên trong phương pháp thứ hai vậy. Tuy nhiên sẽ thay đổi việc tu học kể từ Duyên thứ 1 mãi cho đến Duyên thứ 24, với việc bắt đầu tu học kể từ 15 Duyên hiện hữu trong “Giống Câu Sanh” (**Sahajàtajàti**) cho chấm dứt trước. Rồi tiếp theo là đi đến việc tu học 8 Duyên hiện hữu trong “Giống Cảnh” (**Àrammanajàti**) mãi cho đến một Duyên hiện hữu trong Giống cuối cùng là “Giống Dị Thời Nghiệp” (**Nànakkanikammajàti**) là chấm dứt việc tu học theo phương pháp thứ ba.

Với tu học theo phương pháp thứ 3 này, sẽ làm phát sanh sự hiểu biết rộng lớn và dễ dàng trong việc suy nghĩ đến Duyên Hiệp Lực.

Lại nữa, việc tu học phương pháp thứ hai là đặc biệt thích hợp cho Học Giả muốn được thấu triệt một cách chi tiết hết tất cả từng mỗi Duyên, sẽ làm phát sanh sự hiểu biết tương quan tiếp nối mà không gián đoạn, và không phát sanh sự lẫn lộn hoặc nghi ngờ trong việc nghĩ đến Duyên Hiệp Lực. Vì lẽ việc tu học cho đến phần cuối cùng từ nơi việc tu học đầy đủ chi tiết ở phần trước đó. Còn việc tu học phương pháp thứ ba, đặc biệt đối với Học Giả nghĩ đến Duyên Hiệp Lực không cần phải nhớ đến tên gọi của cả 24 Duyên, và làm cho nhìn thấy Trạng Thái giống nhau và khác nhau của từng mỗi Duyên một cách rõ ràng và chính xác.

-----00000-----

PHẦN MỞ ĐẦU

PATTHANAPAKARANA PHÁT THỨ - TÊN GỌI QUYỀN KINH

Trước tiên, kinh Phát Thứ có vấn đề cần nên làm cho hiểu biết trong từ ngữ **“Patthàna – Phát Thứ”**, và quả thật có ba vấn đề trong từ ngữ *Phát Thứ*, như sau:

1/ *Hỏi*: Do nhân nào bộ kinh thứ bảy này được gọi là *Phát Thứ* ?

Đáp: Với nội dung của bộ kinh này trình bày tất cả các Duyên, có Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v, theo những loại sai khác nhau; do vậy mới được gọi là **Patthàna – Phát Thứ**.

2/ *Hỏi*: Do nhân nào bộ kinh thứ bảy này được gọi là *Phát Thứ* ?

Đáp: Với nội dung có sự phân tích tất cả Pháp, có Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký, v.v, theo mãnh lực từ nơi Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v; do vậy mới được gọi là **Patthàna – Phát Thứ**.

3/ *Hỏi*: Do nhân nào bộ kinh thứ bảy này được gọi là *Phát Thứ* ?

Đáp: Với nội dung là chỗ tiến hành (đi lại) của Bậc Trí Toàn Giác, do vậy mới được gọi là *Phát Thứ*. Hoặc là, ở phần Vấn – Đáp với những câu ngắn gọn, thuận lợi trong việc học thuộc lòng, như sau:

* *Trình bày các loại Duyên sai khác nhau, như Nhân Duyên, v.v, cho đến số lượng cả 24 Duyên, do vậy mới được gọi là Phát Thứ.*

* *Phân tích tất cả Pháp Thực Tính theo 24 Duyên, do vậy mới được gọi là Phát Thứ.*

* *Là chỗ tiến hành (đi lại) của Bậc Trí Toàn Giác, do vậy mới được gọi là Phát Thứ.*

Bộ kinh này có tên gọi là **“Patthàna - Phát Thứ”**, là với nội dung phân tích 24 Duyên sai khác nhau (**Nànàppakàra**), gồm Nhân Duyên, v.v. như có Pàlì chú giải phân tích từ ngữ của kinh Phát Thứ như sau.

PATTHANAVACANATTHA – CHÚ GIẢI PHÁT THỨ

“Kenatthena patthànantī ? Nànàppakàrapaccayatthēna, pa kàro hī nànàppakàrattham dīpeti, thānasaddo paccayattham. Được gọi là Phát Thứ với ý nghĩa, như sau:

“Kenatthena patthànantī ?” Với nội dung thế nào mà gọi là Phát Thứ?

“Nàṇāppakàrapaccayatthena” Gọi tên là Phát Thú với nội dung trình bày các loại Duyên sai khác nhau gồm có Nhân Duyên v.v, do đó mới gọi là Phát Thú.

“Pa kàrohi nàṇāppakàrattham dīpeti” Phân tích chi tiết thì mẫu tự “Pa” thường nói đến ý nghĩa là “có nhiều loại sai khác nhau”, có Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v.

“Thànasaddo paccayattham” Từ ngữ “Thàna” thường nói đến ý nghĩa là Duyên làm thành Nhân.

Tóm tắt ý nghĩa **“Nàṇāppakàrapaccaya”**- Duyên làm thành nhân theo nhiều trạng thái sai khác, có ý nghĩa là, trong từng mỗi điều Pháp, khi theo mãnh lực từ nơi Duyên thì có nhiều loại. Trong từng mỗi loại Duyên và trong từng một Duyên có nhiều chi pháp sai khác nhau.

Chính do như thế, trong **“Patthānamūlatika - Mẫu Đề Căn Phát Thú”**- có đề cập đến **“Nàṇāppakàrapaccaya”** - một cách rõ ràng là:

“Tattha ekassāpi dhammassa hetuadīhi anekapaccayabhāvato ekekassa paccayassa anekadhammabhāvato ca nàṇāppakàrapaccayatà veditabbā”- Tại nơi đây, tất cả bậc hiền triết nên hiểu biết hai loại nguyên nhân. Trong phần Phát Thú, trình bày ý nghĩa rằng, có một Duyên làm thành Nhân theo nhiều trạng thái sai khác (**Nàṇāppakàrapaccaya**) là vì chỉ có một điều Pháp mà có mãnh lực làm được rất nhiều loại Duyên, như là làm thành Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v. và trong từng mỗi Duyên đó, mà có rất nhiều chi pháp.

Như có Chú Giải Phân Tích từ ngữ *Phát Thú* trình bày theo phần Vấn Đáp như sau: **“Nàṇāppakàràni thànāni paccayā etthāti patthānam” (Sattamī bahubbihi samāsaviggaha).** “Thàna” là tất cả Duyên với nhiều loại sai khác nhau có Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v hiện hữu trong kinh này, do đó, kinh này có tên gọi là **“Patthāna – Phát Thú”**.

Tóm lại, ý nghĩa của hai loại nguyên nhân, đó là:

- 1/ Chỉ có một điều Pháp mà có mãnh lực làm được rất nhiều loại Duyên (nhiều hơn một).
- 2/ Từng mỗi một Duyên mà có rất nhiều chi pháp (nhiều hơn một).

Trong hai trường hợp này, **Hetū hetusampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānam Hetupaccayena paccayo** là một điều Pháp.

Có mãnh lực làm được rất nhiều loại Duyên (nhiều hơn một), tức là: Hetu – Nhân, Adhipati – Trưởng, Sahajāta – Câu Sanh, Annamanna - Hổ Tương, Nissaya – Y Chỉ, Vipāka – Di Thực Quả, Indriya – Quyền, Magga – Đồ Đạo, Sampayutta – Tương Ứng, Vippayutta – Bất Tương Ứng, Atthi – Hiện Hữu, Avigata – Bất Ly, chính 12 loại này

thành mãnh lực Duyên trong điều Pháp này.

Và từng mỗi một Duyên có rất nhiều chi Pháp, và trong điều Pháp này thì có chi Pháp nhiều hơn một, tức là 6 Nhân.

Và sẽ được biết rõ chi Pháp một cách tỷ mỉ chi tiết ở trong việc trình bày phần xiển minh tất cả 24 Duyên.

Trong phần thứ hai, có giải thích rằng:

“Aparo nayo, kenatthena patthànantī?” Nói một cách khác, với nội dung thế nào mà gọi là Phát Thứ ?

“Vibhajjanatthena” Gọi là Phát Thứ với nội dung phân tích tất cả các Pháp, là Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký, v.v, theo phần phân tích từ Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v.

Như có Chú Giải Phân Tích từ ngữ *Phát Thứ* trình bày theo phần Vấn Đáp trong phần thứ hai này, như sau:

“Kusalàdayo dhammà Hetupaccayādivasena patthiyanti vibhajjanti etthāti = Patthànam” (adhikaranasādhana kittaviggaha). Dịch nghĩa là: Đức Phật lập ý phân tích tất cả các Pháp, có Thiện, v.v, theo phần phân tích từ Nhân Duyên, v.v, trong kinh này, bởi do đó, kinh này có tên gọi là Phát Thứ.

Tóm lại ý nghĩa trong phần này, là kinh này có việc phân tích tất cả Pháp, như trong bộ Pháp Tụ (**Dhammasangani**) có 22 Mẫu Đề Tam (**Tikamātikā**), và 100 Mẫu Đề Nhị, có Tam Đề Thiện (**Kusalatika**) v.v, cho đến Nhị Đề Phát Thứ (**Pitthiduka**) trong tất cả 24 Duyên, có Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v.

Trong phần thứ ba, có giải thích rằng:

“Aparo nayo, kenatthena patthànantī?” Nói một cách khác, với nội dung thế nào mà gọi là Phát Thứ ?

“Patthitathena” Gọi là Phát Thứ với nội dung là chỗ tiến hành (đi lại) của Bạc Trí Toàn Giác.

Như có Chú Giải Phân Tích từ ngữ *Phát Thứ* trình bày theo phần Vấn Đáp trong phần thứ ba này, như sau:

“Patthāti gacchati sabbannutanānam etthāti = Patthànam” (Adhikarana sādhana kittaviggaha). Bạc Trí Toàn Giác thường tiến hành đi lại trong kinh này, do nhân vậy, kinh này có tên gọi là Phát Thứ (**Patthānaatthakathā**).

Tạng VÔ TỶ PHÁP có bảy bộ là:

- (1) **Dhammasangani – Pháp Tự,**
- (2) **Vibhanga – Phân Tích,**
- (3) **Dhàtukathà – Nguyên Chất Ngũ,**
- (4) **Puggalapannati – Nhân Chế Định,**
- (5) **Kathàvatthu – Ngũ Tông,**
- (6) **Yamaka – Song Đối,**
- (7) **Patthàna – Phát Thú.**

Theo phần chú giải cho thấy, tất cả bảy bộ này quả thật, đều là nơi tiến hành của Bậc Toàn Giác, tuy nhiên từ bộ thứ nhất đến bộ thứ sáu, cho dù, thực là chỗ tiến hành của Bậc Toàn Giác, nhưng tất cả sáu bộ này vẫn chưa hội đủ năng lực đối với Bậc Toàn Giác; có ý nghĩa là vẫn chưa rộng lớn thâm sâu đối với Bậc Toàn Giác.

Do đó, trong thời gian Đức Chánh Đẳng Giác quán xét ở sáu bộ đầu thì Ngài tiến hành quán xét một cách thông thường, tiếp đến quán xét bộ thứ bảy là *bộ Đại Phát Thú* này thì hào quang sáu loại (sắc) phún tỏa từ kim thân Đức Phật ra ngoài.

Là như vậy, vì *bộ Đại Phát Thú* này là một bộ kinh rộng lớn, có nội dung thâm sâu hơn tất cả bộ kinh mà Đức Phật đã quán xét qua, và là bộ kinh duy nhất thích đáng đối với Bậc Trí Toàn Giác vì vừa thích hợp với trí tuệ rộng lớn thâm sâu.

Do đó, ngay khi Đức Phật đang quán xét nơi đó, làm khởi sanh sự phi lạc suốt trọn thời gian trú vào Pháp Vị (***dhammarasa***), ví như kinh ngư ở trong đại dương sâu thẳm 84,000 do tuần thường có sự vui mừng thích ý một cách mát mẻ trong việc được bơi lội tung hoành ngang dọc trong đại dương, dường như thế nào, thì Bậc Toàn Giác cũng thường có sự phi lạc thỏa thích trong việc quán xét một cách rộng lớn thâm sâu của *bộ Đại Phát Thú* này vậy.

Có ví dụ trong Pàli Chú Giải như sau:

“Mahàsamudde ca timi nàma mahàmaccho dviyojanasatiko, timingalo tiyojanasatiko, timipingalo catuyojanasatiko, timirapingalo pancayojanasatiko, Ànando timinando, ajjhàroho, mahàtimiti ime cattàro yojanasahassikà” (***Nidànavagga samyutta atthakathà***). Kinh ngư tên gọi là ***Timi*** có thân hình dài 200 do tuần, kinh ngư tên gọi là ***Timingala*** có thân hình dài 300 do tuần, kinh ngư tên gọi là ***Timipingala*** có thân hình dài 400 do tuần, kinh ngư tên gọi là ***Timirapingala*** có thân hình dài 500 do tuần, và cả bốn kinh ngư là ***Ànanda, Timinanda, Ajjhàroha, Mahàtimi*** có thân hình dài 1,000 do tuần hiện hữu trong đại dương.

“Yathà hi timirapingalamahàmaccho caturàsitiyojanasahassagambhìre mahàsamudde yeva okàsam labhi, evameva sabbannutanànam ekantato mahàpakarane yeva okàsam labhi”. Kinh ngư tên gọi là ***Timirapingala*** thường có được cơ hội bơi lội thỏa thích ở đại dương sâu thẳm 84,000 do tuần dường như thế nào, thì

Bậc Toàn Giác cũng thường có được cơ hội trong việc quán xét một cách quảng bác ở đại kinh điển, đặc biệt là kinh Đại Phát Thú này vậy.

Một tia sáng xanh phún tỏa lan tỏa ra từ râu, tóc và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng vàng phún tỏa lan tỏa ra từ sắc da và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng đỏ phún tỏa lan tỏa ra từ máu thịt và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng trắng phún tỏa lan tỏa ra từ xương cốt, răng và từ nơi cả hai con mắt của Ngài.

Một tia sáng màu da cam và ánh hào quang sáng rực rỡ lan tỏa ra khắp mọi nơi từ kim thân của Ngài.

Cả sáu loại tia sáng này lan tỏa ra tiếp chạm Đại Địa dày đặc 240,000 do tuần, ví như thỏi vàng trong núi được phui sạch hết bụi trần. Và tia sáng này xuyên qua lòng đất đến tiếp chạm thủy quyền ở dưới lòng đất dày đặc 840,000 do tuần, ví như vàng nóng chảy ra trong khuôn.

Rồi xuyên qua nước đến tiếp chạm với khí quyền dày đặc 960,000 do tuần, ví như vàng ở trong núi được chất thành đồng.

Rồi xuyên qua gió đến tiếp chạm khí quyền trong phần phía dưới lòng đất (*ajjhatakàsa*).

Còn tia sáng ở phần trên chiếu tỏa lên đến các tầng Thiên Giới, từ Cõi Tứ Đại Thiên Vương, xuyên qua đến Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma, Đâu Xuất Đà, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, cho đến 9 tầng Phạm Thiên Giới, thấu suốt Quảng Quả Thiên (*Vehapphalà*), Ngũ Tịnh Cư Thiên, cả 4 tầng Vô Sắc Phạm Thiên Giới.

Tia sáng xuyên qua cả 4 Vô Sắc Phạm Thiên Giới đi đến tiếp chạm khí quyền bên trong Tam Giới.

Tia sáng hào quang của Đức Phật tỏa khắp mọi nơi, vô cùng tận, bao trùm khắp cả thế gian.

Tia sáng này, chẳng phải được thành tựu do việc cầu nguyện, cũng chẳng phải được thành tựu do tiến tu bất cứ thể loại nào, mà phát sanh do bởi quán chiếu Pháp ở phần vi tế, thậm thâm vi diệu, quảng bác.

Chính do nhân này, máu huyết của Ngài trở nên tinh khiết, kim thân thanh tịnh, sắc da trong suốt, ánh sắc hào quang có Tâm làm xuất sinh xứ được hiện hữu một cách kiên định khắp mọi nơi theo một đường kính 80 hắc tay.

Do đó, từ ngữ *Phát Thú* trong bộ kinh thứ bảy này mới có nội dung khác biệt với từ ngữ *Phát Thú* trong phần *Satipatthàna – Niệm Phát Thú* (trong Chương thứ Bảy, nhóm *Bodhipakkhiyadhamma - Giác Chi Pháp*).

-----00000-----

TRONG KINH ĐẠI PHÁT THỨ CÓ SÁU NHÓM PHÁT THỨ, LẬP Ý TRÌNH BÀY MỖI NHÓM PHÁT THỨ CÓ BỐN PHẦN (NAYA):

Sự việc Đức Phật trình bày kinh Phát Thứ, là lập ý trình bày phân tích ra thành từng mỗi nhóm, là:

(1) **Tikapatthàna – Tam Đề Phát Thứ:** có ý nghĩa là lập ý đưa 22 Tam Đề lên trình bày làm thành chủ vị theo thứ tự, rồi phân tích theo 24 Duyên, gọi là Tam Đề Phát Thứ.

(2) **Dukapatthàna – Nhị Đề Phát Thứ:** có ý nghĩa là lập ý đưa 100 Nhị Đề lên trình bày làm thành chủ vị theo thứ tự, rồi phân tích theo 24 Duyên, gọi là Nhị Đề Phát Thứ.

(3) **Dukatikapatthàna – Nhị Đề Tam Đề Phát Thứ:** có ý nghĩa là lập ý đưa 22 Tam Đề gom vào trong 100 Nhị Đề lên trình bày làm thành chủ vị theo thứ tự, rồi phân tích theo 24 Duyên, do vậy Nhị Đề Tam Đề Phát Thứ.

(4) **Tikadukapatthàna – Tam Đề Nhị Đề Phát Thứ:** có ý nghĩa là lập ý đưa 100 Nhị Đề vào trong 22 Tam Đề lên trình bày làm thành chủ vị theo thứ tự, rồi phân tích theo 24 Duyên, do vậy Tam Đề Nhị Đề Phát Thứ.

(5) **Tikatikapatthàna – Tam Đề Tam Đề Phát Thứ:** có ý nghĩa là lập ý đưa 22 Tam Đề gom vào trong Tam Đề lên trình bày làm thành chủ vị theo thứ tự, rồi phân tích theo 24 Duyên, do vậy Tam Đề Tam Đề Phát Thứ.

(6) **Dukadukapatthàna – Nhị Đề Nhị Đề Phát Thứ:** có ý nghĩa là lập ý đưa 100 Nhị Đề gom vào trong Nhị Đề lên trình bày làm thành chủ vị theo thứ tự, rồi phân tích theo 24 Duyên, do vậy Nhị Đề Nhị Đề Phát Thứ.

TRÌNH BÀY CÂU MẪU ĐỀ TAM TRONG SÁU NHÓM PHÁT THỨ

1/ Câu Mẫu Đề Tam của Tam Đề Phát Thứ, như là:

Kusalà dhammà – Pháp Thiện, ***Akusalà dhammà*** – Pháp Bất Thiện, ***Abyàkatàdhammà*** – Pháp Vô Ký, v.v, tự hiện hữu trong Tam Đề Mẫu Đề Tam.

2/ Câu Mẫu Đề Tam của Nhị Đề Phát Thứ, như là:

Hetù dhammà – Pháp Nhân, ***Na hetù dhammà*** – Pháp Phi Nhân, v.v, tự hiện hữu trong Nhị Đề Mẫu Đề Tam.

3/ Câu Mẫu Đề Tam của Nhị Đề Tam Đề Phát Thứ, như là:

Hetù kusalà dhammà – Pháp Thiện Nhân, ***Na hetù kusalà dhammà*** – Pháp

Thiện Phi Nhân. **Hetù akusalà dhammà** – Pháp Bất Thiện Nhân, **Na hetù akusalà dhammà** – Pháp Bất Thiện Phi Nhân. **Hetù abyàkatà dhammà** – Pháp Vô Ký Nhân, **Na hetù abyàkatà dhammà** – Pháp Vô Ký Phi Nhân, v.v, tự hiện hữu trong Nhị Đề Mẫu Đề Tam và Tam Đề Mẫu Đề Tam.

4/ Câu Mẫu Đề Tam của Tam Đề Nhị Đề Phát Thứ, như là:

Kusalà hetù dhammà – Pháp Nhân Thiện, **Akusalà hetù dhammà** – Pháp Nhân Bất Thiện, **Abyàkatà hetù dhammà** – Pháp Nhân Vô Ký. **Kusalà na hetù dhammà** – Pháp Phi Nhân Thiện, **Akusalà na hetù dhammà** – Pháp Phi Nhân Bất Thiện, **Abyàkatà na hetù dhammà** – Pháp Phi Nhân Vô Ký, v.v, tự hiện hữu trong Tam Đề Mẫu Đề Tam và Nhị Đề Mẫu Đề Tam.

5/ Câu Mẫu Đề Tam của Tam Đề Tam Đề Phát Thứ, như là:

Kusalà sukhàvedanàyasampayuttà dhammà – Pháp Tương Ứng Lạc Thọ Thiện, **Akusalà sukhàvedanàyasampayuttà dhammà** – Pháp Tương Ứng Lạc Thọ Bất Thiện, **Abyàkatà sukhàvedanàyasampayuttà dhammà** – Pháp Tương Ứng Lạc Thọ Vô Ký.

Kusalà dukkhàvedanàyasampayuttà dhammà – Pháp Tương Ứng Khổ Thọ Thiện, **Akusalà dukkhàvedanàyasampayuttà dhammà** – Pháp Tương Ứng Khổ Thọ Bất Thiện, **Abyàkatà dukkhàvedanàyasampayuttà dhammà** – Pháp Tương Ứng Khổ Thọ Vô Ký.

Kusalà adukkhamasukhàvedanàyasampayuttà dhammà – Pháp Phi Khổ Phi Lạc Thọ Thiện, **Akusalà adukkhamasukhàvedanàyasampayuttà dhammà** – Pháp Phi Khổ Phi Lạc Thọ Bất Thiện, **Abyàkatà adukkhamasukhàvedanàyasampayuttà dhammà** – Pháp Phi Khổ Phi Lạc Thọ Vô Ký, v.v, tự hiện hữu trong Tam Đề Mẫu Đề Tam.

6/ Câu Mẫu Đề Tam của Nhị Đề Nhị Đề Phát Thứ, như là:

Hetù sahetukà dhammà – Pháp Hữu Nhân Nhân, **Na hetù sahetukà dhammà** – Pháp Hữu Nhân Phi Nhân.

Hetù ahetukà dhammà – Pháp Vô Nhân Nhân, **Na hetù ahetukà dhammà** – Pháp Vô Nhân Phi Nhân. v.v, tự hiện hữu trong Nhị Đề Mẫu Đề Tam.

Trong từng mỗi nhóm *Phát Thứ* này được phân tích thành bốn phần, gọi là “**Dhammanaya** – Phần Pháp”:

(1) **Dhammanuloma – Pháp Thuận**: có ý nghĩa là Đức Phật lập ý trình bày phần Đầu và phần cuối của Câu (***Pada–Padāvasāna***) hoặc Gốc – Ngọn (***Mūlamūli***) hoặc Câu Trước và Câu Chủ Từ (***Kammapada – Kattupada***) hoặc Câu Trước và Câu Sau, không có từ ngữ “***Na – Phi***” đó là lời phủ định.

Như có kiểu mẫu sau đây:

“Siyà kusalam dhammam paticca, kusalo dhammo uppajjeyya Hetupaccayà”

Pháp Thiện liên quan Pháp Thiện sanh khởi với mãnh lực Nhân Duyên như thế nào ?

“ Pháp Thiện nào nương sanh khởi bởi do nương nhờ Pháp Thiện, Pháp Thiện đó có được hoặc không được nương sanh khởi bởi do Nhân Duyên ?” như vậy chẳng hạn.

***Dịch nghĩa ở phần (1):** “Do mãnh lực Nhân Duyên”- Pháp Thiện sẽ được sanh khởi bởi do nương vào Pháp Thiện phải chăng ?

(2) Dhammapaccanika – Pháp Nghịch: có ý nghĩa là Đức Phật lập ý trình bày phần Đầu và phần Cuối của Câu bằng lời phủ định với từ ngữ **Na – Phi**.

Như có kiểu mẫu sau đây:

“Siyà na kusalam dhammam paticca na kusalo dhammo uppajjeyya Hetupaccayà”

Pháp Phi Thiện liên quan Pháp Phi Thiện sanh khởi với mãnh lực Nhân Duyên như thế nào ?

“Pháp chẳng phải Thiện nào nương sanh khởi bởi do nương nhờ Pháp chẳng phải Thiện, Pháp chẳng phải Thiện đó có được hoặc không được nương sanh khởi bởi do Nhân Duyên ?” như vậy chẳng hạn.

***Dịch nghĩa ở phần (2):** “Do mãnh lực Nhân Duyên”- Pháp không phải Thiện sẽ được sanh khởi bởi do nương vào Pháp chẳng phải Thiện phải chăng ?

(3) Dhammaanulomapaccanika – Pháp Thuận Nghịch: có ý nghĩa là Đức Phật lập ý trình bày Pháp không có lời phủ định ở phần câu đầu, nhưng Pháp có lời phủ định ở câu sau.

Như có kiểu mẫu sau đây:

“Siyà kusalam dhammam paticca na kusalo dhammo uppajjeyya Hetupaccayà”

Pháp Thiện liên quan Pháp Phi Thiện sanh khởi với mãnh lực Nhân Duyên như thế nào ?-

“ Pháp chẳng phải Thiện nào nương sanh khởi bởi do nương nhờ Pháp Thiện, Pháp chẳng phải Thiện đó có được hoặc không được nương sanh khởi bởi do Nhân Duyên ?” như vậy chẳng hạn.

***Dịch nghĩa ở phần (3):** “Do mãnh lực Nhân Duyên”- Pháp chẳng phải Thiện sẽ được sanh khởi bởi do nương vào Pháp Thiện phải chăng ?

(4) Dhammapaccaniyànuloma – Pháp Nghịch Thuận: có ý nghĩa là Đức Phật lập ý trình bày Pháp với lời phủ định ở phần câu đầu, nhưng Pháp không có lời phủ định ở câu sau.

Như có kiểu mẫu sau đây:

“Siyà na kusalam dhammam paticca kusalo dhammo uppajjeyya Hetupaccayà”

Pháp Phi Thiện liên quan Pháp Thiện sanh khởi với mãnh lực Nhân Duyên như thế nào ?-

“ Pháp Thiện nào nương sanh khởi bởi do nương nhờ Pháp chẳng phải Thiện, Pháp

Thiện đó có được hoặc không được nương sanh khởi bởi do Nhân Duyên ?” như vậy chẳng hạn.

***Dịch nghĩa ở phần (4):** “Do mãnh lực Nhân Duyên”- Pháp Thiện sẽ được sanh khởi bởi do nương vào Pháp chẳng phải Thiện phải chăng ?

Như thế khi tập hợp cả bốn phần với nhau thì có được 24 Phát Thứ, tức là: có bốn Tam Đề Phát Thứ, là Pháp Thuận, Pháp Nghịch, Pháp Thuận Nghịch, Pháp Nghịch Thuận. Còn năm nhóm *Phát Thứ* còn lại cũng hiện hành tương tự như cách này.

Như có Câu Kệ của tất cả Đại Trưởng Lão trong Kết Tập Tam Tạng (**Sangītikāraka Mahā Thera**) dẫn chứng trong kinh *Phát Thứ* như sau:

***Phần (1):**

*Tikanca patthānavaram dukuttamam Dukam tikanceva tikam dukanca
Tikam tikanceva dukam dukanca Cha anulomamhi nayā sugambhira*

***Phần (2):**

*Tikanca patthānavaram dukuttamam Dukam tikanceva tikam dukanca
Tikam tikanceva dukam dukanca Cha paccanīyamhi nayā sugambhira.*

***Phần (3):**

*Tikanca patthānavaram dukuttamam Dukam tikanceva tikam dukanca
Tikam tikanceva dukam dukanca Cha anulomapaccanīyamhi nayā sugambhira.*

***Phần (4):**

*Tikanca patthānavaram dukuttamam Dukam tikanceva tikam dukanca
Tikam tikanceva dukam dukanca Cha paccanīyanulomamhi nayā sugambhira.*

(Cả bốn Câu Kệ này, ba Câu đầu tiên trùng lặp nhau).

Dịch nghĩa là: Đức Phật lập ý trình bày Pháp thậm thâm vi diệu một cách cùng tột cao siêu trong từng mỗi phần Pháp, như Pháp Thuận, Pháp Nghịch, Pháp Thuận Nghịch, Pháp Nghịch Thuận, luôn hiện hữu sáu nhóm *Phát Thứ*, là

(1) *Tam Đề Phát Thứ,*

(2) *Nhị Đề Phát Thứ,*

(3) *Nhị Đề Tam Đề Phát Thứ,*

(4) *Tam Đề Nhị Đề Phát Thứ,*

(5) *Tam Đề Tam Đề Phát Thứ,*

(6) *Nhị Đề Nhị Đề Phát Thứ (Kinh Phát Thứ, điều 20, 21, 23, 24).*

Chú Giải: Trong Pháp Thuận của *Phát Thứ* có sáu phần thậm thâm vi diệu:

1/ *Tam Đề Phát Thứ,*

- 2/ *Nhị Đề Phát Thú,*
- 3/ *Nhị Đề Tam Đề Phát Thú,*
- 4/ *Tam Đề Nhị Đề Phát Thú,*
- 5/ *Tam Đề Tam Đề Phát Thú,*
- 6/ *Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú.*

Và ở các phần (2), (3), (4) cũng có lời dịch tương tự với phần thứ (1), ngoại trừ lời nói rằng “Pháp Thuận” thì ở phần (2) cho đổi thành “*Pháp Nghịch*”, ở phần (3) cho đổi thành “*Pháp Thuận Nghịch*”, ở phần (4) cho đổi thành “*Pháp Nghịch Thuận*”.

TÓM LƯỢC SỐ LƯỢNG PHÁT THỨ TRONG KINH PHÁT THỨ

Trong 24 *Phát Thú*, đặc biệt ở hai Pháp đầu tiên là, Pháp Thuận Tam Đề Phát Thú, Pháp Nghịch Tam Đề Phát Thú.

- * Có 22 *Pháp Thuận Tam Đề Phát Thú.*
- * Có 100 *Pháp Thuận Nhị Đề Phát Thú.*
- * Có 6,600 *Pháp Thuận Nhị Đề Tam Đề Phát Thú.*
- * Có 4,400 *Pháp Thuận Tam Đề Nhị Đề Phát Thú.*
- * Có 1,386 *Pháp Thuận Tam Đề Tam Đề Phát Thú.*
- * Có 19,800 *Pháp Thuận Nhị Đề Nhị Đề Phát Thú.*

Tập hợp sáu *Phát Thú* lại có 32,308 *Phát Thú* trong Pháp Thuận. Và như thế trong Pháp Nghịch, Pháp Thuận Nghịch và Pháp Nghịch Thuận cũng có 32,308 *Phát Thú* tương tự với phần Pháp Thuận.

Do đó khi tập hợp lại sáu nhóm *Phát Thú* theo cả bốn phần Pháp thì có được 129,232 *Phát Thú* ($32,308 \times 4 = 129,232$).

Việc thuyết giảng của Đức Phật trong tất cả 129,232 *Phát Thú* này, là việc thuyết giảng một cách kỳ diệu, vô cùng quảng bác, cho ra thành nhiều cách sai khác. Tức là trong từng mỗi *Phát Thú*, lập ý thuyết giảng ra thành 7 (*Vàra – Giai đoạn*) như là “*Paticcavàra – Giai đoạn Liên Quan*”, v.v.

Trong từng mỗi *Giai Đoạn*, cũng vẫn lập ý trình bày phân tách ra làm bốn Phần Duyên, là:

- (1) *Paccayaanuloma – Thuận Duyên,*
- (2) *Paccayapaccaniya – Nghịch Duyên,*
- (3) *Paccayaanulomapaccaniya – Thuận Nghịch Duyên,*
- (4) *Paccayapaccaniyànuloma – Nghịch Thuận Duyên.*

Trong số lượng bốn Phần Duyên này, ở phần Thuận Duyên và Nghịch Duyên lại

được phân tách ra làm hai loại **Sankhayàvāra – Giai đoạn chỉ số**, là:

- a) **Suddhasankhayàvāra – Giai đoạn đơn thuần chỉ số,**
- b) **Dukàdisankhayàvāra – Giai đoạn nhị thức chỉ số.**

Đối với phần Thuận Duyên, Nghịch Duyên và Nghịch Thuận Duyên lập ý trình bày chỉ có một loại “**Giai đoạn nhị thức chỉ số**”.

Việc trình bày 24 Duyên, như có Tam Đề Mẫu Đề Tam và Nhị Đề Mẫu Đề Tam làm chủ vị theo từng mỗi **Giai đoạn** như đã được đề cập đến đây, cũng nên hiểu biết rằng có sự kỳ diệu và vô cùng quảng bác.

Nếu tính thành số lượng thì số lượng sẽ lên đến hàng chục triệu và sẽ làm cho các học giả không có khả năng học hỏi tròn đủ một cách vi tế toàn hảo được.

Do đó, kinh **Phát Thú** này được các bậc Chú Giải Sư đặt tên gọi là: “**ANANTANAYASAMANTA MAHÀPAKARANA – VÔ GIÁN ĐẲNG VÔ GIÁN ĐẠI KINH**” một bộ kinh lớn có rất nhiều phân loại, kỳ diệu và vô cùng trọng yếu.

VIỆC TÍNH SỐ LƯỢNG PHÁT THỨ TRONG SÁU NHÓM PHÁT THỨ VÀ CẢ BỐN PHẦN PHÁP

1/ Tikapatthàna – Tam Đề Phát Thú: 1 Tam Đề tính thành 1 **Phát Thú**.

Trong Tam Đề Phát Thú lập ý trình bày 22 Tam Đề, do đó mới có tổng số lượng là 22 **Phát Thú**.

2/ Dukapatthàna – Nhị Đề Phát Thú: 1 Nhị Đề tính thành 1 **Phát Thú**.

Trong Nhị Đề Phát Thú lập ý trình bày 100 Nhị Đề, do đó mới có tổng số lượng là 100 **Phát Thú**.

3/ Dukatikapatthàna – Nhị Đề Tam Đề Phát Thú: 1 Nhị Đề x câu Tam Đề tính thành 1 **Phát Thú**.

Trong Nhị Đề Tam Đề Phát Thú lập ý trình bày 66 câu Tam Đề (22 Tam Đề x 3 câu Tam Đề) gom vào với 100 Nhị Đề, do đó mới có tổng số lượng là 6,600 **Phát Thú** (100 Nhị Đề x 66 câu Tam Đề).

4/ Tikadukapatthàna – Tam Đề Nhị Đề Phát Thú: 1 Tam Đề x câu Nhị Đề tính thành 1 **Phát Thú**.

Trong Tam Đề Nhị Đề Phát Thú lập ý trình bày 200 câu Nhị Đề (100 Nhị Đề x 2 câu Nhị Đề) gom vào với 22 Tam Đề, do đó mới có tổng số lượng là 4,400 **Phát Thú** (22 Tam Đề x 200 câu Nhị Đề).

5/ *Tikatikapatthàna – Tam Đề Tam Đề Phát Thứ*: 1 Tam Đề x câu Tam Đề (của 21 Tam Đề còn lại) tính thành 1 *Phát Thứ*.

Trong Tam Đề Tam Đề Phát Thứ lập ý trình bày 63 câu Tam Đề (21 Tam Đề còn lại x 3 câu Tam Đề) gom vào với 22 Tam Đề, do đó mới có tổng số lượng là 1,386 Phát Thứ (22 Tam Đề x 63 câu Tam Đề).

6/ *Dukadukapatthàna – Nhị Đề Nhị Đề Phát Thứ*: 1 Nhị Đề x câu Nhị Đề (của 99 Nhị Đề còn lại) tính thành 1 *Phát Thứ*.

Trong Nhị Đề Nhị Đề Phát Thứ lập ý trình bày 198 câu Nhị Đề (99 Nhị Đề còn lại x 2 câu Nhị Đề) gom vào với 100 Nhị Đề, do đó mới có tổng số lượng là 19,800 Phát Thứ (100 Nhị Đề x 198 câu Nhị Đề).

Tổng kết số lượng *Phát Thứ* (trong sáu nhóm *Phát Thứ* và một *Phần Pháp*) là 32,308 *Phát Thứ*.

Tổng kết số lượng *Phát Thứ* (trong sáu nhóm *Phát Thứ* và cả bốn *Phần Pháp*) là 129,232 *Phát Thứ*.

Ghi chú: Số lượng của *Phát Thứ* này vẫn chưa phải là số lượng của “*Pucchàvāra – Giai đoạn Vấn Đáp*”.

LỜI GIẢI THÍCH KIỂU MẪU PHẦN PÀLÌ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HỌC HỎI

Nền tảng kiểu mẫu Pàlì nêu lên trình bày trong cả bốn phần, như là “*Siyā kusalam dhammam paticca*” v.v, mà Đức Phật lập ý thuyết giảng trong kinh *Phát Thứ* này, đều hoàn toàn là phần *Vấn Đáp*, được gọi một cách đặc biệt là “*Pucchàvāra – Giai đoạn Vấn Đáp*”, một thể loại của “*Patteccavāra – Giai đoạn Liên Quan*”.

Còn lời giải đáp lập ý trong các Phần khác, là lời giải đáp trong cả bảy Phần, gồm có:

“*Patteccavāra – Giai đoạn Liên Quan,*
“*Sahajātavāra – Giai đoạn Câu Sanh,*
“*Paccayavāra – Giai đoạn Duyên Sinh,*
“*Nissayavāra – Giai đoạn Y Chỉ,*
“*Sansatthavāra – Giai đoạn Tương Tạp,*
“*Sampayuttavāra – Giai đoạn Tương Ứng,*
“*Panhavāra – Giai đoạn Vấn Đề.*

Tuy nhiên, lời giải đáp trong *Giai đoạn Vấn Đề* có sự quảng bác rộng lớn hơn cả sáu Phần còn lại, do đó, bản đạo không cần phải giảng giải lời giải đáp của cả sáu Phần trước,

và trong kinh *Phát Thứ* này, chỉ xin được giảng giải lời giải đáp duy nhất ở *Giai đoạn Vấn Đề*.

Lại nữa, trong cả bảy *Giai Đoạn* này, thì sáu *Giai Đoạn* phía trên gọi là “***Cha Vàra – Lục Giai Đoạn***” có hai Câu, là “***Kammapada – Câu Trạng Từ, Kattupada – Câu Chủ Từ***”, với *Câu Trạng Từ* trình bày phần Năng Duyên, *Câu Chủ Từ* trình bày phần Sở Duyên.

Đức Phật lập ý nêu Pháp Sở Duyên trở thành chi pháp của *Câu Chủ Từ* lên trình bày làm chủ vị trong những loại *Giai Đoạn* này.

Do đó, từ ngữ “***Anuloma – Thuận, và Paccaniya – Nghịch***” trong sáu *Giai Đoạn* này, Pháp nào làm Sở Duyên thì Pháp đó xếp thành Thuận, còn Pháp nào ở ngoài Sở Duyên thì Pháp đó xếp thành Nghịch.

Đối với phần *Giai Đoạn Vấn Đề* thì tương tự cũng có hai Câu, tuy nhiên là *Câu Chủ Từ* và ***Sampadānapada – Câu Liên Hệ***. Với *Câu Chủ Từ* trình bày phần Năng Duyên, *Câu Liên Hệ* trình bày phần Sở Duyên, và lập ý đưa Pháp Năng Duyên trở thành chi pháp của *Câu Chủ Từ* lên trình bày làm chủ vị trong *Giai Đoạn* này.

Do đó, từ ngữ “***Anuloma – Thuận, và Paccaniya – Nghịch***” trong *Giai Đoạn Vấn Đề* này, Pháp nào làm Pháp Năng Duyên thì Pháp đó xếp thành Thuận, còn Pháp nào ở ngoài Pháp Năng Duyên thì Pháp đó xếp thành Nghịch.

Một trường hợp khác nữa, trong *Lục Giai Đoạn* này, *Giai Đoạn Liên Quan* với *Giai Đoạn Câu Sanh*, *Giai Đoạn Duyên Sinh* với *Giai Đoạn Y Chỉ*, *Giai Đoạn Tương Tạp* với *Giai Đoạn Tương Ứng*, những loại này có cùng một ý nghĩa với nhau, và chỉ khác biệt nhau về từ ngữ mà thôi.

Việc thuyết giảng 24 Duyên trở thành *Phát Thứ* thậm thâm vi diệu, Đức Phật lập ý phân tích từng mỗi Duyên trong tất cả 24 Duyên của kinh *Phát Thứ* có được ba nhóm Pháp, gọi là hiện hữu ba loại tướng pháp:

- (1) “***Paccayadhamma – Pháp Năng Duyên***” là Pháp làm thành Nhân,
- (2) “***Paccayuppannadhamma – Pháp Sở Duyên***” là Pháp làm thành Quả,
- (3) “***Paccanikadhamma – Pháp Định Duyên***” là Pháp chẳng phải Quả.

Như có Pàli Chú Giải tiếp sau đây:

PACCAYAVACANATTHA – CHÚ GIẢI CỦA TỪ NGỮ “PACCAYA – NĂNG DUYÊN”

“***Paticca phalam ayati etasmāti = Paccayo***” (***Kittaviggaha apādānasādhana pati pubbe + aya dhātu + a Paccaya***) Pháp Quả thường nương sanh hiện hữu do bởi Pháp

làm thành Nhân này, do vậy Pháp làm thành Nhân này được gọi là Năng Duyên (thành sản địa của quả).

PACCAYUPPANNAVACANATTHA – CHÚ GIẢI CỦA TỪ NGŨ “PACCAYUPPANNA – SỞ DUYÊN”

“*Paccayato uppannam = Paccayuppannam*” (*Pancamīṭappurissamāsa paccaya + uppanna*) Pháp Quả nương sanh vào Nhân của Năng Duyên, được gọi là Sở Duyên.

PACCANIKAVACANATTHA – CHÚ GIẢI CỦA TỪ NGŨ “PACCANIKA – ĐỊCH DUYÊN”

“*Paccayuppannassa pativiruddham anīkam = Paccanikam*” (*Kammadhāra - yasamāsavisesana pubbapada pati + anīka*) Pháp thành đối nghịch với Pháp Sở Duyên, được gọi là Địch Duyên.

(Athavā) “*Paccayuppannena paccati virujjhatīti = Paccaniko*” (*Kattusādhā - nakittaviggaha paccadhātu + anīya paccayaya* đổi thành *ka*) (Hoặc nói một cách khác) Pháp nào trở thành đối địch với Pháp Sở Duyên, do vậy Pháp đó được gọi là Địch Duyên.

Tại đây nương theo Chú Giải cho thấy rằng, Pháp trở thành Địch Duyên là Pháp không thể nằm ngoài cả hai, vừa nằm ngoài Nhân và nằm ngoài Quả được, như một vài người hiểu biết như vậy. Duy nhất chỉ có một loại là Pháp nằm ngoài Quả mà thôi.

Như thế, theo Chú Giải không có đề cập đến là Pháp có thể nằm ngoài Nhân, là thành Năng Duyên. Tất cả như vậy, cũng bởi vì Pháp Địch Duyên đôi khi cũng có nằm ngoài Nhân, và cũng có khi không nằm ngoài Nhân.

Có ý nghĩa là cũng có khi làm được Năng Duyên, và cũng có khi không làm được Năng Duyên.

Được làm thành Năng Duyên, như là: Tâm Sở Si khi ở trong 2 Tâm căn Si, đây là Pháp Nhân Địch Duyên, cũng làm được Pháp Nhân Năng Duyên, nhưng không làm được Pháp Nhân Sở Duyên. Và trong Cảnh Duyên, tất cả 28 Sắc, đây là Pháp Địch Duyên, cũng làm được Pháp Cảnh Năng Duyên, nhưng không làm được Pháp Cảnh Sở Duyên.

Không được làm thành Năng Duyên, như là: Tâm Vô Nhân, Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiệt, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhứt, làm thành Pháp Nhân Địch Duyên, và những loại này không làm được Pháp Nhân Năng Duyên.

Do đó, những loại Pháp Địch Duyên này, mới nằm được bên ngoài cả hai, là nằm ngoài Nhân và nằm ngoài Quả.

Tất cả những Học Giả kinh *Phát Thứ*, khi đã được học thuộc lòng thấu triệt phần

“*Paccayaniddesa – Duyên xiển minh*” và tóm lược nội dung của ba loại tướng pháp trong 24 Duyên một cách hoàn hảo, thì đối với những lời giảng giải và giải thích trong *Giai Đoạn Vấn Đề*, chỉ cần tự đọc lấy cũng có được sự hiểu biết rõ ràng.

PACCAYUDDESA VÀRA – CÂU XIỂN THUẬT VỀ 24 DUYÊN (PÀLÌ VÀ LỜI DỊCH)

- 1/ *Hetupaccayo – Nhân Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành Nhân.
- 2/ *Àrammanapaccayo – Cảnh Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành Cảnh.
- 3/ *Adhipatipaccayo – Trưởng Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành Trưởng.
- 4/ *Anantarapaccayo – Vô Gián Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự nối tiếp nhau không gián đoạn.
- 5/ *Samanantarapaccayo – Đẳng Vô Gián Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự nối tiếp nhau không gián đoạn (tương tự như trên).
- 6/ *Sahajātapaccayo – Câu Sanh Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do cùng sanh với nhau.
- 7/ *Annamannapaccayo – Hỗ Tương Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự níu kéo lẫn nhau.
- 8/ *Nissayapaccayo – Y Chỉ Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành chỗ nương nhờ.
- 9/ *Upanissayapaccayo – Cận Y Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).
- 10/ *Purejātapaccayo – Tiền Sinh Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự sanh trước.
- 11/ *Pacchājātapaccayo – Hậu Sanh Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự sanh sau.
- 12/ *Àsevanapaccayo – Trùng Dục Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự năng thụ hưởng.
- 13/ *Kammappaccayo – Nghiệp Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do sự tạo tác để cho các sự việc thành tựu một cách sai khác nhau.
- 14/ *Vipākappaccayo – Di Thực Quả Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành quả di thực, là cho đi đến sự chín mùi và cạn kiệt năng lực.
- 15/ *Àhàrapaccayo – Vật Thực Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người dẫn dắt.
- 16/ *Indriyappaccayo – Quyền Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người cai quản.
- 17/ *Jhānapaccayo – Thiền Na Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người thâm thị lấy Cảnh.
- 18/ *Maggappaccayo – Đò Đạo Duyên*: Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành con đường.

- 19/ **Sampayuttapaccayo – Tương Ứng Duyên:** Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người phối hợp.
- 20/ **Vippayuttapaccayo – Bất Tương Ứng Duyên:** Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người bất phối hợp.
- 21/ **Atthipaccayo – Hiện Hữu Duyên:** Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người vẫn còn hiện hữu.
- 22/ **Natthipaccayo – Vô Hữu Duyên:** Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người không còn hiện hữu.
- 23/ **Vigatapaccayo – Ly Khứ Duyên:** Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người đã ra đi lìa khỏi.
- 24/ **Avigatapaccayo – Bất Ly Duyên:** Pháp giúp đỡ ủng hộ do làm thành người không ra đi lìa khỏi.

PACCAYANIDDESA – DUYÊN XIỂN MINH, PÀLÌ VÀ LỜI DỊCH

Phân tích Câu cùng với nội dung chi pháp của những Câu này và lời giải thích.

ANUSANDHI – TIẾP NÓI

Sau khi Đức Phật đã trình bày xong phần *Duyên xiển thuật*, thì tiếp nối theo, Ngài lập ý trình bày phần *Duyên xiển minh*.

Trong phần *Duyên xiển minh*, cũng vẫn hiện bày 24 Duyên, như là Nhân Duyên xiển minh, Cảnh Duyên xiển minh, v.v.

Trong từng mỗi Duyên của phần *Duyên xiển minh*, Đức Phật lập ý trình bày hai thể loại, là:

- (1) *Niddisitabba – Giải Thích (Pàlì),*
(2) *Nidassanàkàra – Giải Ngộ (Pàlì).*

Đức Phật lập ý trình bày phần *Giải Thích* trước, và tiếp nối theo sau, sẽ trình bày phần *Giải Ngộ*.

-----00000-----



DUYÊN THỨ NHẤT
HETUPACCAYA - NHÂN DUYÊN
HETUPACCAYANIDDESAVÀRA –
GIAI ĐOẠN NHÂN DUYÊN XIÊN MINH

“Paccayuddesa yo yàdiso paccayo Hetupaccayoti Bhagavatà uddittho, so tàdiso paccayo paccayaniddese, Hetu Hetusampayuttakànam dhammànam tam samutthànànanca rūpànam Hetupaccayena paccayoti Bhagavatà niddittho”.

Với loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần Duyên xiên thuật là ***“Hetupaccaya – Nhân Duyên”*** thì loại Duyên đó, Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần Duyên xiên minh.

DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

“Hetu hetusampayuttakànam dhammànam tam samutthànànanca rūpànam Hetupaccayena paccayo”. Nhân làm duyên cho Pháp Tương Ứng Nhân và Sắc Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Nhân Duyên.

Có ý nghĩa là sáu Nhân làm Pháp giúp đỡ ủng hộ cho tất cả Pháp phối hợp với sáu Nhân, là 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si) cùng với tất cả Sắc (Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân) có sáu Nhân và Pháp Tương Ứng, là 71 Tâm Hữu Nhân 46 Tâm Sở, làm Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Nhân Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP

Khi phân tích Câu và nội dung chi Pháp trong phần *Nhân Duyên xiên minh*, Đức Phật lập ý trình bày Pháp như sau:

“Hetupaccayo – Nhân Duyên” trình bày cho được biết đến ***Niddisitabba*** – Giải Thích (Câu này được đưa lên trình bày trước).

“Hetu hetusampayuttakànam dhammànam tamsamutthànànanca rūpànam Hetupaccayena paccayo” trình bày cho được biết đến ***Nidassanākāra*** – Giải Ngộ (Câu này trình bày làm cho rõ thêm nội dung và cho được thấy loại kiểu mẫu).

Trong Câu Giải Ngộ (***Nidassanākāra***) này, ***“Hetu”*** làm ***“Câu Chủ Từ”*** (***Kattupada***), trình bày cho được biết đến Pháp Năng Duyên, là sáu Nhân, có Tham, v.v.

Hetusampayuttakànam dhammànam tamsamutthànànanca rūpànam làm thành

Câu Liên Hệ (Sampadànapada), trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, là 71 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si).

“*Hetupaccayena*” làm *Câu Chế Tác (Karanapada)*, trình bày cho được biết đến mãnh lực của 12 Duyên, là Nhân, Câu Sanh Trưởng, Câu Sanh, Hổ Tương, Câu Sanh Y, Dị Thực Quả, Câu Sanh Quyền, Đồ Đạo, Tương Ứng, Câu Sanh Bất Tương Ứng, Câu Sanh Hiện Hữu, Câu Sanh Bất Ly, làm việc giúp đỡ ủng hộ cùng một lượt với nhau tùy theo thích hợp, với mãnh lực đặc biệt của *những loại Nhân* đó.

“*Paccayo*” làm *Câu Danh Thuật Từ (Nàmakiriyàpada)*, trình bày việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, bằng cách xa lìa chủ quản (*Paccayo = upakàrako hoti*).

Có ý nghĩa là việc sanh khởi, tồn tại và được phát triển của Pháp Sở Duyên là do được đón nhận sự giúp đỡ ủng hộ chính từ nơi Pháp Năng Duyên. Nếu không có Pháp Năng Duyên làm người chủ quản có khả năng chỉ đạo mệnh lệnh cho Pháp Sở Duyên, thì Pháp Sở Duyên không thể sanh khởi, tồn tại và phát triển được.

Chính do như vậy, Đức Phật mới lập ý trình bày là: *Hetupaccayo* hoặc *Hetupaccayena*, và không có ý trình bày *Hetujanako* – Nhân sản xuất, hoặc “*Hetupaccayena - janako* – làm duyên bởi Nhân sản xuất”.

Lại nữa, với từ ngữ “*Niddisitabba – Giải Thích*” ý nghĩa là phần Pàlì có ý giải thích điều Pháp làm thành chủ đề với việc chỉ đích danh tên của từng mỗi Duyên ra cho được rõ biết trước.

“*Nidassanàkàra – Giải Ngộ*” ý nghĩa là phần Pàlì có ý trình bày làm cho rõ thêm nội dung trong từng mỗi điều Pháp đó ra cho đi vừa phải lẽ.

Lại nữa, với từ ngữ “*Hetupaccayena*” ở trong *Câu Chế Tác*, trình bày cho được thấy đến mãnh lực của Nhân Duyên đặc biệt hơn tất cả trong 12 Duyên làm việc giúp đỡ ủng hộ cùng một lượt với nhau tùy theo thích hợp, tùy thuộc vào Năng Duyên và Sở Duyên. Nói đến tùy theo thích hợp đối với Năng Duyên và Sở Duyên, khi phân tích Năng Duyên và Sở Duyên một cách đặc biệt, thì sẽ có được số lượng Duyên Hiệp Lực (*Ghatanà – Hiệp Lực*) như tiếp theo đây:

TOÀN BỘ DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANÀ) TRONG NHÂN DUYÊN

Trong Nhân Duyên có 24 Hiệp Lực là:

9 *Sàmannaghatanà* – 9 Phổ Thông Hiệp Lực,

9 *Saindriyamaggaghatanà* – 9 Hữu Quyền Đạo Hiệp Lực,

6 *Sādhipatiindriyamaggaghatanà* – 6 Hữu Trưởng Quyền Đạo Hiệp Lực.

**9 SÀMANNAGHATANÀ –
9 PHỔ THÔNG HIỆP LỰC, LÀ:
4 VÔ DỊ THỰC, 5 HỮU DỊ THỰC**

*** 4 Avipàka** – 4 Vô Dị Thực, là:

- (1) *Sabbatthànikaghatanà* – Biến Hành Hiệp Lực,
- (2) *Saannamannaghatanà* – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực,
- (3) *Saannamannasampayuttaghatanà* – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực,
- (4) *Savippayuttaghatanà* – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

*** 5 Savipàka** – 5 Hữu Dị Thực, là:

- (1) *Sabbatthànikaghatanà* – Biến Hành Hiệp Lực,
- (2) *Saannamannaghatanà* – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực,
- (3) *Saannamannasampayuttaghatanà* – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực,
- (4) *Savippayuttaghatanà* – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực,
- (5) *Saannamannavippayuttaghatanà* – Hữu Hổ Tương Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

**9 SAINDRİYAMAGGAGHATANÀ –
9 HỮU QUYỀN ĐẠO HIỆP LỰC, LÀ:
4 VÔ DỊ THỰC, 5 HỮU DỊ THỰC**

*** 4 Avipàka** – 4 Vô Dị Thực, là:

- (1) *Saindriyamaggasabbatthànikaghatanà* – Hữu Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực,
- (2) *Saannamannaghatanà* – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực,
- (3) *Saannamannasampayuttaghatanà* – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực,
- (4) *Savippayuttaghatanà* – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

*** 5 Savipàka** – 5 Hữu Dị Thực, là:

- (1) *Saindriyamaggasabbatthànikaghatanà* – Hữu Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực,
- (2) *Saannamannaghatanà* – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực,
- (3) *Saannamannasampayuttaghatanà* – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực,
- (4) *Savippayuttaghatanà* – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực,
- (5) *Saannamannavippayuttaghatanà* – Hữu Hổ Tương Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

**6 SÀDHIPATTIINDRIYAMAGGAGHATANÀ –
6 HỮU TRƯỞNG QUYỀN ĐẠO HIỆP LỰC, LÀ:
3 VÔ DỊ THỰC, 3 HỮU DỊ THỰC**

*** 3 Avipàka** – 3 Vô Dị Thực, là:

- (1) *Sàdhipatiindriyamaggasabbatthànikaghatanà* – Hữu Trưởng Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực,
- (2) *Saannamannasampayuttaghatanà* – Hữu Hỗ Tương Tương Ứng Hiệp Lực,
- (3) *Savippayuttaghatanà* – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

*** 3 Savipàka** – 3 Hữu Dị Thực, là:

- (1) *Sàdhipatiindriyamaggasabbatthànikaghatanà* – Hữu Trưởng Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực,
- (2) *Saannamannasampayuttaghatanà* – Hữu Hỗ Tương Tương Ứng Hiệp Lực,
- (3) *Savippayuttaghatanà* – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực.

TẬP HỢP 24 HIỆP LỰC TRONG NHÂN DUYÊN

**9 SÀMANNAGHATANÀ –
9 PHỔ THÔNG HIỆP LỰC, LÀ:
4 AVIPÀKA – 4 VÔ DỊ THỰC**

1/ *Sabbatthànikaghatanà* – *Biến Hành Hiệp Lực*, là: 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 5 Duyên Hiệp Lực (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2/ *Saannamannaghatanà* – *Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực*, là: 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật, có được 6 Duyên Hiệp Lực (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,

- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3/ Saannamannasampayuttaqhatanà – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực, là: 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, có được 7 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

4/ Savippayuttaqhatanà – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: 6 Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 6 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

5 SAVIPÀKA – 5 HỮU DỊ THỰC

1/ Sabbatthànikaqhatanà – Biến Hành Hiệp Lực, là: 3 Nhân ở trong Tâm Quả Dị Thực làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 6 Nhân Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,

- (4) Dị Thục Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2/ Saannamannaghatanà – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực, là: 3 Nhân ở trong Tâm Quả Dị Thục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật, có được 7 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3/ Saannamannasampayuttaqhatanà – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực, là: 3 Nhân ở trong Tâm Quả Dị Thục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, có được 8 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Tương Ứng Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

4/ Savippayuttaqhatanà – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: 3 Nhân ở trong Tâm Quả Dị Thục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 7 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thục Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

(5) Saannamannavippayuttaḡhataṇa – Hữu Hổ Tương Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: 3 Nhân ở trong 13 Tâm Tái Tục Hữu Nhân Ngũ Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Vật, có được 8 Duyên Hiệp Lực (***Ghataṇa – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

**9 SAINDRIYAMAGGAGHATAṆA –
9 HỮU QUYỀN ĐẠO HIỆP LỰC
4 AVIPĀKA – 4 VÔ DỊ THỰC**

(1) Saindriyamaggasabbatthāṇikaḡhataṇa – Hữu Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 7 Duyên Hiệp Lực (***Ghataṇa – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (5) Đồ Đạo Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2/ Saannamannaḡhataṇa – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật, có được 8 Duyên Hiệp Lực (***Ghataṇa – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,

- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3/ Saannamannasampayuttaqhatanà – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, có được 9 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

4/ Savippayuttaqhatanà – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 8 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (5) Đồ Đạo Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

5 SAVIPÀKA – 5 HỮU DỊ THỰC

(1) Saindriyamaqqasabbatthànikaqhatanà – Hữu Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si ở trong Tâm Quả Dị Thực làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được

8 Duyên Hiệp Lực (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thục Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2/ Saannamannaqhatanà – Hữu Hổ Tương Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si ở trong Tâm Quả Dị Thục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng và Ý Vật, có được 9 Duyên Hiệp Lực (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3/ Saannamannasampayuttqhatanà – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si ở trong Tâm Quả Dị Thục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng, có được 10 Duyên Hiệp Lực (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

4/ Savippayuttaḡhaṭaṇā – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si ở trong Tâm Quả Dị Thục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, có được 9 Duyên Hiệp Lực (**Ghaṭaṇā – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thục Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

(5) Saannamannavippayuttaḡhaṭaṇā – Hữu Hỗ Tương Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: Nhân Vô Si ở trong 9 Tâm Tái Tục Tam Nhân Ngũ Uẩn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Vật, có được 10 Duyên Hiệp Lực (**Ghaṭaṇā – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hỗ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Y Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

**6 SÀDHIPATIINDRIYAMAGGAGHATANÀ –
6 HỮU TRƯỞNG QUYỀN ĐẠO HIỆP LỰC
3 AVIPÀKA – 3 VÔ DỊ THỤC**

(1) Sàdhipatiindriyamaḡgasabbatthàṇikaḡhaṭaṇā – Hữu Trưởng Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực, là: Thâm Trưởng (Nhân Vô Si) làm duyên giúp đỡ ủng hộ Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 8 Duyên Hiệp Lực

(Ghatanà – Hiệp Lực) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2/ Saannamannasampayuttaqhatanà – Hữu Hổ Tương Tương Ứng Hiệp Lực, là: Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu Trưởng, có được 10 Duyên Hiệp Lực **(Ghatanà – Hiệp Lực)** là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3/ Savippayuttaqhatanà – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 9 Duyên Hiệp Lực **(Ghatanà – Hiệp Lực)** là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3 SAVIPÀKA – 3 HỮU DỊ THỰC

(1) Sàdhipatiindriyamaqqasabbatthànikaqhatanà – Hữu Trưởng Quyền Đạo Biến Hành Hiệp Lực, là: Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) ở trong 4 Tâm Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 9 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

2/ Saannamannasampayuttaqhatanà – Hữu Hỗ Tương Tương Ứng Hiệp Lực, là: Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) ở trong 4 Tâm Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng Hữu Trưởng, có được 11 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hỗ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

3/ Savippayuttaqhatanà – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực, là: Thảm Trưởng (Nhân Vô Si) ở trong 4 Tâm Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 10 Duyên Hiệp Lực (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,

- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Ý NGHĨA CỦA TỪ NGỮ “GHATANÀ – HIỆP LỰC”

Từ ngữ “*Ghatanà – Hiệp Lực*” có ý nghĩa là việc tập hợp Duyên.

Như có Chú Giải giải thích từ ngữ như sau:

“*Ghatiyate = Ghatanam (và) Ghatiyate anenāti = Ghatanam*”- Việc tập hợp, gọi là Hiệp Lực

Hoặc một phần khác: việc tập hợp Duyên với mãnh lực của những Duyên đó, do đó, mãnh lực của những Duyên đó, gọi là Hiệp Lực.

- 1/ *Sàmannaghatanà – Phổ Thông Hiệp Lực*:** ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên mà vẫn chưa đề cập đến Trưởng, Quyền và Đồ Đạo, v.v, vào phối hợp.
- 2/ *Saindriyamaggaqhatanà – Hữu Quyền Đạo Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Quyền và Đạo vào phối hợp.
- 3/ *Sàdhipatiindriyamaggaqhatanà – Hữu Trưởng Quyền Đạo Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Trưởng, Quyền và Đạo vào phối hợp.
- 4/ *Sabbatthānikaghatanà – Biện Hành Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có cả 4 Duyên là: Câu Sanh, Câu Sanh Y Chỉ, Câu Sanh Hiện Hữu và Câu Sanh Bất Ly làm Duyên vào phối hợp trong mọi trường hợp Hiệp Lực.
- 5/ *Saannamannaqhatanà – Hữu Hỗ Tương Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Hỗ Tương vào phối hợp.
- 6/ *Saannamannasampayuttaqhatanà – Hữu Hỗ Tương Tương Ứng Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Hỗ Tương và Tương Ứng vào phối hợp.
- 7/ *Savippayuttaqhatanà – Hữu Bất Tương Ứng Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Bất Tương Ứng vào phối hợp.
- 8/ *Saannamannavippayuttaqhatanà – Hữu Hỗ Tương Bất Tương Ứng Hiệp Lực*:** có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Hỗ Tương và Bất Tương Ứng vào phối hợp.

9/ Saindriyamaqqasabbatthànikaghatanà – Hữu Quyền Đạo Biến Hành Hiệp

Lực: có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Quyền và Đạo cùng vào trong Biến Hành (Hiệp Lực) Duyên.

10/ Sàdhipatiindriyamaqqasabbatthànikaghatanà – Hữu Trưởng Quyền Đạo Biến

Hành Hiệp Lực: có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực có Trưởng, Quyền và Đạo cùng vào trong Biến Hành Duyên.

11/ Avipàkaghatanà – Vô Di Thực Hiệp Lực: có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên mà không có đề cập đến Di Thực Quả.

12/ Savipàkaghatanà – Hữu Di Thực Hiệp Lực: có ý nghĩa là việc tập hợp mãnh lực Duyên có Di Thực Quả vào phối hợp.

LỜI GIẢI THÍCH CỦA NHÂN DUYÊN

Trong Nhân Duyên xiển minh, Pháp Năng Duyên là Danh Pháp bởi do toàn những Tâm Sở, cũng vì Đức Phật lập ý thuyết giảng rằng “*Hetù - Những Nhân*”.

Còn Pháp Sở Duyên gồm cả hai, là Danh và Sắc. Danh Pháp tức là 71 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở phối hợp (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si), cũng vì Đức Phật lập ý thuyết giảng rằng “*Hetusampayuttakànam dhammànam – Pháp tương ưng với Nhân*”.

Đối với Tâm Vô Nhân, Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si, quả thật không phải là Pháp Tương Ưng Nhân, tức là không phải Pháp phối hợp với Nhân, do đó không làm được Pháp Nhân Sở Duyên. Khi không làm được Pháp Nhân Sở Duyên thì xếp thành Pháp Nhân Địch Duyên.

Đối với Sắc làm thành Pháp Sở Duyên tức là Sắc Tâm Hữu Nhân sanh từ sáu Nhân và Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân cùng sanh chung với Tâm Quả Hữu Nhân, cũng vì Đức Phật lập ý thuyết giảng rằng “*tamsamutthànànanca rūpànam – Sắc Xuất Sinh Xứ này*”.

Còn Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, Sắc Ngoại (là **Sắc Quý Tiết Phi Quyền Phược – Anindriyabaddhautujarūpa**), Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết (là **Sắc Quý Tiết Quyền Phược – Indriyabaddhautujarūpa**), Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhật, của tất cả những chúng sanh, là những Sắc không do bởi sáu Nhân và Tâm Hữu Nhân làm xuất sinh xứ, do đó được xếp thành Pháp Nhân Địch Duyên.

Sự hiện hành của Pháp Địch Duyên như đã được đề cập, xin tất cả những học giả cần nên ghi nhớ cho thật kỹ, để cho thấu hiểu trong khi đi đến trình bày nội dung của ba loại tướng pháp trong 24 Duyên, rằng sự hiện hành của Pháp Địch Duyên không có điều chi sai khác dưới mọi thể loại và sự hiện hành trong từng mỗi Duyên đều giống như nhau.

Lại nữa, trong việc đề cập “*tamsamutthànànanca rūpànam*” có chi pháp như được

nói đến, vì theo nhà Chú Giải Phát Thứ trình bày chú giải của Câu này như sau:

“Te hetu ceva hetusampayuttakà ca dhammà samutthànà etesanti = tam samutthànàni” có ý nghĩa là: tất cả xuất sinh xứ gồm sáu Nhân và Pháp phối hợp với những Nhân này thường hiện hữu đối với những Sắc đó, do vậy những Sắc đó mới gọi là **“tam samutthànà”**, tức là Sắc Tâm Hữu Nhân, là Sắc được sanh từ Tâm Hữu Nhân kết hợp với sáu Nhân; Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, là Sắc được sanh khởi do nương vào 13 Tâm Hữu Nhân.

Trong việc Sắc Nghiệp Tái Tục được thành chi pháp của **“tamsamutthànànanca rūpānam”** cũng vì Sắc Nghiệp sanh khởi tại sát na Tái Tục phải nương vào Tâm Tái Tục làm thành Nhân cận, hoặc sẽ nói rằng “được sanh khởi từ Tâm Tái Tục”, như thế Sắc Nghiệp Tái Tục thuận theo vào ở trong sát na thành Sắc Nghiệp Tái Tục, và thành Pháp đối nghịch với việc sanh khởi của Sắc Nghiệp Bình Nhật có liên quan với Nghiệp Quá Khứ.

1. **“Mūlatthena upakārako dhammo Hetupaccayo”** – Pháp giúp đỡ ủng hộ với ý nghĩa thành căn gốc (rễ cái), gọi là Nhân Duyên.

2. **“Garūpadesahino hi atthasāram navandati atthasāravihino so saddhammā parihāyati”**- Đệ tử xa lìa thầy Giáo Thọ giảng dạy mọi điều, quả thật vậy, thường không thấu hiểu lý lẽ lời dạy bảo; người đó gọi là đã xa lìa lời dạy bảo, thường hay suy giảm lòng tin.

3. **“Te hetu ceva hetusampayuttakà ca dhammà samutthànà etesanti tamsamutthànàni”**- Với Pháp là những Nhân và Tương Ứng với Nhân làm xuất sinh xứ của Sắc Nhân, những Sắc này được gọi là **“tamsamutthànà”** (tức là sáu Nhân và Pháp Tương Ứng Nhân).

4. **“Iminà cittasamutthànārūpam ganhāti”**- Thường nắm giữ lấy Sắc Tâm xuất sinh xứ, theo Pālì gọi là **“tamsamutthànà”**.

5. **“Sabbepi hi cittacetasikā ekato hutvā rūpam samutthāpentī lokiyadhammadesanāyam pana cittassa adhikakārato tathāvidham rūpam cittasamutthānanti vuccati”**- Tất cả Tâm và Tâm Sở, quả thật vậy, cho dù tất cả thành một Pháp duy nhất dẫn đến cho Sắc Tâm được sanh khởi, nhưng vẫn nằm trong phần Pháp Hiệp Thế, là vì lấy Tâm làm Pháp chủng chủ yếu, do đó Đức Phật thường phán dạy gọi những loại Sắc đó, là Sắc Tâm xuất sinh xứ hoặc Sắc Tâm.

6. **“Yadi evam vidhāpi tamsamutthànānanti avatvā cittasamutthànānanti kasmā na vuttanti acittasamutthànānampi sanganhato”**- Nếu là như thế thì tiếp theo cũng có thể có sự nghi ngờ là, tuy Đức Phật không nói đến **“tamsamutthànānam”** trong Nhân Duyên xiển minh vậy vì sao cũng không nói đến **“cittasamutthànānam”**, điều này được giải thích là vì Đức Phật lập ý muốn nói đến Sắc không có Tâm làm xuất sinh xứ, ý nói đến Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.

7. ***“Kasmà panàyam hetu patisandhiyameva katattàrùpànam Hetupaccayo hoti na pavatteti patisandhiyam kammajarùpànam cittappatibaddhavuttitaya pavattiyam pana tesam citte vijjamànepi kammappatibaddhàvapavatti na cittuppatibaddhà”***- Vì sao ba Nhân chỉ làm Nhân Duyên đối với Sắc Nghiệp trong thời Tái Tục, mà không làm duyên đối với Sắc Nghiệp trong thời Bình Nhật ? Điều này được giải thích là vì trong thời Tái Tục, tất cả Sắc Nghiệp thường có tình huống liên quan với Tâm Tái Tục. Còn trong thời Bình Nhật, cho dù thật sự Tâm đang hiện hữu, tuy nhiên Nhân chỉ có liên quan với Nghiệp đó, thì thường hiện hành với tất cả những loại Sắc Nghiệp đó, chẳng phải Nhân ở chỗ liên quan với Tâm được.

8. ***“Avijjamànecàpi cittenirodham samàpannànam uppajjanti yeva”***- Hoặc một trường hợp khác, sẽ thấy được trong trường hợp sát na Nhập Thiền Diệt, cho dù Tâm không hiện hữu, tất cả Sắc Nghiệp cũng thường sanh đối bậc Bất Lai và Vô Sinh có được phúc lộc Thiền và hiện hữu trong sát na Nhập Thiền Diệt.

9. ***“Tatrahī vatthu rūpamattampi vinā patisandhiyam arūpadhammā patisandhicittanā vinā kammajāpi rūpadhammā nuppajjati yugandhāva rūpārūpānam uppatti”***- Khi đề cập một cách rộng lớn, thì trong Cõi Ngũ Uẩn, chính ngay trong thời Tái Tục, nếu Sắc Vật đã diệt mất thì Danh Pháp cũng không sanh. Và một trường hợp khác, nếu như Tâm Tái Tục đã diệt mất thì tất cả Sắc Pháp và ngay cả Sắc Nghiệp cũng không sanh. Có ý nghĩa là Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp, là Sắc Ý Vật và Tâm Tái Tục thường luôn phải sanh một đôi với nhau.

10. ***“Kammajarūpameva panassa cittasamutthānarūpatthāne titthati tanca kammajarū passeva bijathāne titthati”***- Và chính Sắc Nghiệp thường hiện hữu trong nền tảng thành Sắc Tâm xuất sinh xứ của Tâm Tái Tục (chẳng phải Tâm Bình Nhật). Còn chính Tâm Tái Tục thường hiện hữu trong nền tảng làm chủng tử của chính Sắc Nghiệp đó.

11. ***“Pavattiyam katattā rūpādīnam paccayabhāvapātibāhanato Hetusampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānantī idam ahitam”***- Theo phần Pālī chỗ nói rằng ***“Hetusampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānam”***- Đức Phật có lập ý xác định là không tính lấy 6 Nhân làm duyên đối với tất cả Sắc, có Sắc Nghiệp v.v, trong thời Bình Nhật (ý nghĩa là Sắc trong thời Bình Nhật không được coi như là Hiện Tại của Nhân Duyên).

Từ ngữ ***“tam”*** là được thay thế cho sáu Nhân và Pháp phối hợp với sáu Nhân, là ***“Hetu”*** và ***“Hetusampayuttakānam dhammānam, samutthānānam rūpānam”*** là lời thay thế Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân với Sắc Tâm Hữu Nhân.

Như vậy, trong phần Pālī điều thứ tư khởi sanh lời mâu thuẫn nói rằng ***“tamsamutthānā”*** tức là ***“cittasamutthānikarūpa”*** có đúng hay không ?

Trả lời ***“đúng vậy”*** cũng bởi vì trong phần Pháp Hiệp Thế đã từng lập ý nói đến rằng

“*cittasamutthàna*” hoặc “*cittajarūpa*”, nhưng khi đến trình bày trong *Phát Thứ* này lại quay trở lại sử dụng từ ngữ “*tamsamutthànānam*” là bởi do nguyên nhân chi ?

Vì sao lại không dùng từ ngữ “*cittasamutthànānam*” ? Trả lời “*không được*” vì Đức Phật có lập ý xác định đến chính Sắc mà không có Tâm làm Xuất Sinh Xứ, tức là Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.

Tất cả như vậy cũng vì việc trình bày Pháp của Đức Phật là theo thực tính, chẳng phải là theo vừa ý của ta và cũng chẳng phải của bất luận vị Phật nào.

Chính do như vậy, không lập ý đề cập đến “*cittasamutthànānam*”, và cần phải ghi nhớ rằng “*tamsamutthànānam*” đó là từ ngữ bao hàm ý nghĩa của *Tái Tục Hữu Nhân* với *Sắc Tâm Hữu Nhân*, cũng là việc ngăn cản *Tái Tục Vô Nhân* và *Sắc Tâm Vô Nhân* không cho đến để liên hệ vào.

Nếu dùng từ ngữ “*Hetū saḥajātānaṃ rūpānaṃ*” cũng phải là tất cả Sắc, nhưng tại nơi đây, Đức Phật sắp đặt Sắc được sanh từ nơi sáu Nhân, do đó mới có ý trình bày là “*tamsamutthànānanca rūpānaṃ*”.

Việc thấu hiểu ý nghĩa của từ ngữ Pālì làm nền tảng của ngôn ngữ cú pháp này, được gọi là “*Niruttisāsatara – Ngôn ngữ học*” hoặc trong mức độ cùng tột cũng được gọi là “*Niruttipatisambhidā – Tìr Vô Ngại Giải*”.

Như thế, theo ngôn ngữ Pālì trình bày cho được biết trong Nhân Duyên:

“*Hetū*” làm thành *Câu Chủ Tìr (Kattupada)*, làm thủ yếu, làm chủ vị và làm Năng Duyên.

“*Hetusampayuttakānaṃ dhammānaṃ tamsamutthànānanca rūpānaṃ*” làm thành *Câu Liên Hệ (Sampadānapada)*, làm hệ quả, làm Sở Duyên.

“*Hetupaccayena*” làm *Câu Chế Tác (Karanapada)*, trình bày cho được biết đến mãnh lực của “*Hetū*” làm thủ yếu, làm chủ vị trong Câu Pālì này, có mãnh lực đặc biệt hơn các Duyên khác, làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian với mình.

“*Paccayo*” làm *Câu Danh Thuật Tìr (Nāmakiriyāpada)*, trình bày cho được biết đến sự khác biệt giữa hai từ ngữ, là: “*Hetupaccayo*” hoặc “*Hetupaccayena paccayo*” với “*Hetujanako*” hoặc “*Hetupaccayena janako*”, rằng:

“*Hetupaccayo*” hoặc “*Hetupaccayena paccayo*” chỉ là làm việc giúp đỡ hỗ trợ, ủng hộ, nâng đỡ, bao quanh, ví như phân bón chỉ làm việc giúp đỡ, hỗ trợ, bao quanh, ủng hộ, nâng đỡ cây cối, chẳng phải thành thủ yếu cho việc sanh khởi một cách trực tiếp, chẳng phải như người mẹ hạ sanh trẻ thơ.

Do đó, Đức Phật mới không lập ý trình bày đến “*Hetujanako*” hoặc “*Hetupaccayena janako*”.

Từ ngữ “*Hetu*” và từ ngữ “*Paccaya*” không cùng một ý nghĩa với nhau.

“*Hetu*” làm căn gốc một cách trọng yếu, “*Paccaya*” làm nhân giúp đỡ.

Điều này được so sánh, *Nhân* ví như hạt giống, *Duyên* ví như đất với nước.

“*Paccayo upakàrako*” dịch là “*làm Nhân giúp đỡ ủng hộ*”.

Chính do đó mới lập ý dùng từ ngữ là “*Hetupaccayo – Nhân Duyên*”.

Một trường hợp khác, từ ngữ “*Paccayo*” làm thành *Câu Danh Thuật Từ (Nàmakiriyàpada)*, từ ngữ “*Nàma*” là từ ngữ hiện hành theo nền tảng ngữ pháp, không phải là *Danh Siêu Lý (Nàmaparamattha)*, là vì *Câu Thuật Từ (Kiriyaàpada)* này có nhiều thể loại, như từ ngữ “*Hoti*” (có hiện tại) là “*Àkhayàtakiriyàpada*” (Câu có tiềm lực hành động), như từ ngữ “*Kato*” (đã cho phép) là “*Kitakiriyàpada*” (Câu giải thích), như vậy với từ ngữ “*Paccayo*” làm thành *Câu Danh Thuật Từ (Nàmakiriyàpada)*.

Trong tất cả 24 Duyên, với Năng Duyên bất luận sẽ là Sắc hoặc Danh, nhưng từ ngữ “*Paccayo*” tất cả đều phải dùng là *Câu Danh Thuật Từ (Nàmakiriyàpada)*, vì lẽ ý nhắm đến danh từ “*Nàma*” theo nền tảng ngữ pháp, và chẳng phải ý hướng đến *Danh Siêu Lý* bất luận trường hợp nào.

- * *Kattupada*: trình bày đến người tạo tác (thực hiện).
- * *Kammapada*: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).
- * *Karanapada*: trình bày đến nguyên nhân cho thành tựu việc tạo tác (thực hiện).
- * *Sampadànapada*: trình bày đến người tiếp dẫn (nhận và trao) việc tạo tác.
- * *Apadànapada*: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng.
- * *Sàmìsambandhapada*: trình bày đến người thành chủ nhân.
- * *Kàlàdhàrapada*: trình bày đến thời gian.
- * *Kiriyaàvisesanapada*: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng.
- * *Kiriyaààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).
- * *Aniyamapada*: trình bày đến việc bất định (không nhất định).
- * *Niyamapada*: trình bày đến việc nhất định.
- * *Lakkhanapada*: trình bày đến việc nhận xét (hoặc ghi nhớ đánh dấu).
- * *Lakkhanavantakattupada*: trình bày đến việc có sự để nhận xét (hoặc để ghi nhớ đánh dấu) thành câu xen kẽ, “*Vanta*” dịch là “có”.

PHỤ CHÚ GIẢI NHÂN DUYÊN

* Tại nơi đây, sáu Nhân làm duyên với hai trường hợp là:

- (1) đối với Danh Pháp,
- (2) đối với Sắc Pháp,

tức là sáu Nhân làm Pháp Năng Duyên, Danh và Sắc làm Pháp Sở Duyên.

* Danh Pháp làm Pháp Sở Duyên có chi pháp là 71 Tâm Hữu Nhân và 52 Tâm Sở nhưng phải loại trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si ra, bởi vì Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si bất tương ưng với Tham và Sân nên cần phải loại trừ ra.

Chính chi pháp này trong phần Pàli xiển minh đã có nói đến là **“Hetusampayuttakànam dhammànam”** và nên lưu ý cho rõ rệt ở phần trừ Si như đã được nói đến là loại trừ riêng biệt Tâm Sở Si chẳng phải trừ Tâm căn Si.

Điều này rất quan trọng vì đã từng có sự hiểu lầm do loại trừ Tâm căn Si ra khỏi; thực hiện như vậy chắc chắn là không thể được vì nếu loại trừ ra thì số lượng 71 Tâm Hữu Nhân sẽ thiếu hụt đi.

Và nếu lấy thêm 18 Tâm Vô Nhân thì số lượng lại là 89 Tâm, sự thật không phải vậy.

* Sắc Pháp, nói tại đây, làm Pháp Sở Duyên, mục đích chỉ lấy riêng biệt Sắc mà được gọi là **“tamsamutthàna”**, bởi vì Sắc có nhiều thứ loại và cũng có nhiều thứ xuất sinh xứ với nhau. Sắc gọi là **“tamsamutthàna”** tức là loại Sắc đã được định đặt ở trong dấu ngoặc đơn ở phía trên, đó là Sắc Tâm Hữu Nhân và Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân và chính ngay Sắc Pháp này đã được đề cập đến trong phần Pàli xiển minh với lời nói rằng **“tamsamutthànanca rūpànam – Sắc xuất sinh xứ này”**.

* Lời nói rằng **“tamsamutthàna”**, khi phân tích từ ngữ, trong Chú Giải Đại Phát Thứ đã có định nghĩa là **“te hetu ceva hetusampayuttakà ca dhammà samutthànà etesanti = tam samutthanàni”** Tất cả những Pháp ấy là sáu Nhân cùng với Pháp Tương Ưng với sáu Nhân làm xuất sinh xứ cho những loại Sắc này, do đó, những loại Pháp này mới gọi là **“tamsamutthàna”**.

* Như vậy, lời nói **“tam”** sẽ cho thấy có ý nghĩa là nói đến sáu Nhân và cũng nói đến Pháp tương ưng với sáu Nhân.

* Sáu Nhân là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si. Pháp tương ưng với sáu Nhân là 71 Tâm Hữu Nhân và 46 Tâm Sở như đã được đặt ở trong phần dấu ngoặc đơn ở phía trên. Và nguyên nhân mà chỉ còn lại 46 Tâm Sở là do phải trừ ra sáu Tâm Sở làm Nhân, vì tại đây, với lời nói rằng **“hetu ceva”** sáu Tâm Sở này đã được rút ra trình bày độc lập rồi.

* Tóm lại, Sắc gọi là **“ tam samutthàna”** có ý nghĩa là Sắc có sáu Nhân này với Pháp tương ưng sáu Nhân (là 71 Tâm Hữu Nhân và 46 Tâm Sở) làm xuất sinh xứ.

LỜI GIẢI THÍCH TÓM LƯỢC TRONG CHÚ GIẢI PHÁT THỨ VỀ NHÂN DUYÊN

“ Hinoti patitthàti etthàti hotu”- Pháp Sở Duyên tồn tại duy nhất trong Pháp này, như thế Pháp này gọi là Nhân.

“Hetu ca so paccayo cāti Hetupaccayo” – Chính vì Nhân làm duyên, nên gọi là

Nhân Duyên.

TỪ NGỮ “HETU” CÓ ĐƯỢC BỐN LOẠI, LÀ:

1. **“Hetu hetu – Nhân nhân”**: là sáu Nhân gồm Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
2. **“Paccayahetu – Nhân Duyên”**: là Tứ Sắc Đại Hiện làm Nhân trong việc gọi tên của Sắc Uẩn.
3. **“Uttamahetu – Chí Thượng Nhân”**: là Nghiệp Thiện và Nghiệp Bất Thiện làm nhân cho sanh quả dị thực Thiện và quả dị thực Bất Thiện.
4. **“Sàdhàranahetu – Phổ Thông Nhân”**: là Vô Minh làm nhân cho sanh tất cả Pháp Hành (Ngũ Uẩn).

* Có lời giải thích trong *Nhân Duyên*, là sáu Nhân ở phần Danh Pháp làm duyên ủng hộ cổ vũ cho Danh và Sắc sanh khởi trong bản năng của tất cả chúng sanh hữu sanh mạng, vì lẽ thường tất cả chúng sanh mà có sanh khởi trong thế gian này đều phải nương vào Nhân mà sanh khởi, nếu như không có Nhân thì tất cả chúng sanh đó không có thể sanh được.

Do đó, Nhân mới được xem là vật rất quan trọng, và Đức Phật mới có ý thuyết giảng Nhân Duyên để thành hàng đầu.

Sáu Nhân này, là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si; tuy nhiên, nếu sẽ phân tích theo chủng loại của Tâm thì có được bốn loại là:

- (1) Nhân Bất Thiện là Tham, Sân, Si phối hợp với Tâm Bất Thiện,
- (2) Nhân Thiện là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp với Tâm Thiện,
- (3) Nhân Vô Ký Quả Dị Thực là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp với Tâm Quả Dị Thực Hữu Nhân,
- (4) Nhân Vô Ký Duy Tác là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp với Tâm Duy Tác Hữu Nhân.

* Trong tất cả Nhân phối hợp với các loại Tâm đã được đề cập ở phía trên, khi theo chi pháp Siêu Lý thì cũng chính là sáu Nhân này.

Đối với Tham Sân Si thì chỉ được phối hợp duy nhất với Tâm Bất Thiện.

Với Vô Tham, Vô Sân, Vô Si thì được phối hợp với cả Tâm Thiện, Tâm Quả Dị Thực và Tâm Duy Tác.

Khi phối hợp với Tâm Thiện thì gọi là Nhân Thiện.

Khi phối hợp với Tâm Quả Dị Thực thì gọi là Nhân Vô Ký Quả Dị Thực.

Khi phối hợp với Tâm Duy Tác thì gọi là Nhân Vô Ký Duy Tác.

* Cả sáu Nhân này có mãnh lực giúp đỡ ủng hộ Pháp tương ưng, đó là Tâm và Tâm

Sở cho sanh khởi cùng với Sắc Tâm và Sắc Nghiệp Tái Tục, khi đã sanh khởi rồi thì giúp đỡ ủng hộ cho được tồn tại và có khả năng sẽ làm cho tăng trưởng phát triển.

Cũng ví như cỏ thụ được tồn tại là do nương vào gốc rễ cho đứng tồn tại vững vàng, mặc cho có giông bão thổi đến bất luận theo phương hướng nào cũng vậy, cũng không có thể làm cho cỏ thụ đổ ngã được.

Và sự việc cỏ thụ ấy tăng trưởng tốt đẹp, mọc nhánh đâm cành, ra hoa trở quả cũng chính là nương vào gốc rễ vậy, có trách nhiệm giúp đỡ ủng hộ cho tăng trưởng tốt đẹp.

Điều này như thế nào, thì *Nhân Tham* sanh khởi đến người nào thì Pháp tương ứng là Tâm và Tâm Sở Tham cùng với Sắc Tâm Bất Thiện thường là sẽ khởi sanh đến người đó.

Và khi Tâm Tham này đã sanh khởi rồi thì thật khó mà buông bỏ được, cũng ví như rễ cây giữ lấy cỏ thụ cho được tồn tại một cách vững vàng, và có khả năng sẽ làm cho Tâm Ý của người ấy sẽ khởi lên trạng thái tham đắm, dẫn đến nguyên nhân làm cho phát sanh Thân Biểu Tri tạo tác Thân Ác hạnh như là việc trộm đạo, v.v, hoặc làm cho phát sanh Ngũ Biểu Tri tạo tác Ngũ Ác hạnh như là việc vọng ngữ, v.v, cũng ví như cỏ thụ được tươi tốt phát triển do nương vào gốc rễ của cây vậy.

Những *Nhân* còn lại như là *Nhân Bất Thiện* hoặc *Nhân Thiện* cũng tương tự như vậy. Khi đã sanh khởi làm căn cội, làm gốc rễ thì thường là ủng hộ Pháp Tương Ứng và Sắc Tâm cho được cấu sanh và giúp đỡ ủng hộ cho được phát triển tăng trưởng tương tự như phần đã được giải thích rồi vậy.

Trong phần phía trên đã được đề cập, việc lập ý thuyết giảng 24 Duyên làm thành *Kinh Phát Thứ* này, Đức Phật có lập ý phân tích từng mỗi Duyên có ba loại tướng Pháp, được gọi là *tóm lược ba loại nội dung*, là Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên và Pháp Dịch Duyên.

Tại đây, sẽ đề cập đến việc tóm lược ba loại nội dung trong Nhân Duyên một cách tỷ mỷ, như tiếp theo đây.

PHÂN TÍCH NHÂN DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIÓNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

Trong *Nhân Duyên*, việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành Nhân Năng Duyên, chỉ có một trạng thái duy nhất, là làm thành nơi căn gốc và thành gốc rễ (**Hetu**) từ nơi Pháp Nhân Sở Duyên.

Nhân Duyên có Danh làm Pháp Năng Duyên và Danh Sắc làm Pháp Sở Duyên.

- * Rằng theo Chung Loại: *Nhân Duyên* thuộc giống Câu Sanh, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên đồng cùng sanh khởi trong cùng một cái Tâm duy nhất.

- * Rằng theo Thời Gian : là thời Hiện Tại, có ý nghĩa là Pháp Năng Duyên hiện diện trong khoảng giữa sanh, trụ, diệt và vẫn chưa diệt mất.
- * Rằng theo Mãnh Lực (Satti): Nhân Duyên có hai loại mãnh lực là :
 - (1) **Janakasatti – Mãnh Lực Xuất Sinh**: ý nghĩa là có mãnh lực giúp cho Pháp Sở Duyên được sanh khởi.
 - (2) **Upathambhakasatti – Mãnh Lực Bảo Hộ**: ý nghĩa là có mãnh lực giúp ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được tồn tại.

TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG TRONG NHÂN DUYÊN

Trong Nhân Duyên có Nhân làm Pháp Năng Duyên, Quả làm Pháp Sở Duyên và ngoài ra Quả thì làm Pháp Địch Duyên, như sau đây:

- (1) Hetupaccayadhamma – Pháp Nhân Năng Duyên: tức là sáu Nhân, gồm có Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- (2) Hetupaccayuppannadhamma – Pháp Nhân Sở Duyên: tức là 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si trong 2 Tâm căn Si), Sắc Tâm Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.
- (3) Hetupaccanikadhamma – Pháp Nhân Địch Duyên: tức là 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Dục), Tâm Sở Si trong 2 Tâm căn Si, Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhứt.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG NHÂN DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên ba câu làm cốt lõi gọi là Câu Chánh Diện, là câu Thiện, câu Bất Thiện, và câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN “KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” TRONG CÂU THIỆN

“Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Hetupaccayena paccayo”- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Nhân Duyên.
Pháp Thiện làm Nhân Năng Duyên, tức là ba Nhân Thiện (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).
Pháp Thiện làm Nhân Sở Duyên, tức là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở.

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

“ *Kusalà hetu sampayuttakānam khandhānam Hetupaccayena paccayo* ” – Nhân Thiện làm duyên cho Uẩn tương ưng với mãnh lực Nhân Duyên.

Tức là ba Nhân Thiện làm Nhân Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở làm Nhân Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pālì thì “*Kusalo dhammo*” làm “*Kattupada – Câu Chủ Từ*” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là ba Nhân Thiện có Vô Tham, v.v.

* *Kusalassa dhammassa* làm “*Sampadānapada - Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 21 Tâm Thiện 38 Tâm Sở phối hợp.

* *Hetupaccayena* làm “*Karanapada - Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 10 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (*Ghatanā – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ưng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* *Paccayo* làm “*Kiriyāpada - Câu Thuật Từ*” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pālì, “*Kusalà hetu*” làm “*Kattupada – Câu Chủ Từ*” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là Vô Tham, Vô Sân ở trong Tâm Thiện Nhị Nhân hoặc Vô Tham, Vô Sân, Vô Si ở trong Tâm Thiện Tam Nhân.

* *Sampayuttakānam khandhānam* làm “*Sampadānapada - Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tứ Danh Uẩn Thiện, là 21 Tâm Thiện 38 Tâm Sở phối hợp.

* *Hetupaccayena* làm “*Karanapada - Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh

lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả *ba Nhân* trong mãnh lực của cả 10 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* ***Paccayo*** làm “***Kiriyàpada*** - ***Câu Thuật Từ***” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện đây, ngay thời gian đang sanh khởi có nhiều loại Duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (***Ghatanà – Hiệp Lực***) đồng cùng sanh với nhau vừa thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * **Rằng theo Thời Gian**: hiện hành trong thời kỳ Chuyển Khởi (Bình Nhựt), có ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện chỉ sanh khởi duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt (***pavattikàla***), không có trong thời kỳ Tái Tục.
- * **Rằng theo Địa Giới**: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn là địa giới có năm uẩn, và Cõi Tứ Uẩn là địa giới có tứ uẩn.
- * **Rằng theo Người**: hiện hành trong bốn Phạm và bảy Thánh Nhân (trừ bậc Vô Sinh).
- * **Rằng theo Lộ Trình**: hiện hành trong Lộ trình Ngũ Môn Đồng Lực Thiện và Lộ

trình Ý Môn Đồng Lực Thiện, tùy theo thích hợp.

Lại nữa, nếu tính theo phần Uẩn thì Năng Duyên, Sở Duyên nơi làm Tứ Danh Uẩn thành từng đôi (cặp) theo phần Câu Phụ Pàli có được bảy phần Uẩn hay bảy đôi (cặp) là:

1. Nếu là **Thiện Nhị Nhân**, tức là Vô Tham làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp với Vô Tham làm Nhân Sở Duyên.
2. Vô Sân làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp với Vô Sân làm Nhân Sở Duyên.
3. Vô Tham, Vô Sân làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp với Vô Tham, Vô Sân làm Nhân Sở Duyên.
4. Nếu là **Thiện Tam Nhân**, tức là Vô Tham làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp với Vô Tham làm Nhân Sở Duyên.
5. Vô Sân làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp với Vô Sân làm Nhân Sở Duyên.
6. Vô Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn phối hợp với Vô Si làm Nhân Sở Duyên.
7. Vô Tham, Vô Sân, Vô Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp với Vô Tham, Vô Sân, Vô Si làm Nhân Sở Duyên.

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA –
PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Hetupaccayena paccayo*”- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.
Pháp Thiện làm Nhân Năng Duyên tức là ba Nhân Thiện.
Pháp Vô Ký làm Nhân Sở Duyên tức là Sắc Tâm Thiện.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

“*Kusalà hetu citta samutthànànam rūpànam Hetupaccayena paccayo*”- Nhân Thiện làm duyên cho Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo Nhân Duyên. (Cả ba Nhân Thiện làm duyên, là giúp đỡ ủng hộ với Sắc mà có Tâm Thiện làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Nhân Duyên).

Tóm tắt, là 3 Nhân Thiện làm Nhân Năng Duyên.

Sắc Tâm Thiện làm Nhân Sở Duyên (Sắc Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ cũng cùng một ý nghĩa với nhau).

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **“Kusalo dhammo”** làm **“Kattupada – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là ba Nhân Thiện có Vô Tham, v.v.

* **Abyàkatassa dhammassa** làm **“Sampadānapada - Câu Liên Hệ”** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 17 Sắc Tâm Thiện.

* **Hetupaccayena** làm **“Karanapada - Câu Chế Tác”** trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **“Kiriyaṇapada - Câu Thuật Từ”** trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, **“Kusalā hetu”** làm **“Kattupada – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp gồm có, nếu là Tâm Thiện Nhị Nhân sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn thì tức là Vô Tham, Vô Sân. Nếu là Tâm Thiện Tam Nhân sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn thì tức là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

* **Cittasamutthānānam rūpānam** làm **“Sampadānapada - Câu Liên Hệ”** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 17 Sắc Tâm Thiện.

* **Hetupaccayena** làm **“Karanapada - Câu Chế Tác”** trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,

- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm “**Kiriyàpada** - **Câu Thuật Từ**” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký đây, ngay thời gian đang sanh khởi có nhiều loại duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà - Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành duy nhất trong Cõi Ngũ Uẩn .
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy Thánh Nhân (trừ Bạc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ trình: hiện hành trong Lộ trình Ngũ Môn Đồng Lực Thiện và Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Thiện, tùy theo thích hợp.

“KUSALÀBYÀKATAPADÀVASÀNA –
PHẦN CUỐI CÂU THIỆN – VÔ KÝ” –
TRONG CÂU THIỆN

“**Kusalo dhammo kusalassa ca abyàkatassa ca dhammassa Hetupaccayena paccayo**”- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện và Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.

Pháp Thiện làm Nhân Năng Duyên tức là ba Nhân Thiện (ở trong Cõi Ngũ Uẩn).

Pháp Thiện và Vô Ký làm Nhân Sở Duyên tức là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp và 17 Sắc Tâm Thiện.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

“Kusalà hetù sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam Hetupaccayena paccayo”- Những Nhân Thiện làm duyên cho Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo Nhân Duyên. (Cả ba Nhân Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Thiện phối hợp và Sắc mà có Tâm Thiện làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Nhân Duyên).

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **“Kusalo dhammo”** làm **“Kattupada – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là *ba Nhân Thiện* có Vô Tham, v.v.

* **Kusalabyàkatassa dhammassa** làm **“Sampadànapada - Câu Liên Hệ”** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp và 17 Sắc Tâm Thiện.

* **Hetupaccayena** làm **“Karanapada - Câu Chế Tác”** trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả *ba Nhân* trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **“Kiriyaàpada - Câu Thuật Từ”** trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, **“Kusalà hetù”** làm **“Kattupada – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp gồm có, nếu là Tâm Thiện Nhị Nhân sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn thì tức là Vô Tham, Vô Sân. Nếu là Tâm Thiện Tam Nhân sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn thì tức là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

* **Sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam** làm **“Sampadàna -pada - Câu Liên Hệ”** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp và 17 Sắc Tâm Thiện.

* **Hetupaccayena** làm **“Karanapada - Câu Chế Tác”** trình bày cho biết đến mãnh

lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả *ba Nhân* trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm “**Kiriyàpada** - *Câu Thuật Từ*” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện và Vô Ký đây, ngay thời gian đang sanh khởi có nhiều loại duyên tụ vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà-Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành duy nhất trong Cõi Ngũ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy Thánh Nhân (trừ Bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ trình: hiện hành trong Lộ trình Ngũ Môn Đồng Lực Thiện và Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Thiện, tùy theo thích hợp.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Hetupaccayena paccayo” – Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Nhân Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Nhân Năng Duyên tức là ba Nhân Bất Thiện (Tham, Sân, Si).

Pháp Bất Thiện làm Nhân Sở Duyên tức là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

“Akusalà hetu sampayuttakànam khandhànam hetupaccayena paccayo”- Những Nhân Bất Thiện làm duyên cho Uẩn tương ưng với mãnh lực Nhân Duyên. (Cả ba Nhân Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Bất Thiện phối hợp, với mãnh lực Nhân Duyên).

Tóm tắt, là ba Nhân Bất Thiện làm Nhân Năng Duyên và 4 Danh Uẩn Bất Thiện tức là 12 Tâm Bất Thiện

27 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si) làm Nhân Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **“Akusalo dhammo”** làm **“Kattupada – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là *ba Nhân Bất Thiện* có Tham, v.v.

* **Akusalassa dhammassa** làm **“Sampadànapada - Câu Liên Hệ”** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si).

* **Hetupaccayena** làm **“Karanapada - Câu Chế Tác”** trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả *ba Nhân* trong mãnh lực của cả 7 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hô Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **“Kiriyaàpada - Câu Thuật Từ”** trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, **“Akusalà hetu”** làm **“Kattupada – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp gồm có, tức là Tham, Si ở trong Tâm căn Tham.

Hoặc là Sân, Si ở trong Tâm căn Sân. Hoặc là Si ở trong Tâm căn Si.

* **Sampayuttakànam khandhànam** làm “**Sampadānapada** - *Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tứ Danh Uẩn Bất Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si).

* **Hetupaccayena** làm “**Karanapada** - *Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 7 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm “**Kiriyaṇapada** - *Câu Thuật Từ*” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Lại nữa, trong phần bảy đôi (cặp) Uẩn, cũng hiện hành cùng một phương cách với Câu Thiện, nhưng tại đây sẽ làm rõ thêm để được hiểu biết:

1. Tham làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn căn Tham phối hợp với Tham, làm Nhân Sở Duyên.
2. Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn căn Tham phối hợp với Tham, làm Nhân Sở Duyên.
3. Tham, Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn căn Tham phối hợp với Tham, làm Nhân Sở Duyên.
4. Sân làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn căn Sân phối hợp với Sân, làm Nhân Sở Duyên.
5. Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn căn Sân phối hợp với Sân, làm Nhân Sở Duyên.
6. Sân, Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh Uẩn căn Sân phối hợp với Sân, làm Nhân Sở Duyên.
7. 2 Si làm Nhân Năng Duyên.
Tứ Danh uẩn Tâm căn Si phối hợp với 2 Si, làm Nhân Sở Duyên.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tự vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong ba Phàm và ba bậc Quả Hữu Học (vì Bất Thiện làm duyên cho sanh Bất Thiện không thể sanh được với bốn Bậc Đạo và Bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ trình: hiện hành trong Lộ trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện và Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện. Đối với Lộ trình Ý Môn thì chỉ hiện hành trong “*Kàmajavanamanodvāravithi – Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới*”.

**“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN**

“*Akusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Hetupaccayena paccayo*”- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên. Pháp Bất Thiện làm Nhân Năng Duyên tức là ba Nhân Bất Thiện (ở Cõi Ngũ Uẩn). Pháp Vô Ký làm Nhân Sở Duyên tức là Sắc Tâm Bất Thiện.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

“*Kusalà hetu cittasamutthànànam rūpànam Hetupaccayena paccayo*”- Nhân Bất Thiện làm duyên cho Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Nhân Duyên. (Cả ba Nhân Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ với Sắc mà có Tâm Bất Thiện làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Nhân Duyên).

Tóm tắt, là ba Nhân Bất Thiện làm Nhân Năng Duyên.

Sắc Tâm Bất Thiện làm Nhân Sở Duyên (Sắc Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ cũng cùng một ý nghĩa với nhau).

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì “*Akusalo dhammo*” làm “*Kattupada – Câu Chủ Từ*” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là *ba Nhân Bất Thiện* có Tham, v.v.

* *Abyàkatassa dhammassa* làm “*Sampadànapada - Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 17 Sắc Tâm Bất Thiện.

* *Hetupaccayena* làm “*Karanapada - Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả *ba Nhân* trong mãnh lực của cả 6 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* *Paccayo* làm “*Kiriyàpada - Câu Thuật Từ*” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, “*Akusalà hetu*” làm “*Kattupada – Câu Chủ Từ*” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp gồm có, nếu là Tâm căn Tham sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn tức là Tham, Si. Nếu là Tâm căn Sân sanh khởi trong Cõi Dục Giới tức là Sân, Si. Nếu là Tâm căn Si sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn tức là Si.

* *Cittasamutthànànam rūpànam* làm “*Sampadànapada - Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 17 Sắc Tâm Bất Thiện.

* *Hetupaccayena* làm “*Karanapada - Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả *ba Nhân* trong mãnh lực của cả 6 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* *Paccayo* làm “*Kiriyàpada - Câu Thuật Từ*” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký đây, ngay thời gian đang sanh khởi có nhiều loại duyên tụ vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà - Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành duy nhất trong Cõi Ngũ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và ba bậc Quả Hữu Học.
- * Rằng theo Lộ trình: hiện hành trong Lộ trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện và Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện, tùy theo thích hợp.

“AKUSALÀBYÀKATAPADÀVASÀNA –
PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN – VÔ KÝ” –
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo akusalassa ca abyàkatassa ca dhammassa Hetupaccayena pacca yo”- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện và Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Nhân Năng Duyên tức là ba Nhân Bất Thiện (ở Cõi Ngũ Uẩn).

Pháp Bất Thiện và Vô Ký làm Nhân Sở Duyên tức là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si) và Sắc Tâm Bất Thiện.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

“Akusalà hetu sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam Hetupaccayena paccayo”- Những Nhân Bất Thiện làm duyên cho Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Nhân Duyên. (Cả ba Nhân Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Bất Thiện phối hợp và Sắc mà có Tâm Bất Thiện làm Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Nhân Duyên).

Tóm tắt, là ba Nhân Bất Thiện (ở trong Cõi Ngũ Uẩn) làm Nhân Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn Bất Thiện tức là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si) và Sắc Tâm Bất Thiện làm Nhân Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì “*Akusalo dhammo*” làm “*Kattupada – Câu Chủ Từ*” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là ba Nhân Bất Thiện có Tham, v.v.

* *Akusalàbhyaṅkatassa dhammassa* làm “*Sampadānapada - Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp và 17 Sắc Tâm Bất Thiện.

* *Hetupaccayena* làm “*Karanapada - Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 5 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* *Paccayo* làm “*Kiriyāpada - Câu Thuật Từ*” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, “*Kusalà hetu*” làm “*Kattupada – Câu Chủ Từ*” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp gồm có, nếu là Tâm căn Tham sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn tức là Tham, Si. Nếu là Tâm căn Sân sanh khởi trong Cõi Dục Giới tức là Tham, Si. Nếu là Tâm căn Si sanh khởi trong Cõi Ngũ Uẩn tức là Si.

* *Sampayuttakānam khandhānam cittasamutthānanānca rūpānam* làm “*Sampadānapada - Câu Liên Hệ*” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp (trừ Tâm Sở Si ở trong 2 Tâm căn Si) và 17 Sắc Tâm Bất Thiện.

* *Hetupaccayena* làm “*Karanapada - Câu Chế Tác*” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 5 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,

- (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* ***Paccayo*** làm “***Kiriyàpada*** - ***Câu Thuật Từ***” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện và Vô Ký đây, ngay thời gian đang sanh khởi có nhiều loại duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (***Ghatanà - Hiệp Lực***) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

- * **Rằng theo Thời Gian**: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * **Rằng theo Địa Giới**: hiện hành duy nhất trong Cõi Ngũ Uẩn.
- * **Rằng theo Người**: hiện hành trong bốn Phạm và ba bậc Quả Hữu Học.
- * **Rằng theo Lộ trình**: hiện hành trong Lộ trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện và Lộ trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện, tùy theo thích hợp.

(C) ABYÀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYÀKATAPADÀVASÀNA –
PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” – TRONG CÂU VÔ KÝ

“***Abyàkato dhammo abyàkatassa dhammassa Hetupaccayena paccayo***”- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.

Pháp Vô Ký làm Nhân Năng Duyên tức là ba Nhân Vô Ký (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).

Pháp Vô Ký làm Nhân Sở Duyên tức là 21 Tâm Quả Hữu Nhân, 17 Tâm Duy Tác Hữu Nhân, 38 Tâm Sở, Sắc Tâm Quả Hữu Nhân và Duy Tác Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân (nhưng ở trong Cõi Tứ Uẩn thì loại trừ Sắc Pháp ra Pháp Sở Duyên).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

“***Vipàkàbyàkatà kiriyàbyàkatà hetu sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam Hetupaccayena paccayo***”- Những Nhân Vô Ký Quả

Vô Ký Duy Tác làm duyên cho Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Nhân Duyên. (Ba Nhân Vô Ký Quả và ba Nhân Vô Ký Duy Tác làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Quả Hữu Nhân Duy Tác Hữu Nhân phối hợp và Sắc mà có Tâm Quả Hữu Nhân Duy Tác Hữu Nhân làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Nhân Duyên).

Tóm tắt, là ba Nhân Vô Ký Quả và 3 Nhân Vô Ký Duy Tác (trong Cõi Ngũ Uẩn) làm Nhân Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn Quả Hữu Nhân và Duy Tác Hữu Nhân (tức là 21 Tâm Quả Hữu Nhân, 17 Tâm Duy Tác Hữu Nhân, 38 Tâm Sở) và Sắc Tâm Quả Hữu Nhân và Duy Tác Hữu Nhân làm Nhân Sở Duyên (nhưng Cõi Tứ Uẩn thì loại trừ Sắc Pháp ra Pháp Sở Duyên).

“*Patisandhikkhane vipàkàbyàkatà hetu sampayuttàkànam khandhànam katattà ca rūpànam Hetupaccayena paccayo*”- Trong thời Tái Tục, ba Nhân Vô Ký Quả làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tái Tục Hữu Nhân phối hợp và Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, với mãnh lực Nhân Duyên.

Trong thời Tái Tục, ba Nhân Vô Ký Quả làm Nhân Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn Tái Tục Hữu Nhân (tức là 17 Tâm Tái Tục Hữu Nhân, 35 Tâm Sở) và Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân làm Nhân Sở Duyên (nhưng trong Cõi Tứ Uẩn thì loại trừ Sắc Pháp ra Pháp Sở Duyên).

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **“*Abyàkato dhammo*”** làm **“*Kattupada* – Câu Chủ Từ”** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là ba Nhân Vô Ký có Vô Tham, v.v.

* **“*Abyàkatassa dhammassa*”** làm **“*Sampadànapada* - Câu Liên Hệ”** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 21 Tâm Quả Hữu Nhân, 17 Tâm Duy Tác Hữu Nhân, 38 Tâm Sở phối hợp và Sắc Tâm Quả Hữu Nhân Duy Tác Hữu Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân nếu trong Cõi Tứ Uẩn thì trừ Sắc ra.

* **“*Hetupaccayena*”** làm **“*Karanapada* - Câu Chế Tác”** trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 12 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**“*Ghatanà* – Hiệp Lực”**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thục Quả Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,

- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (11) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (12) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm “**Kiriyàpada** - **Câu Thuật Từ**” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, “**Vipàkàbyàkatà kiriyàbyàkatà hetu**” làm “**Kattupada** – **Câu Chủ Từ**” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là Vô Tham, Vô Sân ở trong Tâm Quả Nhị Nhân Duy Tác Nhị Nhân hoặc Vô Tham, Vô Sân, Vô Si ở trong Tâm Quả Tam Nhân Duy Tác Tam Nhân.

* **Sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam** làm “**Sampadànapada** - **Câu Liên Hệ**” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tứ Danh Uẩn Quả Hữu Nhân Duy Tác Hữu Nhân, là 21 Tâm Quả Hữu Nhân, 17 Tâm Duy Tác Hữu Nhân, 38 Tâm Sở phối hợp và Sắc Tâm Quả Hữu Nhân Duy Tác Hữu Nhân, nếu trong Cõi Tứ Uẩn thì trừ Sắc ra.

* **Hetupaccayena** làm “**Karanapada** - **Câu Chế Tác**” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 12 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thục Quả Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (11) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (12) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm “**Kiriyàpada** - **Câu Thuật Từ**” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, “**Patisandhikkhane Vipàkàbyàkatà hetu**” làm “**Kattupada** – **Câu Chủ Từ**” trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là Vô Tham, Vô Sân ở trong Tâm Quả Nhị Nhân hoặc Vô Tham, Vô Sân, Vô Si ở trong Tâm

Quả Tam Nhân.

* **Sampayuttakànam khandhànam kattatà ca rūpànam** làm “**Sampadānapada - Câu Liên Hệ**” trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tứ Danh Uẩn Tái Tục Hữu Nhân, là 17 Tâm Tái Tục Hữu Nhân, 35 Tâm Sở phối hợp và Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân, nếu trong Cõi Tứ Uẩn thì trừ Sắc ra.

* **Hetupaccayena** làm “**Karanapada - Câu Chế Tác**” trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Nhân Duyên, nếu đầy đủ cả ba Nhân trong mãnh lực của cả 11 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.(trừ Câu Sanh Trưởng).

* **Paccayo** làm “**Kiriyàpada - Câu Thuật Từ**” trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký đây, ngay thời gian đang sanh khởi có nhiều loại Duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa thích hợp là:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thục Quả Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,

- (11) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
(12) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Và trong thời Tái Tục vẫn có số lượng Duyên tựa vào giúp đỡ ủng hộ tương tự như trên, **chỉ trừ ra Câu Sanh Trưởng Duyên.**

- * **Rằng theo Thời Gian:** hiện hành trong thời Bình Nhựt và thời kỳ Tái Tục, ý nghĩa là Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký có được cả thời kỳ Bình Nhựt và Tái Tục.
- * **Rằng theo Địa Giới:** hiện hành trong 22 Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn (trừ Tứ Khổ Thú).
- * **Rằng theo Người:** hiện hành trong hai Phạm (1 Người Nhị Nhân, 1 Người Tam Nhân, trừ Khổ và Lạc) và bốn Bạc Quả.
- * **Rằng theo Lộ Trình:** hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt thì trong Lộ trình Ngũ Môn, Lộ trình Ý Môn. Còn trong thời kỳ Tái Tục thì chỉ hiện hành trong Lộ trình Tái Tục (và Tâm Tái Tục sanh tiếp nối từ nơi Lộ Trình Cận Tử).

HETUPACCAYASUDDHASANKHAYÀVÀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở NHÂN DUYÊN

Theo như đã đề cập ở phía trên, thì tóm tắt lại số lượng câu đơn “*suddhapada*” giai đoạn Vấn Đề của Nhân Duyên có được 7 câu như sau:

- (1) ***Kusalo kusalassa Hetupaccayena paccayo*** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Nhân Duyên.
- (2) ***Kusalo abyàkatassa Hetupaccayena paccayo*** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.
- (3) ***Kusalo kusalàbyàkatassa Hetupaccayena paccayo*** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện và Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.
- (4) ***Akusalo akusalassa Hetupaccayena paccayo*** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Nhân Duyên.
- (5) ***Akusalo abyàkatassa Hetupaccayena paccayo*** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.
- (6) ***Akusalo akusalàbyàkatassa Hetupaccayena paccayo*** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện và Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.
- (7) ***Abyàkato abyàkatassa Hetupaccayena paccayo*** – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Nhân Duyên.

HETUPACCAYASABHÀGA – NHÂN DUYÊN TÁU HỢP

Theo cách phối hợp khác, thì có nhiều loại Duyên tựu vào như sau:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

KẾT THÚC GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ CỦA NHÂN DUYÊN

-----00000-----



DUYÊN THỨ HAI
ÀRAMMANAPACCAYA – CẢNH DUYÊN
ÀRAMMANAPACCAYANIDDESAVÀRA –
GIAI ĐOẠN CẢNH DUYÊN XIỂN MINH

“Rùpàyatanam cakkhuvinnànadhàtuyà tam sampayuttakànanca dhammànam Àrammanapaccayena paccayo v.v. Yam yam dhammam àrabbha ye ye dhammà uppajjanti cittacetasikà dhammà te te dhammà tesam tesam dhammànam Àrammanapaccayena paccayo”-

Loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần xiển thuật Duyên là “**Àrammanapaccaya – Cảnh Duyên**”, thì loại Duyên đó, Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần xiển minh Duyên.

DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1/ Rùpàyatanam cakkhuvinnànadhàtuyà tam sampayuttakànanca dhammànam Àrammanapaccayena paccayo - Sắc Xứ (ở ngay hiện tại) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Thức Giới và Pháp tương ưng với Nhãn Thức Giới (7 Tâm Sở Biến Hành) với mãnh lực Cảnh Duyên.

2/ Saddàyatanam sotavinnànadhàtuyà tam sampayuttakànanca dhammànam Àrammana paccayena paccayo - Thinh Xứ (ở ngay hiện tại) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhĩ Thức Giới và Pháp tương ưng với Nhĩ Thức Giới (7 Tâm Sở Biến Hành) với mãnh lực Cảnh Duyên.

3/ Gandhàyatanam ghànavinnànadhàtuyà tam sampayuttakànanca dhammà -nam Àrammanapaccayena paccayo - Khí Xứ (ở ngay hiện tại) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tỷ Thức Giới và Pháp tương ưng với Tỷ Thức Giới (7 Tâm Sở Biến Hành) với mãnh lực Cảnh Duyên.

4/ Rasàyatanam jivhàvinnànadhàtuyà tam sampayuttakànanca dhammànam Àrammanapaccayena paccayo – Vị Xứ (ở ngay hiện tại) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiệt Thức Giới và Pháp tương ưng với Thiệt Thức Giới (7 Tâm Sở Biến Hành) với mãnh lực Cảnh Duyên.

5/ Photthabbàyatanam kàyavinnànadhàtuyà tam sampayuttakànanca dhammà -nam Àrammanapaccayena paccayo – Xúc Xứ (ở ngay hiện tại) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thân Thức Giới và Pháp tương ưng với Thân Thức Giới (7 Tâm Sở Biến Hành) với mãnh lực Cảnh Duyên.

6/ Rùpàyatanam saddàyatanam gandhàyatanam rasàyatanam photthabbàyata –

nam manodhātuyā tam sampayuttakānanca dhammānam Ārammanapaccayena paccayo – Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ (Ngũ Xứ ở trong hiện tại) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Giới và Pháp tương ứng với Ý Giới (10 Tâm Sở Tợ Tha trừ Dục, Hỷ, Càn) với mãnh lực Cảnh Duyên.

7/ **Sabbe dhammā manovinnānadhātuyā tam sampayuttakānanca dhammānam Ārammanapaccayena paccayo** – Tất cả các Pháp (là 6 Cảnh thời hiện tại, quá khứ, vị lai và “ngoại thời – *kālavimutta*”) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Thức Giới và Pháp tương ứng với Ý Thức Giới (52 Tâm Sở) với mãnh lực Cảnh Duyên.

8/ **Yam yam dhammam ārabha ye ye dhammā uppajjanti cittacetasikā dham -mā te te dhammā tesam tesam dhammānam Ārammanapaccayena paccayo** – Tất cả những Pháp nào (là 89 Tâm và 52 Tâm Sở) được sanh khởi do nương vào những Pháp đó (6 Cảnh), chính những Pháp đó (6 Cảnh) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với tất cả những Pháp trên (89 Tâm, 52 Tâm Sở) với mãnh lực Cảnh Duyên.

Trong tám điều này là phần chú giải thích nghĩa một cách tóm tắt trong Cảnh Duyên, có ý nghĩa là 6 Cảnh làm Năng Duyên và 89 Tâm, 52 Tâm Sở làm Sở Duyên. Hoặc để được hiểu biết rõ rệt thì tất cả Tâm và Tâm Sở sẽ được sanh khởi là do nương vào 6 Cảnh, nếu không là như thế thì không có thể sanh khởi được.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP

Khi phân tích Câu và nội dung chi pháp trong giai đoạn *Cảnh Duyên xiển minh*, Đức Phật lập ý trình bày Pháp như sau:

“**Ārammanapaccayo – Cảnh Duyên**” trình bày cho được biết đến **Niddisitabba – Giải Thích** (Câu này được đưa lên trình bày trước).

“**Rùpāyatanam cakkhuvinnānadhātuyā v.v, cho tới te te dhammā tesam tesam dhammānam Ārammanapaccayena paccayo**” trình bày cho được biết đến **Nidassanākāra – Giải Ngộ** (Câu này trình bày làm cho rõ thêm nội dung và cho được thấy loại kiểu mẫu).

Trong tất cả những Câu Giải Ngộ (**Nidassanākāra**) này,

Trong phần Pāli điều thứ nhất, **Rùpāyatanam**: làm Câu Chủ Từ (**Kattupada**), trình bày cho **Cakkhuvinnānadhātuyā tamsampayuttakānanca dhammānam** thành Câu Liên Hệ (**Sampadānapada**), trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, là 2 Tâm Nhân Thức, 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp.

* **Ārammanapaccayena**: làm Câu Chế Tác (**Karanapada**), trình bày cho được biết đến mãnh lực của 4 Duyên, là Cảnh, Tiền Sinh, Hiện Hữu, Bất Ly chỉ làm việc giúp đỡ ủng hộ cùng một lượt với nhau theo mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh.

* **Paccayo**: làm Câu Danh Thuật Từ (**Nāmakiriyāpada**), trình bày việc giúp đỡ ủng

hộ đối với Pháp Sở Duyên, bằng cách xa lìa chủ quản (**Paccayo = upakàrako hoti**).

Việc phân tách Câu, nội dung, chỉ pháp trong phần Pàli điều thứ hai, v.v, cho tới phần Pàli điều thứ năm, cũng hiện hành một cách tương tự với phần Pàli điều thứ nhất này.

Trong phần Pàli điều thứ sáu, **Rùpàyatanam saddàyatanam gandhàyatanam rasàyatanam photthabbàyatanam**: làm Câu Chủ Từ (**Kattupada**), trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, là Ngũ Cảnh ở ngay hiện tại.

* **Manodhātuyà tamsampayuttakānanca dhammānam**: làm Câu Liên Hệ (**Sampadānapada**), trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, là 3 Ý Giới, 10 Tâm Sở Tợ Tha phối hợp.

* **Àrammanapaccayena**: làm Câu Chế Tác (**Karanapada**), trình bày cho được biết đến mãnh lực của 4 Duyên, là Cảnh, Tiền Sinh, Hiện Hữu, Bất Ly chỉ làm việc giúp đỡ ủng hộ cùng một lượt với nhau theo mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh.

* **Paccayo**: làm Câu Danh Thuật Từ (**Nàmakiriyàpada**), trình bày việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, bằng cách xa lìa chủ quản (**Paccayo = upakàrako hoti**).

Trong phần Pàli điều thứ bảy, “**Sabbe dhammā**” làm Câu Chủ Từ (**Kattupada**), trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, là 6 Cảnh, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc ở ngay hiện tại, quá khứ, vị lai; và Níp Bàn, Chế Định ở phần Ngoại Thời, tất cả đều ở phần Siêu Lý và Chế Định.

* **Manovinnādhātuyà tamsampayuttakānanca dhammānam**: làm Câu Liên Hệ (**Sampadānapada**), trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, là 76 Ý Thức Giới, 52 Tâm Sở phối hợp.

* **Àrammanapaccayena**: làm Câu Chế Tác (**Karanapada**), trình bày cho được biết đến mãnh lực của 8 Duyên, là Cảnh, Cảnh Trường, Tiền Sinh Ý, Cảnh Cận Ý, Tiền Sinh, Bất Tương Ứng, Hiện Hữu, Bất Ly chỉ làm việc giúp đỡ ủng hộ cùng một lượt với nhau theo mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh.

* **Paccayo**: làm Câu Danh Thuật Từ (**Nàmakiriyàpada**), trình bày việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên, bằng cách xa lìa chủ quản (**Paccayo = upakàrako hoti**).

Một trường hợp khác, **Sabbe dhammā** làm Câu Chủ Từ (**Kattupada**), trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, **Manovinnādhātuyà tamsampayuttakā -nanca dhammānam** làm Câu Liên Hệ (**Sampadānapada**), trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, một khi sẽ trình bày một cách đặc biệt với sự thành Năng Duyên và Sở Duyên thì cũng hiện hành như vậy.

1. 6 Cảnh là 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc, ở trong Tam Thời, sanh khởi trong cả Tam Thời, làm Cảnh Năng Duyên.

11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Tiểu Sinh, 33 Tâm Sở, làm Cảnh Sở Duyên.

2. 6 *Cảnh* là 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở, 28 Sắc ở trong Tam Thời, và Chế Định ở Ngoại Thời, làm Cảnh Năng Duyên.
12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, 51 Tâm Sở (trừ Tuệ Quyền), làm Cảnh Sở Duyên.
3. 6 *Cảnh* là 87 Tâm (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh), 52 Tâm Sở, 28 Sắc ở trong Tam Thời, và Níp Bàn, Chế Định ở Ngoại Thời, làm Cảnh Năng Duyên.
4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 38 Tâm Sở, làm Cảnh Sở Duyên.
4. 6 *Cảnh* là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc ở trong Tam Thời, và Níp Bàn, Chế Định ở Ngoại Thời, làm Cảnh Năng Duyên.
4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 1 Tâm Khai Ý Môn, 35 Tâm Sở, làm Cảnh Sở Duyên.
5. *Cảnh Sắc hiện tại* khi là “**Dùra** - Dao Viễn”, “**Paticchanna** - Ấn Tàng”, “**Sanha** - Tế Nhuyễn”, “**Sukhuma**- Vi Tế”, đề cập đến Cảnh Sắc ở nơi rất xa, Cảnh Sắc ở nơi ẩn khuất che lấp, Cảnh Sắc ở nơi rất nhỏ, Cảnh Sắc ở nơi vi tế, làm Cảnh Năng Duyên.
Tâm Thiện Thiên Nhân Thắng Trí, Duy Tác Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.
6. *Cảnh Thinh hiện tại* khi là “**Dùra** - Dao Viễn”, “**Paticchanna** -Ấn Tàng”, “**Sanha** - Tế Nhuyễn”, “**Sukhuma**- Vi Tế”, đề cập đến Cảnh Thinh ở nơi rất xa, Cảnh Thinh ở nơi bung bít cách ngăn, Cảnh Thinh ở nơi rất khế, Cảnh Thinh ở nơi vi tế, làm Cảnh Năng Duyên.
Tâm Thiện Thiên Nhĩ Thắng Trí, Duy Tác Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.
7. 6 *Cảnh* khi hiện bày hàng trăm, ngàn Sắc Thể, v.v, và Thiện Thiên Cơ Bản Sắc Giới, Duy Tác, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Năng Duyên.
Tâm Thiện Thần Túc Thắng Trí, Duy Tác Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.
8. *Cảnh Pháp* là 87 Tâm, 52 Tâm Sở (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh) của người ở phần thuộc 7 ngày quá khứ, 7 ngày vị lai và hiện đang sanh, ở trong Tam Thời, làm Cảnh Năng Duyên.
Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.
9. *Cảnh Pháp* là 89 Tâm, 52 Tâm Sở ở phần thuộc 7 ngày quá khứ, 7 ngày vị lai và hiện đang sanh, ở trong Tam Thời, làm Cảnh Năng Duyên.
Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.
10. 6 *Cảnh* là Ngũ Uẩn, tức là 87 Tâm, 52 Tâm Sở (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh), 28 Sắc ở trong Ta và Người khi đã hiện hành trong những kiếp quá khứ (**Pubbenivuttha**-Tiền Kiếp) và Níp Bàn, Chế Định, đề cập đến dòng giống, tông

đường, vóc dáng hình dạng, tên tuổi, trú xứ nương ở, cần được biết đến việc liên quan với Ngũ Uẩn, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

11. 6 *Cảnh* là Ngũ Uẩn, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc ở trong Ta và Người khi đã hiện hành trong những kiếp quá khứ (***Pubbenivuttha - Tiền Kiếp***) và Níp Bàn, Chế Định, đề cập đến dòng giống, tông đường, vóc dáng hình dạng, tên tuổi, trú xứ nương ở, cần được biết đến việc liên quan với Ngũ Uẩn, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

12. *Cảnh Pháp* là Tứ Danh Uẩn Bất Thiện, Thiện Hiệp Thế khi có Tâm Sở Tư làm thủ vị của Người, sanh khởi trong sát na tạo tác việc Thiện, việc Bất Thiện, ở trong những kiếp quá khứ, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Tùy Nghiệp Thù Trí, Duy Tác Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

13. 6 *Cảnh* là Ngũ Uẩn, tức là 87 Tâm, 52 Tâm Sở (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh), 28 Sắc khi là của Ta và của Người sẽ sanh trong chính kiếp sống này và tiếp tục đi trong những kiếp sống kế tiếp; và Níp Bàn, Chế Định, đề cập đến dòng giống, tông đường, vóc dáng hình dạng, tên tuổi, trú xứ nương ở, cần được biết đến việc liên quan với Ngũ Uẩn, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Vị Lai Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

14. 6 *Cảnh* là Ngũ Uẩn, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc khi là của Ta và của Người sẽ sanh trong chính kiếp sống này và tiếp tục đi trong những kiếp sống kế tiếp; và Níp Bàn, Chế Định, đề cập đến dòng giống, tông đường, vóc dáng hình dạng, tên tuổi, trú xứ nương ở, cần được biết đến việc liên quan với Ngũ Uẩn, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Vị Lai Thắng Trí, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

15. *Cảnh Pháp Chế Định* là 25 Cảnh Nghiệp Xứ, có 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 10 Bất Tịnh Chế Định, 1 Thân Phần Chế Định (***Kotthàsapannatti***), 1 Sở Túc Chế Định (***Ànàpànapannatti***), 1 Sở Ái Tích Hỷ Hữu Tình Chế Định (***Piyamanàpasattapannatti***), 1 Khổ Đau Hỷ Hữu Tình Chế Định (***Dukkhitasattapannatti***), 1 An Lạc Hỷ Hữu Tình Chế Định (***Sukhitasattapannatti***), làm thành Cảnh của cả 3 là Từ (***Mettà***), Bi (***Karunà***), Hỷ (***Mudità***), làm Cảnh Năng Duyên.

3 Tâm Sơ Thiện Sắc Giới, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

16. *Cảnh Pháp Chế Định* là 14 Cảnh Nghiệp Xứ, có 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Sở

Tức Chế Định, 1 Sở Ái Tích Hỷ Hữu Tình Chế Định, 1 Khổ Đau Hữu Tình Chế Định, 1 An Lạc Hữu Tình Chế Định, làm thành Cảnh của cả 3 là Từ, Bi, Hỷ, làm Cảnh Năng DUYÊN.

3 Tâm Nhị Thiên Sắc Giới, 3 Tâm Tam Thiên, 3 Tâm Tứ Thiên, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

17. *Cảnh Pháp Chế Định* là 12 Cảnh Nghiệp Xứ, có 10 Hoàn Tịnh Chế Định, 1 Sở Tức Chế Định, 1 Trung Bình Hữu Tình Chế Định (**Majjhattasattapannatti**), làm thành Cảnh của Xã (**Upekkhà**), làm Cảnh Năng DUYÊN.

3 Tâm Ngũ Thiên Sắc Giới, Tâm Sở phối hợp làm Cảnh Sở DUYÊN.

18. *Cảnh Pháp Chế Định* là Hư Không Biến Xứ (**Àkàsapannatti**), được hiện bày do việc loại trừ một Biến Xứ trong bất luận một của cả 9 Biến Xứ (trừ Hư Không Biến Xứ), làm Cảnh Năng DUYÊN.

3 Tâm Thiên Không Vô Biên Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

19. *Cảnh Pháp Đáo Đại* là Thiện Thiên Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta ở trong kiếp này **hay** trong kiếp trước, làm Cảnh Năng DUYÊN.

Tâm Thiện Thiên Thức Vô Biên Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

20. *Cảnh Pháp Đáo Đại* là Thiện Thiên Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta ở trong kiếp trước, làm Cảnh Năng DUYÊN.

Tâm Quả Thiên Thức Vô Biên Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

21. *Cảnh Pháp Đáo Đại* là Thiện Thiên Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta trong kiếp này **và** trong kiếp trước, Duy Tác Thiên Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta trong kiếp này, làm Cảnh Năng DUYÊN.

Tâm Duy Tác Thiên Thức Vô Biên Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

22. *Cảnh Pháp Vô Sở Hữu Chế Định* là sự không còn dư sót từ nơi Thiện – Duy Tác Thiên Không Vô Biên Xứ làm Cảnh Năng DUYÊN.

3 Tâm Thiên Vô Sở Hữu Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

23. *Cảnh Pháp Đáo Đại* là Thiện Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta trong kiếp này **hay** trong kiếp trước, làm Cảnh Năng DUYÊN.

Tâm Thiện Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

24. *Cảnh Pháp Đáo Đại* là Thiện Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta trong kiếp trước, làm Cảnh Năng DUYÊN.

Tâm Quả Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở DUYÊN.

25. *Cảnh Pháp Đáo Đại* là Thiện Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta trong kiếp này **và** trong kiếp trước, Duy Tác Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tâm tánh của Ta trong kiếp này, làm Cảnh Năng DUYÊN.

Tâm Duy Tác Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

26. *Cảnh Pháp* là Níp Bàn làm Cảnh Năng Duyên.

8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, Tâm Sở phối hợp, làm Cảnh Sở Duyên.

Trong phần Pàli điều thứ tám, là **yam yam dhammam** làm **Aniyamakamma – pada:** Câu tạo tác bất định, là Câu không được chỉ rõ chính xác nội dung, chỉ là cho hiểu biết làm Cảnh Năng Duyên, do đó mới được hết cả 6 Cảnh, và theo chi Pháp thì được cả Siêu Lý và Chế Định.

* **Àrabbha** làm **Kiriyàvisesanapada:** trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến việc sanh khởi của Pháp Cảnh Sở Duyên, là có việc sanh khởi sự nghĩ suy.

* **Ye ye dhammà** làm **Aniyamakattupada:** Câu Chủ Từ bất định, là Câu không được chỉ rõ chính xác nội dung, chỉ là cho hiểu biết làm Cảnh Sở Duyên.

* **Uppajjanti** làm **Àkhayàtakiriyàpadakattuvàcaka:** Câu có tiềm lực hành động, trình bày cho biết đến việc sanh khởi của Cảnh Sở Duyên.

* **Cittacetāsikā dhammā** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ, trình bày nội dung cho biết đến bản thể Pháp Cảnh Sở Duyên.

Sự việc chi Pháp của **Ye ye dhammā** làm **Aniyamakattupada:** là Câu Chủ Từ bất định, tất cả như vậy cũng vì Sắc, Níp Bàn, Chế Định, khi sẽ nhập vào trong lời nói rằng **Ye ye dhammā** quả thật vậy, những loại Pháp này sẽ không làm được Pháp Sở Duyên của Cảnh Năng Duyên, bởi vì Sắc, Níp Bàn Chế Định thành **Pháp Cảnh Bất Động (Anàrammanadhamma)**, do đó Đức Phật lập ý trình bày là **Cittacetāsikā dhammā**.

* **Te te dhammā** làm **Niyamakattupada:** Câu Chủ Từ xác định, là Câu chỉ rõ một cách chính xác đến Pháp Cảnh Năng Duyên.

Theo chỗ được trình bày là **Yam yam dhammam** làm **Niyamakattupada:** đó là Câu Chủ Từ xác định, do đó chi Pháp mới có được hết cả 6 Cảnh, làm Siêu Lý và Chế Định.

* **Tesam tesam dhammānam** làm **Niyamasampadānapada:** Câu Liên Hệ xác định, trình bày một cách chính xác đến Pháp Cảnh Sở Duyên.

Theo chỗ được trình bày là **Ye ye dhammā** làm **Aniyamakattupada:** đó là Câu Chủ Từ bất định, do đó chi Pháp mới được là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.

* **Àrammanapaccayena** làm **Câu Chế Tác**, trình bày cho biết rằng trong tất cả Duyên làm việc giúp đỡ ủng hộ trong cùng một lượt với nhau tùy theo thích hợp là:

5 CẢNH LINH TINH HIỆP LỰC – ÀRAMMANAPAKINNAKAGHATANÀ

1. Nếu 6 *Cảnh* ở nơi thỏa thích hài lòng, là 18 Sắc Thành Tựu Duyệt Ý, 84 Tâm (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi) ở trong Tam Thời, Níp Bàn, làm Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn có sự thỏa thích hài lòng, tức là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần) làm Sở Duyên.

Có 3 Duyên giúp đỡ ủng hộ ngay trong sát na đó, là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

Trong ba loại Duyên này, chỉ có duy nhất mãnh lực của Cảnh là thành đặc biệt.

2. Nếu 6 *Cảnh* là 18 Sắc Thành Tựu ở ngay hiện tại làm Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay trong Cõi Ngũ Uẩn, làm Sở Duyên.

Có 4 Duyên giúp đỡ ủng hộ ngay trong sát na đó, là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (3) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (4) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Trong bốn loại Duyên này, chỉ có duy nhất mãnh lực của Cảnh là thành đặc biệt.

3. Nếu *Cảnh Pháp* là Ý Vật cùng câu sanh với sát na Sanh của cái Tâm thứ 17 tính thụt lùi từ Tâm Tử trở đi, làm Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn là 1 Tâm Khai Ý Môn, 5 Đồng Lực Dục Giới Cận Tử, 11 Tâm Na Cảnh, 44 Tâm Sở phối hợp (trừ Tật Đố, Lận Sắt, Hối Hận, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Sở Duyên.

Có 6 Duyên giúp đỡ ủng hộ ngay trong sát na đó, là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (4) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (5) Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Trong sáu loại Duyên này, chỉ có duy nhất mãnh lực của Cảnh là thành đặc biệt.

4. Nếu 6 *Cảnh* ở nơi thỏa thích hài lòng, là 18 Sắc Thành Tựu ở ngay hiện tại làm Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn có sự thỏa thích hài lòng, tức là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phẫn, Hoài Nghi) làm Sở Duyên.

Có 6 Duyên giúp đỡ ủng hộ ngay trong sát na đó, là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên,
- (4) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Trong sáu loại Duyên này, chỉ có duy nhất mãnh lực của Cảnh là thành đặc biệt.

5. Nếu *Cảnh Pháp* ở nơi thỏa thích hài lòng, là Ý Vật cùng câu sanh với sát na Sanh của cái Tâm thứ 17 tính thụt lùi từ Tâm Tử trở đi, làm Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn có sự thỏa thích hài lòng, là 5 Đồng Lực căn Tham Cận Tử, 22 Tâm Sở phối hợp, làm Sở Duyên.

Có 8 Duyên giúp đỡ ủng hộ ngay trong sát na đó, là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Cảnh Cận Y Duyên,
- (5) Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Trong tám loại Duyên này, chỉ có duy nhất mãnh lực của Cảnh là thành đặc biệt.

Ngoài ra cũng vẫn còn có, *Cảnh Sắc*, v.v, cho đến *Cảnh Ngũ*, và 6 *Cảnh* làm Năng Duyên.

Tứ Danh Uẩn là Tâm Nhãn Thức Giới, v.v, cho đến Ý Giới, Tâm Ý Thức Giới, những loại này làm Sở Duyên.

Tại nơi đây cũng cần phải trình bày thêm một lần nữa, tuy nhiên lại không thấy trình bày, là như vậy cũng vì, trong phần Pàli điều thứ nhất đến thứ bảy, có được trình bày như sau:

* **Paccayo** làm **Nàmakiriyàpada**: Câu Danh Thuật Từ, có sự trình bày hiện hành cũng cùng một phương cách như đã được đề cập đến.

LỜI GIẢI THÍCH

Trong *Cảnh Duyên xiển minh (Ārammanapaccayaniddesa)*, phần Pàli điều thứ nhất cho đến điều thứ sáu, Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên. Sự việc *Cảnh Ngũ* làm duyên cho đối với Tâm Ngũ Thức Giới sanh khởi, *Cảnh Sắc* không thể hiện hữu duy nhất chỉ trong một Tổng Hợp Sắc (**Rùpakalāpa**) sẽ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Nhân Thức Giới, đề cập là sẽ không thể nào thấy được *Cảnh Sắc* hiện hữu duy nhất chỉ trong một Tổng Hợp Sắc, mà sẽ thấy được rằng *Cảnh Sắc* hiện hữu trong rất nhiều Tổng Hợp Sắc kết hợp lại với nhau.

Cảnh Thinh cũng được hiện hành tương tự như vậy.

Còn *Cảnh Khí*, *Cảnh Vị*, *Cảnh Xúc*, tuy hiện hữu duy nhất chỉ trong một Tổng Hợp Sắc, cũng có khả năng làm duyên giúp đỡ ủng hộ cho đối với Tâm Tỷ Thức Giới, Thiệt Thức Giới, Thân Thức Giới, đề cập là *Cảnh Khí*, *Cảnh Vị*, *Cảnh Xúc* hiện hữu duy nhất chỉ trong một Tổng Hợp Sắc cũng có khả năng làm cho biết khí hơi, biết mùi vị, biết cảm xúc.

Như nhà Phụ Chú Giải có trình bày như sau:

“Anekakalāpagatāni bahūni yeva rūpāyatanāni samuditāni samhiccaka -rittāya sivikubbananāyena cakkhuvinnānassa Ārammanapaccayo na ekakatipayāniva”. (**Atthasālinīanutikā**) - Cảnh Sắc hiện hữu trong rất nhiều Tổng Hợp Sắc kết hợp lại với nhau, và làm Cảnh Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhân Thức Giới, vì có được sự tiếp xúc lẫn nhau, ví tựa như kê vai gánh vác, không thể nào tìm thấy được Cảnh Sắc hiện hữu chỉ trong một hoặc hai Tổng Hợp Sắc mà có thể làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhân Thức Giới được.

“Sesāni pana ghānādīnissayesu allīnāneva vinnānuppatti kārānānī ekekalāpagatānīpi”. Còn những loại Cảnh, như Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, khi vào đến chỗ nương nhờ, là Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt cũng làm thành Nhân cho việc sanh khởi của Tỷ Thức Giới, Thiệt Thức Giới, Thân Thức Giới, chính do đó, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc hiện hữu trong bất luận một Tổng Hợp Sắc nào cũng thường đạt đến việc được làm duyên giúp đỡ cho Tâm Tỷ Thức Giới, Thiệt Thức Giới, Thân Thức Giới.

Việc trình bày tuần tự chi pháp thứ một trong phần Pàli của điều thứ bảy, là chẳng phải giải thích ý nghĩa của 11 Tâm Na Cảnh sanh khởi có 6 *Cảnh* ở phần Cảnh Dục Giới làm Năng Duyên, mà đặc biệt chỉ giải thích ý nghĩa duy nhất ở phần Tâm Tiểu Sinh của bậc Vô Sinh có 6 *Cảnh* ở phần Cảnh Dục Giới làm Năng Duyên, như tiếp theo đây.

Bậc Vô Sinh khi được nhận thấy tình trạng tu tập của mình một cách thuận lợi, thích hợp, an vui thì có sự hoan hỷ duyệt ý.

Bậc Vô Sinh khi được nghe âm thanh thảo luận đàm đạo một cách náo loạn âm ĩ giữa Chư Tỳ Khưu Phạm Tăng với nhau do bởi sự bốc thăm, thì có sự hân hoan cùng tột trong việc nhận thức bản thân đã diệt trừ mọi Tham Ái (**Loluppattanà**) làm cho Tâm Ý bị kích hoạt dẫn đến Thân Lôi rung động.

Bậc Vô Sinh khi được cúng dường Tam Bảo với những lễ vật hoặc bông hoa với đủ loại hương thơm thì có sự hân hoan thỏa thích; khi được phân phát chia sẻ những vật thực thượng vị đến huynh đệ đạo hữu với nhau thì có sự hoan hỷ trong lòng; khi bản thân được thọ lãnh Bát Thánh Đạo (**Atthaparikkhà**) một cách an vui thuận lợi thích hợp; hoặc được thực hiện nét hạnh thanh cao và Phạm Hạnh cao thượng với những Thiện sự hằng ngày tốt đẹp một cách đặc biệt vượt ra ngoài phạm vi Pháp Luật, như có việc quét dọn lau chùi làm vệ sinh tới trú xứ của Tỳ Khưu Tăng, nơi tôn nghiêm và trú xứ bậc Giáo Thọ, làm việc giặt giũ y áo, đầm bóp thoa dầu bậc Giáo Thọ, Trưởng Lão Cao Tăng, hoặc săn sóc Tỳ Khưu ốm đau với sự hân hoan thỏa thích thì có sự hoan hỷ duyệt ý.

Bậc Vô Sinh khi được quán sát nhận thấy tâm tánh của mình hay của người đã hiện hành trong nhiều kiếp quá khứ do bởi Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí hoặc với Toàn Giác Trí; hoặc được nhận thấy tâm tánh của người khác là Thiện hay Bất Thiện ở ngay trước mặt do bởi Vị Lai Thắng Trí hoặc với Toàn Giác Trí, nếu bên phần Thiện thì cũng có sự hoan hỷ trong lòng, nếu bên phần Bất Thiện thì cũng có sự sáng khoái thư thái trong lòng, cũng vì quán sát được thấy rằng, ngay hiện tại này Ta đã được vượt thoát khỏi tất cả những sự việc này.

Theo như đã được đề cập đến, tất cả những học giả nên suy đoán cho được hiểu biết trong câu chuyện này là, cho dù Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh sẽ sanh khởi trong Lộ Ý Môn, tuy nhiên cũng làm cho sanh khởi sự hoan hỷ duyệt ý ở nội phần, dù không liên quan đến sự việc làm cho nở nụ cười.

Việc trình bày tuần tự chi pháp thứ hai trong phần Pàlì của điều thứ bảy, là 12 Tâm Bất Thiện, 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, 51 Tâm Sở (trừ Tuệ Quyền) sanh khởi có 6 *Cảnh* ở phần Hiệp Thế và Chế Định (trừ Pháp Siêu Thế là Đạo, Quả, Níp Bàn).

Trong điều này, sự việc Tâm Bất Thiện sanh khởi chẳng phải do có Pháp Siêu Thế làm Cảnh cũng vì 12 Tâm Bất Thiện này phối hợp với Si; còn đối với Tâm Đại Thiện và Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí sanh khởi chẳng phải do có Pháp Siêu Thế làm Cảnh cũng vì không có Tuệ Quyền.

Theo lẽ thường tất cả những *Thực Tính Pháp* này, thường hiện hành theo *Nhân* theo *Duyên*, gọi là *Vô Ngã*, không thể nắm bắt bất luận một người nào làm Trưởng, rồi lại chỉ đạo cho hiện hành theo Tâm Ý mà không thể không có Nhân Duyên được, do đó, cho dù

Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí là Tâm sanh khởi đến bậc Vô Sinh, nhưng cũng không có Nhân Duyên sẽ làm cho Pháp Siêu Thế hiện đến làm Cảnh được, Nhân Duyên đó chính là Tuệ Quyền.

Việc trình bày tuần tự chi pháp thứ ba trong phần Pàlì của điều thứ bảy, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 38 Tâm Sở sanh khởi có 6 *Cảnh* ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh).

Trong điều này, đặc biệt chỉ muốn đề cập đến Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí của bậc Bất Lai, người đã thành tựu 8 hoặc 9 Định, nhưng vẫn cần phải chu toàn một vài Pháp Chế Định mà bản thân vẫn chưa được biết đến.

Còn Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí của Phàm Nhân, Thất Lai, Nhất Lai cũng cần phải chu toàn Pháp Đáo Đại và Pháp Siêu Thế mà bản thân vẫn chưa thành đạt và chứng đắc, cùng với một vài Pháp Chế Định vẫn chưa được biết đến.

Như phần Chú Giải Vô Tỷ Pháp (*Abhidhammavatàraatthakathà*) trình bày như sau:

<i>Puthujjano najànàti</i>	<i>Sotàpannassa mànasam</i>
<i>Sotàpanno najànàti</i>	<i>Sakadàgàmissa mànasam</i>
<i>Sakadàgàmì najànàti</i>	<i>Anàgàmissa mànasam</i>
<i>Anàgàmì najànàti</i>	<i>Arahantassa mànasam</i>
<i>Hetthimo hetthimo neva</i>	<i>Jànàti uparùpari</i>
<i>Uparùpari jànàti</i>	<i>Hetthimassa ca mànasam.</i>

Dịch nghĩa, là:

1. *Phàm Nhân thường không được biết đến Tâm của bậc Thất Lai, Bậc Thất Lai thường không được biết đến Tâm của bậc Nhất Lai,*
2. *Bậc Nhất Lai thường không được biết đến Tâm của bậc Bất Lai, Bậc Bất Lai thường không được biết đến Tâm của bậc Vô Sinh,*
3. *Người bậc thấp thường không được biết đến Tâm của người bậc trên. Người bậc trên thường được biết đến Tâm của người bậc thấp.*

Việc trình bày tuần tự chi pháp thứ bốn trong phần Pàlì của điều thứ bảy, là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 1 Tâm Khai Ý Môn, 35 Tâm Sở sanh khởi có 6 *Cảnh* ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, Chế Định, một cách không còn dư sót.

Trong điều này, chỉ muốn đề cập đến duy nhất Tâm của bậc Chánh Đẳng Giác, đối với Tâm của tất cả bậc Vô Sinh khác, như là bậc Độc Giác Phật, v.v, nếu vẫn chưa có được Thiền Thắng Trí thì cần phải chu toàn Pháp Đáo Đại, nếu chỉ biết đến Thiền Sắc Giới thì không thể biết đến Thiền Vô Sắc Giới. Còn việc liễu tri tất cả Pháp Siêu Thế và việc hiểu biết không hết Pháp Chế Định, quả quyết là việc vẫn còn hiện hữu.

Lại nữa, Tâm Khai Ý Môn được biết hết tất cả Cảnh không còn dư sót, vì hiện hành trong sát na làm nhiệm vụ *Sự Đoán Định (Votthabbanakicca)*, *Sự Khai Môn (Àvajjana)*, sanh trước Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.

Tuy vậy khi đề cập theo phần *Trích dẫn Pháp (Dhammàdhitthàna)* thì biết rằng Tâm Khai Ý Môn tiếp thu được tất cả Cảnh, mới gọi tên là **Tâm Trọng Đại (Mahàgajacitta)**, Tâm hiện hành tương tự như một Không Tượng, do đó, Ngài Giáo Sư Chú Giải Giác Âm (*Buddhaghosa*) nói rằng:

“*Tâm chẳng phải là Toàn Giác Trí nhưng hiện hành tương tự như Toàn Giác Trí*”, đó là Tâm Khai Ý Môn.

Như có sự trình bày trong phần Chú Giải *Atthasàlini* như sau:

“*Mahàgajam nàmetam cittam imassa anàrammanam nàma natthi asabbannutanànam sabbannutanànagatikam nàma katamanti ? Vutte idanti vattabbam*”-

Dịch nghĩa là: Tâm Khai Ý Môn là Tâm sanh trước Toàn Giác Trí, Túc Mạng Tùy Niệm, Vị Lai Thắng Trí, gọi là Tâm Trọng Đại, là Tâm có rất nhiều năng lực ví như Không Tượng và Pháp không làm thành Cảnh của Tâm Khai Ý Môn là hoàn toàn không có.

Nếu có một câu hỏi, là: Tâm chẳng phải là Toàn Giác Trí nhưng hiện hành tương tự như Toàn Giác Trí, Tâm đó được gọi tên chi?

Nên trả lời là: Tâm đó được gọi là Tâm Khai Ý Môn.

Việc trình bày tuần tự chi pháp thứ năm v.v. cho đến 14 trong phần Pàli điều thứ bảy, là Tâm Thiện Thắng Trí Sắc Giới sanh khởi có 6 *Cảnh* ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, Chế Định (trừ Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh), có lời giải thích là, cũng hiện hành cùng một phương cách với 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí.

Tâm Duy Tác Thắng Trí Sắc Giới sanh khởi có 6 *Cảnh* ở phần Hiệp Thế, Siêu Thế, Chế Định không còn dư sót, có lời giải thích là, cũng hiện hành cùng một phương cách với 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.

Chú Giải trong phần Pàli điều thứ tám, gồm có hai Câu kệ, với nội dung liên quan đến, ***Yam yam dhammam àrabhha, ye ye dhammà uppajjanti cittacetasikà dhammà*** là **Câu Bất Định**. ***Te te dhammà tesam tesam dhammànam Àrammana - paccayena paccayo*** là **Câu Xác Định**.

Phần Pàli lập ý trình bày tóm lược giải thích rõ nội dung chính ở điều thứ nhất cho đến điều thứ bảy, cho được hiểu biết trong câu chuyện việc giúp đỡ ủng hộ của 6 *Cảnh* đối với 7 Thức Giới.

Như Ngài Giáo Sư Chú Giải Giác Âm có trình bày đề trong *Chú Giải Phát Thú* như

sau:

“Yam yam dhammam àrabbhàti iminà ye ete etàsam sattannam vinnàdadhàtunam Àrammanadhammà vuttà, te tàsam dhàtunam Àrammanam katvā, uppajjanakkhaneyeva Àrammanapaccayo hontīti dīpeti, evam hontāpi ca na ekato hontī, yam yam àrabbha ye ye uppajjanti tesam tesam te te visum visum Àrammanapaccayo hontītipi dīpeti”- ý nghĩa là, theo phần Pàli thì có **Yam yam dhammam àrabbha v.v.** lẽ thường trình bày cho được thấy Pháp nào làm thành Cảnh của 7 Thức Giới, Đức Phật đã lập ý trình bày để trong điều thứ nhất đến điều thứ bảy, Pháp nào làm thành Cảnh của 7 Thức Giới là khi 7 Thức Giới làm những Pháp đó cho thành Cảnh thì thường cùng sanh khởi ngay trong sát na đó (những Pháp này mới sẽ làm được Cảnh Duyên của 7 Thức Giới).

Và tiếp tục trình bày cho được thấy là, cho dù làm thành Cảnh Duyên, nhưng không thể đồng cùng hiện hành, đề cập đến, những Pháp Cảnh Sở Duyên nào làm cho những Pháp nào thành Cảnh thì thường sanh khởi một cách đặc biệt tất cả những Pháp đó thành Cảnh Năng Duyên của những Pháp Cảnh Sở Duyên.

Từ ngữ **Uppajjanti** ở trong phần Pàli điều thứ 8, cho dù được phân tích xoay vòng luân chuyển (**Antivattamànāvibhatti**), Đức Phật lập ý chỉ muốn nhắm vào việc sanh khởi ở ngay Pháp Hiện Tại đang hiện hành trong cả ba Thời.

Việc nói đến, **Nijjo sandanti** - tất cả con sông đang trôi chảy, **Pabbatā titthanti** - tất cả núi non đang hiện hữu. Việc hiện hành như vậy cũng vì trong cả hai câu thí dụ điển hình này, không phải chỉ chủ hướng đến duy nhất thời Hiện Tại, mà chỉ hướng đến cả Quá Khứ, Vị Lai. Do đó, ý muốn nói trong cả hai câu thí dụ điển hình này, có ý nghĩa là, tất cả con sông đã trôi chảy, đang trôi chảy, và sẽ tiếp tục trôi chảy. Tất cả núi non đã hiện hữu, đang hiện hữu, và sẽ tiếp tục hiện hữu.

Như có sự trình bày ở trong Chú Giải Phát Thứ như sau:

1. **Uppajjantīti idam yathā nijjo sandanti pabbatā titthantīti sabbakālasangahavasena evam vuttanti veditabbam.**

2. **Tena yepi àrabbha ye uppajjimsu ye pi uppajjissanti te sabbe Àrammanapaccayeneva uppajjimsu ca uppajjissanti cāti siddham hoti.**

Ý nghĩa câu thứ nhất: Đức Phật lập ý trình bày **Uppajjanti** là Câu **“Kiriyaṇapada - Câu Thuật Từ”** với việc tập hợp lại tất cả ba Thời, mới lập ý trình bày **Uppajjanti** tương tự như trong câu thí dụ điển hình **nijjo sandanti** tất cả con sông đang trôi chảy. **Pabbatā titthanti** tất cả núi non đang hiện hữu, và tất cả học giả nên hiểu biết như vậy.

Ý nghĩa câu thứ hai: Pháp Cảnh Sở Duyên nào, cho dù việc tạo tác bất luận sự việc

nào cho thành Cảnh và đã được sanh khởi, thì những Pháp Cảnh Sở Duyên khác cũng sẽ sanh khởi. Cả hai trường hợp này liên quan đến Quá Khứ, Vị Lai, được thành tựu với câu **Uppajjanti** có ý nghĩa là, tất cả những Pháp Cảnh Sở Duyên này đã sanh khởi rồi, và sẽ tiếp tục sanh khởi, cũng bởi do mãnh lực của Cảnh Duyên này.

Ý NGHĨA CỦA CÁC CÂU Ở TRONG CÂU BẤT ĐỊNH VÀ CÂU XÁC ĐỊNH

- * **Yam yam dhammam:** trình bày đến Năng Duyên, tức là 6 Cảnh.
- * **Ye ye dhammà:** trình bày đến Pháp Sở Duyên, tức là Pháp Cảnh Sở Duyên.
- * **Cittacetāsikā dhammà:** trình bày hạn định chi pháp trong Pháp Cảnh Sở Duyên, nơi là **Ye ye dhammà**.
- * **Àrabbha:** làm “**Kitakiriyāpada**” - Câu giải thích, có liên quan với Nhân Duyên.
- * **Uppajjanti:** làm “**Àkhaṇṇakiriyāpada**” - Câu có tiềm lực hành động, có liên quan với Quả Sở Duyên.
- * **Te te dhammà:** trình bày đến Năng Duyên, là 6 Cảnh, theo việc đã được trình bày đến, đó là **Yam yam dhammam**.
- * **Tesam tesam dhammānam:** trình bày đến Pháp Sở Duyên, là Tâm Tâm Sở, theo việc đã được trình bày đến, đó là **Tesam tesam dhammānam**.
- * **Àrammanapaccayena:** trình bày cho được biết đến việc sanh khởi của Pháp Sở Duyên này, là sanh khởi với mãnh lực của Cảnh Duyên.
- * **Paccayo:** trình bày cho được biết đến việc sanh khởi của Pháp Sở Duyên với mãnh lực của Cảnh Duyên, duy chỉ liên quan với mãnh lực làm thành sự ủng hộ, như đã được giải thích trong phần Nhân Duyên xiển minh.

CHÚ GIẢI TÓM LƯỢC VỀ CẢNH DUYÊN

“**Cittacetāsikehi ālambiyatīti Àrammanam**” - Pháp chủng mà tất cả Tâm và Tâm Sở nắm giữ lấy, gọi là Cảnh.

“**À abhimukham ramanti etthāti Àrammanam**” - Tất cả Tâm và Tâm Sở vui thích đến hội hợp, đối diện nhau trong Pháp chủng này, do vậy Pháp này gọi là Cảnh.

“**Citta cetāsikā āgantvā ramanti etthāti Àrammanam**” - Tất cả Tâm và Tâm Sở vui thích đi đến Pháp chủng này, do vậy Pháp này gọi là Cảnh.

“**Citta cetāsike ālambatīti Àrammanam**” - Pháp nào thường níu kéo, giữ lấy tất cả Tâm và Tâm Sở, do vậy Pháp đó gọi là Cảnh.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT CẢNH DUYÊN

Thế theo như chỗ đã được trình bày về *Nhân Duyên* là Duyên được xếp theo thứ tự đầu tiên, gọi là 6 *Nhân* làm căn gốc cho khởi sanh Pháp tương ưng là Tâm và Tâm Sở, quả thật vậy. Tuy nhiên, 6 *Nhân* này nếu như không có *Cảnh* thì các *Nhân* này cũng không có thể sanh khởi được, là phải nương vào *Cảnh* mới sẽ được khởi sanh.

Vì thế, Đức Thế Tôn mới có ý thuyết giảng *Cảnh Duyên* tiếp nối theo thứ tự thành thứ hai, với ý nghĩa như sau:

Trong *Cảnh Duyên* thì Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định, tức là 6 *Cảnh* có Cảnh Sắc, v.v. làm duyên cho sanh Danh Pháp, là tất cả Tâm và Tâm Sở; bởi vì tất cả chúng sanh hữu sanh mạng mà không có *Cảnh* làm thành vật nương vào níu kéo thì Tâm và Tâm Sở cũng không có khả năng sẽ được khởi sanh.

Ví như người già yếu hay tàn tật thường phải nương vào cây gậy hay sợi dây làm vật níu kéo để giữ cho thăng bằng, rồi đứng dậy và bước đi được như thế nào, thì tất cả Tâm và Tâm Sở cũng tương tự như vậy, phải có 6 *Cảnh* làm vật nương vào níu kéo để sanh khởi.

Một trường hợp khác, tất cả *Cảnh* là vật tạo tác phát khởi làm cho Tâm và Tâm Sở tụ hợp vào đối diện với nhau tại nơi đó; điều này ví như ở cảnh vật rất là lý tưởng tốt đẹp, chẳng hạn như một hoa viên thường làm cho mọi người rủ nhau đi vào dạo chơi thỏa thích vừa lòng tại nơi đó như thế nào, thì tất cả *Cảnh* cũng so sánh ví tợ như cảnh vật rất lý tưởng, còn Tâm và Tâm Sở thì được so sánh ví như người dạo chơi thỏa thích trong cảnh vật lý tưởng đó vậy.

Hoặc một trường hợp khác, tất cả *Cảnh* là Pháp chủng có một quyền năng níu kéo lấy Tâm và Tâm Sở vào tiếp thân ở trong những *Cảnh* đó, điều này tỉ dụ như những hý lạc trường trước thời gian trình diễn thì thường có việc loan tin quảng cáo dẫn dụ cho người vào xem, hoặc trước khi khởi sự trình diễn thì thường có việc đánh trống, tấu nhạc dạo dẫn dụ cho người vào. Khi mọi người bước ngang qua hý lạc trường được thấy việc loan tin quảng cáo, hoặc được nghe tiếng trống nhạc dạo thì rủ nhau vào xem. Điều này như thế nào thì tất cả các *Cảnh* được so sánh ví như hý lạc trường có mãnh lực níu kéo, còn Tâm và Tâm Sở được ví như người đi vào xem hý lạc trường, đi vào tiếp thân trong những *Cảnh* đó vậy.

Trong tất cả 6 *Cảnh* có Cảnh Sắc, v.v, đặc biệt duy nhất Cảnh Ngũ là Vô Ký nhưng lại làm được duyên cho sanh Danh Pháp là Thiện, Bất Thiện và Vô Ký. Còn Cảnh Pháp thì có được cả 3 *Cảnh* là Cảnh Pháp Thiện, Cảnh Pháp Bất Thiện, Cảnh Pháp Vô Ký làm duyên cho sanh Danh Pháp được sanh Thiện, Bất Thiện và Vô Ký. Như thế tất cả *Cảnh* này được xem là vật trọng yếu, có một tính chất là có khả năng dắt dẫn tất cả chúng sanh đi đến Khổ Thú, hoặc Thiện Thú, hoặc Níp Bàn cũng được, với việc lấy *Cảnh* làm nhân nương nhờ như đã được giải thích tóm tắt như vậy.

PHÂN TÍCH CẢNH DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

Trong *Cảnh Duyên* này, tất cả Pháp Siêu Lý tức là Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn cùng với Pháp không phải Siêu Lý là Chế Định làm Pháp Năng Duyên.

Danh Pháp làm Pháp Sở Duyên. Việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành Cảnh Năng Duyên, chỉ có một trạng thái duy nhất, là làm chỗ duyệt ý và níu kéo (**Ārammana**) từ nơi Pháp Sở Duyên.

- * Rằng theo Chủng Loại: thuộc giống *Cảnh*, ý nghĩa là Pháp Năng Duyên chính là Cảnh đó vậy.
- * Rằng theo Thời Gian: *Cảnh Duyên* có được cả quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại thời, có ý nghĩa là cả 6 *Cảnh* làm Pháp Năng Duyên có *Cảnh* quá khứ, hiện tại, vị lai, và luôn cả *Cảnh* ngoại thời, tức là *Cảnh* vượt ngoài cả Tam Thời này.
- * Rằng theo Mãnh Lực: *Cảnh Duyên* có hai loại mãnh lực là:
 - (1) **Janakasatti** – *Mãnh Lực Xuất Sinh*: ý nghĩa là có mãnh lực giúp cho Pháp Sở Duyên được sanh khởi.
 - (2) **Upathamhakasatti** – *Mãnh Lực Bảo Hộ*: ý nghĩa là có mãnh lực giúp ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được tồn tại.

TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA CẢNH DUYÊN

Trong *Cảnh Duyên* này, tuần tự có Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên, và Pháp Dịch Duyên như tiếp theo sau đây:

- (1) **Ārammanapaccayadhamma–Pháp Cảnh Năng Duyên**: 6 *Cảnh*, là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc ở thời hiện tại, quá khứ, vị lai, Níp Bàn và Chế Định ở phần ngoại thời.
- (2) **Ārammanapaccayuppannadhamma–Pháp Cảnh Sở Duyên**: là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.
- (3) **Ārammanapaccanikadhamma – Pháp Cảnh Dịch Duyên**: tất cả Sắc, là Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp bình nhứt.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG CẢNH DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên ba câu làm cốt lõi gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kể đó phân tích Pháp Sở

Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN
“KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” –
TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo*” – Pháp Thiệu làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiệu với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Thiệu làm Cảnh Năng Duyên tức là 21 Tâm Thiệu, 38 Tâm Sở.

Pháp Thiệu làm Cảnh Sở Duyên tức là 21 Tâm Thiệu, 38 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Dānam datvā sīlam samādiyitvā uposathakammam katvā tam paccavekkhati*”-

Người đã xả thí, trì giới, hành lễ phát lộ rồi quán xét lại xả thí, trì giới và thanh tịnh giới. Thiệu có **Xả thí Tư (*Pariccāgacetanā*)**, **Thanh Tịnh Tư (*Visodhanacetanā*)** làm chủ vị.

Tại đây, thí thiệu, giới thiệu, và thanh tịnh giới: là 8 Tâm Đại Thiệu, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) đã được sanh trước rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thực hiện việc quán xét điều Thiệu đó, là 8 Tâm Đại Thiệu, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “*Pubbe sucinnāni paccavekkhati*” - Quán xét những việc Thiệu (xả thí, trì giới, thanh tịnh giới) đã từng tích lũy gìn giữ trong thời gian trước (quá khứ).

Tại đây, việc Thiệu đã được thực hiện liên tục không ngừng, là 8 Tâm Đại Thiệu, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) đã được sanh trước rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thực hiện việc quán xét điều Thiệu đó, là 8 Tâm Đại Thiệu, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “*Jhānā vutthahitvā jhānam paccavekkhati*” - Người xuất khỏi Thiệu rồi lại quán xét Thiệu đó.

Tại đây, Thiệu tức là 9 Tâm Thiệu Đáo Đại, 35 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần) đã được sanh trước rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét Thiệu đó, là 8 Tâm Đại Thiệu, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “*Sekkhā gotrabhum paccavekkhanti vodānam paccavekkhanti*”- Tất cả bậc Hữu Học quán xét lại Chuyên Tộc, quán xét lại Dữ Tịnh.

Tại đây, Chuyển Tộc là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của Bạc Thất Lai. Dĩ Tịnh là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của Bạc Nhất Lai và Bất Lai đã có được sanh khởi rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét lại, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “*Sekkhà maggà vutthahitvā paccavekkhanti*”- Tất cả bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo rồi quán xét lại Đạo đó.

Tại đây, Đạo là Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, 36 Tâm Sở đã được sanh trước rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét lại Đạo, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

6/ “*Sekkhà và puthujjanā và kusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti*” - Tất cả bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu quán xét thấy rõ việc Thiện theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Tại đây, Thiện là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 38 Tâm Sở của Bạc Hữu Học và Phàm Phu ở thời quá khứ, vị lai (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét việc Thiện đó, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

7/ “*Cetopariyānena kusalacitta samāngissa cittaṃ jānāti*” - Tất cả bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu, với Tha Tâm Thắng Trí có sự hiểu biết dòng Tâm Thức của người hoàn toàn là Tâm Thiện.

Tại đây, người hoàn toàn có Tâm Thiện, là 20 Tâm Thiện (trừ Tâm Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở của người đã từng sanh trải qua bảy ngày, hiện đang sanh và sẽ sanh về sau bảy ngày nữa (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc hiểu biết như thế, là 1 Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí, 30 Tâm Sở của ba *Bậc Hữu Học Phúc Lộc Thắng Trí (Abhinnaḷābhisekkhapuggala)* và *Phàm Tam Nhân Phúc Lộc Thắng Trí (Tihetukābhinnaḷābhīputhujjana)* làm Cảnh Sở Duyên.

8/ “*Ākāśānācāyatanakusalā vinnānācāyatanakusalassa Ārammanapa - ccāyena paccayo*” - Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Thức Vô Biên Xứ với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Thiện Không Vô Biên Xứ là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở đã từng sanh nơi tự bản tánh trong Hữu quá khứ và Hữu hiện tại (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thiện Thức Vô Biên Xứ là 1 Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở hiện đang khởi sanh, làm Cảnh Sở Duyên.

9/ “*Ākincannàyatanakusalam nevasannànāsannàyatanakusalassa Ārammana – paccayena paccayo*”- Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Thiện Vô Sở Hữu Xứ là 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở đã từng sanh nơi tự bản tánh trong Hữu quá khứ và Hữu hiện tại (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ là 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 30 Tâm Sở hiện đang khởi sanh, làm Cảnh Sở Duyên.

10/ “*Kusalà khandhà iddhividhanànassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Những Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ Thần Túc Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 1 Tâm Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới, 30 Tâm Sở trong *Lộ trình Thiền Cơ Bản (Pàḍakajhānavithi)* (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thần Túc Thắng Trí là 1 Tâm Thiện Thần Túc Thắng Trí, 30 Tâm Sở của người *Phúc Lộc Thắng Trí (Abhinnalābhīpuggala)* hiện đang sanh khởi, làm Cảnh Sở Duyên.

11/ “*Kusalà khandhà cetopariyanànassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Những Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ Tha Tâm Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 20 Tâm Thiện (trừ Tâm Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở của người đã từng được sanh trải qua bảy ngày, hiện đang sanh và sẽ sanh về sau bảy ngày nữa (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tha Tâm Thắng Trí là 1 Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí, 30 Tâm Sở của người phúc lộc thắng trí hiện đang sanh khởi, làm Cảnh Sở Duyên.

12/ “*Kusalà khandhà pubbenivāsānussatinànassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Những Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ Túc Mạng Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 20 Tâm Thiện (trừ Tâm Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở sanh nơi tự bản tánh và của người, trong Hữu quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Túc Mạng Thắng Trí là 1 Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí, 30 Tâm Sở của người phúc lộc thắng trí hiện đang sanh khởi, làm Cảnh Sở Duyên.

13/ “*Kusalà khandhà yathākammāpaganànassa Ārammanapaccayena paccayo*”-

Những Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ Tùy Nghiệp Thú Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 17 Tư Thiện Hiệp Thể sanh khởi trong bản tánh của người ở Hữu quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tùy Nghiệp Thú Trí là 1 Tâm Thiện Tùy Nghiệp Thú Trí (rõ biết Hữu Tình đó đi thọ sanh nơi nào với Nghiệp nào), 30 Tâm Sở hiện đang sanh khởi của người phúc lộc thắng trí, làm Cảnh Sở Duyên.

14/ “*Kusalà khandhà anàgatamsanànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Những Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ Vị Lai Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 20 Tâm Thiện (trừ Tâm Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở sẽ sanh khởi trong kiếp này và kiếp kế tiếp, tùy theo trường hợp trong tự bản tánh của mình và của người khác (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Vị Lai Trí là 1 Tâm Thiện Vị Lai Thắng Trí, 30 Tâm Sở hiện đang sanh khởi của người phúc lộc thắng trí làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì ***Kusalo dhammo*** làm ***Kattupada***: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở.

* ***Kusalassa dhammassa*** làm ***Sampadānapada***: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp tức là Tứ Danh Uẩn Thiện, là 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí liên quan với Thân Túc, Tha Tâm, Túc Mạng, Tùy Nghiệp Thú, Vị Lai, 1 Tâm Thiện Thúc Vô Biên Xứ, 1 Tâm Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

Hoặc một phần khác: chi pháp của *Câu Chủ Từ* và *Câu Liên Hệ* có được như tiếp theo sau đây:

1. 17 Tâm Thiện Hiệp Thể làm Năng Duyên.
4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí làm Sở Duyên.
2. 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) làm Năng Duyên.
4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Sở Duyên.
3. Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ đã từng sanh nơi tự bản tánh trong Hữu quá khứ và Hữu hiện tại làm Năng Duyên.
Tâm Thiện Thúc Vô Biên Xứ làm Sở Duyên.
4. Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh nơi tự bản tánh trong Hữu quá khứ và Hữu hiện tại làm Năng Duyên.

Tâm Thiện Phi Tướng Phi Tướng Xứ làm Sở Duyên.

5. Tâm Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới trong *Lộ trình Thiền Cơ Bản (Pàdakajhànavithi)* làm Năng Duyên.

Tâm Thiện Thần Túc Thắng Trí làm Sở Duyên.

6. 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) của người hiện hành trong cả 3 Thời, là đã từng được sanh trải qua bảy ngày, hiện đang sanh và sẽ sanh về sau bảy ngày nữa làm Năng Duyên.

Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí làm Sở Duyên.

7. 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) đã từng sanh nơi tự bản tánh và của người khác (*Pubbenivuttha - Tiền Kiếp*) làm Năng Duyên.

Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí làm Sở Duyên.

8. 17 Tâm Thiện Hiệp Thế đã từng sanh nơi bản tánh của người trong những Hữu quá khứ làm Năng Duyên.

Tâm Thiện Tùy Nghiệp Thú Trí làm Sở Duyên.

9. 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) sẽ sanh khởi nội phần trong tự bản tánh của mình và của người khác làm Năng Duyên.

Tâm Thiện Vị Lai Thắng Trí làm Sở Duyên.

* ***Àrammanapaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyàpada***: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì điều thứ nhất, ***Dànam datvà sīlam samādiyivà uposatha -kammam katvā*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) và ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng.

Cả 2 Câu này trình bày cho biết đến Năng Duyên ở phần Quá Khứ, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới.

* ***Tam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu ***Dànam sīlam uposathakammam***, trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi ngay sát na quán sát việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới làm thành Cảnh.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, **Pubbe** làm **Kàlàdhàrapada:** trình bày đến thời gian, **Sucinnàni** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Cả hai Câu này trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới trong những thời gian trước.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi ngay sát na quán sát.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Jhànà** làm **Apàdànapada:** trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vutthahitvā** làm **Kiriyàvisesanapada:** trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Jhānam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi ngay sát na quán sát Thiền đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư, **Sekkhà** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ, trình bày cho biết đến người quán sát này là bậc Hữu Học, là bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai, vẫn còn sanh khởi Bất Thiện, Thiện, Pháp Hữu Vi.

* **Gotrabhum** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi trong Lộ Trình Đạo Thất Lai.

* **Paccavekkhanti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay sát na quán sát Chủng Tộc đó.

* **Vodānam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi trong Lộ Trình Hai Đạo bậc Trung.

* **Paccavekkhanti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở

Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay sát na quán sát Dũ Tịnh đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ năm, **Sekkhà** làm **Kattupada: Câu Chủ Từ**, trình bày cho biết đến người quán sát này là bậc Hữu Học, là bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai, vẫn còn sanh khởi Bất Thiện, Thiện, Pháp Hữu Vi.

* **Maggà** làm **Apàdānapada:** trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vutthahitvā** làm **Kiriyāvisesanapada:** trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Maggam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai.

* **Paccavekkhanti** làm **Kiriyāàkhaṇāpada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay sát na quán sát Đạo đó.

Ghi chú: **Vutthahitvā** trong **Jhānā vutthahitvā** và **Vutthahitvā** trong **Maggā vutthahitvā**, cả hai Câu này có chi pháp là **Tâm Hữu Phần** sanh tiếp nối từ nơi Thiền Định (**Jhānasamāpatti**) và Tâm Đạo (**Maggacitta**).

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ sáu, **Sekkhà và puthujjanā** làm **Kattupada: Câu Chủ Từ**, trình bày cho biết đến người tiến tu Thiền Quán vẫn còn là bậc Hữu Học hay Phàm Nhân, tức là 3 bậc Quả Hữu Học và 4 Phàm Nhân.

* **Kusalam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế.

* **Aniccato dukkhato anattato** làm **Kiriyāvisesanapada:** trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, là Câu làm cho **Kiriyāpada: Câu Thuật Từ** thành đặc biệt.

* **Vipassanti** làm **Kiriyāàkhaṇāpada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), tập hợp cả bốn Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay sát na quán sát tiến tu Thiền Quán.

Ghi chú: Những Câu Phụ phần Pàli điều 1, 2, 3, 4, 5, 6 có được ba mãnh lực Duyên là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ bảy, **Cetopariyānānena** làm **Karanapada: Câu**

Chế Tác, Jànantì làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí.

* **Kusalacittasamangissa** làm **Sàmìsambandhapada**: trình bày đến người thành chủ nhân, Cittam làm Kammapada: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) của người khác.

Ghi chú: chỉ có được duy nhất một loại mãnh lực là Cảnh Duyên.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tám, **Àkàsànancàyatanakusalam** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ đã từng sanh nơi tự bản tánh của mình, trong cả hai, Hữu này và Hữu trước.

* **Vinnànancàyatanakusalassa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Thức Vô Biên Xứ hiện đang sanh.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ chín, **Àkincannàyatanakusalam** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh nơi tự bản tánh của mình, trong cả hai, Hữu này và Hữu trước.

* **Nevasannànàsannàyatanakusalassa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ hiện đang sanh.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Ngũ Thiên Sắc Giới trong Lộ Trình Thiên Cơ Bản.

* **Iddhividhanànassa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Thần Túc Thắng Trí.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười một, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) hiện hành trong cả Tam Thời.

* **Cetopariyanànessa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười hai, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) hiện hành trong (**Pubbenivuttha** -Tiền Kiếp).

* **Pubbenivàsànussatinànessa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười ba, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế của người ở phần quá khứ.

* **Yathàkammapaganànessa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Tùy Nghiệp Thú Trí.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười bốn, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) của tự bản tánh và của người ở phần Vị Lai.

* **Anàgatamsanànessa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Vị Lai Trí.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Hoặc một phần khác (gom cả năm Thắng Trí vào chung một Câu, theo Cảnh Năng Duyên, Cảnh Sở Duyên) như tiếp theo đây:

Kusalà khandhà làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh).

* **Iddhividhanànassa, Cetopariyanànassa, Pubbenivàsànussatinànassa, Yathàkamma -paganànassa, Anàgatamsanànassa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Thắng Trí Ngũ Thiện Sắc Giới.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tự vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàlì, Pháp Thiện – Thiện: **Kusalo – Kusalassa**.

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn và Lộ Trình Kiên Cố (**Appanàvithi**), có Đồng Lực Thiện (trừ Lộ Trình Đạo Vô Sinh).

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới, Lộ Trình Thiền Sơ Khởi (**Àdikammikajhānavithi**), Lộ Trình Thiền Nhập Định (**Jhānasamāpajjanavithi**), Lộ Trình Thắng Trí (**Abhinnavithi**).

Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ nhất: **Dānam datvā, v.v, Paccavekkhati**.

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện

Dục Giới.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Phán Khán được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ hai: **Pubbe v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Phán Khán được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ ba: **Jhàna v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Sơ Khởi và Lộ Trình Thiền Nhập Định.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Phán Khán được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Thiền.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: **Sekkhà Gotrabhum v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Phán Khán được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ năm: **Sekkhà Maggà v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Phán Khán được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ sáu: **Sekkhà và puthujjanà và v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố Hiệp Thế có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn có việc tiến tu Thiền Quán.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ bảy: **Cetopariyanà nena v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện (trừ Lộ Trình Đạo Vô Sinh).

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Tha Tâm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tám: **Ākāśānancāyatanakusalam v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Thiện Nhập

Định Không Vô Biên Xứ.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Sơ Khởi Thức Vô Biên Xứ và Lộ Trình Thiền Nhập Định Thức Vô Biên Xứ.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ chín: **Ākincannàyatana kusalam v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Nhập Định Vô Sở Hữu Xứ.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Sơ Khởi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và Lộ Trình Thiền Nhập Định Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười: **Kusalà khandhà Iddhividhanànassa v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản (*Pàdaka jhana – vithi*).

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Thần Túc Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười một: **Kusalà khandhà Cetopariya - nānassa v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện (trừ Lộ Trình Đạo Vô Sinh).

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Tha Tâm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười hai: **Kusalà khandhà Pubbenivāsānusatinānassa v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện (trừ Lộ Trình Đạo Vô Sinh).

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười ba: **Kusalà khandhà Yathākammupagānānassa v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố Hiệp Thế có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Tùy Nghiệp Thú Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười bốn: **Kusalà khandhà Anāgatamsanānassa v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Vị Lai Thắng Trí.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN
“KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”
– TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo akusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo*” – Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên. Pháp Thiện làm Cảnh Năng Duyên tức là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 38 Tâm Sở. Pháp Thiện làm Cảnh Sở Duyên tức là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Dānam datvā sīlam samādiyitvā uposathakammam datvā tam assādeti abhinandati tam ārabbhā rāgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati*”- Người đã xả thí, trì giới, hành lễ phát lộ xong thì vui mừng thỏa thích về việc Thiện đó, và khi nghĩ đến việc Thiện đó thì khởi sanh tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu sầu.

Tại đây, thí thiện, giới thiện, và thanh tịnh giới đã được làm rồi: là 8 Tâm Đại Thiện, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc khởi sanh sự vui mừng thỏa thích, là 4 Tâm căn Tham câu hành Hỷ. Khi nghĩ đến những việc Thiện ấy thì khởi sanh sự tham ái, là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở. Khi khởi sanh Tà Kiến là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến, 21 Tâm Sở. Khi khởi sanh sự hoài nghi là 1 Tâm căn Si Tương Ứng Hoài Nghi, 15 Tâm Sở. Khi khởi sanh Trạo Cử là 1 Tâm căn Si Tương Ứng Trạo Cử, 15 Tâm Sở. Khi khởi sanh ưu sầu là 2 Tâm căn Sân, 22 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “*Pubbe sucinnāni assādeti abhinandati tam ārabbhā rāgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati*”- Người vui mừng thỏa thích về những việc Thiện mà mình đã tích lũy gìn giữ ở thời gian trước và khi nghĩ về những việc Thiện đó thì có sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu sầu khởi.

Tại đây, Thiện đã được thực hiện liên tục không ngừng, là 8 Tâm Đại Thiện, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc khởi sanh sự vui mừng thỏa thích và khi nghĩ đến những việc Thiện ấy thì có tham ái khởi sanh, có tà kiến khởi sanh, có sự hoài nghi khởi sanh, có sự trạo cử khởi sanh, và có sự ưu sầu khởi sanh, tức là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp làm Cảnh

Sở Duyên.

(Phân phân tích chi pháp một cách chi tiết thì tương tự với câu đầu tiên. Do đó không cần trình bày lập lại trong câu này và trong những câu kế tiếp, nếu có nội dung tương tự, thì chỉ sẽ trình bày phần chi pháp tổng quát mà thôi).

3/ “*Jhànà vutthahitvà jhànā assādeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccam uppajjati jhāne parihīne vippatisāriṣṣa domanassam uppajjati*”- Người đã đắc được Thiền thì khi xuất khỏi Thiền có sự vui mừng thỏa thích đến Thiền đã chứng đắc, và khi nghĩ đến Thiền đó thì khởi sanh sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, và trạo cử. Khi bị hoại Thiền thì khởi sanh sự Ưu Sầu, làm cho người có sự nóng nảy.

Tại đây, Thiện Thiền đã được sanh khởi, là 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 35 Tâm Sở phối hợp (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Có sự vui mừng thỏa thích khởi sanh và khi nghĩ đến Thiền đó thì khởi sanh sự tham ái, sự tà kiến, sự hoài nghi, sự ưu sầu, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở phối hợp làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì “*Kusalo dhammo*” là **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 38 Tâm Sở.

* **Akusalassa dhammassa** làm **Sampadānapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp tức là Tứ Danh Uẩn Bất Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: Câu Ché Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Dānam datvā sīlam samādiyivā uposathakammam katvā** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) và **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng.

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại

Thiện có *Xả thí Tư (Pariccàgacetanà)*, *Thanh Tịnh Tư (Visodhanacetanà)* làm chủ vị.

* *Assàdeti abhinandati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham, có Tham làm chủ vị.

* *Tam àrabbha*, với *Tam* làm *Kammapada*: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), và *àrabbha* làm *Kiriyàvisesanapada*: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu với việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới.

* *Ràgo uppajjati* với *Ràgo* làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, và *uppajjati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.

* *Ditthi uppajjati* với *Ditthi* làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, và *uppajjati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.

* *Vicikicchà uppajjati* với *Vicikicchà* làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, và *uppajjati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.

* *Uddhaccam uppajjati* với *Uddhaccam* làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, và *uppajjati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.

* *Domanassam uppajjati* với *Domanassam* làm *Kattupada*: *Câu Chủ Từ*, và *uppajjati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 2 Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, *Pubbe sucinnàni* với *Pubbe* làm *Kàlàdhàrapada*: trình bày đến thời gian, *Sucinnàni* làm *Kammapada*: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới trong những thời gian trước.

* *Assàdeti abhinandati* làm *Kiriyààkhayàtapada*: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham làm chủ vị.

* **Tam àrabbha**, với **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), và **àrabbha** làm **Kiriyàviseśanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu với việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới.

* **Rāgo uppañjati**, với **Rāgo** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppañjati** làm **Kiriyààkhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.

* **Ditthi uppañjati**, với **Ditthi** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppañjati** làm **Kiriyààkhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.

* **Vicikicchā uppañjati**, với **Vicikicchā** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppañjati** làm **Kiriyààkhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.

* **Uddhaccam uppañjati**, với **Uddhaccam** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppañjati** làm **Kiriyààkhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.

* **Domanassam uppañjati**, với **Domanassam** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppañjati** làm **Kiriyààkhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 2 Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Jhānā vutthahitvā jhānam**, với **Jhānā** làm **Apāḍānapada**: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vutthahitvā** làm **Kiriyàviseśanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Jhānam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

* **Assādeti abhinandati** làm **Kiriyààkhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham làm chủ vị.

* **Tam àrabbha**, với **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực

hiện), và **àrabbha** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu với việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới.

* **Ràgo uppajjati**, với **Ràgo** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppajjati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.

* **Ditthi uppajjati**, với **Ditthi** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppajjati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.

* **Vicikicchà uppajjati**, với **Vicikicchà** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppajjati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.

* **Uddhaccam uppajjati**, với **Uddhaccam** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **uppajjati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.

* **Jhàne parihine**, với **Jhàne** làm **Lakkhanavantakattupada**: trình bày đến việc có sự để nhận xét, và **Parihine** làm **Lakkhanavantakiriyàpada**: trình bày đến việc có sự để hành động.

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 9 Tâm Thiện Đạo Đại.

* **Vippatisàriṣṣa domanassam uppajjati**, với **Vippatisàriṣṣa** làm **Sampadà - napada**: **Câu Liên Hệ**, **domanassam uppajjati**: làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ**, và **Uppajjati**: làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 2 Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tựu vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

(1) Cảnh Duyên,

(2) Cảnh Trưởng Duyên,

(3) Cảnh Cận Y Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàlì, Pháp Thiện – Bất Thiện: **Kusalo – Akusalassa.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Đồng Lực Kiên Cố Hiệp Thế.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn có Đồng Lực Bất Thiện.

Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ nhất: **Dānam datvā v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn có căn Tham, và Lộ Trình Đồng Lực căn Sân, căn Si.

Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ hai: **Pubbe v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn có căn Tham, và Lộ Trình Đồng Lực căn Sân, căn Si.

Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ ba: **Jhānā v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Kiên Cố Thiện Hiệp Thế.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn có căn Tham, Lộ Trình Đồng Lực căn Sân, căn Si.

“ABYĀKATAPADĀVASĀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” –
TRONG CÂU THIỆN

“Kusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo”- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Thiện làm Cảnh Năng Duyên là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Sở Duyên là 11 Tâm Na Cảnh, 10 Tâm Duy Tác Dục Giới (trừ 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 1 Tâm Quả và 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả và 1 Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Arahà maggà vutthahitvā maggam paccavekkhati”- Bậc Vô Sinh khi xuất khỏi Đạo, rồi có sự quán xét lại Đạo đó.

Tại đây, Đạo là 1 Tâm Đạo Vô Sinh, 36 Tâm Sở đã được sanh rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét, là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở của Bậc Vô Sinh đã được sanh khởi ngay khi quán xét Tâm Đạo, làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “Pubbe sucinnāni paccavekkhati”- Bậc Vô Sinh có sự quán xét đến việc Thiện đã thành tựu với việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới và đã từng tích lũy gìn giữ tốt đẹp trong thời gian trước.

Tại đây, việc Thiện đã được thực hiện liên tục không gián đoạn, là 8 Tâm Đại Thiện, 38 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét, là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của Bậc Vô Sinh đã được sanh khởi ngay khi quán xét việc Thiện, làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “Kusalam aniccatō dukkhato anattato vipassati”- Bậc Vô Sinh có sự quán xét thấy rõ việc Thiện do tự bản thân và của người đã tạo ở thời quá khứ, theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Tại đây, Thiện này với lập ý nói về Tâm Thiện đã từng được sanh trong tự bản tánh của mình, hoặc Tâm Thiện đã từng được sanh khởi, hiện đang sanh và sẽ sanh khởi trong bản tánh của người, là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 38 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét, là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của Bậc Vô Sinh ngay trong lúc quán xét những Tâm Thiện ấy, làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “Cetopariyanà nena kusalacittasamangissa cittam jànàti”- Với Tha Tâm Thắng Trí, Bạc Vô Sinh đã được phúc lộc thắng trí rõ biết dòng Tâm Thức của người hoàn toàn là Tâm Thiện.

Tại đây, Tâm của người hoàn toàn là Thiện, là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở của người đã từng sanh trải qua bảy ngày, hiện đang sanh và sắp sẽ sanh khởi về sau bảy ngày nữa (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí, 30 Tâm Sở của Bạc Vô Sinh rõ biết Tâm Thiện của người, làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “Sekkha và puthujjanà và kusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti kusale niruddhe vipàko tadàrammanatà uppajjati”- Tất cả bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu quán xét thấy rõ việc Thiện theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, và sau khi Tâm Đồng Lực Thiện diệt đi thì Tâm Na Cảnh phần Quả Dị Thục thường sanh khởi.

Tại đây, Thiện là 8 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở đã từng được sanh và sẽ sanh khởi trong tự bản tánh của mình và của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét Tâm Đồng Lực Thiện ngay khi diệt mất thì Tâm Na Cảnh phần Quả Dị Thục thường sanh khởi, là 11 Tâm Na Cảnh, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

6/ “Kusalam assàdeti abhinandati tam àrabba rāgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati akusale niruddhe vipàko tadàram-manatà uppajjati”- Người có sự vui mừng thỏa thích với việc Thiện thì khi nghĩ đến việc Thiện đó thường khởi sanh sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu sầu. Khi Tâm Đồng Lực Bất Thiện đã diệt đi thì Tâm Na Cảnh phần Quả Dị Thục thường sanh khởi.

Tại đây, Thiện là 8 Tâm Đại Thiện, 38 Tâm Sở đã từng được sanh trong tự bản tánh của mình (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Na Cảnh phần Quả Dị Thục sanh khởi, là 11 Tâm Na Cảnh, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Sở Duyên.

7/ “Àkàsà nancà yatanakusalam vinnà nancà yatanavipākassa ca kiriyassa ca Àrammanapaccayena paccayo”- Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên cho Quả và Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo Cảnh Duyên.

Tại đây, Thiện Không Vô Biên Xứ là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở đã từng được sanh trong tự bản tánh của mình ở Hữu quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Quả Thức Vô Biên Xứ là Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở ở phần Tái Tục, Hữu Phần và Tử của Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ làm Cảnh Sở Duyên.

Và Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ đã từng được sanh trong tự bản tánh của mình ở Hữu quá khứ và Hữu hiện tại (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Duy Tác Thức Vô Biên Xứ là Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở hiện đang sanh trong bản tánh của Bạc Vô Sinh làm Cảnh Sở Duyên.

8/ “*Ākincannāyatanakusalam nevasannānāsannāyatanavipākassa ca kiriyassa ca Ārammanapaccayena paccayo*”- Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên cho Quả và Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ theo Cảnh Duyên.

Tại đây, Thiện Vô Sở Hữu Xứ là 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở đã từng được sanh trong tự bản tánh của mình ở Hữu quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ là Tâm Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 30 Tâm Sở ở phần Tái Tục, Hữu Phần, Tử của Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ làm Cảnh Sở Duyên.

Và Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ đã từng được sanh trong tự bản tánh của mình ở Hữu quá khứ và Hữu hiện tại (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ là Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, 30 Tâm Sở hiện đang sanh trong tự bản tánh của Bạc Vô Sinh làm Cảnh Sở Duyên.

9/ “*Kusalā khandhā cetopariyānānassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) giúp đỡ ủng hộ đối với Tha Tâm Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở của chính mình đã từng được sanh trải qua 7 ngày, hiện đang sanh và sẽ sanh về sau 7 ngày nữa (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí của Bạc Vô Sinh hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

10/ “*Kusalā khandhā pubbenivāsānussatinānassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) giúp đỡ ủng hộ đối với Túc Mạng Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở đã từng được sanh khởi trong tự bản tánh của mình và của người ở Hữu quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Túc Mạng Thắng Trí của Bạc Vô Sinh hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

11/ “*Kusalà khandhà yathàkammupaganànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) giúp đỡ ủng hộ đối với Tùy Nghiệp Thú Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 17 Tư Thiện Hiệp Thể sanh khởi ở bản tánh của người trong Hữu quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Tùy Nghiệp Thú Trí của Bậc Vô Sinh hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

12/ “*Kusalà khandhà anàgatamsanànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) giúp đỡ ủng hộ đối với Vị Lai Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở sẽ sanh khởi trong kiếp sống này và những kiếp sống kế tiếp, tùy theo trường hợp trong bản tánh của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Vị Lai Thắng Trí của Bậc Vô Sinh hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

13/ “*Kusalà khandhà àvajjanàya Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Thiện (Tứ Danh Uẩn Thiện) giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Khai Môn với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Thiện là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở đã từng được sanh khởi trong tự bản tánh của mình và của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Khai Môn là Tâm Khai Ý Môn quán xét về Uẩn Thiện đó, làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì ***Kusalo dhammo*** làm ***Kattupada***: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 21 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở phối hợp.

* ***Abyàkatassa dhammassa*** làm ***Sampadànapada***: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp tức là 1 Tâm Khai Ý Môn, 9 Tâm Đồng Lực Duy Tác Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, 1 Tâm Quả Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 33 Tâm Sở phối hợp.

* ***Àrammanapaccayena*** làm ***Karanapada***: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

(1) Cảnh Duyên,

- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** là **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Arahà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Vô Sinh.

* **Maggà** làm **Apàdànapada**: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vuttha - hitvā** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Maggam** làm **Kammapada**: *trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện)*.

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Đạo Vô Sinh.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí sanh khởi ngay sát na quán sát Đạo đó.

Ghi chú: Câu Phụ phần Pàli điều thứ nhất có được ba mãnh lực Duyên là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, **Pubbe** làm **Kàlàdhàrapada**: trình bày đến thời gian, **Sucinnāni** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu việc xả thí, trì giới, thanh tịnh giới trong những thời gian trước.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Duy Tác sanh khởi ngay sát na quán sát Đạo đó.

Ghi chú: chỉ có được duy nhất một loại mãnh lực là Cảnh Duyên.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Kusalam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế đã từng sanh trong tự bản tánh của mình và đã từng sanh hoặc đang sanh khởi của người khác.

* **Aniccato dukkhato anattato** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, là Câu làm cho **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ* thành đặc biệt.

* **Vipassanti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả bốn Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Duy Tác sanh khởi ngay sát na quán sát Đạo đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư, **Cetopariyanànena** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, **Jànàti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.

* **Kusalacittasamangissa** làm **Sàmisambandhapada:** trình bày đến người thành chủ nhân, **Cittam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 21 Tâm Thiện của người khác.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ năm, **Sekkhà và putthujjanà và** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ, trình bày cho biết đến người tiến tu Thiền Quán vẫn còn là bậc Hữu Học hay Phàm Nhân, tức là 3 bậc Quả Hữu Học và 4 Phàm Nhân.

* **Kusalam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Cảnh Năng Duyên căn Thiện, chi pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế đã từng sanh và sẽ sanh trong tự bản thân của mình và của người khác.

* **Aniccato dukkhato anattato** làm **Kiriyàvisesanapada:** trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, là Câu làm cho **Kiriyàpada:** Câu Thuật Từ thành đặc biệt.

* **Vipassanti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả bốn Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên căn Thiện đã từng sanh ngay sát na quán sát (tiến tu Thiền Quán) bởi do có căn Thiện làm Cảnh Năng Duyên.

* **Kusale** làm **Lakkhanavantakattupada:** trình bày đến việc có sự để nhận xét, và **Niruddhe** làm **Lakkhanavantakiriyàpada:** trình bày đến việc có sự để hành động.

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện.

* **Vipàko** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ, **Tadàrammanatà** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, **Uppajjati** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 11 Tâm Na Cảnh.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ sáu, **Kusalam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp tức là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế.

* **Assàdeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati akusale niruddhe**. Những Câu này trình bày cho biết đến sự hiện hành tuần tự của Lộ Trình Tâm, chỉ để vào trong Câu **Kusalo akusalassa** mà thôi. Trong Câu **Kusalo abyàkatassa** này, không lập ý để trình bày theo sự làm thành Sở Duyên.

* **Vipàko tadàrammanatà uppajjati**, với **Vipàko** làm **Kattupada**: Câu **Chủ Từ**, **Tadàrammanatà** làm **Karanapada**: Câu **Chế Tác**, **Uppajjati** làm **Kiriyààkha – yàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 11 Tâm Na Cảnh.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ bảy, khoảng giữa **Àkàsànancàyatanakusalam** với **Vinnànancàyatanavipàkassa**, **Àkàsànancàyatanakusalam** làm **Kattupada**: Câu **Chủ Từ**, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tự bản tánh của mình trong Hữu trước.

* **Vinnànancàyatanavipàkassa** làm **Sampadànapada**: Câu **Liên Hệ**, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Tái Tục Thức Vô Biên Xứ, Tâm Hữu Phần Thức Vô Biên Xứ, Tâm Tử Thức Vô Biên Xứ.

* Khoảng giữa **Àkàsànancàyatanakusalam** với **Vinnànancàyatanavipàkassa**, chi pháp của **Kattupada**: Câu **Chủ Từ**, là 1 Tâm Thiện Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tự bản tánh của mình trong Hữu này và Hữu trước. Còn chi pháp của **Sampadànapada**: Câu **Liên Hệ**, là Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ hiện đang sanh.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: Câu **Chế Tác**, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà- Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: Câu **Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tám, khoảng giữa **Àkincannàyatanakusalam** với **Nevasannànàsannàyatanavipàkassa**, **Àkincannàyatanakusalam** làm **Kattu -**

pada: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tự bản tánh của mình trong Hữu trước.

* **Nevasannànāsannāyatanavipākassa** làm **Sampadānapada:** *Câu Liên Hệ*, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Tái Tục Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Hữu Phần Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, Tâm Tử Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

* Khoảng giữa **Ākincannāyatanakusalam** với **Nevasannànāsannāyatanavipākassa**, chi pháp của **Kattupada:** *Câu Chủ Từ*, là 1 Tâm Thiện Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tự bản tánh của mình trong Hữu này và Hữu trước.

Còn chi pháp của **Sampadānapada:** *Câu Liên Hệ*, là Tâm Duy Tác Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ hiện đang sanh.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada:** *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada:** *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ chín, **Kusalā khandhā** làm **Kattupada:** *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 21 Tâm Thiện hiện hành trong cả Tam Thời.

* **Cetopariyanānassa** làm **Sampadānapada:** *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada:** *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada:** *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười, **Kusalā khandhā** làm **Kattupada:** *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 21 Tâm Thiện hiện hành trong (**Pubbenivuttha - Tiền Kiếp**).

* **Pubbenivāsānussatinānassa** làm **Sampadānapada:** *Câu Liên Hệ*, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada:** *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada:** *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười một, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada: Câu Chủ Từ**, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế của người ở phần quá khứ.

* **Yathàkammāpaganānassa** làm **Sampadānapada: Câu Liên Hệ**, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Tùy Nghiệp Thú Trí.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada: Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada: Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười hai, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada: Câu Chủ Từ**, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 21 Tâm Thiện trong bản tánh của người ở phần Vị Lai.

* **Anāgatamsanānassa** làm **Sampadānapada: Câu Liên Hệ**, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Vị Lai Trí.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada: Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada: Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười ba, **Kusalà khandhà** làm **Kattupada: Câu Chủ Từ**, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 21 Tâm Thiện của tự bản thân và của người khác.

* **Āvajjanāya** làm **Sampadānapada: Câu Liên Hệ**, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là 1 Tâm Khai Ý Môn ngay sát na đến việc Thiện đó.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada: Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada: Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Hoặc một phần khác (gom cả Tứ Thắng Trí vào chung một Câu, theo Cảnh Năng Duyên, Cảnh Sở Duyên) như tiếp theo đây:

Kusalà khandhà làm **Kattupada: Câu Chủ Từ**, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh).

* **Cetopariyānānassa, Pubbenivāsānussatinānassa, Yathàkammāpaganānassa, Anāgatamsanānassa** làm **Sampadānapada: Câu Liên Hệ**, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí Ngũ Thiền Sắc Giới.

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada: Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến chỉ có một loại mãnh lực Duyên, đó là Cảnh Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada: Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Trong câu Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tựa vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bốn Bậc Thánh Quả.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

- # Trong phần Pàlì, Pháp Thiện – Vô Ký: **Kusalo – Abyàkatassa**.
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn và Lộ Trình Kiên Cố (**Appanāvithi**), có Đồng Lực Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Duy Tác Dục Giới, Lộ Trình Thiền Sơ Khởi (**Àdikammikajhānavithi**), Lộ Trình Thiền Nhập Định (**Jhānasamāpajjanavithi**), Lộ Trình Thắng Trí (**Abhinnāvithi**).
- # Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ nhất: **Arahà v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Phản Khán Dục Giới được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh.
- # Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ hai: **Pubbe v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Phản Khán Dục Giới được sanh tiếp sau nơi Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Dục Giới.
- # Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ ba: **Kusalam aniccato v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Kiên Cố Thiện Hiệp Thế và Lộ Trình Đồng Lực Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Duy Tác Thiền Quán sanh khởi việc Phản Khán.

- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: **Cetopariyanànena v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố và Lộ Trình Đồng Lực Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ năm: **Sekkhà và puthujjanà và v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố và Lộ Trình Đồng Lực Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện Thiền Quán có Na Cảnh.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ sáu: **Kusalam assàdeti v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố và Lộ Trình Đồng Lực Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện có Na Cảnh.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ bảy: **Àkàsànancàyatanakusalam v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Nhập Định Không Vô Biên Xứ.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản Thức Vô Biên Xứ và Lộ Trình Thiền Nhập Định Thức Vô Biên Xứ.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tám: **Àkincannàyatanakusalam v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Nhập Định Vô Sở Hữu Xứ.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và Lộ Trình Thiền Nhập Định Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ chín: **Kusalà khandhà Cetopariyanànassa v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười: **Kusalà khandhà Pubbenivāsānussatinā -nassa v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí.

- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười một: ***Kusalà khandhà Yathàkammupagàṇanassa v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố Hiệp Thế có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tùy Nghiệp Thú Trí.

- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười hai: ***Kusalà khandhà Anàgatam-sanànassa v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Vị Lai Thắng Trí.

- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười ba: ***Kusalà khandhà Àvajjanàya.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Duy Tác Dục Giới và Lộ Trình Thắng Trí.

(C) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”

– TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Àrammanapaccayena paccayo”-

Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Năng Duyên là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Sở Duyên là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Ràgam assàdeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati”- Người vui mừng thỏa thích vào tham ái. Khi nghĩ đến tham ái thì thường sanh khởi sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, điệu cử, và ưu sầu.

Tại đây, 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở có Tham Ái làm chủ vị (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “*Ditthim assàdeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati*”- Người vui mừng thỏa thích vào tà kiến. Khi nghĩ đến tà kiến thì thường sanh khởi sự tà kiến, tham ái, hoài nghi, điều cử, và ưu sầu.

Tại đây, 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến, 21 Tâm Sở có Tà Kiến làm chủ vị (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “*Vicikiccham àrabbha vicikicchà uppajjati ditthi uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati*”- Khi nghĩ đến sự hoài nghi thì thường sanh khởi sự hoài nghi, tà kiến, điều cử và ưu sầu.

Tại đây, 1 Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi, 15 Tâm Sở có Hoài Nghi làm chủ vị (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

8 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến), 26 Tâm Sở (trừ Ngã Mạn) làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “*Uddhaccam àrabbha uddhaccam uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati domanassam uppajjati*”- Khi nghĩ đến sự điều cử thì thường sanh khởi sự điều cử, tà kiến, hoài nghi, và ưu sầu.

Tại đây, 1 Tâm Si Tương Ứng Điều Cử, 15 Tâm Sở có Điều Cử làm chủ vị (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

8 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến), 26 Tâm Sở (trừ Ngã Mạn) làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “*Domanassam àrabbha domanassam uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati*”- Khi nghĩ đến sự ưu sầu thì thường sanh khởi sự ưu sầu, tà kiến, hoài nghi, và điều cử.

Tại đây, 2 Tâm căn Sân, 23 Tâm Sở có Sân làm chủ vị (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

8 Tâm Bất Thiện (trừ 4 Tâm Tham Bất Tương Ứng Kiến), 26 Tâm Sở (trừ Ngã Mạn) làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàlì thì **Akusalo dhammo** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

* **Akusalassa dhammassa** làm **Sampadànapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp tức là Tứ Danh Uẩn Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì điều thứ nhất, **Ràgam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.

* **Assàdeti** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm căn Tham câu hành Hỷ thọ.

* **Abhinandati** làm **Kiriyàpada**: Câu Thuật Từ, chi pháp là Tâm căn Tham câu hành Hỷ thọ có sự duyệt ý (**Sappitikaganà**) làm chủ vị.

* **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), chi pháp là Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.

* **Àrabbhā** làm **Kiriyàvīsesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, chỉ cho thấy được việc sanh khởi của những phiền não như Tham Ái, v.v. đặc biệt tại đây có Tham Ái làm Năng Duyên.

* **Ràgo uppañjati** v.v. chi pháp là Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.

* **Ditthi uppañjati** v.v. chi pháp là Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.

* **Vicikicchā uppañjati** v.v. chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.

* **Uddhaccam uppañjati** v.v. chi pháp là Tâm Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.

* **Domanassam uppañjati** v.v. chi pháp là Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì điều thứ hai, **Ditthim** chi pháp là Tâm Tương Ứng Tà Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.

* **Assàdeti** chi pháp là Tâm căn Tham câu hành Hỷ thọ.

- * **Abhinandati** chi pháp là Tâm căn Tham câu hành Hỷ có sự duyệt ý làm chủ vị.
- * **Tam** chi pháp là Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.
- * **Ārabbha v.v** chỉ cho thấy được việc sanh khởi của những phiền não như Tà Kiến, v.v. đặc biệt tại đây có Tà Kiến làm Năng Duyên.
- * **Rāgo uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm căn Tham có Tham Ái làm chủ vị.
- * **Ditthi uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.
- * **Vicikicchā uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.
- * **Uddhaccam uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.
- * **Domanassam uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.
- * Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Vicikiccham** chi pháp là Tâm Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.
- * **Ārabbha v.v** chỉ cho thấy được việc sanh khởi của những phiền não như Hoài Nghi, v.v. đặc biệt tại đây có Hoài Nghi làm Năng Duyên.
- * **Vicikicchā uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.
- * **Ditthi uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.
- * **Uddhaccam uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.
- * **Domanassam uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.
- * Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư, **Uddhaccam** chi pháp là Tâm Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.
- * **Ārabbha v.v** chỉ cho thấy được việc sanh khởi của những phiền não như Điều Cử, v.v. đặc biệt tại đây có Điều Cử làm Năng Duyên.
- * **Uddhaccam uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.
- * **Ditthi uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.
- * **Vicikicchā uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.
- * **Domanassam uppajjati v.v.** chi pháp là Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.
- * Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ năm, **Domanassam** chi pháp là Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.

* **Àrabbha v.v.** chỉ cho thấy được việc sanh khởi của những phiền não như Sân, v.v. đặc biệt tại đây có Sân làm Năng Duyên.

* **Domanassam uppajjati v.v.** chỉ pháp là Tâm căn Sân có Sân làm chủ vị.

* **Ditthi uppajjati v.v.** chỉ pháp là Tâm Tham Tương Ứng Kiến có Tà Kiến làm chủ vị.

* **Vicikicchà uppajjati v.v.** chỉ pháp là Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Hoài Nghi làm chủ vị.

* **Uddhaccam uppajjati v.v.** chỉ pháp là Tâm Tương Ứng Điều Cử có Điều Cử làm chủ vị.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tự vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm Phu và ba Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàlì, Pháp Bất Thiện – Bất Thiện: **Akusalo – Akusalassa.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện và Lộ Trình Ý Môn.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.

Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ nhất: **Ràgam v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Tham.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.

Trong Câu Phụ phần Pàlì điều thứ hai: **Ditthim v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Tà Kiến.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.

- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ ba: **Vicikiccham v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Hoài Nghi.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: **Uddhaccam v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Điều Cử.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.

“KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN”-
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo”- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.
Pháp Bất Thiện làm Cảnh Năng Duyên là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.
Pháp Thiện làm Cảnh Sở Duyên là 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

Ghi chú: Trong Câu *Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện*, ngay thời gian sanh khởi không có một Duyên nào tụt vào ủng hộ giúp đỡ.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Sekkha pahīne kilese paccavekkhanti”- Tất cả bậc Hữu Học quán xét lại phiền não đã được đoạn lìa.

Tại đây, các phiền não Tà Kiến, Hoài Nghi mà Bậc Thất Lai đã tuyệt diệt. Các phiền não Tham, Sân, Si loại thô thiển mà Bậc Nhất Lai đã làm cho giảm thiểu đi. Và các phiền não Ái Dục Giới, Sân mà Bậc Bất Lai đã tuyệt diệt rồi (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét lại phiền não đã được đoạn lìa, là 4 Tâm Đại Thiện tương ưng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngã Trừ Phần, Vô Lượng Phần) hiện đang sanh khởi ở Bậc Thất Lai, Nhất Lai, và Bất Lai làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “Sekkha vikkhambhite kilese paccavekkhanti”- Tất cả bậc Hữu Học quán xét phiền não đã được ức chế rồi.

Tại đây, có tám loại phiền não đã được ức chế là Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý mà Bậc Thất Lai và Bậc Nhất Lai vẫn chưa được diệt trừ. Tám phiền não phần vi tế của Bậc Nhất Lai vẫn chưa được diệt trừ, chỉ làm cho giảm thiểu nhẹ đi. Và bảy phiền não là Tham (ở phần Ái Sắc Giới và Ái Vô Sắc Giới), Si, Ngã

Mạn, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tầm, Vô Quý ở Bạc Bất Lai mà vẫn chưa được diệt trừ (đó là Cảnh Pháp).

Việc quán xét về phiền não đã được ức chế, là 4 Tâm Đại Thiện tương ưng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) hiện đang sanh khởi ở Bạc Thất Lai, Nhất Lai và Bất Lai làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “Pubbe samudàcinne kilese jànantì”- Ba Bạc Quả Hữu Học rõ biết những phiền não đã từng sanh về trước.

Tại đây, phiền não đã từng sanh trong thời quá khứ, là Thập phiền não của 3 Bạc Quả Hữu Học (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc rõ biết đến phiền não đã từng sanh trước kia, là 4 Tâm Đại Thiện tương ưng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của 3 Bạc Quả Hữu Học làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “Sekkha và putthujjanà và akusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti”- Tất cả bậc Hữu Học hoặc tất cả Phàm Phu quán xét thấy rõ Bất Thiện theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Tại đây, Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở đã từng sanh và sẽ tiếp tục sanh trong trong tự bản tánh của mình. Và 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở đã từng sanh, hiện đang sanh và sẽ tiếp tục sanh trong bản tánh của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét lại Bất Thiện theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở của 3 Bạc Quả Hữu Học và Phàm Phu hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “Cetopariyanà nena akusalacittasamangissa cittam jànati”- Tất cả bậc Hữu Học hoặc tất cả Phàm Tam Nhân, với Tha Tâm Thắng Trí rõ biết được Tâm của người hoàn toàn Bất Thiện.

Tại đây, Tâm của người đầy đầy Bất Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở trong bản tánh của người đã từng sanh bảy ngày trước đó, hiện đang sanh và sẽ tiếp tục sanh bảy ngày sau nữa (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Tha Tâm Thắng Trí của Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân đã đắc được Thắng Trí rõ biết được Tâm Bất Thiện của người, làm Cảnh Sở Duyên.

6/ “Akusalà khandhà cetopariyanànassa pubbeni vàsànussatinànassa yathakammupaganànassa ànàgatamsanànassa Àrammanapaccayena paccayo”- Những Uẩn Bất Thiện (Tứ Danh Uẩn Bất Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tha Tâm Thắng Trí, Túc Mạng Thắng Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Trí với mãnh lực

Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở sanh khởi trong tự bản tánh của mình và của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Tha Tâm Thắng Trí, Túc Mạng Thắng Trí, Tùy Nghiệp Thù Trí và Vị Lai Trí của Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân đã đắc được Thắng Trí làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **Akusalo dhammo** là **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

* **Kusalassa dhammassa** là **Sampadānapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

* **Ārammanapaccayena** là **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực của Cảnh Duyên, chỉ có duy nhất là **Cảnh Duyên**.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Sekkhā paccavekkhanti** chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi đối với 3 bậc Quả Hữu Học, là người quán sát phiền não.

* **Pahīne kilese** chi pháp là 11 Tâm Bất Thiện (trừ Tâm Si Tương Ứng Điều Cữ).

Hoặc một phần khác:

* Nếu 8 Tâm Đại Thiện của bậc Thất Lai là chi pháp của **Sekkhā paccavekkhanti** thì chi pháp của **Pahīne kilese** là Tâm Tham Tương Ứng Kiến và Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi có Tà Kiến và Hoài Nghi làm chủ vị.

* Nếu 8 Tâm Đại Thiện của bậc Nhất Lai là chi pháp của **Sekkhā paccavekkhanti** thì chi pháp của **Pahīne kilese** là Tham, Sân, Si làm trưởng trội đã được giảm trừ.

* Nếu 8 Tâm Đại Thiện của bậc Bất Lai là chi pháp của **Sekkhā paccavekkhanti** thì chi pháp của **Pahīne kilese** là Tham Dục và Sân đã được hoàn toàn tuyệt diệt.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, **Sekkhā paccavekkhanti** chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi đối với 3 bậc Quả Hữu Học, là người quán sát phiền não.

* **Vikkhambhite kilese** chi pháp là tám Phiền Não đang giảm trừ và vẫn chưa tuyệt diệt, là Tham, Sân, Si, Ngã Mạn, Thụy Miên, Điều Cữ, Vô Tàm, Vô Quý, tùy theo trường hợp đối với người.

Hoặc một phần khác:

* Nếu 8 Tâm Đại Thiện của bậc Thất Lai là chi pháp của **Sekkhā paccavekkhanti** thì chi pháp của **Vikkhambhite kilese** là tám Phiền Não có Tham, v.v, của bậc Đạo Thất

Lai đã được diệt trừ mãnh lực con đường dẫn tới sự nguy hại.

* Nếu 8 Tâm Đại Thiện của bậc Nhất Lai là chi pháp của **Sekkhà paccavekkhanti** thì chi pháp của **Vikkhambhite kilese** là tám Phiền Não có Tham, v.v, của bậc Đạo Nhất Lai đang làm cho giảm trừ.

* Nếu 8 Tâm Đại Thiện của bậc Bất Lai là chi pháp của **Sekkhà paccavekkhanti** thì chi pháp của **Vikkhambhite kilese** là bảy Phiền Não có Ái Sắc, Ái Vô Sắc, Si, Ngã Mạn, Thụy Miên, Điều Cữ, Vô Tầm, Vô Quý của bậc Đạo Bất Lai đang làm cho giảm trừ.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Pubbe samudàcinne kilese** chi pháp là 10 Phiền Não đã từng sanh trong bản tánh của 3 bậc Quả Hữu Học.

* **Jànanti** chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đang sanh trong bản tánh của 3 bậc Quả Hữu Học.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư, **Sekkhà và putthujjanà và** là **Kattupada: Câu Chủ Từ** trình bày cho biết đến người tiến tu Thiền Quán nhưng vẫn còn là bậc Hữu Học hoặc Phàm Nhân, tức là 3 bậc Quả Hữu Học và 4 Phàm Phu.

* **Akusalam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện.

* **Aniccato dukkhato anattato** làm **Kiriyàvisesanapada:** trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, là Câu làm cho **Kiriyàpada: Câu Thuật Từ** thành đặc biệt.

* **Vipassanti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), tập hợp cả 4 Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện (trừ Ngã Trừ Phần, Vô Lượng Phần) ngay sát na tiến tu Thiền Quán.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ năm, **Cetopariyanànena** là **Karanapada: Câu Chế Tác, jànanti** làm **Kiriyààkhayàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí.

* **Akusalacittasamangissa** làm **Sàmisambandhapada:** trình bày đến người thành chủ nhân, **Cittam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện của người khác.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ sáu, **Akusalà khandhà** là **Kattupada: Câu Chủ Từ** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện.

* **Cetopariyanànassa, Pubbenivàsànussatinànassa, Yathàkammapaganànassa, Anàgatamsanànassa** làm **Sampadànapada**: Câu Liên Hệ, trình bày cho được biết đến Pháp Sở Duyên, chi pháp là 1 Tâm Thiện Thắng Trí Ngũ Thiện Sắc Giới.

Hoặc một phần khác: Phân tách 12 Tâm Bất Thiện gom vào cả Tứ Thắng Trí theo Năng Duyên, Sở Duyên, như tiếp theo đây:

* **Akusalà khandhà** chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện hiện hành trong cả Tam Thời, làm Năng Duyên.

* **Cetopariyanànassa** chi pháp là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí, làm Sở Duyên.

* **Akusalà khandhà** chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện hiện hành trong (**Pubbenivuttha** - Tiền Kiếp) làm Năng Duyên.

* **Pubbenivàsànussatinànassa** chi pháp là Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí làm Sở Duyên.

* **Akusalà khandhà** chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện của người khác hiện hành trong quá khứ, làm Năng Duyên.

* **Yathàkammapaganànassa** chi pháp là Tâm Thiện Tùy Nghiệp Thù Thắng Trí, làm Sở Duyên.

* **Akusalà khandhà** chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện của tự bản thân và của người khác hiện hành trong thời vị lai, làm Năng Duyên.

* **Anàgatamsanànassa** chi pháp là Tâm Thiện Vị Lai Thắng Trí, làm Sở Duyên.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi **không có một Duyên nào tự vào ủng hộ giúp đỡ.**

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm Phu và ba Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàlì, Pháp Bất Thiện –Thiện: **Akusalo – Kusalassa.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Đại Thiện, Lộ Trình Thiện Thắng Trí, Lộ Trình Đồng Lực Thiện Phán Khán Dục Giới, Lộ Trình Thiện Hành, tùy theo thích hợp.

- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ nhất: **Sekkhà pahine v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Thiện Phản Khán Dục Giới.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ hai: **Sekkhà vikkhambhite v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Thiện Phản Khán Dục Giới.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ ba: **Pubbe v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Thiện Phản Khán Dục Giới.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: **Sekkhà và puthujjanà và v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Hành.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ năm: **Cetopariyanànena v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn Đồng Lực Bất Thiện, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Tha Tâm Thắng Trí.
- # Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ sáu: **Akusala khandhà v.v.**
Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Thắng Trí, ở phần Lộ Trình Tha Tâm Thắng Trí, Lộ Trình Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí, Lộ Trình Tùy Nghiệp Thú Thắng Trí và Lộ Trình Vị Lai Thắng Trí, tùy theo trường hợp.

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ” -
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“Akusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Àrammanapaccayena paccayo”- Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Năng Duyên là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Sở Duyên là 11 Tâm Na Cảnh, 10 Tâm Duy Tác Dục Giới (trừ 1 Tâm Khai Ngũ Môn), 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, 33 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Arahà pahine kilese paccavekkhati”- Tất cả bậc Vô Sinh quán xét những phiền não đã được diệt trừ.

Tại đây, Phiền Não đã được diệt trừ là bảy phiền não gồm Tham (Ái Sắc Giới, Ái Vô Sắc Giới), Si, Ngã Mạn, Hôn Trầm, Trạo Cử, Vô Tàm, Vô Quý, của Bậc Vô Sinh đã hoàn toàn diệt trừ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét phiền não đã diệt trừ, là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở của Bậc Vô Sinh hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “Pubbe samudàcinne kilese jànàti”- Bậc Vô Sinh rõ biết những phiền não đã từng sanh khi trước.

Tại đây, Phiền Não là Thập phiền não đã từng sanh trong thời quá khứ (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc rõ biết những phiền não đã từng sanh trước kia, là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở của Bậc Vô Sinh hiện đang sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “Akusalam aniccato dukkhato anattato vipassati”- Bậc Vô Sinh quán xét thấy Bất Thiện theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Tại đây, Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở đã từng sanh trong tự bản tánh của mình, và đã từng sanh, hiện đang sanh và sẽ sanh trong bản tánh của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét những Bất Thiện đó, là 8 Tâm Đại Duy Tác, 33 Tâm Sở của Bậc Vô Sinh, làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “Cetopariyānānena akusalacittasamangissa cittam jànàti”- Với Tha Tâm Thắng Trí, Bậc Vô Sinh rõ biết được Tâm của người hoàn toàn Bất Thiện.

Tại đây, Tâm của người đầy đủ Bất Thiện, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở trong bản tánh của người đã từng sanh bảy ngày trước đó, hiện đang sanh và sẽ tiếp tục sanh bảy ngày sau nữa (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí của Bạc Vô Sinh rõ biết Tâm Bất Thiện của người làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “*Sekkhà và puthujjanà và akusalam aniccato dukkhato anattato vipassanti, kusale niruddhe vipàko tadàrammanatà uppajjati*”- Tất cả bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu quán xét thấy Bất Thiện theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã; trong khi Tâm Đồng Lực Bất Thiện đã diệt mất thì Tâm Na Cảnh phần Quả Dị Thục thường sanh khởi.

Tại đây, Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở đã từng sanh và sẽ sanh trong tự bản tánh của mình; và đã từng sanh, hiện đang sanh và sẽ sanh trong bản tánh của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét những Bất Thiện đó theo việc tiến tu Pháp Quán, là Đồng Lực Thiện của Bạc Hữu Học và Phàm Tam Nhân, khi Đồng Lực diệt mất thì 11 Tâm Na Cảnh, 33 Tâm Sở sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

6/ “*Akusalam assàdeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati akusale niruddhe vipàko tadàrammanatà uppajjati*”- Người có sự vui mừng thỏa thích về Bất Thiện. Khi nghĩ đến Bất Thiện đó thì thường sanh khởi sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, và ưu sầu. Khi Đồng Lực Bất Thiện đã diệt mất thì Tâm Na Cảnh phần Quả Dị Thục thường sanh khởi.

Tại đây, Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở ở thời quá khứ và vị lai trong tự bản tánh của mình; và ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai trong bản tánh của người (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Khi Đồng Lực Bất Thiện đã diệt mất thì Tâm Na Cảnh sanh khởi, là 11 Tâm Na Cảnh, 33 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

7/ “*Akusalà khandhà cetopariyanànassa pubbenivàsànussatinànassa yathàkammupaganànassà anàgatamsanànassa àvajjanàya Àrammanapaccayena paccayo*”- Những Uẩn Bất Thiện (Tứ Danh Uẩn Bất Thiện) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tha Tâm Thắng Trí, Túc Mạng Thắng Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Trí và Tâm Khai Ý Môn với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Danh Uẩn Bất Thiện là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí, Tâm Duy Tác Túc Mạng Thắng Trí, Tâm Duy Tác Tùy Nghiệp Thú Trí, Tâm Duy Tác Vị Lai Trí, 30 Tâm Sở và 1 Tâm Khai Ý Môn, 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục) làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

Cho đến tận cùng, rằng theo Thời Gian, Địa Giới, Người, Lộ Trình, tất cả đều hiện hành cùng một phương thức với **Kusalo abyàkatassa**, duy chỉ có sự khác biệt ở phần Năng Duyên, đề cập là trong Câu **Kusalo abyàkatassa** thì Pháp Năng Duyên là Thiện, còn trong Câu **Akusalo abyàkatassa** thì Pháp Năng Duyên là Bất Thiện, sự khác biệt chỉ có bấy nhiêu.

Ghi chú: **Akusalo abyàkatassa** chỉ có duy nhất một mảnh lực Cảnh Duyên và trong tất cả bảy Câu Phụ phần Pàli, tương tự cũng chỉ có duy nhất một mảnh lực Cảnh Duyên.

Trong câu Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký đây, ngay thời gian sanh khởi **không có một Duyên nào tự vào giúp đỡ ủng hộ.**

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và bốn Bậc Thánh Quả.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàli, Pháp Bất Thiện – Vô Ký: **Akusalo – Abyàkatassa**.

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn và Lộ Trình Kiên Cố (**Appanāvithi**), có Đồng Lực Bất Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Duy Tác Dục Giới, Lộ Trình Thiền Sơ Khởi (**Ādikammikajhānavithi**), Lộ Trình Thiền Nhập Định (**Jhānasamāpajjanavithi**), Lộ Trình Thắng Trí (**Abhinnānavithi**).

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ nhất: **Arahā v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Phán Khán Dục Giới được sanh tiếp nối từ Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ hai: **Pubbe v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện Dục Giới.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Phán Khán Dục Giới được sanh tiếp nối sau nơi Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện Dục Giới.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ ba: **Akusalam aniccato v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Kiên Cố Bất Thiện Hiệp Thế và Lộ Trình Đồng Lực Bất Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Duy Tác Thiện Quán sanh khởi việc Phản Khán.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: ***Cetopariyanàna v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố và Lộ Trình Đồng Lực Bất Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ năm: ***Sekkhà và puthujjanà và v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố và Lộ Trình Đồng Lực Bất Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện Thiện Quán có Na Cảnh.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ sáu: ***Akusalam assàdeti v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố và Lộ Trình Đồng Lực Bất Thiện Dục Giới.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Bất Thiện có Na Cảnh.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ bảy: ***Akusalà khandhà Cetopariyanànassa v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tám: ***Akusalà khandhà Pubbenivāsānus - satinānassa v. v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Bất Thiện.
Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ chín: ***Akusalà khandhà Yathākammupa – gānānassa v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố Hiệp Thế có Đồng Lực Bất Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tùy Nghiệp Thủ Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười: ***Akusalà khandhà Anàgatamsana - nassa v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Bất Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Vị Lai Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười một: ***Akusalà khandhà Àvajjanàya.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Kiên Cố có Đồng Lực Bất Thiện.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đồng Lực Duy Tác Dục Giới và Lộ Trình Thắng Trí.

(D) ABYÀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”-
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyàkato dhammo abyàkatassa dhammassa Àrammanapaccayena paccayo”-

Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Năng Duyên là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, Níp Bàn (đó là 6 Cảnh).

Pháp Vô Ký làm Cảnh Sở Duyên là 23 Tâm Quả Dục Giới, 11 Tâm Duy Tác Dục Giới, 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Arahà phalam paccavekkhati”- Bậc Vô Sinh có việc quán xét lại Tâm Quả Vô Sinh.

Tại đây, Tâm Quả là 1 Tâm Quả Vô Sinh, 36 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở hiện đang sanh khởi của Bậc Vô Sinh làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “*Nibbànam paccavekkhati*”- Bạc Vô Sinh có việc quán xét Níp Bàn.

Tại đây, Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ưng Trí, 33 Tâm Sở hiện đang sanh khởi của Bạc Vô Sinh làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “*Nibbànam phalassa àvajjanàya Àrammanapaccayena paccayo*”- Níp Bàn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Quả và Tâm Khai Ý Môn với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Quả và Tâm Khai Môn là 4 Tâm Quả và 1 Tâm Khai Ý Môn, 36 Tâm Sở của 4 Bạc Quả làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “*Arahà cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassati sotam ghànam jivham kàyam rūpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum vipākàbyākate kiriyaabyākate khandhe aniccato dukkhato anattato vipassati*”- Bạc Vô Sinh quán xét thấy nhãn thanh triệt theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Bạc Vô Sinh quán xét thấy nhĩ thanh triệt, tỷ thanh triệt, thiết thanh triệt, thân thanh triệt, cảnh sắc, cảnh thính, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, ý vật, và Uẩn Vô Ký Quả, Uẩn Vô Ký Duy Tác và các Tâm Sở theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Tại đây, Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiết Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thính, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật và 32 Tâm Vô Ký Quả Hiệp Thế, 20 Tâm Vô Ký Duy Tác, 38 Tâm Sở sanh khởi theo tự bản tánh của mình và của người, tùy theo trường hợp, trong cả ba Thời (đó là 6 Cảnh) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét là 8 Tâm Đại Duy Tác, 33 Tâm Sở của Bạc Vô Sinh ngay khi quán xét những 6 Cảnh đó, làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “*Dibbena cakkhuna rūpam passati*”- Bạc Vô Sinh có việc thấy Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Thắng Trí.

Tại đây, Sắc ở nơi thật là xa, ở nơi thật ẩn khuất, Sắc vô cùng bé hoặc vô cùng vi tế, cả nội phần và ngoại phần, làm Cảnh Năng Duyên.

Việc thấy, là Tâm Duy Tác Thiên Nhãn Thắng Trí của Bạc Vô Sinh hiện đang thấy những loại Sắc ấy, làm Cảnh Sở Duyên.

6/ “*Dibbàya sotadhātuyà saddam sunāti*”- Bạc Vô Sinh có việc được nghe Cảnh Thính với Thiên Nhĩ Giới Thắng Trí.

Tại đây, âm thanh ở nơi thật là xa, ở nơi thật khuất lấp, âm thanh vô cùng nhỏ nhẹ, hoặc âm thanh vô cùng vi tế, cả nội phần và ngoại phần, làm Cảnh Năng Duyên.

Việc nghe, là Tâm Duy Tác Thiên Nhĩ Thắng Trí của Bạc Vô Sinh hiện đang hiện nghe những âm thanh đó, làm Cảnh Sở Duyên.

7/ “*Cetopariyanà nena vipākābyākata kiriyābyākata cittasamangissa cittam jānāti*”- Với Tha Tâm Thắng Trí, Bạc Vô Sinh thường rõ biết Tâm của người hoàn toàn là Tâm Vô Ký Quả hoặc Tâm Vô Duy Tác.

Tại đây, 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở sanh khởi trong bản tánh của người, trong cả ba Thời (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí hiện đang sanh khởi trong bản tánh của Bạc Vô Sinh rõ biết những loại Tâm đó, làm Cảnh Sở Duyên.

8/ “*Ākāśānācāyatanakiriyam vinnānācāyatanakiriyassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Thiền Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiền Duy Tác Thức Vô Biên Xứ với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Thiền Duy Tác Không Vô Biên Xứ là 1 Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở đã sanh khởi ngay Hữu hiện tại (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thiền Duy Tác Thức Vô Biên Xứ là 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 30 Tâm Sở hiện đang sanh khởi trong bản tánh của Bạc Vô Sinh, làm Cảnh Sở Duyên.

9/ “*Ākincannāyatanakiriyam nevasannānāsannāyatanakiriyassa Ārammana - paccayena paccayo*”- Thiền Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiền Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Thiền Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ là 1 Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ, 30 Tâm Sở đã được sanh khởi ngay Hữu hiện tại (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Thiền Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ là 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 30 Tâm Sở hiện đang sanh khởi trong bản tánh của Bạc Vô Sinh, làm Cảnh Sở Duyên.

10/ “*Rūpāyatanam cakkhuvinnānassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Sắc Xứ (Cảnh Sắc) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 2 Tâm Nhãn Thức với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Sắc Xứ ở ngay hiện tại làm Cảnh Năng Duyên.

2 Tâm Nhãn Thức, 7 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

11/ “*Saddāyatanam sotavinnānassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Thinh Xứ (Cảnh Thinh) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 2 Tâm Nhĩ Thức với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Thinh Xứ ở ngay hiện tại làm Cảnh Năng Duyên.

2 Tâm Nhĩ Thức, 7 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

12/ “*Gandhàyatanam ghànavinnànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Khí Xứ (Cảnh Khí) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 2 Tâm Tỷ Thức với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Khí Xứ ở ngay hiện tại làm Cảnh Năng Duyên.

2 Tâm Tỷ Thức, 7 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

13/ “*Rasàyatanam jivhàvinnànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Vị Xứ (Cảnh Vị) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 2 Tâm Thiệt Thức với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Vị Xứ ở ngay hiện tại làm Cảnh Năng Duyên.

2 Tâm Thiệt Thức, 7 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

14/ “*Photthabbàyatanam kàyavinnànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Xúc Xứ (Cảnh Xúc) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 2 Tâm Thân Thức với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Xúc Xứ ở ngay hiện tại làm Cảnh Năng Duyên.

2 Tâm Thân Thức, 7 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

15/ “*Abyàkatà khandhà iddhividhavinnànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thần Túc Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới làm nền tảng khai lộ cho Tâm Thắng Trí (***Pàdakajhàna*** – *Thiền Cơ Bản*), 30 Tâm Sở và Cảnh Sắc hiện bày các loại biến hóa, làm Cảnh Năng Duyên.

Thần Túc Thắng Trí là Tâm Duy Tác Thần Túc Thắng Trí hiện đang sanh trong bản tánh của Bậc Vô Sinh làm Cảnh Sở Duyên.

16/ “*Abyàkatà khandhà cetopariyanànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tha Tâm Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở của người, ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tha Tâm Thắng Trí là 1 Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí hiện đang sanh trong bản tánh của Bậc Vô Sinh làm Cảnh Sở Duyên.

17/ “*Abyàkatà khandhà pubbenivàsànussatinànassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Túc Mạng Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc và

Níp Bàn của người đã từng sanh trong Hữu quá khứ, làm Cảnh Năng Duyên.

Túc Mạng Thắng Trí là Tâm Duy Tác Túc Mạng Thắng Trí hiện đang sanh khởi trong bản tánh của Bậc Vô Sinh, làm Cảnh Sở Duyên.

18/ “*Abyàkatà khandhà anàgatamsànnassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vị Lai Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc và Níp Bàn, sẽ sanh khởi ở thời vị lai của mình và của người, làm Cảnh Năng Duyên.

Vị Lai Trí là Tâm Duy Tác Vị Lai Thắng Trí hiện đang sanh trong bản tánh của Bậc Vô Sinh, làm Cảnh Sở Duyên.

19/ “*Abyàkatà khandhà àvajjanàya Ārammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Khai Ý Môn với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai trong bản tánh của người; và ở thời quá khứ, vị lai trong bản tánh của mình (đó là 6 Cảnh) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Khai Môn là 1 Tâm Khai Ý Môn, 11 Tâm Sở (trừ Hỷ, Dục) hiện đang sanh làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì “*Abyàkato dhammo*” làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 6 Cảnh, gồm 28 Sắc, 36 Tâm Dị Thực Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, Níp Bàn.

* ***Abyàkatassa dhammassa*** làm **Sampadānapada:** Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 23 Tâm Dị Thực Quả Dục Giới, 11 Tâm Duy Tác Dục Giới, 1 Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, 1 Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, 1 Tâm Duy Tác Thắng Trí, 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

* ***Ārammanapaccayena*** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Cảnh Cận Y Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,

- (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Arahà** là **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Vô Sinh.

* **Phalam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Quả Vô Sinh, 36 Tâm Sở.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở của bậc Vô Sinh sanh khởi làm việc quán sát Quả Vô Sinh.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, **Nibbànam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Hữu Dư Y Níp Bàn.

* **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở của bậc Vô Sinh sanh khởi làm việc quán sát Níp Bàn.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Nibbànam** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Hữu Dư Y Níp Bàn.

* **Phalassa** hoặc **àvajjanàya** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở, 1 Tâm Khai Ý Môn, 11 Tâm Sở Tợ Tha (trừ Hỷ, Dục).

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư, **Arahà** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Vô Sinh.

* **Cakkhum sotam ghànam jivham kàyam rùpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum vipàkàbyàkate kiriyàbyàkate gandhe** tất cả làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Nhân Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật, Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tứ Danh Uẩn Duy Tác sanh khởi trong tự bản tánh của mình và của người.

* **Aniccato dukkhato anattato** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến việc quán sát Nhân Thanh Triệt, v.v. của bậc Vô Sinh theo đường hướng Thiên Quán.

* **Vipassati** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác, 33 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) sanh khởi làm việc quán sát Nhân Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, v.v.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ năm, **Rùpam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Cảnh Sắc hiện tại khi là **“Dūra - Dao Viễn”**, **“Paticchanna - Ẩn Tàng”**, **“Sanha - Tế Nhuyễn”**, **“Sukhuma - Vi Tế”**. đề cập đến Cảnh Sắc ở nơi rất xa, Cảnh Sắc ở nơi ẩn khuất che lấp, Cảnh Sắc ở nơi rất nhỏ, Cảnh Sắc ở nơi vi tế.

* **Dibbena cakkhunà** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, **Vipassati** làm **Kiriyààkha - yàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), hai Câu này trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Thiên Nhân Thắng Trí của bậc Vô Sinh đang thẩm thị những loại Sắc đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ sáu, **Saddam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Cảnh Thinh hiện tại khi là **“Dūra - Dao Viễn”**, **“Paticchanna - Ẩn Tàng”**, **“Sanha - Tế Nhuyễn”**, **“Sukhuma - Vi Tế”**, đề cập đến Cảnh Thinh ở nơi rất xa, Cảnh Thinh ở nơi bùng bít cách ngăn, Cảnh Thinh ở nơi rất khế, Cảnh Thinh ở nơi vi tế.

* **Dibbàya sotadhàtuyà** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, **Sunàti** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), hai Câu này trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Thiên Nhĩ Thắng Trí của bậc Vô Sinh đang lắng nghe những âm thanh đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ bảy, **Vipàkàbyàkatakiriyàbyàkacittasaman - gissa** làm **Sàmisambandhapada**: trình bày đến người thành chủ nhân, **Cittam** làm

Kammapada: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), cả hai Câu này trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác sanh khởi trong bản tánh của người trong cả Tam Thời.

* **Cetopariyanàna** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, **Jànàti** làm **Kiriyààkhaṇa - tapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), hai Câu này trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí của bậc Vô Sinh biết được tâm tánh của người.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tám, **Àkàsànaṇcàyatanakiriyam** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Không Vô Biên Xứ đã từng sanh trong tự bản tánh trong Hữu này.

* **Vinnànaṇcàyatanakiriyassa** làm **Sampadànapada:** Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Vô Sinh.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada:** Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã.**

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ chín, **Àkincannàyatanakiriyam** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ đã từng sanh trong tự bản tánh trong Hữu này.

* **Nevasannànaṇcàyatanakiriyassa** làm **Sampadànapada:** Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Vô Sinh.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: **Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười đến điều thứ mười bốn, **Rùpàyanam saddàyanam gandhàyanam rasàyanam phothabbàyanam** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, ở cả hai Nội Phần và Ngoại Phần thời hiện tại.

* **Cakkhuvinnànassa sota ghàna jivhà kàyavinnànassa** làm **Sampadànapada**: **Câu Liên Hệ** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 2 Tâm Nhân Thức, 2 Tâm Nhĩ Thức, 2 Tâm Tỷ Thức, 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Thân Thức, 7 Tâm Sở Biến Hành phối hợp, của tất cả Phàm Phu và Thánh Nhân.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: **Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 4 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (3) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (4) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: **Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ mười lăm, **Abyàkatà khandhà** làm **Kattupada**: **Câu Chủ Từ** trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Ngũ Uẩn Vô Ký, là 28 Sắc, 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, cho suốt tới Níp Bàn.

* **Iddhividhanànassa v.v.** cho tới **Àvajjanàya** làm **Sampadànapada**: **Câu Liên Hệ** trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tâm Duy Tác Thắng Trí ở phần Thần Túc, Tha Tâm, Túc Mạng Tùy Niệm, Vị Lai và Tâm Khai Ý Môn.

Hoặc một phần khác:

Phân tách Ngũ Uẩn Vô Ký theo cả Tứ Duy Tác Thắng Trí, bởi theo Năng Duyên, Sở Duyên, như tiếp theo sau đây:

1. Abyàkatà khandhà chi pháp là Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Sắc Giới trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản và Cảnh Sắc biến hóa thị hiện những hình thức, làm Năng Duyên.

* **Iddhividhanànassa** chi pháp là Tâm Duy Tác Thần Túc Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Vô Sinh, làm Sở Duyên.

2. Abyàkatà khandhà chi pháp là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm

Sở của người đang hiện hành trong cả Tam Thời, tức là đang sanh khởi, đã từng sanh trong bảy ngày qua, và sẽ sanh khởi trong bảy ngày sắp tới, làm Năng Duyên.

* **Cetopariyanànassa** chi pháp là Tâm Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Vô Sinh, làm Sở Duyên.

3. Abyàkatà khandhà chi pháp là Ngũ Uẩn Vô Ký ở phần (**Pubbenivuttha -Tiền Kiếp**) là đã từng sanh hiện hành rồi, tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, cho suốt tới Níp Bàn, là phần diệt tất cả Ngũ Uẩn Vô Ký, của tự bản thân và của người khác (tự bản thân, trừ ra Tâm Quả Vô Sinh) làm Năng Duyên.

* **Pubbenivàsànussasatinànassa** chi pháp là Tâm Duy Tác Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Vô Sinh, làm Sở Duyên.

4. Abyàkatà khandhà chi pháp là Ngũ Uẩn Vô Ký ở phần *vị lai*, là sẽ hiện hành tiếp nối theo trong ngày sắp tới, tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, cho suốt tới Níp Bàn, là phần diệt tất cả Ngũ Uẩn Vô Ký, của tự bản thân và của người khác, làm Năng Duyên.

* **Anàgatamsanànassa** chi pháp là Tâm Duy Tác Vị Lai Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Vô Sinh, làm Sở Duyên.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada: Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada: Câu Thuật Từ**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

Trong câu Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tự vào giúp đỡ ủng hộ (**Ghatanà – Hiệp Lực**) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Cảnh Cận Y Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,

- (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
(8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký chỉ được duy nhứt trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bốn Bậc Quả, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàli, Pháp Vô Ký – Vô Ký: ***Abyàkato dhammo - Abyàkatassa dhammassa.***

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong đường lối Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố, tùy theo thích hợp.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ nhất: ***Arahà phalam paccavekkhati.***

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ hai: ***Nibbànam paccavekkhati.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Nhập Thiền Diệt.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ ba: ***Nibbànam phalassa àvajjanàya, v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong cả Tứ Lộ Trình Đắc Đạo, Tứ Lộ Trình Nhập Thiền Quả, Lộ Trình Phản Khán.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: ***Arahà cakkhum v.v . aniccato dukkhato anattato vipassati.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, đặc biệt phần Dị Thục Quả - Duy Tác.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Hành, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Duy Tác.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ năm: ***Dibbena cakkhunà rùpam passati.***

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ sáu: ***Dibbàya sotadhàtuyà saddam sunàti.***

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Thiên Nhân Thắng Trí và Lộ Trình Duy Tác Thiên Nhĩ Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ bảy: **Cetopariyanànassa v.v. jànàti.**

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Tha Tâm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tám: **Ākàsànancàyatanakiriyam v.v.**

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ chín: **Ākincannàyatanakiriyam v.v.**

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thiền Nhập Định liên quan với Thức Vô Biên Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười v.v. cho đến điều thứ mười bốn:

Rùpàyanam v.v. phoṭṭhabbàyanam v.v.

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ mười lăm: **Abyàkatà khandhà v.v.**

àvajjanàya.

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thiền Nhập Định, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, cho suốt tới Lộ Trình Sắc Pháp.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Duy Tác Thắng Trí và Lộ Trình Đồng Lực Dục Giới, được sanh từ nơi Lộ Trình Duy Tác Thắng Trí.

“KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN”-
TRONG CÂU VÔ KÝ

“**Abyàkato dhammo kusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo**”- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Năng Duyên là 35 Tâm Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, Níp Bàn (đó là 6 Cảnh).

Pháp Thiện làm Cảnh Sở Duyên là 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí, 4 Tâm Đạo, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “**Sekkhà phalam paccavekkhanti**”- Tất cả bậc Hữu Học có việc quán xét lại Tâm

Quả của mình.

Tại đây, Tâm Quả là 3 Tâm Quả, 36 Tâm Sở của 3 Bậc Quả Hữu Học (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở của 3 Bậc Quả Hữu Học ngay khi quán xét Tâm Quả đã được sanh khởi làm Cảnh Sở Duyên.

2/ “*Sekkhà nibbànam paccavekkhanti*”- Tất cả bậc Hữu Học có việc quán xét Níp Bàn.

Tại đây, Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Việc quán xét là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở của 3 Bậc Hữu Học ngay khi quán xét Níp Bàn làm Cảnh Sở Duyên.

3/ “*Nibbànam gotrabhussa vodànessa maggassa Ārammanapaccayena paccayo*”- Níp Bàn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Chuyển Tộc, Tâm Dữ Tĩnh và Tâm Đạo với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Chuyển Tộc, Tâm Dữ Tĩnh, và Tâm Đạo là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở đang sanh khởi làm nhiệm vụ Chuyển Tộc trong bản tánh của Phàm Tam Nhân khi sắp sửa đạt đến Đạo và Quả Thất Lai. 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở đang sanh khởi làm nhiệm vụ Dữ Tĩnh trong bản tánh của Bậc Thất Lai, Bậc Nhất Lai và Bậc Bất Lai. Và 4 Tâm Đạo, 36 Tâm Sở hiện đang sanh trong bản tánh của 4 Bậc Đạo Nhân làm Cảnh Sở Duyên.

4/ “*Sekkhà và puthujjanà và cakkhum aniccato dukkhato anattato vipassanti sotam ghànam jivham kàyam rūpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum vipàkābyākate kiriyābyākate khandhe aniccato dukkhato anattato vipassanti*”- Tất cả bậc Quả Hữu Học hoặc Phàm Phu quán xét Nhân Thanh Triệt theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Và quán sát thấy Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật và Uẩn Vô Ký Quả, Vô Ký Duy Tác theo đặc tướng Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã.

Tại đây, Nhân Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật và 32 Tâm Vô Ký Quả Hiệp Thế, 20 Tâm Vô Ký Duy Tác, 38 Tâm Sở sanh khởi tùy theo trường hợp, trong tự bản tánh của mình và của người, trong cả ba Thời (đó là 6 Cảnh) làm Cảnh Năng Duyên.

8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở của 3 Bậc Quả Hữu Học và 4 Phàm Phu vào thời gian quán xét cả 6 loại Cảnh đó, làm Cảnh Sở Duyên.

5/ “*Dibbena cakkhunà rùpam passantī*”- Bạc Hữu Học và Phàm Phu khi đạt được tất cả Thắng Trí, thường thấy được Cảnh Sắc với Thiên Nhân Thắng Trí.

Tại đây, Sắc là Cảnh Sắc ở nơi xa (**dūra**), ở nơi ẩn khuất (**patichanna**), vô cùng nhỏ bé (**sanha**), và vi tế (**sukhuma**), cả nội phần và ngoại phần, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Thiên Nhân Thắng Trí của ba Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân đã đạt đến Thắng Trí và hiện đang nhìn thấy những loại Sắc đó, làm Cảnh Sở Duyên.

6/ “*Dibbàya sotadhātuyà saddam sunanti*”- Bạc Hữu Học và Phàm Phu khi đạt được tất cả Thắng Trí, thường lắng nghe âm thanh với Thiên Nhĩ Thắng Trí.

Tại đây, âm thanh là Cảnh Thinh ở nơi rất xa, ở nơi thật khuất lấp, âm thanh vô cùng nhỏ nhẹ, âm thanh vi tế ở cả nội phần và ngoại phần, làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Thiên Nhĩ Thắng Trí của ba Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân đạt được Thắng Trí và hiện đang lắng nghe những âm thanh đó, làm Cảnh Sở Duyên.

7/ “*Cetopariyanānena vipākābyākata kiriyābyākata cittasamangisa cittam jānāti*”- Bạc Hữu Học và Phàm Phu khi đạt được tất cả Thắng Trí, thường biết được Tâm của người hoàn toàn là Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác theo mãnh lực Tha Tâm Thắng Trí.

Tại đây, 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở sanh khởi trong bản tánh của người ở cả ba Thời (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí của ba Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân đạt được Thắng Trí hiện đang biết được những loại Tâm đó, làm Cảnh Sở Duyên.

8/ “*Abyākata khandhā iddhividhanānassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thần Túc Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, Uẩn Vô Ký là Cảnh Sắc hiện bày các loại biến hóa làm Cảnh Năng Duyên.

Thần Túc Thắng Trí là Tâm Thiện Thần Túc Thắng Trí hiện đang sanh trong bản tánh của 3 Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân làm Cảnh Sở Duyên.

9/ “*Abyākata khandhā cetopariyanānassa Àrammanapaccayena paccayo*”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tha Tâm Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở trong bản tánh của người khác ở cả ba Thời (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Năng Duyên.

Tha Tâm Thắng Trí là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí hiện đang sanh với ba Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân làm Cảnh Sở Duyên.

10/ “*Abyākata khandhā pubbenivāsānussatinānassa Àrammanapaccayena*”

paccayo”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 35 Tâm Quả (trừ 1 Tâm Quả Vô Sinh), 2 Tâm Khai Môn, 38 Tâm Sở, 28 Sắc ở tự nơi mình đã từng được sanh trong Hữu quá khứ và 35 Tâm Quả (trừ 1 Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc của người đã từng được sanh trong Hữu quá khứ và Níp Bàn của người (đó là 6 Cảnh) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí hiện đang sanh với ba Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân làm Cảnh Sở Duyên.

11/ “Abyàkatà khandhà anàgatamsanànassa Ārammanapaccayena paccayo”- Tất cả Uẩn Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vị Lai Trí với mãnh lực Cảnh Duyên.

Tại đây, những Uẩn Vô Ký là 36 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc và Níp Bàn sẽ sanh vào thời vị lai ở tự nơi mình và của người (đó là 6 Cảnh) làm Cảnh Năng Duyên.

Tâm Vị Lai Thắng Trí hiện đang sanh với ba Bạc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **Abyàkato dhammo** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 6 Cảnh, gồm 28 Sắc, 36 Tâm Dị Thục Quả, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, Níp Bàn (trừ Tâm Quả Vô Sinh).

* **Kusalassa dhammassa** làm **Sampadānapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 8 Tâm Đại Thiện, 1 Tâm Thiện Thắng Trí, 4 Tâm Đạo, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

* **Ārammanapaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Cảnh Cận Y Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,

(8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Sekkhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Quả Hữu Học.

* **Phalam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Quả ba bậc Quả thấp, 36 Tâm Sở.

* **Paccavekkhanti** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của bậc Quả Hữu Học ngay sát na quán sát Tâm Quả đã được sanh.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, **Sekkhà** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Quả Hữu Học.

* **Nibbànam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Hữu Dur Y Níp Bàn.

* **Paccavekkhanti** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của bậc Quả Hữu Học ngay sát na quán sát Níp Bàn.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Nibbànam** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Hữu Dur Y Níp Bàn.

* **Gotrabhussa, Vodànassa, Maggassa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở, bất luận một trong những Tâm này, làm nhiệm vụ Chuyển Tộc, Dữ Tịnh, của Phàm Tam Nhân, bậc Hữu Học, và 4 Tâm Quả.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư, **Sekkhà và putthujjana** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Quả Hữu Học và bốn Phàm.

* **Cakkhum sotam** cho đến **kiriyàbyākate khandhe**, tất cả đều làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Nhân Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật, Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tứ Danh Uẩn Duy Tác, của người khác và tự bản thân, vừa theo việc sẽ thành đạt được.

* **Aniccato dukkhato anattato** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến việc quán sát Nhân Thanh Triệt, v.v. của bậc Quả Hữu Học và bốn Phàm, theo đường hướng Thiền Quán.

* **Vipassanti** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đồng Lực Đại Thiện, 33 Tâm Sở của bậc Quả Hữu Học và bốn Phàm.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ năm, **Rùpam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là *Cảnh Sắc hiện tại* khi là “**Dūra - Dao Viễn**”, “**Paticchanna - Ấn Tàng**”, “**Sanha - Tế Nhuyễn**”, “**Sukhuma - Vi Tế**”. đề cập đến Cảnh Sắc ở nơi rất xa, Cảnh Sắc ở nơi ẩn khuất che lấp, Cảnh Sắc ở nơi rất nhỏ, Cảnh Sắc ở nơi vi tế.

* **Dibbena cakkhunà** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, **Passanti** làm **Kiriyààkhayàta -pada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), hai Câu này trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Thiên Nhân Thắng Trí của bậc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân, đang thẩm thị những loại Sắc đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ sáu, **Saddam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là *Cảnh Thinh hiện tại* khi là “**Dūra - Dao Viễn**”, “**Paticchanna - Ấn Tàng**”, “**Sanha - Tế Nhuyễn**”, “**Sukhuma - Vi Tế**”, đề cập đến Cảnh Thinh ở nơi rất xa, Cảnh Thinh ở nơi bùng bít cách ngăn, Cảnh Thinh ở nơi rất khế, Cảnh Thinh ở nơi vi tế.

* **Dibbàya sotadhātuyà** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, **Sunanti** làm **Kiriyààkhayàta pada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), hai Câu này trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Thiên Nhĩ Thắng Trí của bậc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân, đang lắng nghe những âm thanh đó.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ bảy, **Vipàkàbyàkatakiriyaàbyàkatakacittasaman - gissa** làm **Sàmisambandhapada:** trình bày đến người thành chủ nhân, **Cittam** làm **Kammapada:** trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), cả hai Câu này trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 35 Tâm Dị Thục Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác sanh khởi trong bản tánh của người trong cả Tam Thời.

* **Cetopariyanànena** làm **Karanapada:** Câu Chế Tác, **Jànanti** làm **Kiriyaàkхайàtapada:** trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), hai Câu này trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí của bậc Quả Hữu Học và Phạm Tam Nhân, biết được tâm tánh của người.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tám, **Abyàkatà khandhà** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Ngũ Uẩn Vô Ký, là 28 Sắc, 35 Tâm Dị Thục Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, cho suốt tới Níp Bàn.

* **Iddhividhanànassa** v.v. cho tới **Anàgatamsanànassa** làm **Sampadànapada:** Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là Tâm Thiện Thắng Trí ở phần Thần Túc, Tha Tâm, Túc Mạng Tùy Niệm, Vị Lai.

Hoặc một phần khác:

Phân tách Ngũ Uẩn Vô Ký theo cả Tứ Duy Tác Thắng Trí, bởi theo Năng Duyên, Sở Duyên, như tiếp theo sau đây:

1. **Abyàkatà khandhà** chi pháp là Tâm Thiện Ngũ Thiền Sắc Giới trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản và Cảnh Sắc biến hóa thị hiện những hình thức, làm Năng Duyên.

* **Iddhividhanànassa** chi pháp là Tâm Thiện Thần Túc Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Quả Hữu Học và Phạm Tam Nhân, làm Sở Duyên.

2. **Abyàkatà khandhà** chi pháp là 35 Tâm Dị Thục Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở của người đang hiện hành trong cả Tam Thời, tức là đang sanh khởi, đã từng sanh trong bảy ngày qua, và sẽ sanh khởi trong bảy ngày sắp tới, làm Năng Duyên.

* **Cetopariyanànassa** chi pháp là Tâm Thiện Tha Tâm Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Quả Hữu Học và Phạm Tam Nhân, làm Sở Duyên.

3. **Abyàkatà khandhà** chi pháp là Ngũ Uẩn Vô Ký ở phần (**Pubbenivuttha -Tiền Kiếp**) là đã từng sanh hiện hành rồi, tức là 35 Tâm Dị Thục Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, cho suốt tới Níp Bàn, của tự bản thân và của người khác (tự bản thân, trừ ra Tâm Quả Vô Sinh) làm Năng Duyên.

* **Pubbenivàsànussasatinànassa** chi pháp là Tâm Thiện Túc Mạng Tùy Niệm Thắng

Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân, làm Sở Duyên.

4. *Abyàkatà khandhà* chi pháp là Ngũ Uẩn Vô Ký ở phần vị *lai*, là sẽ hiện hành tiếp nối theo trong ngày sắp tới, tức là 35 Tâm Dị Thục Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc, cho suốt tới Níp Bàn, của tự bản thân và của người khác, làm Năng Duyên.

* ***Anàgatamsanànassa*** chi pháp là Tâm Thiện Vị Lai Thắng Trí đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Quả Hữu Học và Phàm Tam Nhân, làm Sở Duyên.

* ***Àrammanapaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyàpada***: *Câu Thuật Tì*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết ***Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã***.

Ghi chú: Khi phân tách Ngũ Uẩn Vô Ký theo cả Tứ Thiện Thắng Trí, bởi theo Năng Duyên, Sở Duyên thì tương tự với phần “***Abyàkatapadāvasāna – Phần cuối câu Vô Ký***” – trong câu Vô Ký”- duy chỉ khác biệt nhau ở ngay phần Duy Tác Thắng Trí.

Trong câu Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện đây, ngay thời gian sanh khởi có Duyên tự vào giúp đỡ ủng hộ (***Ghatanà – Hiệp Lực***) đồng cùng sanh với nhau vừa theo thích hợp là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trưởng Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên,
- (4) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

* **Rằng theo Thời Gian:** hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* **Rằng theo Địa Giới:** hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm Phu và bảy Bậc Thánh (trừ Bậc Vô Sinh), tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong những Lộ Trình như sau:

Trong phần Pàli, Pháp Vô Ký – Thiện: ***Abyàkato dhammo – Kusalassa dhammassa.***

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong đường lối Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Kiên Cố, tùy theo thích hợp.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ nhất: ***Sekkhà phalam paccavekkhanti.***

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ hai: ***Sekkhà Nibbànam paccavekkhanti.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo 3 bậc thấp, và ngay sát na xuất khỏi Lộ Trình Nhập Thiền Diệt.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ ba: ***Nibbànam Gotrabhussa, v.v.***

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong cả Tứ Lộ Trình Đắc Đạo.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tư: ***Sekkhà và puthujjanà và cakkhum v.v. vipassanti.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, đặc biệt phần Dị Thực Quả - Duy Tác, và Lộ Trình Sắc Pháp.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiền Hành, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Thiện.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ năm: ***Dibbena cakkhunà rùpam passanti.***

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ sáu: ***Dibbàya sotadhàtuyà saddam sunanti.***

Pháp làm thành Năng Duyên, Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Thiên Nhân Thắng Trí và Lộ Trình Thiện Thiên Nhĩ Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ bảy: ***Cetopariyanànassa v.v. jànantì.***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Tha Tâm Thắng Trí.

Trong Câu Phụ phần Pàli điều thứ tám cho đến điều thứ mười một: ***Abyàkatà khandhà Iddhividhanànassa v.v. Anàgatamsanànassa***

Pháp làm thành Năng Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn, Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thiền Nhập Định, Lộ Trình Nhập Thiền Quả, cho suốt tới Lộ Trình Sắc Pháp.

Pháp làm thành Sở Duyên, hiện hành trong Lộ Trình Thiện Thắng Trí và Lộ Trình Đồng Lực Dục Giới, được sanh từ nơi Lộ Trình Thiện Thắng Trí.

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”-
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyàkato dhammo akusalassa dhammassa Ārammanapaccayena paccayo”-

Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Năng Duyên là 32 Tâm Quả Hiệp Thế, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở, 28 Sắc (đó là 6 Cảnh).

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Sở Duyên là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Cakkhum assàdeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati sotam ghànam jivham kàyam rūpe sadde rase photthabbe vatthum vipākàbyākate kiriyàbyākate khandhe assàdeti abhinandati tam àrabbha ràgo uppajjati ditthi uppajjati vicikicchà uppajjati uddhaccam uppajjati domanassam uppajjati”- Phàm Phu hoặc bậc Quả Hữu Học thường có sự vui mừng thỏa thích với Nhãn Thanh Triệt, khi nương vào Nhãn Thanh Triệt đó, làm thành Cảnh thì khi nghĩ đến những sự vật ấy thường sanh khởi sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu sầu. Hoặc có sự vui mừng thỏa thích với Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật, Tâm Vô Ký Quả, Tâm Vô Ký Duy Tác, khi nương vào Nhĩ Thanh Triệt, v.v. làm thành Cảnh thì khi nghĩ đến những sự vật ấy thường sanh khởi sự tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu sầu.

Tại đây, Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật và 32 Tâm Quả Hiệp Thế, 20 Tâm Duy Tác, 38 Tâm Sở ở tự nơi mình và ở người khác, tùy theo trường hợp, trong cả 3 Thời (đó là 6 Cảnh) làm Cảnh Năng Duyên.

Khi nghĩ đến những loại Cảnh ấy với sự vui mừng thỏa thích thì thường sanh khởi sự

tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử và ưu sầu, là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở làm Cảnh Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **Abyàkato dhammo** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 6 *Cảnh*, gồm 28 Sắc, 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần).

* **Akusalassa dhammassa** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, ý nghĩa là Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba Bậc Quả Hữu Học

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thắng Trí, Lộ Trình Thiền Nhập Định, tùy theo trường hợp.

* **Àrammanapaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Cảnh Trường Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Cảnh Cận Y Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã, tuyệt diệt hết **Hữu Ngã, Mạng Ngã, Nhân Ngã**.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Cakkhum Sotam Ghànam Jivham Kàyam Rùpe Sadde Gandhe Rase Photthabbe Vatthum Vipàkàbyàkate Khandhe Kiriyàbyàkate**

Khandhe làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Nhân Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật, Tứ Danh Uẩn Di Thục Quả Hiệp Thế, Tứ Danh Uẩn Duy Tác của người khác và tự bản thân, vừa theo việc sẽ thành đạt được.

* **Assàdeti** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm căn Tham.

* **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), chi pháp là Nhân Thanh Triệt v.v. cho đến Tứ Danh Uẩn Di Thục Quả Hiệp Thế, Tứ Danh Uẩn Duy Tác.

* **Àrabbha** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho thấy được việc sanh khởi của những Pháp Bất Thiện có Tham Ái, v.v. những Pháp này nương vào Nhân Thanh Triệt v.v. làm thành Cảnh, rồi sanh khởi.

* **Ràgo Ditthi Vicikicchà Uddhaccam Domanassam** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ, **Uppajjati** làm **Kiriyààkхайàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ, làm **Kiriyàpada**: Câu Thuật Từ, cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở, nơi có Tham Ái, Tà Kiến, Hoài Nghi, Điều Cử, Sân làm chủ vị.

Sự hiện hành của Năng Duyên, Sở Duyên, đối với điều này, là:

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện chỉ duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba Bậc Quả Hữu Học

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thắng Trí, Lộ Trình Thiên Nhập Định, tùy theo trường hợp.

ÀRAMMAPACCAYASUDDHASANKHAYÀVÀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CẢNH DUYÊN

Theo như đã đề cập ở phía trên, thì tóm tắt lại số lượng câu đơn “*suddhapada*” giai đoạn Vấn Đề của Cảnh Duyên có được 9 câu như sau:

(1) ***Kusalo kusalassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

(2) ***Kusalo akusalassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

(3) ***Kusalo abyàkatassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên.

(4) ***Akusalo akusalassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

(5) ***Akusalo kusalassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

(6) ***Akusalo abyàkatassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên.

(7) ***Abyàkato abyàkatassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Cảnh Duyên.

(8) ***Abyàkato kusalassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

(9) ***Abyàkato akusalassa Àrammanapaccayena paccayo*** – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Duyên.

ÀRAMMANAPACCAYASABHÀGA – CẢNH DUYÊN TÁU HỢP

Theo cách phối hợp khác, thì có nhiều loại Duyên tựu vào như sau:

- (1) Cảnh Trường Duyên,
- (2) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên,
- (4) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (5) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (6) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Có ý nghĩa là những loại Duyên này thường hòa hợp vừa theo trường hợp của mình với Cảnh Duyên khi đã hiện hữu rồi.

KẾT THÚC GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ PHÂN TÍCH CỦA CẢNH DUYÊN

Giải thích đặc biệt: về Sự Vụ, Thời Gian và Cảnh của Tùy Nghiệp Thú Thắng Trí với Thiên Nhân Thắng Trí.

- * *Sự Vụ của Thiên Nhân Thắng Trí* là nhìn thấy tất cả chúng sanh đang hiện hữu.
- * *Sự Vụ của Tùy Nghiệp Thú Thắng Trí* là biết được Nghiệp lực của tất cả chúng sanh đã tạo tác thực hiện như thế nào, thì thường hiện bày như thế ấy.
- * *Thời Gian của Thiên Nhân Thắng Trí* là thời Hiện Tại.
- * *Thời Gian của Tùy Nghiệp Thú Thắng Trí* là thời Quá Khứ.
- * *Cảnh của Thiên Nhân Thắng Trí* là Cảnh Sắc.
- * *Cảnh của Tùy Nghiệp Thú Thắng Trí* là Cảnh Pháp.

Người được phúc lộc Thắng Trí khi đã thực hiện xong Thiên Nhân Thắng Trí, thì tiếp nối thường sẽ thực hiện Tùy Nghiệp Thú Thắng Trí, không cần phải quay trở lại thực hiện sát na Chuẩn Bị một lần nữa. Việc dùng sát na Chuẩn Bị là chỉ dùng duy nhất một lần sát na Chuẩn Bị tại Thiên Nhân Thắng Trí.

1. *Ditthasaccoyeva hi pubbenivàsànussatinànena nibbànam vibhàveti na aditthasacco tam pana nànam khandhe viya khandhapatibandhepi vibhàveti nibbànañrammane khandhevibhàvane nibbànampi vibhàveti sakkà vinnàtum.* (Trích trong Phát Thú Tiểu Nhị Đề, điều 246 – 7, phần Lục Tổng Hợp (*Chatthasangàyanà*)).

Bậc Thánh Nhân có khả năng nhìn thấy Níp Bàn duyên theo Túc Mạng Tùy Niệm Trí. Hạng Phàm Nhân cho dù đã được thành đạt Túc Mạng Tùy Niệm Trí một cách xác thực, tuy nhiên vẫn không có khả năng nhìn thấy Níp Bàn, bởi vì vẫn chưa thành bậc Thánh Nhân. Túc Mạng Tùy Niệm Thắng Trí này biết được Cảnh ở phần Chế Định và Níp Bàn, cũng tương tự nhìn thấy Ngũ Uẩn vậy.

2. *Atitamsanànam nàma paresam paccuppannabhavè yàve pariyosànam pavattacittàlambanam nànam* (*Abhidhammatthavibhàvinītikā* – Nội Dung Vô Tỷ Pháp Chú Giải Nhị Đề).

Quá Khứ Truy Niệm Trí nhìn biết được Tâm của người khác đang hiện hữu ngay trong hiện tại, với khả năng nhìn ngược trở lại cho đến sát na Tái Tục của người đó.

3. *Atitamsanànassa pubbenivàsànussatinàne manomayanànassa iddhividhanàne antogadhattà vuttam.* (*Abhidhammavātārātikā* - Vô Tỷ Pháp Chuyên Sâu Nhị Đề).

Quá Khứ Truy Niệm Trí sát nhập vào trong Túc Mạng Tùy Niệm Trí.

Tâm Lục Trí sát nhập vào trong Thần Túc Trí.

-----00000-----

DUYÊN THỨ BA
ADHIPATIPACCAYA – TRƯỞNG DUYÊN
ADHIPATIPACCAYANIDDESAVÀRA –
GIAI ĐOẠN XIÊN MINH TRƯỞNG DUYÊN

“Chandàdhipati chandasampayuttakànam dhammànam tam samutthànànanca rūpànam Adhipatipaccayena paccayo - pe - yam yam dhammam garum katvā ye ye dhammā uppajjanti cittacetasikā dhammā te te dhammā tesam tesam dhammànam Adhipatipaccayena paccayo”.

Loại Duyên nào mà Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách khái lược trong phần xiên thuật Duyên là ***“Adhipatipaccayo – Trưởng Duyên”***, thì loại Duyên đó, Đức Thế Tôn thuyết giảng một cách tỷ mỷ kỹ càng trong phần xiên minh Duyên.

DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1/ “Chandàdhipati chandasampayuttakànam dhammànam tam samutthànànanca rūpànam Adhipatipaccayena paccayo”- Dục Trưởng (Dục làm phần chánh yếu) trong 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng (trừ 2 Đồng Lực căn Si, 1 Đồng Lực Tiểu Sinh) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Pháp tương ưng với Dục (là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở trừ Tâm căn Si, Tâm Tiểu Sinh, Dục và Hoài Nghi) và Sắc Tâm Hữu Trưởng có Tâm Sở Dục và 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở phối hợp làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ “Vīriyādhipati vīriyasampayuttakànam dhammànam tam samutthànànanca rūpànam Adhipatipaccayena paccayo”- Cần Trưởng (Cần làm phần chánh yếu) trong 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng (trừ 2 Đồng Lực căn Si, 1 Đồng Lực Tiểu Sinh) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Pháp tương ưng với Cần (là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở trừ Tâm căn Si, Tâm Tiểu Sinh, Cần và Hoài Nghi) và Sắc Tâm Hữu Trưởng có Tâm Sở Cần và 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở phối hợp làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ “Cittādhipati cittasampayuttakànam dhammànam tam samutthànànanca rūpànam Adhipatipaccayena paccayo”- Tâm Trưởng (Tâm làm phần chánh yếu) là 52 Tâm Đồng Lực (trừ 2 Đồng Lực căn Si, 1 Đồng lực Tiểu Sinh) làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Pháp tương ưng với Tâm (51 Tâm Sở trừ Hoài Nghi) và Sắc Tâm Hữu Trưởng có 52 Tâm Đồng Lực, 51 Tâm Sở phối hợp làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

4/ “*Vimamsàdhipati vimamsasampayuttakànam dhammànam tam samutthànà - nanca rūpànam Adhipatipaccayena paccayo*”- Thầm Trưởng (Tuệ làm phần chánh yếu) trong 34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Pháp tương ưng với Tuệ (34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân Hữu Trưởng, 37 Tâm Sở trừ Tuệ) và Sắc Tâm Hữu Trưởng mà có Tâm Sở Tuệ, 34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân, 37 Tâm Sở phối hợp làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

5/ “*Yam yam dhammam garum katvā ye ye dhammā uppajjanti cittacetasikā dhammā te te dhammā tesam tesam dhammànam Adhipatipaccayena paccayo*”- Những loại Pháp nào (1) là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần, ở phần “*Ārammanikapaccayupannadhamma – Pháp Cảnh Sở Duyên*” sanh khởi được duy trì một cách kiên định, đề cập là chăm chú một cách đặc biệt những loại Pháp đó, (2) là 6 Cảnh, tức là “*18 Nipphannarūpa – 18 Sắc Thành Tựu*” phần Cảnh đáng ưa thích (*Itthārammana – Cảnh Duyệt Ý*) ở thời quá khứ, hiện tại, vị lai, và 54 Tâm (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi) và Níp Bàn ở phần Ngoại Thời. Những loại Pháp đó (2) là 6 Cảnh (đã được đề cập ở phần trên), làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những loại Pháp (1) là 28 Tâm và 45 Tâm Sở (đã được đề cập ở phần trên), với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ NỘI DUNG CHI PHÁP

Khi phân tích Câu và nội dung chi Pháp trong phần *Adhipatipaccayaniddesa - Trưởng Duyên xiển minh*, Đức Phật lập ý trình bày cả hai Câu: *Niddisitabba – Giải Thích* (Câu này được đưa lên trình bày trước) và *Nidassanākāra – Giải Ngộ* (Câu này trình bày làm cho rõ thêm nội dung và cho được thấy loại kiểu mẫu), cũng hiện hành tương tự với Nhân Duyên xiển minh.

Trình bày lần lượt trong phần Pàli của những điều thuộc Câu Giải Ngộ (*Nidassanākāra*) như sau:

* Trong phần Pàli điều thứ nhất: *Chandādhīpati – Dục Trưởng* làm *Kattupada*: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, chi Pháp là Dục hiện hữu trong 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng.

* *Chandasampayuttakànam dhammànam tamsamutthànānanca rūpànam* làm *Sampadānapada*: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, chi Pháp là 52

Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở phối hợp với Dục Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng.

* **Adhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hồ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thục Quả Duyên,
- (6) Tương Ứng Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

6 CHANDÀDHIPATIGHATANÀ – 6 DỤC TRƯỞNG HIỆP LỰC
3 AVIPÀKA – 3 VÔ DỊ THỰC

Ghi chú: Từ ngữ **Ghatanà** dịch nghĩa là “trình bày tập hợp mãnh lực Duyên”, **Avipàka** dịch nghĩa là “chẳng phải đề cập đến Dị Thục Quả Duyên”.

Khi kết hợp cả hai từ ngữ này lại, có ý nghĩa là “**việc trình bày tập hợp mãnh lực Duyên bởi theo thực tính Dị Thục Quả hiện hữu trong Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên**”, chẳng phải dắt dẫn Dị Thục Quả Duyên đến để trình bày tại nơi đây. Sự việc là như vậy bởi vì việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực Dị Thục Quả Duyên hiện bày không rõ ràng.

Còn mãnh lực của những Duyên khác, như có Câu Sanh Trưởng, Câu Sanh, v.v, hiện bày rõ ràng.

1/ Khi **Dục Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng phối hợp và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 5 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(5) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Dục Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng phối hợp, có được 7 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Dục Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 6 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3 SAVIPÀKA – 3 HỮU DỊ THỰC

1/ Khi **Dục Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Tương Ứng và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 6 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,

- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Dục Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Danh Uẩn Tương Ứng, có được 8 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Tương Ứng Duyên,
- (6) Dị Thực Quả Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Dục Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 7 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* Trong phần Pàli điều thứ hai: **Viriyàdhipati – Căn Trưởng** làm **Kattupada: Câu**

Chủ Trì trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, chi Pháp là Cần hiện hữu trong 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng.

* **Viriyasampayuttakànam dhammànam tamsamutthànànanca rūpànam** làm **Sampadànapada**: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, chi Pháp là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 50 Tâm Sở phối hợp với Cần Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng.

* **Adhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 11 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên,

với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Trì*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

6 VIRIYÀDHIPATIGHATANÀ – 6 CẦN TRƯỞNG HIỆP LỰC 3 AVIPÀKA – 3 VÔ DỊ THỰC

1/ Khi **Cần Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng phối hợp và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 7 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (5) Đồ Đạo Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,

(7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Cần Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Tứ Danh Uẩn Tương Ứng phối hợp, có được 9 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Cần Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 8 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (5) Đồ Đạo Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3 SAVIPÀKA – 3 HỮU DỊ THỰC

1/ Khi **Cần Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối

với Danh Uẩn Tương Ứng và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 8 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Cần Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Danh Uẩn Tương Ứng, có được 10 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Cần Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 9 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,

- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* Trong phần Pàli điều thứ ba: **Cittādhīpati – Tâm Trưởng** làm **Kattupada: Câu Chủ Trì** trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, chi Pháp là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng.

* **Cittasampayuttakānam dhammānam tamsamutthānānanca rūpānam** làm **Sampadānapada: Câu Liên Hệ** trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, chi Pháp là 51 Tâm Sở phối hợp với Tâm Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng.

* **Adhipatipaccayena** làm **Karanapada: Câu Chế Tác**, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 11 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Danh Vật Thực Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada: Câu Thuật Trì**, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

6 CITTĀDHIPATIGHATANĀ – 6 TÂM TRƯỞNG HIỆP LỰC 3 AVIPĀKA – 3 VÔ DỊ THỰC

1/ Khi **Tâm Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Tương Ứng, là 3 Uẩn Tâm Sở và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 7 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Danh Vật Thực Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Tâm Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Danh Uẩn Tương Ứng, là 3 Uẩn Tâm Sở, có được 9 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hồ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Tâm Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 8 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Danh Vật Thực Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3 SAVIPÀKA – 3 HỮU DỊ THỰC

1/ Khi **Tâm Trưởng** là 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Tương Ứng, là 3 Uẩn Tâm Sở và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 8 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Tâm Trưởng** là 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Danh Uẩn Tương Ứng, là 3 Uẩn Tâm Sở, có được 10 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Danh Vật Thực Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Tâm Trưởng** là 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 9 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Dị Thực Quả Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**(Ghatanà – Hiệp Lực)** vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* Trong phần Pàli điều thứ tư: **Vimansàdhipati** – *Thẩm Trưởng* làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Pháp Năng Duyên, chi Pháp là Tuệ hiện hữu trong 34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân.

* **Vimamsasampayuttakànam dhammànam tamsamutthànànanca rūpànam** làm **Sampadānapada**: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Pháp Sở Duyên, chi Pháp là 34 Tâm Đồng Lực Tam Nhân, 37 Tâm Sở phối hợp với Thẩm Trưởng và Sắc Tâm Hữu Trưởng.

* **Adhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 12 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**(Ghatanà – Hiệp Lực)** vừa theo thích hợp là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thực Quả Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (11) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (12) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

6 VIMANSÀDHIPATIGHATANÀ – 6 THẨM TRƯỞNG HIỆP LỰC
3 AVIPÀKA – 3 VÔ DỊ THỰC

1/ Khi **Thẩm Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Tương Ứng và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 8 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Thẩm Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Danh Uẩn Tương Ứng, có được 10 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Thẩm Trưởng** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 9 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3 SAVIPÀKÀ – 3 HỮU DỊ THỰC

1/ Khi **Thảm Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Uẩn Tương Ứng và Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 9 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

2/ Khi **Thảm Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Danh Uẩn Tương Ứng, có được 11 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,

- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thực Quả Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

3/ Khi **Thẩm Trưởng** hiện hữu trong 4 Tâm Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ một cách đặc biệt đối với Sắc Tâm Hữu Trưởng, có được 10 mãnh lực Duyên, là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp, với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Câu Sanh Trưởng Duyên.

* Trong phần Pàli điều thứ năm: **Yam yam dhammam** làm **Aniyamakamma -pada**: Câu Tạo Tác bất định, là Câu trình bày đến 6 Cảnh ở phần hân hoan duyệt ý, tức là 18 Sắc Thành Tựu Duyệt Ý (**Itthanipphannarùpa**), 84 Tâm (trừ Tâm căn Sân, Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi) ở trong cả Tam Thời, Níp Bàn, làm thành Pháp Năng Duyên và không được xác định một cách rõ ràng.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, trình bày cho biết đến việc sanh khởi của Pháp Cảnh Tướng Sở Duyên, có việc liên kết nối tiếp Cảnh một cách xác định.

* **Ye ye dhammā** làm **Aniyamakattupada**: Câu Chủ Từ bất định, là Câu không

được chỉ rõ chính xác nội dung, là Câu trình bày đến Tứ Danh Uẩn có sự hân hoan, duyệt ý, tức là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần) làm thành Pháp Sở Duyên và không được xác định một cách rõ ràng.

* **Uppajjanti** làm **Àkhayàtakiriyàpadakattuvàcaka**: Câu có tiềm lực hành động, trình bày cho biết đến việc sanh khởi của Cảnh Tướng Sở Duyên trong cả Tam Thời.

* **Cittacetāsikā dhammā** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ, trình bày nội dung cho biết đến bản thể Pháp Cảnh Tướng Sở Duyên mà làm thành chi Pháp của **Ye ye dhammā**, chính là Câu **Aniyamakattupada** - Câu Chủ Từ bất định.

Tất cả là như vậy cũng vì Sắc, Níp Bàn, Chế Định, khi sẽ nhập vào trong lời nói rằng **Ye ye dhammā**, quả thật vậy, những loại Pháp này sẽ không làm được Pháp Sở Duyên của Cảnh Năng Duyên, bởi vì Sắc, Níp Bàn Chế Định thành Pháp Cảnh Bất Động (**Anārammanadhammā**), do đó Đức Phật lập ý trình bày là **Cittacetāsikā dhammā**.

* **Te te dhammā** làm **Niyamakattupada**: Câu Chủ Từ xác định, là Câu chỉ rõ một cách chính xác đến Pháp Cảnh Năng Duyên.

Theo chỗ được trình bày là **Yam yam dhammam** làm **Aniyamakattupada**: là Câu Chủ Từ bất định, do đó chi Pháp mới được 6 Cảnh ở phần hoan hỷ duyệt ý, tức là 18 Sắc Thành Tựu Duyệt Ý (**Itthanipphannarūpa**), 84 Tâm (trừ Tâm căn Sân, Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi) ở trong cả Tam Thời, Níp Bàn.

* **Tesam tesam dhammānam** làm **Niyamasampadānapada**: Câu Liên Hệ xác định, trình bày một cách chính xác đến Pháp Cảnh Sở Duyên.

Theo chỗ được trình bày là **Ye ye dhammā** làm **Aniyamakattupada**: là Câu Chủ Từ bất định, chi Pháp là Tứ Danh Uẩn có sự hoan hỷ duyệt ý, tức là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Tứ Sân Phần, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần).

* **Adhipatipaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā – Hiệp Lực**) vừa theo thích hợp là:

- (1) Cảnh Trường Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (4) Cảnh Cận Y Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,

(8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

với duy nhất một cách đặc biệt mãnh lực của Cảnh Trưởng Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

Ghi chú: Trong Trưởng Duyên, phần **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ* này, có cùng một nội dung tương tự như đã được đề cập đến, do đó, không cần phải lập lại. Trong những Duyên khác, tất cả học viên cũng nên hiểu biết theo cùng một phương thức này.

Theo phần Pàlì và lời dịch trên thì các điều 1, 2, 3, 4 là mẫu đề của Câu Sanh Trưởng Duyên, và điều 5 là mẫu đề của Cảnh Trưởng Duyên; và trong điều 5 thì chi pháp (2) là chỉ về Năng Duyên và chi pháp (1) là chỉ về Sở Duyên.

CHÚ GIẢI TÓM LƯỢC VỀ TRƯỞNG DUYÊN

“Adhinànam pati Adhipati”- Pháp thực tính lớn trội hơn Pháp tương ưng liên quan với mình, gọi là Trưởng.

“Adhipati ca so paccayo cāti Adhipatipaccayo”- Chính Pháp thực tính ấy làm trưởng và làm duyên, gọi là Trưởng Duyên.

“Jetthakatthena upakàrako dhammo Adhipatipaccayo”- Pháp làm việc giúp đỡ ủng hộ theo sự việc lớn trội, gọi là Trưởng Duyên.

TRƯỞNG DUYÊN ĐƯỢC PHÂN TÍCH RA LÀM HAI LOẠI, LÀ:

1/ **Àrammanàdhipatipaccaya – Cảnh Trưởng Duyên.**

2/ **Sahajàtadhīpatipaccaya – Câu Sanh Trưởng Duyên.**

Và có Pàlì chú giải về Cảnh Trưởng Duyên như sau:

“Àrammananca tam adhipati cāti Àrammanàdhipati”- Chính Cảnh ấy làm Trưởng, do vậy gọi là Cảnh Trưởng.

Và có Pàlì chú giải về Câu Sanh Trưởng Duyên như sau:

“Sahajātanca tam adhipati cāti Sahajātadhīpati”- Chính Pháp chủng làm trưởng trội ấy đồng cùng sanh với nhau, do vậy gọi là Câu Sanh Trưởng Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

Từ ngữ **Itthinipphannarùpa** - *Sắc Thành Tụ Duyệt Ý*, lập ý lấy phần **Sabhàvaittha** – *Thực Tính Duyệt Ý* và **Parikappaittha** – *Tư Duy Duyệt Ý*.

Chính do **Nipphannarùpa** – *Sắc Thành Tụ* làm thành *Thực Tính Duyệt Ý*, tức là 6 *Cảnh* có *Cảnh Sắc*, v.v, ở phần vui mừng thỏa thích vừa theo sự duyệt ý của tất cả mọi người.

Trong cả hai loại *Cảnh* này, nếu *Cảnh Thực Tính Duyệt Ý* lại trở thành *Cảnh Tư Duy Bất Duyệt Ý* trong tầm mắt của một hạn lượng người, thì không thể làm thành *Cảnh Trưởng Duyên* của nhóm người đó được.

Ví như Đức Phật, một cách xác thực, là một *Cảnh Thực Tính Duyệt Ý*. Tuy nhiên đối với các tu sĩ ngoại đạo khi được nhìn thấy thì không có sự duyệt ý, do đó, trong tầm mắt của nhóm tu sĩ ngoại đạo này, trái lại chính Đức Phật trở thành *Cảnh Tư Duy Bất Duyệt Ý*. Như vậy, Đức Phật không thể làm thành *Cảnh Trưởng Duyên* của nhóm tu sĩ ngoại đạo, và chỉ là một *Cảnh Duyên* thông thường.

Nếu *Cảnh Thực Tính Bất Duyệt Ý* lại trở thành *Cảnh Tư Duy Duyệt Ý* trong tầm mắt của một hạn lượng người, thì sẽ làm thành *Cảnh Trưởng Duyên*.

Ví như xác chó sinh thúì có thể là một *Cảnh Thực Tính Bất Duyệt Ý*. Tuy nhiên khi tất cả những chim kên kên được nhìn thấy, lại có sự duyệt ý.

Do đó, trong tầm mắt của bọn chim kên kên đó, xác chó sinh thúì lại là *Cảnh Tư Duy Duyệt Ý*. Như vậy, xác chó sinh thúì được trở thành *Cảnh Trưởng Duyên* của tất cả bọn chim kên kên, và chẳng phải là một *Cảnh Duyên* thông thường.

NGUYÊN NHÂN KHÔNG ĐỀ CẬP ĐẾN SẮC PHI THÀNH TỰU VÀ TRỪ TÂM CĂN SÂN, TÂM CĂN SI, TÂM THÂN THỨC CÂU HÀNH KHỔ

Việc không đề cập đến *Sắc Phi Thành Tụ* ở trong *Cảnh Trưởng Duyên*, là vì những loại *Sắc* này không có chi pháp nào đặc biệt ngoài ra khỏi *Sắc Thành Tụ*, khác biệt chỉ là dấu hiệu tạo tác của *Sắc Thành Tụ* hiện bày trong khắp mọi sát na.

Khi *Sắc Thành Tụ* có loại thực tính như vậy, gọi là *Sắc Giao Giới (Paricchedarùpa* – *Sắc ranh giới hạn định*), *Sắc Sanh Khởi (Upaccayarùpa)*.

Khi có những dấu hiệu tạo tác sai khác, thì được gọi tên theo những dấu hiệu tạo tác đó, là *Thân Biểu Tri (Kàyavinnatti)*, *Khẩu Biểu Tri (Vacivinnatti)*, *Nhệ Nhàng (Lahutà)*, *Mềm Mại (Mudutà)*, *Thích Sự (Kammannatà)*.

Với nhân này, do vậy không cần phải đề cập đến một lần nữa.

Đối với việc loại trừ *Tâm căn Sân*, v.v, vì những loại *Tâm* này không thành thực tính sẽ cho tất cả *Pháp Sở Duyên* có việc quan tâm một cách kiên định bất luận trường hợp nào, và đó chỉ là một loại *Pháp Năng Duyên* thông thường.

Việc hiện hành như vậy, là vì Tâm căn Sân có thực tính xấu ác, liên quan với việc phối hợp Tâm Sở Sân và Tâm Sở Ưu Thọ. Đối với bất luận Tâm căn Si nào, cũng là thực tính dính khấn vào việc phối hợp Tâm Sở Si, và không có một Nhân nào đến cản ngăn. Còn Tâm Thân Thức câu hành Khổ là thực tính hứng chịu nhiều khó khổ, liên quan với việc phối hợp Tâm Sở Khổ Thọ, do y chỉ vào Nhân này mới được loại bỏ.

Khi Tâm đã loại bỏ (không đề cập đến), thì Tâm Sở phối hợp với nhóm Tâm này, một cách đặc biệt, cũng phải bị loại bỏ đi.

CÂU KỆ TRÌNH BÀY MỘT CÁCH ĐẶC BIỆT VỀ PHÁP NĂNG DUYÊN VÀ SỞ DUYÊN CỦA CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

***Sejam tipākam tikriyam Caturūpanca sejino
Tipunnam kàmapunnassa Sejassàdhipatì bhava
Uttaram dhìyuttatthannam Nibbānam uttarassa tu.***

(Trích trong Patthānasāravibhāvanī – Phân Tích Cốt Lõi Phát Thú)

Dịch nghĩa là:

1/ - 8 Tâm căn Tham, hoặc là:

- 3 loại Dị Thục Quả, là: 22 Tâm Dị Thục Quả Dục Giới (trừ Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới, 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới, hoặc là

- 3 loại Duy Tác, là: 11 Tâm Duy Tác Dục Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, hoặc là:

- Sắc Thành Tựu Duyệt Ý được sanh khởi ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ, làm thành Cảnh Trưởng Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 8 Tâm căn Tham.

2/ 3 loại Thiện, là: 8 Tâm Thiện Dục Giới, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, làm thành Cảnh Trưởng Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm căn Tham.

- 8 Tâm Siêu Thế làm thành Cảnh Trưởng Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí và 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.

- Còn Níp Bàn làm thành Cảnh Trưởng Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí và 8 Tâm Siêu Thế.

Chú Giải: Phần giải thích rằng Cảnh Trưởng Duyên, là 6 *Cảnh* có Cảnh Sắc, v.v, làm duyên cho Danh Pháp, tức là Tâm và Tâm Sở được sanh khởi theo mãnh lực của những loại Cảnh đó. Và những loại Cảnh này được hiện hữu ở 2 loại dạng:

(1) là Cảnh phổ thông,

(2) là Cảnh làm trưởng trội.

Như thế, tại Cảnh Trường Duyên này với mục đích đặc biệt là nhằm vào *Cảnh làm trưởng trội*, đó là loại Cảnh đặc biệt có rất nhiều mãnh lực, có khả năng làm cho Danh Pháp là Tâm và Tâm Sở bị nhiếp phục, phải chú mục vào và đi đến tiếp thân những Cảnh đó một cách kiên định.

Được gọi tên là *Cảnh Trường* và *Cảnh* sẽ làm được *Cảnh Trường* đây, phải là Cảnh Duyệt Ý, tức là loại Cảnh đáng vui mừng thỏa thích. Và Cảnh Duyệt Ý này còn được phân chia ra làm hai loại nữa là:

(1) *Sabhàvaitthàrammana* – Cảnh Thực Tính Duyệt Ý, và

(2) *Parikappaitthàrammana* – Cảnh Tư Duy Duyệt Ý.

* **Cảnh Thực Tính Duyệt Ý:** là ý muốn nói đến Cảnh đáng vui thích phổ thông hoặc theo thực tính, tức là những Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc tốt đẹp, v.v.,

* **Cảnh Tư Duy Duyệt Ý:** là ý muốn nói đến Cảnh đáng vui mừng thích ý chỉ riêng cá nhân, không phải phổ thông, tức là không phải loại Cảnh đáng vui thích một cách thông thường, mà phần đa số người không hẳn vui thích hết, chỉ là loại Cảnh trở thành nơi đáng vui thích của một hạn lượng người hoặc của chúng sanh, do vậy mới gọi là “*Cảnh tư duy duyệt ý*”.

Và cả hai Cảnh, *Cảnh thực tính duyệt ý* và *Cảnh tư duy duyệt ý*, ngay khi có khả năng làm cho Danh Pháp được sanh khởi theo trạng thái kiên định một cách đặc biệt, như đã được nói đến, cũng được gọi là Cảnh Trường Duyên.

GIẢI THÍCH TÓM TẮT CÂU SANH TRƯỜNG DUYÊN

Trong *Nhân Duyên xiển minh (Hetupaccayaniddesa)* Đức Phật lập ý trình bày cả 6 *Nhân* cùng kết hợp với nhau, như có Pàli trình bày “*Hetù hetusampayutta -kànam*”.

Trong *Trường Duyên xiển minh*, lập ý trình bày là “*Adhipati adhipatisampayuttakànam dhammànam*” tuy nhiên không lập ý trình bày giống như trên, trái lại có ý phân tách ra thành từng điều một để trình bày.

Như có Pàli dẫn chứng sau đây:

“*Chandàdhipati chandasampayuttakà nam dhammànam, Viriyàdhipati viriyasampayuttakànam dhammànam, v.v.* như vậy chẳng hạn.

Sự việc như thế, là vì cả 4 Pháp: *Dục, Cần, Tâm, Thẩn* không thể cùng nhau làm Trưởng Năng Duyên trong cùng một thời gian.

Như Ngài Giác Âm (*Buddhaghosa*) có trình bày để trong phần *Phát Thú Chú Giải (Patthànaatthakathà)* sau đây:

“*Kasmà pana yathà Hetupaccayaniddesa Hetù Hetusampayuttakànantì vuttam, eva*

evamidha Adhipati Adhipatisampayuttakànantì avattà, Chandàdhipati Chandasampayuttakànantì àdinànena katàti ? Ekaggane abhàvato”- Trong Nhân Duyên xiển minh, Đức Phật có lập ý trình bày là **Hetù Hetusampayuttakànam**, như thế nào, thì trong Trưởng Duyên xiển minh lại không có lập ý trình bày trong cùng một phương thức như vậy,

Adhipati Adhipatisampayuttakànam, trái lại lập ý trình bày theo từng phần một, như là **Chandàdhipati Chandasampayuttakànam**, là như vậy do bởi nguyên nhân nào ?

Giải đáp là sự làm thành Trưởng Duyên của Dục, Cần, Tâm, Thảm, không có thể cùng chung với nhau trong một sát na.

Như có kiểu mẫu để có thể hiểu biết được, là trong thời Đức Phật còn tại thế, có 4 vị Vô Sinh chứng đạt Pháp Siêu Thế do y chỉ vào bất luận một trong Tứ Trưởng này, thế theo tích truyện được trình bày ở trong **Đại Phẩm Tương Ứng Chú Giải (Mahàvaggasam-yuttaatthakathà)** như sau:

“Tattha Ratthapàlatthero Chandam dhuram katvā lokuttaradhammam nibbatthesi, Sonatthero Viriyam dhuram katvā, Sambhūtatthero Cittam dhuram katvā, àyasmā Mogharāja Vimamsam dhuram katvāti”- Trong cả bốn vị Vô Sinh này, thì :

Ngài Trưởng Lão **Ratthapāla** do y chỉ vào **Dục** làm thủ yếu, làm trưởng trội, đã làm cho Pháp Siêu Thế được thành tựu.

Ngài Trưởng Lão **Sona** do y chỉ vào **Cần** làm thủ yếu, làm trưởng trội, đã làm cho Pháp Siêu Thế được thành tựu.

Ngài Trưởng Lão **Sambhūta** do y chỉ vào **Tâm** làm thủ yếu, làm trưởng trội, đã làm cho Pháp Siêu Thế được thành tựu.

Ngài Trưởng Lão **Mogharāja** do y chỉ vào **Tuệ** làm thủ yếu, làm trưởng trội, đã làm cho Pháp Siêu Thế được thành tựu.

Chú Giải: Phần giải thích rằng **Câu Sanh Trưởng Duyên**, là Pháp chủng đồng cùng câu sanh với nhau, là Tâm và Tâm Sở, trong số lượng của những Tâm và Tâm Sở này có bốn loại Pháp làm Trưởng, làm thành Pháp lớn trội hơn Pháp câu sanh liên quan với mình, là:

- (1) Tâm Sở Dục làm trưởng, gọi là **Dục Trưởng**,
- (2) Tâm Sở Cần làm trưởng, gọi là **Cần Trưởng**,
- (3) Tâm làm trưởng, gọi là **Tâm Trưởng**,
- (4) Tâm Sở Tuệ Quyền làm trưởng, gọi là **Thảm Trưởng**.

Chi pháp của bốn Pháp Trưởng này thường có khả năng làm cho các Pháp câu sanh phải bị khuất phục đi theo mãnh lực của mình, do đó mới có tên gọi **Câu Sanh Trưởng**

Duyên.

Còn các Danh Pháp khác, bên ngoài cả bốn loại Pháp đã được nói đến thì sẽ không có khả năng làm Trưởng được, như thế bốn chi pháp Trưởng ở phần Danh Pháp làm duyên cho Danh Pháp ở phần còn lại và Sắc Tâm câu sanh với những loại Danh Pháp này.

Tuy nhiên cả Tứ Trưởng này, ngay thời gian làm nhiệm vụ ở phần Trưởng thì cũng không có thể làm cùng chung hết cả bốn được, chỉ có thể là riêng từng mỗi một loại, ví như ngay thời gian **Dục làm Trưởng** thì cả ba Pháp còn lại là Cần, Tâm, Thảm cũng không làm Trưởng được, và phải phục tùng theo mãnh lực của Dục đang làm Trưởng.

Tương tự như thế khi **Cần làm Trưởng** thì Dục, Tâm, Thảm không thể cùng làm chung, mà phải từng phục theo mãnh lực của chi Trưởng đó.

Ví như trong một quốc độ thì chỉ cần có duy nhất một vị Vua làm người cai quản đất nước, và tất cả những người còn lại cần phải ở dưới mọi quyền lực của Đức Vua trị vì, điều này như thế nào thì chi pháp làm Trưởng cũng dường như thế ấy, sẽ làm nhiệm vụ ở phần lớn trội, làm người cai quản tất cả Pháp, không có thể cùng đồng làm chung với nhau một lúc và cũng không thể đồng cùng hiện hành như một với nhau được, như đã được giải thích như trên vậy.

Trong **Cảnh Trưởng Duyên** thì có Danh Sắc làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên.

Trong **Câu Sanh Trưởng Duyên** thì có Danh làm Năng Duyên và Danh Sắc làm Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CẢNH TRƯỞNG DUYÊN VÀ CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN THEO TRẠNG THÁI, GIỐNG, THỜI GIAN VÀ MÃNH LỰC

(I) ARAMMANÀDHIPATIPACCAYA – CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

Trong **Cảnh Trưởng Duyên**, việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của Pháp làm thành Cảnh Trưởng Năng Duyên.

* Rằng theo Trang Thái: **Cảnh Trưởng Duyên** có hai loại là: làm chỗ duyệt ý và níu kéo (**Ārammana**) thành chủ vị, làm trưởng trội (**Adhipati**).

Câu Sanh Trưởng Duyên có hai loại là: đồng cùng sanh với nhau (**Sahajāta**) thành chủ vị, làm trưởng trội (**Adhipati**).

* Rằng theo Chủng Loại:

Cảnh Trưởng Duyên thuộc giống Cảnh, ý nghĩa là Pháp Năng Duyên chính là Cảnh vậy.

Câu Sanh Trưởng Duyên thuộc giống Câu Sanh, ý nghĩa là Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên câu sanh với nhau trong cùng một cái Tâm.

* Rằng theo Thời Gian: *Cảnh Trưởng Duyên có được cả ba Thời*, là quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại thời.

Câu Sanh Trưởng Duyên chỉ có được trong thời hiện tại.

* Rằng theo Mãnh Lực: *Cảnh Trưởng Duyên và Câu Sanh Trưởng Duyên đều có hai loại mãnh lực là:*

(1) **Janakasatti** – *Mãnh Lực Xuất Sinh*: ý nghĩa là có mãnh lực giúp cho Pháp Sở Duyên được sanh khởi.

(2) **Upathamhakasatti** – *Mãnh Lực Bảo Hộ*: ý nghĩa là có mãnh lực giúp ủng hộ cho Pháp Sở Duyên được tồn tại.

TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

Trong Cảnh Trưởng Duyên hiện hữu 3 loại Pháp là:

- (1) Pháp Năng Duyên,
- (2) Pháp Sở Duyên,
- (3) Pháp Địch Duyên,

như tiếp theo đây:

(1) Ārammanādhīpatipaccayadhamma – Pháp Cảnh Trưởng Năng Duyên: 6 Cảnh là 18 Sắc Sở Tạo làm Cảnh Thực Tính Duyệt Ý và Cảnh Tư Duy Duyệt Ý, đó là Cảnh đáng vui mừng thỏa thích ngay hiện tại, quá khứ, vị lai, 84 Tâm (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi) ở thời hiện tại, quá khứ, vị lai và Níp Bàn ở phần ngoại thời.

(2) Ārammanādhīpatipaccayuppannadhamma – Pháp Cảnh Trưởng Sở Duyên: 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở phối hợp (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần).

(3) Ārammanādhīpatipaccanikadhamma – Pháp Cảnh Trưởng Địch Duyên: 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở ngay thời gian không tiếp thu những Cảnh duyệt ý và tất cả Sắc là Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

Trong Pháp Sở Duyên là Pháp thành quả của Cảnh Trưởng Năng Duyên lại được phân tích ra làm hai loại, là:

- (1) *Pháp Sở Duyên một cách nhất định (ekanta).*
- (2) *Pháp Sở Duyên một cách bất định (anekanta).*

* Chi pháp của Pháp Sở Duyên một cách nhất định, là: 8 Tâm Siêu Thế, 36 Tâm Sở, vì 8 Tâm Siêu Thế, 36 Tâm Sở có Níp Bàn làm Cảnh đặc biệt, do đó mới thành Pháp Sở Duyên một cách nhất định của Cảnh Trường Duyên.

* Chi pháp của Pháp Sở Duyên một cách bất định, là: 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 45 Tâm Sở (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần).

Với số lượng 20 Tâm và 45 Tâm Sở này là Pháp Sở Duyên bất định, có ý nghĩa là bất luận vào thời điểm mà một trong những Tâm này tiếp thu Cảnh của Cảnh Trường Duyên thì vào thời điểm đó những Tâm này làm được Pháp Cảnh Trường Sở Duyên.

Và ngược lại, nếu vào thời điểm mà những Tâm này không có thể tiếp thu được Cảnh ở phần Cảnh Trường Duyên thì tại thời điểm đó những Tâm này không thể làm được Pháp Cảnh Trường Sở Duyên, và sẽ phải thành Pháp Định Duyên.

* Phần Định Duyên là Pháp chẳng phải là quả của Cảnh Trường, cũng được phân chia ra làm hai loại tương tự, là:

(1) *Pháp Định Duyên một cách nhất định (ekanta).*

(2) *Pháp Định Duyên một cách bất định (anekanta).*

* Chi pháp của Pháp Định Duyên một cách nhất định, là: 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, 27 Tâm Đáo Đại, 46 Tâm Sở (trừ Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Ngã Trừ Phần) vì những Tâm này không thể tiếp thu được Cảnh của Cảnh Trường Duyên.

Do đó không có thể làm Pháp Sở Duyên được, và khi không thể làm được Pháp Sở Duyên, thì tất phải trở thành Pháp Định Duyên một cách nhất định.

* Chi pháp của Pháp Định Duyên một cách bất định, cũng chính là: 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 45 Tâm Sở (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi, Vô Lượng Phần), chính đó là Pháp Sở Duyên một cách bất định vậy, có ý nghĩa là nếu vào thời điểm mà những Tâm và Tâm Sở này làm được Pháp Sở Duyên thì tại thời điểm đó không làm Pháp Định Duyên, còn nếu vào thời điểm mà những Tâm và Tâm Sở này không làm được Pháp Sở Duyên thì tại thời điểm đó làm được Pháp Định Duyên. Như thế những Tâm và Tâm Sở này mới thành Pháp Định Duyên một cách bất định.

GIẢI THÍCH MỘT CÁCH TỶ MỸ KỸ CÀNG PHÁP CẢNH TRƯỜNG NĂNG DUYÊN VÀ PHÁP CẢNH TRƯỜNG SỞ DUYÊN

*** Pháp Cảnh Trưởng Năng Duyên**
(Àrammana)

Pháp Cảnh Trưởng Sở Duyên
(Àrammanika)

1/ 76 Tâm Hiệp Thế (trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 47 Tâm Sở (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi) và 18 Sắc Sở Tạo ở phần Cảnh Thực Tính Duyệt Ý và Cảnh Tư Duy Duyệt Ý.	8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở (trừ Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi), thành người ưa thích rất kiên cường.
2/ 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 38 Tâm Sở.	8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).
3/ Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai, 36 Tâm Sở và Níp Bàn của bậc Thất Lai.	4 Tâm Đại Thiện tương ưng Trí, 36 Tâm Sở của bậc Thất Lai.
4/ Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, 36 Tâm Sở và Níp Bàn của bậc Nhất Lai.	4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 36 Tâm Sở của bậc Nhất Lai.
5/ Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai, 36 Tâm Sở và Níp Bàn của bậc Bất Lai.	4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí, 36 Tâm Sở của bậc Bất Lai.
6/ Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh, 36 Tâm Sở và Níp Bàn của bậc Vô Sinh.	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ưng Trí, 36 Tâm Sở của bậc Vô Sinh.
7/ Níp Bàn của bậc Thất Lai.	Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Quả Thất Lai, 36 Tâm Sở của bậc Thất Lai.
8/ Níp Bàn của bậc Nhất Lai.	Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Quả Nhất Lai, 36 Tâm Sở của bậc Nhất Lai.
9/ Níp Bàn của bậc Bất Lai.	Tâm Đạo Bất Lai, Tâm Quả Bất Lai, 36 Tâm Sở của bậc Bất Lai.
10/ Níp Bàn của bậc Vô Sinh.	Tâm Đạo Vô Sinh, Tâm Quả Vô Sinh, 36 Tâm Sở của bậc Vô Sinh.

Ghi Chú: Phân tích tuần tự từ ngữ Pàlì cùng với chi pháp như sau:

- 1/ *Sejam ca:*** 8 Tâm căn Tham, hoặc là,
- 2/ *Tipàkam ca:*** 3 loại Dị Thực Quả, là: Dục Dị Thực Quả, Sắc Dị Thực Quả, Vô Sắc Dị Thực Quả, hoặc là,
- 3/ *Tikariyam ca:*** 3 loại Duy Tác, là: 11 Tâm Duy Tác Dục Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, hoặc là,
- 4/ *Caturùpanca:*** Sắc Thành Tựu Duyệt Ý sanh khởi ở cả Tứ Xuất Sinh Xứ.
- 5/ *Adhipati bhava:*** làm thành Cảnh Trưởng Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ

- 6/ **Sejino:** đối với 8 Tâm căn Tham.
- 7/ **Tipunnam:** ba loại Thiện, là: 8 Tâm Thiện Dục Giới, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới.
- 8/ **Adhipati bhava:** làm thành Cảnh Trường Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ
- 9/ **Kāmapunnassa sejassa:** đối với 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm căn Tham.
- 10/ **Uttaram:** 8 Tâm Siêu Thế
- 11/ **Adhipati bhava:** làm thành Cảnh Trường Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ
- 12/ **Dhīyuttatthannam:** đối với 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí và 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.
- 13/ **Tam:** Còn
- 14/ **Nibbānam:** Níp Bàn
- 15/ **Adhipati bhava:** làm thành Cảnh Trường Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ
- 16/ **Dhīyuttatthannam:** đối với 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí và 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí.
- 17/ **Uttarassa:** 8 Tâm Siêu Thế.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG CẢNH TRƯỜNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên ba câu làm cốt lõi gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN “KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN” - TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Ārammanàdhipatipaccayena paccayo*” – Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Trường Duyên.

Pháp Thiện làm Cảnh Trường Năng Duyên là 20 Tâm Thiện (trừ Tâm Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở.

Pháp Thiện làm Cảnh Trường Sở Duyên là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Dànam datvà sīlam samādiyivà uposathakammam katvà tam garum katvà paccavekkhati”- Người xả thí, trì giới, hành lễ phát lộ thanh tịnh giới xong rồi làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về những việc Thiện đó (xả thí, trì giới, và phát lộ thanh tịnh giới).

Tại đây, xả thí thiện, trì giới thiện, phát lộ thanh tịnh giới thiện đã được thực hiện rồi, là 8 Tâm Đại Thiện, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Năng DUYÊN.

Quán sát việc Thiện đã được thực hiện, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Sở DUYÊN.

2/ “Pubbe sucinnāni garum katvà paccavekkhati”- Người có việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường đến việc Thiện (xả thí, trì giới, và phát lộ thanh tịnh giới) đã được thực hiện liên tục không ngừng trong thời gian trước.

Tại đây, việc Thiện đã được thực hiện liên tục không ngừng, là 8 Tâm Đại Thiện, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Năng DUYÊN.

Quán sát việc Thiện đã được thực hiện liên tục không ngừng, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Sở DUYÊN.

3/ “Jhānā vutthahitvà jhānam garum katvà paccavekkhati”- Phàm Phu và bậc Hữu Học đã chứng đắc Thiền, khi xuất khỏi Thiền, làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về chi Thiền.

Tại đây, 9 Tâm Thiền Đáo Đại, 35 Tâm Sở làm Cảnh Trưởng Năng DUYÊN.

Việc quán sát, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Sở DUYÊN.

4/ “Sekkha gotrabhum garum katvà paccavekkhanti”- Tất cả bậc Hữu Học làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về Tâm Chuyển Tộc.

Tại đây, Chuyển Tộc là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Năng DUYÊN.

Việc quán sát, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của bậc Thất Lai làm Cảnh Trưởng Sở DUYÊN.

5/ “Sekkha vōdānam garum katvà paccavekkhanti”- Tất cả bậc Hữu Học làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về Tâm Dữ Tịnh.

Tại đây, Dữ Tịnh là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm Cảnh Trưởng Năng DUYÊN.

Việc quán sát, là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của bậc Nhất Lai và Bất Lai làm Cảnh Trưởng Sở DUYÊN.

6/ “Sekkha maggā vutthahitvà maggam garum katvà paccavekkhanti”- Tất cả bậc

Hữu Học khi xuất khỏi Đạo rồi, là Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp đã diệt mất, làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về Đạo.

Tại đây, Tâm Đạo Thất Lai, Tâm Đạo Nhất Lai, Tâm Đạo Bất Lai, 36 Tâm Sở đã được sanh, làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Việc quán sát Tâm Đạo đã được sanh, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của bậc Quả Hữu Học ở ba bậc thấp, làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **“Kusalo dhammo”** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Kusalassa dhammassa** làm **Sampadānapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 8 Tâm Đại Thiện, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) có thực tính của người chú tâm kiên cường.

Hoặc một phần khác:

1/ Chi pháp của Câu Chủ Từ là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* Chi pháp của Câu Liên Hệ là Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, có thực tính của người chú tâm kiên cường.

2/ Chi pháp của Câu Chủ Từ là 20 Tâm Thiện (trừ Đạo Vô Sinh) có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* Chi pháp của Câu Liên Hệ là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, có thực tính của người chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt, có ý nghĩa là Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện chỉ được duy nhất trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Nhập Định, Lộ Trình Đắc Đạo của 3 bậc thấp.

* **Ārammanādhīpatipaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên

cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Cảnh Trưởng Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Dànam datvà sīlam samādiyivà uposathakammam katvà** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) và **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng.

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên ở thời Quá Khứ, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, trì giới, thọ trì thanh tịnh giới.

* **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu **Dànam sīlam uposathakammam**, trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới.

* **Garum katvà** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi ngay sát na làm việc quán sát về xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới, đang làm thành **Cảnh**.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Dục Giới.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, **Pubbe** làm **Kàlàdhàrapada**: trình bày đến thời gian, **Sucinnàni** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu với việc xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới trong những thời gian trước, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Garum katvà** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Paccavekkhati** làm **Kiriyààkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp

vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi ngay sát na làm việc quán sát về xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới, với việc chú tâm cùng tột.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Dục Giới.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Jhànà** làm **Apàdànapada**: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vutthahitvā** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Jhànāma** làm **Kammaṇḍapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 9 Tâm Thiện Đáo Đại, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Garum katvā** làm **Kiriyàvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Paccavekkhati** làm **Kiriyāākhayātapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu đề thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện sanh khởi ngay sát na làm việc quán sát về xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới, với việc chú tâm cùng tột.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong Phàm Tam Nhân và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình:
 - 1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Thiền Cơ Bản, Lộ Trình Thiền Nhập Định.
 - 2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ tư và năm, **Sekkhā** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ, trình bày cho biết đến người quán sát này là bậc Hữu Học, là bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai, vẫn còn sanh khởi Bất Thiện, Thiện, Pháp Hữu Vi.

* **Gotrabhum Vodànam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi trong Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Paccavekkhanti** làm **Kiriyāàkhaṇātapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay sát na làm việc quán sát về xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới, với việc chú tâm cùng tột.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong ba Bậc Quả Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình:

1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp.

2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Phán Khán, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ sáu, **Sekkhā** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ, trình bày cho biết đến người quán sát này là bậc Hữu Học, là bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai, vẫn còn sanh khởi Bất Thiện, Thiện, Pháp Hữu Vi.

* **Maggā** làm **Apàdānapada**: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vuttha - hitvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Maggam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Đạo của 3 bậc thấp, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Paccavekkhanti** làm **Kiriyāàkhaṇātapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) sanh khởi ngay sát na làm việc quán sát về Đạo ba bậc thấp, với việc chú tâm cùng tột.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong ba Bậc Quả Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình:

1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo ba bậc thấp.

2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”-
TRONG CÂU THIỆN

“Kusalo dhammo akusalassa dhammassa Ārammanàdhipatipaccayena paccayo”-

Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Trường Duyên.

Pháp Thiện làm Cảnh Trường Năng Duyên là 20 Tâm Thiện (trừ Tâm Đạo Vô Sinh), 38 Tâm Sở.

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Trường Sở Duyên là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ **“Dānam datvā sīlam samādiyitvā uposathakammam katvā tam garum katvā assādeti abhinandati tam garum katvā rāgo uppajjati ditthi uppajjati”-** Người đã xả thí, trì giới và hành lễ phát lộ thanh tịnh giới xong rồi, thường có sự vui mừng thỏa thích đặc biệt kiên cường về những việc Thiện ấy. Khi chú tâm kiên cường nghĩ đến những việc Thiện ấy một cách đặc biệt thì thường khởi sanh sự tham ái, tà kiến.

Tại đây, xả thí thiện, trì giới thiện, hành lễ phát lộ thanh tịnh giới thiện đã được thực hiện, là 8 Tâm Đại Thiện, 38 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trường Năng Duyên.

Nghĩ đến những việc Thiện đó thì có sự vui mừng thỏa thích thường sanh khởi sự tham ái, tà kiến, là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở làm Cảnh Trường Sở Duyên.

2/ **“Pubbe sucinnāni garum katvā assādeti abhinandati tam garum katvā rāgo uppajjati ditthi uppajjati”-** Người có việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường đến việc Thiện (xả thí, trì giới, và phát lộ thanh tịnh giới) đã được thực hiện liên tục không ngừng trong thời gian trước. Khi chú tâm kiên cường nghĩ đến những việc Thiện ấy một cách đặc biệt thì thường khởi sanh sự tham ái, tà kiến.

Tại đây, việc Thiện đã được thực hiện liên tục không ngừng, là 8 Tâm Đại Thiện, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trường Năng Duyên.

Có sự vui mừng thỏa thích thường khởi sanh sự tham ái, tà kiến, là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở làm Cảnh Trường Sở Duyên.

3/ **“Jhānā vutthahitvā jhānam garum katvā assādeti abhinandati tam garum katvā**

ràgo uppajjati ditthi uppajjati”- Phàm Phu và bậc Hữu Học đã chứng đắc Thiền, khi xuất khỏi Thiền, làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về chi Thiền. Khi chú tâm kiên cường nghĩ đến Thiền ấy một cách đặc biệt thì thường khởi sanh sự tham ái, tà kiến.

Tại đây, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 35 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Việc vui mừng thỏa thích đến Thiền và có khởi sanh sự tham ái, tà kiến, là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở của người phúc lộc Thiền, làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì ***Kusalo dhammo*** làm ***Kattupada***: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế, 38 Tâm Sở, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* ***Akusalassa dhammassa*** làm ***Sampadànapada***: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 8 Tâm căn Tham có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Nhập Định, Lộ Trình Thăng Trí.

* ***Àrammanàdhipatipaccayena*** làm ***Karanapada***: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

(1) Cảnh Trưởng Duyên,

(2) Cảnh Duyên,

(3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyàpada***: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, ***Dànam datvà sīlam samādiyivā uposathakammam katvā*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) và ***Kiriyāvīsesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng.

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên ở thời quá khứ, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, thọ trì giới, thọ thanh tịnh giới.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Assādeti abhinandati** làm **Kiriyāàkhayātapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm căn Tham câu hành Hỷ có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu **Dānam sīlam uposathakammam** trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Rāgo Ditthi** làm **Kattupada**: Câu Chủ Trì, và **Uppajjati** làm **Kiriyāàkhayātapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái, Tà Kiến làm thủ vị, làm trưởng trội, với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Dục Giới.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và hai Bạc Quả Hữu Học bậc thấp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pālī điều thứ hai, **Pubbe sucinnāni** với **Pubbe** làm **Kālādhārapada**: trình bày đến thời gian, **Sucinnāni** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện đã thành tựu việc xả thí, trì giới, thọ thanh tịnh giới trong thời gian trước.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Assādeti abhinandati** làm **Kiriyāàkhayātapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là Tâm căn Tham câu hành Hỷ có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu **Dānam sīlam uposathakammam** trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm Đại Thiện liên quan với việc xả thí, trì giới, thọ

thanh tịnh giới.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Rāgo Ditthi** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, và **Uppajjati** làm **Kiriyāàkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái, Tà Kiến làm thủ vị, làm trưởng trội, với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Dục Giới.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và hai Bậc Quả Hữu Học bậc thấp.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ ba, **Jhānā** làm **Apādānapada**: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, **Vutthahitvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Jhānam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 9 Tâm Thiện Đáo Đại, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Assādeti abhinandati** làm **Kiriyāàkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm căn Tham câu hành Hỷ có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* **Tam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu **Jhānam**, trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 9 Tâm Thiện Đáo Đại.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Rāgo Ditthi** làm **Kattupada**: *Câu Chủ Từ*, và **Uppajjati** làm **Kiriyāàkhayàtapada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái, Tà Kiến làm thủ vị, làm trưởng trội, với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

- * Răng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Răng theo Người: hiện hành trong Phạm Tam Nhân và ba Bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.
- * Răng theo Lộ Trình:
 - 1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Thiền Na.
 - 2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”- TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Àrammanàdhipatipaccayena paccayo*”- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Pháp Thiện làm Cảnh Trưởng Năng Duyên là 1 Tâm Đạo Vô Sinh, 36 Tâm Sở.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Trưởng Sở Duyên là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Arahà maggà vutthahitvā maggam garum katvā paccavekkhati*”- Bậc Vô Sinh khi xuất khỏi Đạo, là Lộ Trình Đạo Vô Sinh diệt mất rồi, và làm việc chú tâm quán sát đặc biệt kiên cường về Đạo đó.

Tại đây, Đạo là 1 Tâm Đạo Vô Sinh, 36 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Việc quán xét, là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của Bậc Vô Sinh, làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàlì thì **“*Kusalo dhammo*”** làm ***Kattupada***: Câu Chủ Trì trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 1 Tâm Đạo Vô Sinh, 36 Tâm Sở, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* ***Abyàkatassa dhammassa*** làm ***Sampadānapada***: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần) có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* Răng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Răng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong Bậc Vô Sinh.

* Rằng theo Lộ Trình:

1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Đạo Vô Sinh.

2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* ***Ārammanādhīpatipaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanā – Hiệp Lực***) là:

(1) Cảnh Trường Duyên,

(2) Cảnh Duyên,

(3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyāpada***: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, ***Arahā*** làm ***Kattupada***: *Câu Chủ Từ*, trình bày cho biết đến người quán sát này là bậc Vô Sinh.

* ***Maggā*** làm ***Apādanapada***: trình bày đến tình trạng chỗ tách lìa khỏi, ***Vutthahitvā*** làm ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Maggam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Đạo Vô Sinh, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tốt.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Paccavekkhanti*** làm ***Kiriyāākhayātapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí (trừ Vô Lượng Phần) của bậc Vô Sinh sanh khởi ngay sát na làm việc quán sát về Đạo với việc chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bậc Vô Sinh.

* Rằng theo Lộ Trình:

1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh.

2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, là Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”-
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“*Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Àrammanàdhipatipaccayena paccayo*”-
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Cảnh
Trưởng Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Trưởng Năng Duyên là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở (trừ
Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi).

Pháp Bất Thiện làm Cảnh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở (trừ
Sân, Tật, Lận, Hối, Hoài Nghi).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Ràgam garum katvà assàdeti abhinandati tam garum katvà ràgo uppajjati ditthi
uppajjati*”- Người chú tâm vui mừng thỏa thích một cách kiên cường về Tham Ái, và
khi chú tâm nghĩ đến Tham Ái làm thành Cảnh kiên cường, thường sanh khởi Tham Ái,
Tà Kiến.

Tại đây, 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng
Duyên.

Việc vui mừng thỏa thích và khởi sanh sự tham ái, tà kiến, là 8 Tâm căn Tham, 22
Tâm Sở làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

2/ “*Ditthim garum katvà assàdeti abhinandati tam garum katvà ràgo uppajjati
ditthi uppajjati*”- Người chú tâm vui mừng thỏa thích một cách kiên cường về Tà Kiến,
và khi chú tâm nghĩ đến Tà Kiến làm thành Cảnh kiên cường, thường sanh khởi Tham
Ái, Tà Kiến.

Tại đây, 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến, 21 Tâm Sở (trừ Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận,
Hối, Hoài Nghi) (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Việc vui mừng thỏa thích và khởi sanh sự Tham Ái, Tà Kiến, là 8 Tâm căn Tham, 22
Tâm Sở làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì “*Akusalo dhammo*” làm *Kattupada*: Câu Chủ Từ trình
bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 8 Tâm căn Tham, có thực tính đặc biệt của
việc chú tâm cùng tột.

* *Akusalassa dhammassa* làm *Sampadànapada*: Câu Liên Hệ trình bày cho biết

đến Sở Duyên, chi Pháp là 8 Tâm căn Tham có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

- * Răng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Răng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.
- * Răng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và hai Bạc Quả Hữu Học bậc thấp, tùy theo thích hợp.
- * Răng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* ***Ārammanādhīpatipaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanā – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Trường Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyāpada***: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pālì điều thứ nhất, ***Rāgam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvīsesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Assādeti abhinandati*** làm ***Kiriyāākhayātapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Kết hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm căn Tham câu hành Hỷ có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* ***Tam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu ***Rāgam*** trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvīsesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Rāgo Ditthi*** làm ***Kattupada***: *Câu Chủ Từ*, và ***Uppajjati*** làm ***Kiriyāākhayātapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái, Tà Kiến làm thủ vị, làm trưởng tội, với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

- * Răng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Tứ Uẩn, Cõi Ngũ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và hai Bạc Quả Hữu Học bậc thấp, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, ***Ditthim*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Assādeti abhinandati*** làm ***Kiriyāàkḥayàtapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm căn Tham câu hành Hỷ có thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* ***Tam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để thay thế cho Câu ***Ditthim*** trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là 4 Tâm Tham Tương Ứng Kiến.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Rāgo Ditthi*** làm ***Kattupada***: Câu Chủ Từ, và ***Uppajjati*** làm ***Kiriyāàkḥayàtapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả ba Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái, Tà Kiến làm thủ vị, làm trưởng trội, với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn, Cõi Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

(C) ABYÀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”-
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyàkato dhammo abyàkatassa dhammassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo”- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Trưởng Năng Duyên là 1 Tâm Quả Vô Sinh, 36 Tâm Sở và

Níp Bàn.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Trưởng Sở Duyên là 4 Tâm Đại Duy Tác tương ứng Trí, 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

ANUVĀDA – CÂU PHỤ

1/ “Arahā phalam garum katvā paccavekkhati nibbānam garum katvā paccavekkhati”- Bậc Vô Sinh làm việc quán sát về Tâm Quả Vô Sinh và Níp Bàn, với Tâm Ý làm việc chú tâm đặc biệt kiên cường.

Tại đây, 1 Tâm Quả Vô Sinh, 36 Tâm Sở và Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Việc quán xét Tâm Quả Vô Sinh và Níp Bàn, là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 30 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của bậc Vô Sinh, làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

2/ “Nibbānam phalassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo”- Níp Bàn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với 4 Tâm Quả với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Tại đây, Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Tâm Quả là 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pālī thì “**Abyākato dhammo**” làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 1 Tâm Quả Vô Sinh và Níp Bàn, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Abyākatassa dhammassa** làm **Sampadānapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Thánh Quả.

* Rằng theo Lộ Trình:

1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

Ghi chú: Tâm Quả Vô Sinh hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh, Níp Bàn hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo, trực tiếp cho tới hai hoặc ba sát na Tâm Quả sanh khởi và Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

* ***Arammanàdhipatipaccayena*** làm ***Karanapada***: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Trường Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyàpada***: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, ***Arahà*** làm ***Kattupada***: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến người quán sát là bậc Vô Sinh.

* ***Phalam Nibbànam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện) trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là 1 Tâm Quả Vô Sinh, Níp Bàn.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Paccavekkhati*** làm ***Kiriyāàkhayàtapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí (trừ Vô Lượng Phần) của bậc Vô Sinh sanh khởi làm việc quán sát Tâm Quả Vô Sinh, Níp Bàn, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tốt.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Tứ Uẩn, Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bậc Vô Sinh.

* Rằng theo Lộ Trình:

- 1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo Vô Sinh, Lộ Trình Nhập Thiền Quả Vô Sinh.
- 2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, ***Nibbànam*** làm ***Kattupada***: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Hữu Dư Y Níp Bàn.

* ***Phalassa*** làm ***Sampadānapada***: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Quả.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.

* Răng theo Người: hiện hành trong bốn Thánh Quả.

* Răng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Đắc Đạo, Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

* ***Àrammanàdhipatipaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

(1) Cảnh Trưởng Duyên,

(2) Cảnh Duyên,

(3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyàpada***: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

“KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN”

- TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyàkato dhammo kusalassa dhammassa Àrammanàdhipatipaccayena paccayo”- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Trưởng Năng Duyên là 3 Tâm Quả (trừ Tâm Quả Vô Sinh), 36 Tâm Sở và Níp Bàn.

Pháp Thiện làm Cảnh Trưởng Sở Duyên là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ ***“Sekkha phalam garum katvā paccavekkhanti nibbānam garum katvā paccavekkhanti”*** – Tất cả bậc Hữu Học làm việc quán sát 3 Tâm Quả bậc thấp và Níp Bàn, với Tâm Ý làm việc chú tâm đặc biệt kiên cường.

Tại đây, Tâm Quả là 1 Tâm Quả Thất Lai, 1 Tâm Quả Nhất Lai, 1 Tâm Quả Bất Lai, 36 Tâm Sở và Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Việc quán xét, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngã Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của 3 bậc Quả Hữu Học, làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

2/ ***“Nibbānam gotrabhussa vodānassa maggassa Àrammanàdhipatipaccayena paccayo”***- Níp Bàn làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Tâm Chuyển Tộc, Tâm Dữ Tịnh và Tâm Đạo với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Tại đây, Níp Bàn (đó là Cảnh Pháp) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Tâm Chuyên Tộc, Tâm Dĩ Tịnh và Tâm Đạo, là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm nhiệm vụ Chuyển Tộc đang sanh khởi trong bản tánh của Phàm Tam Nhân khi sắp đạt đến Đạo Thất Lai và Quả Thất Lai. Bốn Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 33 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần) làm nhiệm vụ Dĩ Tịnh đang sanh khởi trong bản tánh của bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai, bậc Bát Lai. Và 4 Tâm Đạo, 36 Tâm Sở hiện đang sanh khởi trong bản tánh của 4 bậc Đạo Nhân, làm Cảnh Trường Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì “*Abyākato dhammo*” làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 3 Tâm Quả bậc thấp và Níp Bàn, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* **Kusalassa dhammassa** làm **Sampadānapada**: Câu Liên Hệ trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 4 Tâm Đạo, 36 Tâm Sở (trừ Vô Lượng Phần), với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong một Phàm Tam Nhân và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Phản Khán, cả bốn Lộ Trình Đắc Đạo.

* **Ārammanādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanā – Hiệp Lực**) là:

(1) Cảnh Trường Duyên,

(2) Cảnh Duyên,

(3) Cảnh Cận Y Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyāpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ nhất, **Sekkhā** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến người quán sát là ba bậc Quả Hữu Học.

* **Phalam Nibbānam** làm **Kammapada**: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện)

trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Tâm Quả ba bậc thấp và Hữu Dư Y Níp Bàn có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* ***Garum katvā*** làm ***Kiriyāvisesanapada***: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, ***Paccavekkhanti*** làm ***Kiriyāàkḥayàtapada***: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả hai Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (trừ Ngã Trừ Phần, Vô Lượng Phần) của ba bậc Quả Hữu Học sanh khởi làm việc quán sát Tâm Quả và Níp Bàn, với việc đặc biệt chú tâm cùng tột.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Tứ Uẩn, Cõi Ngũ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong ba bậc Quả Hữu Học.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Phán Khán của bậc Quả Hữu Học.

* Trong phần Câu Phụ Pàli điều thứ hai, ***Nibbānam*** làm ***Kattupada***: *Câu Chủ Từ* trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Hữu Dư Y Níp Bàn, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm cùng tột.

* ***Gotrabhussa Vodānassa Maggassa*** làm ***Sampadānapada***: *Câu Liên Hệ* trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi Pháp là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, (trừ Ngã Trừ Phần, Vô Lượng Phần), 4 Tâm Đạo (trừ Vô Lượng Phần) đang sanh khởi trong bản tánh của bốn bậc Đạo, với thực tính của người chú tâm kiên cường.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong Phạm Tam Nhân, bốn Bậc Đạo và ba Bậc Quả Hữu Học (trừ bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong cả bốn Lộ Trình Đắc Đạo.

* ***Ārammanādhipatipaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 3 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanā – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Trường Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyāpada***: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BÁT THIỆN”-
TRONG CÂU VÔ KÝ

“Abyàkato dhammo akusalassa dhammassa Ārammanàdhipatipaccayena paccayo”- Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bát Thiện với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

Pháp Vô Ký làm Cảnh Trưởng Năng Duyên là 18 Sắc Sở Tạo ở phần Cảnh Duyệt Ý và 31 Tâm Quả Hiệp Thế (trừ 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ thọ), 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần).

Pháp Bát Thiện làm Cảnh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “Cakkhum garum katvà assàdeti abhinandati tam garum katvà ràgo uppajjati ditthi uppajjati sotam ghànam jivham kàyam rùpe sadde gandhe rase photthabbe vatthum vipàkàbyàkate kiriyàbyàkate khandhe garum katvà assàdeti abhinandati tam garum katvà ràgo uppajjati ditthi uppajjati”- Người có sự vui mừng thỏa thích với Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật, Tâm Vô Ký Quả, Tâm Vô Ký Duy Tác, với Tâm Thức đặc biệt chú ý một cách kiên cường. Khi có Tâm Thức đặc biệt chú ý một cách kiên cường tiếp nối Nhãn Thanh Triệt, v.v, thì thường sanh khởi sự tham ái và tà kiến.

Tại đây, Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật và 31 Tâm Quả Hiệp Thế (trừ 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ thọ), 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở (trừ Ngăn Trừ Phần) làm Cảnh Trưởng Năng Duyên.

Khi chú tâm đặc biệt kiên cường đến những loại Cảnh ấy với sự vui mừng thỏa thích thì thường sanh khởi sự tham ái và tà kiến, là 8 Tâm căn Tham, 22 Tâm Sở làm Cảnh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàlì thì **“Abyàkato dhammo”** làm **Kattupada:** Câu Chủ Từ trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi Pháp là 18 Sắc Thành Tựu Duyệt Ý, 31 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (trừ 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 20 Tâm Duy Tác, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm kiên cường.

* **Akusalassa dhammassa** làm **Sampadānapada:** Câu Liên Hệ trình bày cho biết

đến Sở Duyên, chi Pháp là 8 Tâm căn Tham, với thực tính của người có sự chú tâm kiên cường.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm, ba bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.
- * Rằng theo Lộ Trình:

- 1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Cận Tử trực tiếp tới Tâm Tái Tục (trong Hữu mới), Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiên Na, Lộ Trình Sắc Pháp.
- 2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, có Đồng Lực Tham cực ái hữu (**Bhavanikantikalobhajavana**) và thông thường (Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn).

* ***Arammanàdhipatipaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Cảnh Trường Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Cảnh Trường Duyên,
- (2) Cảnh Duyên,
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Ý Duyên,
- (4) Cảnh Cận Ý Duyên,
- (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

* ***Paccayo*** làm ***Kiriyàpada***: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, ***Cakkhum Sotam Ghànam Jivham Kàyam Rùpe Saddhe Gandhe Rase Photthabbe Vatthum Vipàkàbyàkate gandhe Kiriyàbyàkate gandhe*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), trình bày cho biết đến Năng Duyên, chi pháp là Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ Thanh Triệt, Thiệt Thanh Triệt, Thân Thanh Triệt, Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Xúc, Ý Vật, 31 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tứ Danh Uẩn (trừ 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ), 20 Tâm Duy Tác, Tứ Danh Uẩn, có thực tính đặc biệt của việc chú tâm kiên cường.

* ***Tam*** làm ***Kammapada***: trình bày đến người bị tạo tác (thực hiện), là từ ngữ để

thay thế cho Câu **Cakkhum**, v.v. trình bày cho biết đến cùng một loại Năng Duyên, chi pháp là Nhân Thanh Triệt, v.v.

* **Garum katvā** làm **Kiriyāvisesanapada**: trình bày đến việc làm cho (Tam Tướng) hiện bày lên rõ ràng, **Assādeti abhinandati** làm **Kiriyāākhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước), **Rāgo Ditthi** làm **Kattupada**: Câu Chủ Từ, và **Uppajjati** làm **Kiriyāākhaṇāpada**: trình bày việc tập hợp vấn đề trong từng Câu để thành mỗi loại (được ví như vị chủ đất nước).

Tập hợp cả bốn Câu này, trình bày cho biết đến Sở Duyên, chi pháp là 8 Tâm căn Tham có Tham Ái, Tà Kiến làm thủ vị, làm trưởng trội, với thực tính của người có sự chú tâm đặc biệt kiên cường.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Tứ Uẩn, Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm, ba bậc Quả Hữu Học, tùy theo thích hợp.

* Rằng theo Lộ Trình:

- 1/ Pháp làm thành Năng Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Cận Tử trực tiếp tới Tâm Tái Tục (trong Hữu mới), Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiên Na, Lộ Trình Sắc Pháp.
- 2/ Pháp làm thành Sở Duyên hiện hành trong Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới có Đồng Lực Tham cực ái hữu (**Bhavanikantikālobhajavana**) và thông thường (Lộ Trình Ngũ Môn và Lộ Trình Ý Môn).

ĀRAMMANĀDHIPATIPACCAYA SUDDHASANKHAYĀVĀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

Theo như đã đề cập ở phía trên, thì tóm tắt lại số lượng câu đơn “**suddhapada**” giai đoạn Vấn Đề của Cảnh Trướng Duyên có được 7 câu như sau:

(1) **Kusalo kusalassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Cảnh Trướng Duyên.

(2) **Kusalo akusalassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Trướng Duyên.

(3) **Kusalo abyākatassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo** – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Cảnh Trướng Duyên.

(4) **Akusalo akusalassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo** – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Trướng Duyên.

(5) **Akusalo abyākatassa Ārammanādhīpatipaccayena paccayo** – Bất Thiện làm

duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

(6) *Abyàkato kusalassa Àrammanàdhipatipaccayena paccayo* – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

(7) *Abyàkato akusalassa Àrammanàdhipatipaccayena paccayo* – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên.

ÀRAMMANÀDHIPATIPACCAYASABHÀGA – CẢNH TRƯỞNG DUYÊN TÁU HỢP

Theo cách phối hợp khác, thì có nhiều loại Duyên tựu vào như sau:

- (1) Cảnh Duyên,
- (2) Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên,
- (3) Cảnh Cận Y Duyên,
- (4) Cảnh Tiền Sinh Duyên,
- (5) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên,
- (6) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên,
- (7) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Có ý nghĩa là những loại Duyên này thường hòa hợp vừa theo trường hợp của mình với Cảnh Trưởng Duyên khi đã hiện hữu rồi.

KẾT THÚC GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ PHÂN TÍCH CỦA CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

Ghi chú: Việc phân tích từng Câu trong những Duyên còn lại, như là *Kusalo dhammo* làm *Kattupada: Câu Chủ Từ*, *Kusalassa dhammassa* làm *Sampadànapada: Câu Liên Hệ*, *Sahajàtadhipatipaccayena* làm *Karanapada: Câu Chế Tác*, cũng hiện hành trong cùng một phương thức với những Duyên đã được đề cập đến ở phần trên. Do đó, kể từ *Sahajàtadhipatipaccaya – Câu Sanh Trưởng Duyên*, sẽ không cần phải trình bày việc phân tích Câu lập lại nữa.

(II) SAHAJÀTADHIPATIPACCAYA – CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN

(Lời giải thích của Câu Sanh Trưởng Duyên đã được trình bày ở trong phần “Chú Giải khái lược về Trưởng Duyên”).

TÓM LƯỢC BA LOẠI NỘI DUNG CỦA CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN

Trong *Câu Sanh Trưởng Duyên* hiện hữu ba loại Pháp, là:

- (1) Pháp Năng Duyên,
- (2) Pháp Sở Duyên,
- (3) Pháp Địch Duyên,

như tiếp theo đây:

(1) Sahajàtadhīpatipaccayadhamma – Pháp Câu Sanh Trưởng Năng Duyên: là Tứ Trưởng gồm:

1. *Dục Trưởng* là Tâm Sở Dục,
2. *Cần Trưởng* là Tâm Sở Cần,
3. *Tâm Trưởng* là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng (Tâm Đồng Lực câu sanh với bất luận một chi Trưởng nào),
4. *Thảm Trưởng* là Tâm Sở Tuệ ở trong 52 Tâm Đồng Lực (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh).

(2) Sahajàtadhīpatipaccayuppannadhamma – Pháp Câu Sanh Trưởng Sở Duyên: là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 51 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi và chi Pháp Trưởng ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên) và Sắc Tâm Hữu Trưởng (là Sắc Tâm câu sanh với 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng).

(3) Sahajàtadhīpatipaccanikadhamma – Pháp Câu Sanh Trưởng Địch Duyên: là 54 Tâm Dục Giới ngay khi không làm Pháp Sở Duyên, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 52 Tâm Sở và bất luận một trong Tứ Trưởng ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên, Sắc Tâm Phi Trưởng (là Sắc Tâm bất câu sanh với 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng), Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiệt, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhứt.

Trong từng mỗi Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên và Pháp Địch Duyên của Câu Sanh Trưởng Duyên lại được chia ra làm hai nhóm, là **(1) *ekanta* – nhất định**, và **(2) *anekanta* – bất định**, như sau đây:

1/ Pháp Năng Duyên nhất định: là bất luận một trong Tứ Trưởng câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố.

Có ý nghĩa là Tứ Trưởng câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố ngay khi sanh khởi nhất định sẽ làm Trưởng.

2/ Pháp Năng Duyên bất định: là bất luận một trong Tứ Trường câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh).

Có ý nghĩa là Tứ Trường trong khi câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới, thì đôi khi làm Trường và đôi khi không làm Trường.

3/ Pháp Sở Duyên nhất định: là 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Trường ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên) và Sắc Tâm Hữu Trường Kiên Cố (Sắc Tâm câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố).

Có ý nghĩa là 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố, 38 Tâm Sở và các Sắc Tâm này làm Pháp Quả một cách nhất định được sanh khởi từ bất luận một trong Tứ Trường.

4/ Pháp Sở Duyên bất định: là 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh), 51 Tâm Sở (Hoài Nghi và chi Pháp Trường ngay khi đang làm Pháp Năng Duyên) và Sắc Tâm Hữu Trường Dục Giới (Sắc Tâm câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Hữu Trường Dục Giới).

Có ý nghĩa là Tứ Trường câu sanh với 26 Tâm Đồng Lực Hữu Trường Dục Giới ở phần Pháp Năng Duyên, đôi khi làm Trường và đôi khi không làm Trường.

Nếu vào thời điểm làm Trường thì Pháp câu sanh với Trường là chi pháp đã được đề cập ở phía trên trong điều 4 này làm được Pháp Sở Duyên.

Nếu vào thời điểm không làm Trường thì những loại Pháp này không thể làm Pháp Sở Duyên được.

5/ Pháp Địch Duyên nhất định: là 2 Tâm căn Si, 18 Tâm Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 9 Tâm Quả Đáo Đại, 42 Tâm Sở (trừ Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận, Hối, Ngăn Trừ Phàn), Sắc Tâm Phi Trường, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Phạm Thiên Vô Tướng, Sắc Nghiệp Bình Nhục.

Có ý nghĩa là những loại Pháp này không thể làm Pháp Sở Duyên được, do đó mới nhất định làm Pháp Địch Duyên.

6/ Pháp Địch Duyên bất định: là 26 Tâm Đồng Lực Dục Giới (trừ 2 Tâm Đồng Lực căn Si, 1 Tâm Đồng Lực Tiểu Sinh), 51 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi), Sắc Tâm Hữu Trường Dục Giới.

Có ý nghĩa là những loại Pháp này, nếu hiện hành thành Pháp Sở Duyên thì không thể làm Pháp Địch Duyên, nếu không làm Pháp Sở Duyên thì thành Pháp Địch Duyên.

PHÂN TÍCH GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PANHÀ) VÀ CHI PHÁP TRONG CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN

Tại đây, Đức Phật sắp đặt trước tiên ba câu làm cốt lõi gọi là Câu Chánh Diện, là Câu Thiện, Câu Bất Thiện, Câu Vô Ký làm Pháp Năng Duyên; kế đó phân tích Pháp Sở Duyên bằng cách chia chẻ ở câu sau, như sẽ thấy tiếp sau đây:

(A) KUSALAPADA – CÂU THIỆN
“KUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU THIỆN”-
TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo kusalassa dhammassa Sahajàtadhīpatipaccayena paccayo*” – Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Pháp Thiện làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên là Tứ Thiện Trưởng, gồm Dục Trưởng, Cần Trưởng, Thảm Trưởng ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở và Tâm Trưởng là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại và 4 Tâm Đạo.

Pháp Thiện làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Thiện Trưởng đang làm Pháp Năng Duyên).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Kusalādhīpati sampayuttakānam khandhānam Sahajàtadhīpatipaccayena paccayo*”- Thiện Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Danh Uẩn (ba hoặc bốn Danh Uẩn) tương ứng với Thiện Trưởng đó, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tại đây, Thiện Trưởng là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở và bất luận một trong ba chi Thiện Trưởng (trừ Thảm Trưởng) ở trong 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 37 Tâm Sở (trừ Tuệ) làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên.

Những Danh Uẩn Thiện Tương Ứng với Thiện Trưởng, là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Thiện Trưởng đang làm Pháp Năng Duyên) làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàlì thì ***Kusalo dhammo*** chi Pháp là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng, là Dục, Cần, Thảm ở trong 21 Tâm Thiện và Tâm Trưởng là 21 Tâm Thiện làm Năng Duyên.

Kusalassa dhammassa chi Pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Thiện phối hợp với Thiện

Trưởng, làm Sở Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiên Na, Lộ Trình Đắc Đạo.

* **Sahajàtādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 11 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Danh Vật Thực Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, **Kusalādhipati** chi pháp là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng là Dục, Cần, Thăm và Tâm Thiện làm Năng Duyên.

Sampayuttakànam khandhànam, chi pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Thiện phối hợp với Thiện Trưởng, làm Sở Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: là thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiên Na, Lộ Trình Đắc Đạo.

* **Sahajàtādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 11

Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian ((*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hồ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Danh Vật Thực Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* *Paccayo* làm *Kiriyàpada*: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”-
TRONG CÂU THIỆN

“*Kusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Sahajàtadhīpatipaccayena paccayo*”-
Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Pháp Thiện làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên là Tứ Thiện Trưởng, gồm *Dục Trưởng, Cần Trưởng, Thảm Trưởng* ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở và *Tâm Trưởng* là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên là Sắc Tâm Thiện Hữu Trưởng.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Kusalādhīpati cittasamutthānānam rūpānam Sahajàtadhīpatipaccayena paccayo*”- Thiện Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc mà có Tâm làm Xuất Sinh Xứ với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tại đây, Thiện Trưởng là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng ở trong 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở và bất luận một trong ba Chi Thiện Trưởng (trừ Thảm Trưởng) ở trong 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 37 Tâm Sở (trừ Tuệ) làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên.

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ là Sắc Tâm Thiện Hữu Trưởng làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì **Kusalo dhammo** chi Pháp là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng làm Năng Duyên.

Abyàkatassa dhammassa chi Pháp là Sắc Tâm Thiện Trưởng có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo.

* **Sahajàtādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 10 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Ý Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, **Kusalādhipati** chi pháp là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng làm Năng Duyên.

Cittasamutthànānam rūpānam, chi pháp là Sắc Tâm Thiện Trưởng, có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

- * Răng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).
- * Răng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo.

* **Sahajàtadhipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 10 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatana – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên ,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

“KUSALÀBYÀKATAPADÀVASÀNA –
PHẦN CUỐI CÂU THIỆN VÀ VÔ KÝ”
- TRONG CÂU THIỆN

“**Kusalo dhammo kusalassa ca abyàkatassa ca dhammassa Sahajàtadhipati - paccayena paccayo**”- Pháp Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Pháp Thiện làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên là Tứ Thiện Trưởng, gồm *Dục Trưởng, Cần Trưởng, Thảm Trưởng* ở trong 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở và *Tâm Trưởng* là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo.

Pháp Thiện và Vô Ký làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Thiện Trưởng đang làm Năng Duyên) và Sắc Tâm Thiện Hữu Trưởng.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Kusalàdhipati sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*”- Thiện Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Danh Uẩn (ba hoặc bốn Danh Uẩn) tương ứng với Thiện Trưởng và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có Tứ Danh Uẩn Thiện Trưởng làm xuất sinh xứ với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tại đây, Thiện Trưởng là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng ở trong 4 Tâm Đại Thiện tương ứng Trí, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở và bất luận một trong ba chi Thiện Trưởng (trừ Thâm Trưởng) ở trong 4 Tâm Đại Thiện Bất Tương Ứng Trí, 37 Tâm Sở (trừ Tuệ) làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên.

8 Tâm Đại Thiện, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 4 Tâm Đạo, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Trưởng đang làm Pháp Năng Duyên) và Sắc Tâm Thiện Hữu Trưởng làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì ***Kusalo dhammo*** chi Pháp là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng làm Năng Duyên.

Kusalassa ca abyàkatassa ca dhammassa chi Pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Thiện và Sắc Tâm Thiện Trưởng có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngữ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lục Dục Giới, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo.

* ***Sahajàtādhipatipaccayena*** làm ***Karanapada***: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,

- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàli, **Kusalàdhipati**, chi pháp là bất luận một trong Tứ Thiện Trưởng làm Năng Duyên.

Sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam, chi pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Thiện phối hợp với Thiện Trưởng và Sắc Tâm Thiện Trưởng, có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phạm và bảy bậc Thánh (trừ bậc Vô Sinh).
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo.

* **Sahajàtādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

(B) AKUSALAPADA – CÂU BẤT THIỆN

“AKUSALAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN”-
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“*Akusalo dhammo akusalassa dhammassa Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*”-
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện với mãnh lực Câu

Sanh Trưởng Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên là 3 Bất Thiện Trưởng (trừ Thâm Trưởng) ở trong 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi).

Pháp Bất Thiện làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi và chi Pháp Bất Thiện Trưởng đang làm Năng Duyên).

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Akusalādhīpati sampayuttakānam khandhānam Sahajātādhīpatipaccayena paccayo*”- Bất Thiện Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Danh Uẩn (ba hoặc bốn Danh Uẩn) tương ứng với Bất Thiện Trưởng đó, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tại đây, Bất Thiện Trưởng là bất luận một trong ba chi Bất Thiện Trưởng (trừ Thâm Trưởng) ở trong 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi) làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên.

Những Danh Uẩn Tương Ứng với Bất Thiện Trưởng, là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi và chi Pháp Bất Thiện Trưởng đang làm Năng Duyên) làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pālì thì ***Akusalo dhammo*** chi Pháp là bất luận một trong ba Bất Thiện Trưởng, là Dục, Cần, ở trong 10 Tâm Bất Thiện và Tâm Trưởng là 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Si) làm Năng Duyên.

Akusalassa dhammassa chi Pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Bất Thiện phối hợp với Bất Thiện Trưởng, làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba bậc Quả Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* ***Sahajātādhīpatipaccayena*** làm ***Karanapada***: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 10 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (***Ghatanà – Hiệp Lực***) là:

(1) Câu Sanh Trưởng Duyên,

- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, **Akusalàdhipati** chi pháp là bất luận một trong ba Bất Thiện Trưởng là Dục, Cần, và 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Si) làm Năng Duyên.

Sampayuttakànam khandhànam chi pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Bất Thiện phối hợp với Bất Thiện Trưởng, làm Sở Duyên.

- * Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.
- * Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba bậc Quả Hữu Học.
- * Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* **Sahajàdhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 10 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Danh Vật Thực Duyên,
- (6) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (7) Đồ Đạo Duyên,
- (8) Tương Ứng Duyên,
- (9) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”
- TRONG CÂU BẤT THIỆN

“*Akusalo dhammo abyàkatassa dhammassa Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*”-
Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sinh Trưởng Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Câu Sinh Trưởng Năng Duyên là ba Bất Thiện Trưởng (trừ Thâm Trưởng) ở trong 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi).

Pháp Vô Ký làm Câu Sinh Trưởng Sở Duyên là Sắc Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Akusalādhipati cittasamutthànānam rūpānam Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*” - Bất Thiện Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có Tâm làm Xuất Sinh Xứ, với mãnh lực Câu Sinh Trưởng Duyên.

Tại đây, Bất Thiện Trưởng là bất luận một trong ba chi Bất Thiện Trưởng (trừ Thâm Trưởng) ở trong 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi) làm Câu Sinh Trưởng Năng Duyên.

Sắc Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng làm Câu Sinh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì *Akusalo dhammo* chi Pháp là bất luận một trong ba Bất Thiện Trưởng, là Dục, Cần ở trong 10 Tâm Bất Thiện và 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Si), làm Năng Duyên.

Abyàkatassa dhammassa chi Pháp là Sắc Tâm Bất Thiện Trưởng có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba bậc Quả Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* *Sahajàtādhipatipaccayena* làm *Karanapada*: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sinh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (*Ghatanà – Hiệp Lực*) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Danh Vật Thực Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, **Akusalàdhipati** chi pháp là bất luận một trong ba Bất Thiện Trưởng làm Năng Duyên.

Cittasamutthànànam rūpànam chi pháp là Sắc Tâm Bất Thiện Trưởng, có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba bậc Quả Hữu Học.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* **Sahajàdhipatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 9 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Danh Vật Thực Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (8) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (9) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

“AKUSALÀBYÀKATAPADÀVASÀNA –
PHẦN CUỐI CÂU BẤT THIỆN VÀ VÔ KÝ”-
TRONG CÂU BẤT THIỆN

“*Akusalo dhammo akusalassa ca abyàkatassa ca dhammassa Sahajàtādhipati – paccayena paccayo*” - Pháp Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Bất Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Pháp Bất Thiện làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên là 3 Bất Thiện Trưởng (trừ Thảm Trưởng) ở trong 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi).

Pháp Bất Thiện và Vô Ký làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi và chi Pháp Bất Thiện Trưởng đang làm Năng Duyên) và Sắc Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Akusalādhipati sampayuttakānam khandhānam cittasamutthānānanca rūpānam Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*”- Bất Thiện Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Danh Uẩn (ba hoặc bốn Danh Uẩn) tương ưng với Bất Thiện Trưởng và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có Tứ Danh Uẩn Bất Thiện Trưởng làm xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tại đây, Bất Thiện Trưởng là ba Trưởng (trừ Thảm Trưởng) ở trong 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi) làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên.

8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 26 Tâm Sở (trừ Hoài Nghi và chi pháp Trưởng đang làm Năng Duyên) và Sắc Tâm Bất Thiện Hữu Trưởng làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàli thì ***Akusalo dhammo*** chi Pháp là bất luận một trong ba Bất Thiện Trưởng, là Dục, Cần ở trong 10 Tâm Bất Thiện và 10 Tâm Bất Thiện (trừ 2 Tâm căn Si), làm Năng Duyên.

Kusalassa ca abyàkatassa ca dhammassa chi Pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Bất Thiện và Sắc Tâm Bất Thiện Trưởng có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngự Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.

- * Răng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba bậc Quả Hữu Học.
- * Răng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* **Sahajàtadhīpatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,
- (4) Danh Vật Thực Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên ,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, **Kusalàdhīpati** chi pháp là bất luận một trong ba Bất Thiện Trưởng làm Năng Duyên.

Sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànānanca rūpānam chi pháp là ba hoặc bốn Danh Uẩn Bất Thiện phối hợp với Bất Thiện Trưởng và Sắc Tâm Bất Thiện Trưởng, có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Thân Biểu Tri, Ngũ Biểu Tri, v.v. làm Sở Duyên.

- * Răng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.
- * Răng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn.
- * Răng theo Người: hiện hành trong bốn Phàm và ba bậc Quả Hữu Học.
- * Răng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới.

* **Sahajàtadhīpatipaccayena** làm **Karanapada**: *Câu Chế Tác*, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 8 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Câu Sanh Y Duyên,

- (4) Danh Vật Thực Duyên,
- (5) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (6) Đồ Đạo Duyên,
- (7) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (8) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: *Câu Thuật Từ*, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

(C) ABYÀKATAPADA – CÂU VÔ KÝ
“ABYÀKATAPADÀVASÀNA – PHẦN CUỐI CÂU VÔ KÝ”-
TRONG CÂU VÔ KÝ

“*Abyàkato dhammo abyàkatassa dhammassa Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*”-
Pháp Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên là Tứ Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng, gồm *Dục Trưởng, Cần Trưởng, Thảm Trưởng* ở trong 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả, 38 Tâm Sở và Tâm Trưởng là 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả.

Pháp Vô Ký làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên là 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng đang làm Năng Duyên) và Sắc Tâm Vô Ký Hữu Trưởng.

ANUVÀDA – CÂU PHỤ

1/ “*Vipàkàbyàkatà kiriyàbyàkatādhipati sampayuttakànam dhammànam cittasamutthànànanca rūpànam Sahajàtādhipatipaccayena paccayo*”- Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Danh Uẩn (ba hoặc bốn Danh Uẩn) tương ưng với Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng đó và giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc có Tứ Danh Uẩn xuất sinh xứ, với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tại đây, Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng là bất luận một trong Tứ Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng ở trong 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả, 38 Tâm Sở và bất luận một trong ba chi Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng (trừ Thảm Trưởng) ở trong 4 Tâm Đại Duy Tác Bất Tương Ứng Trí, 34 Tâm Sở (trừ Ngã Trừ Phần và Tuệ) làm Câu Sanh Trưởng Năng Duyên.

8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả, 38 Tâm Sở (trừ chi Pháp Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng đang làm Năng Duyên) và Sắc Tâm Vô Ký Hữu

Trưởng làm Câu Sanh Trưởng Sở Duyên.

PHÂN TÍCH CÂU VÀ TRÌNH BÀY CHI PHÁP

* Theo phương pháp Pàlì thì **Abyàkato dhammo** chi Pháp là bất luận một trong Tứ Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng, là Dục, Cần, Thầm, ở trong 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, Tâm Quả, và Tâm Trưởng là 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả, làm Năng Duyên.

Abyàkatassa dhammassa chi Pháp là 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, Tứ Danh Uẩn Tâm Quả (Siêu Thế) phối hợp với Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng, Sắc Tâm Hữu Trưởng Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác, có Sắc, Thinh, v.v, làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhựt.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Thánh Quả.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo, và Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

* **Sahajàtādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 13 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatana – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thực Quả Duyên,
- (7) Danh Vật Thực Duyên,
- (8) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (9) Đồ Đạo Duyên,
- (10) Tương Ứng Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (12) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (13) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

* Trong phần Câu Phụ Pàlì, **Vipàkàbyàkatà kiriyàbyàkatà** chi pháp là bất luận một trong Tứ Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng, là Dục, Cần, Thầm, ở trong 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, Tâm Quả, và Tâm Trưởng là 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 4 Tâm Quả, làm Năng Duyên.

Sampayuttakànam khandhànam cittasamutthànànanca rūpànam chi Pháp là 8 Tâm Đại Duy Tác, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, Tứ Danh Uẩn Tâm Quả (Siêu Thế) phối hợp với Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác Trưởng, Sắc Tâm Hữu Trưởng Vô Ký Quả và Vô Ký Duy Tác, có Sắc, Thinh, v.v, làm Sở Duyên.

* Rằng theo Thời Gian: hiện hành trong thời kỳ Bình Nhục.

* Rằng theo Địa Giới: hiện hành trong Cõi Ngũ Uẩn và Tứ Uẩn.

* Rằng theo Người: hiện hành trong bốn Thánh Quả.

* Rằng theo Lộ Trình: hiện hành trong Lộ Trình Ngũ Môn, Lộ Trình Ý Môn Đồng Lực Dục Giới, Lộ Trình Thiền Na, Lộ Trình Đắc Đạo, và Lộ Trình Nhập Thiền Quả.

* **Sahajàtādhipatipaccayena** làm **Karanapada**: Câu Chế Tác, trình bày cho biết đến mãnh lực một cách đặc biệt của Câu Sanh Trưởng Duyên, trong mãnh lực của cả 13 Duyên cùng vào giúp đỡ ủng hộ trong cùng một thời gian (**Ghatanà – Hiệp Lực**) là:

- (1) Câu Sanh Trưởng Duyên,
- (2) Nhân Duyên,
- (3) Câu Sanh Duyên,
- (4) Hổ Tương Duyên,
- (5) Câu Sanh Y Duyên,
- (6) Dị Thực Quả Duyên,
- (7) Danh Vật Thực Duyên,
- (8) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (9) Đồ Đạo Duyên,
- (10) Tương Ứng Duyên,
- (11) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (12) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (13) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

* **Paccayo** làm **Kiriyàpada**: Câu Thuật Từ, trình bày cho biết đến Pháp Vô Ngã.

SAHAJÀTÀDHIPACCAYA SUDDHASANKHAYÀVÀRA – PHẦN TÍNH GIẢN ĐƠN Ở CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN

Theo như đã đề cập ở phía trên, thì tóm tắt lại số lượng câu đơn “*suddhapada*” giai đoạn Vấn Đề của Câu Sanh Trưởng Duyên có được 7 câu như sau:

(1) *Kusalo kusalassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

(2) *Kusalo abyākatassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

(3) *Kusalo kusalābyākatassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

(4) *Akusalo akusalassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

(5) *Akusalo abyākatassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

(6) *Akusalo akusalābyākatassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện và Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

(7) *Abyākato abyākatassa Sahajàtādhīpatipaccayena paccayo* – Vô Ký làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Vô Ký với mãnh lực Câu Sanh Trưởng Duyên.

SAHAJÀTÀDHIPATIPACCAYASABHÀGA – CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN TÁU HỢP

Theo cách phối hợp khác, thì có nhiều loại Duyên tựu vào như sau:

- (1) Nhân Duyên,
- (2) Câu Sanh Duyên,
- (3) Hổ Tương Duyên,
- (4) Câu Sanh Y Duyên,
- (5) Dị Thực Quả Duyên,
- (6) Danh Vật Thực Duyên,
- (7) Câu Sanh Quyền Duyên,
- (8) Đồ Đạo Duyên,
- (9) Tương Ứng Duyên,
- (10) Câu Sanh Bất Tương Ứng Duyên,
- (11) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên,
- (12) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Có ý nghĩa là những loại Duyên này thường hòa hợp vừa theo trường hợp của mình với Câu Sanh Trưởng Duyên khi đã hiện hữu rồi.

**KẾT THÚC GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ PHÂN TÍCH
CỦA CÂU SANH TRƯỞNG DUYÊN
KẾT THÚC TRƯỞNG DUYÊN**

-----00000-----

Đến đây là chấm dứt TẬP I với ba DUYÊN I, II và III
của bộ sách chú giải ĐẠI PHÁT THỨ.

SĀDHU ! SĀDHU ! SĀDHU



Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- * GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỀN)
- * CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỰ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỀN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP I (1000 QUYỀN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THỨ - TẬP I (500 QUYỀN)
- * NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỀN)
- * KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỀN)
- * ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP I (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỀN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THỨ - TẬP I (HIỆU ĐÍNH) (200 QUYỀN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- * KINH ĐẠI PHÁT THỨ - TẬP II (HIỆU ĐÍNH) (200 QUYỀN)
- * KINH ĐẠI PHÁT THỨ - TẬP III (HIỆU ĐÍNH) (200 QUYỀN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP II (500 QUYỀN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỀN)
- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP - TẬP II (500 QUYỀN)



BẢN TÓM LƯỢC 24/47 DUYÊN TRONG ĐẠI PHÁT THỨ

01	Nhân Duyên	01		16	Quyền Duyên	Câu Sinh Quyền Duyên	24
02	Cảnh Duyên	02				Tiền Sinh Quyền Duyên	25
03	Trưởng Duyên	03				Sắc Mạng Quyền Duyên	26
		04					
		05		17	Thiền Na Duyên		27
				18	Đồ Đạo Duyên		28
04	Vô Giác Duyên	06		19	Tương Ưng Duyên		29
05	Đẳng Vô Giác Duyên	06*		20	Bất Tương Ưng Duyên	Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên	30
06	Câu Sinh Duyên	07				Vật Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên	31
07	Hổ Tương Duyên	08				Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên	32
08	Y Chỉ Duyên	09				Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên	33
		10					
		11		21	Hiện Hữu Duyên	Câu Sinh Hiện Hữu Duyên	34
						Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	35
09	Cận Y Duyên	12				Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	36
		13				Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên	37
		14				Vật Thực Hiện Hữu Duyên	38
10	Tiền Sinh Duyên	15				Quyền Hiện Hữu Duyên	39
		16		22	Vô Hữu Duyên		40
11	Hậu Sinh Duyên	17		23	Ly Khứ Duyên		41
12	Trùng Dục Duyên	18		24	Bất Ly Duyên	Câu Sinh Bất Ly Duyên	42
						Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên	43
13	Nghiệp Duyên	19				Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	44
		20				Hậu Sinh Bất Ly Duyên	45
14	Dị Thực Quả Duyên	21				Vật Thực Bất Ly Duyên	46
15	Vật Thực Duyên	22				Quyền Bất Ly Duyên	47
		23					

1. NHÂN HIỆP LỰC (HETUPACCAYO GHATANĀ)		PHẦN TỔNG QUÁT			CÂU # 1	
Năng Duyên		6 Nhân Tương Ứng: Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si			3 Nhân Thiện: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si	
Sở Duyên		103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục			37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	
NHÂN DUYÊN		Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	
1. Câu Sinh Duyên		6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	3 Nhân Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	
2. Câu Sinh Y		6 Nhân	"	"	"	
3. Câu Sinh Hiện Hữu		6 Nhân	"	"	"	
4. Câu Sinh Bất Ly		6 Nhân	"	"	"	
5. Câu Sinh Trưởng		Vô Si	66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm Trưởng	Trí	33 Tâm Hữu Trưởng Tam Nhân Thiện 37 Tâm Sở (- Trí)	
6. Câu Sinh Quyền		Vô Si	79 Tâm Tam Nhân, 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm Tam Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Trí	33 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)	
7. Đồ Đạo Duyên		Vô Si	"	Trí	"	
8. Câu Sinh Bất Tương Ứng		6 Nhân	17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục			
9. Tương Ứng		6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân 52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	3 Nhân Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở	
10. Hổ Tương		6 Nhân	103 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, Sắc Ý Vật Tái Tục	"	"	
11. Dị Thực Quả		3 Nhân Vô Ký	37 Tâm Quả Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 15 Sắc Tâm Quả, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục			
Cộng Duyên Hiệp Lực		11			9	
- Nói theo Khi (Thời):		Tái Tục - Bình Nhựt - Tử			Bình Nhựt	
- Nói theo Cối:		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn			Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:		4 Phạm - 4 Quả			4 Phạm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:		Ngũ + Ý + Kiên Cố			Ngũ + Ý + Kiên Cố	

1A. NHÂN HIỆP LỰC (HETUPACCAYO GHATANĀ)	CÂU # 2		CÂU # 3		CÂU # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất thiện	
Năng Duyên	3 Nhân Thiện		3 Nhân Thiện		3 Nhân Bất Thiện	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Thiện		37 Tâm Thiện, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Thiện		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp Tâm Si)	
NHÂN DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	3 Nhân Thiện	17 Sắc Tâm Thiện	3 Nhân Thiện	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	3 Nhân Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp Tâm Si)
2. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly Duyên	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Trưởng Duyên	Trí	"	Trí	33 Tâm Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm		
6. Câu Sinh Quyền Duyên	"	"	"	"		
7. Đồ Đạo Duyên	"	"	"	"		
8. C. S. Bất Tương Ứng	3 Nhân Thiện	"				
9. Tương Ứng Duyên					3 Nhân Bất Thiện	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp Tâm Si)
10. Hổ Tương Duyên					"	"
11. Dị Thực Quả Duyên						
Cộng Duyên Hiệp Lực	8		7		6	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhứt		Bình Nhứt		Bình Nhứt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

1B. NHÂN HIỆP LỰC	CÂU # 5		CÂU # 6		CÂU # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện + Vô Ký		Vô Ký Trợ Vô Ký	
Năng Duyên	3 Nhân Bất Thiện: Tham, Sân, Si		3 Nhân Bất Thiện		3 Nhân Vô Ký: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm Bất Thiện		12 Tâm Bất Thiện, 27 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si), 17 Sắc Tâm Bất Thiện		54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân, 38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm Vô Ký, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục	
NHÂN DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên
1. Câu Sinh Duyên	3 Nhân Bất Thiện	17 Sắc Tâm Bất Thiện	3 Nhân Bất T.	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si) 17 Sắc Tâm Bất Thiện	3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Vô Ký 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
2. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Trưởng					Trí	20 Tâm Quả Siêu Thế, 13 Tâm Duy Tác Tam Nhân, 17 Sắc Tâm Vô Ký Tam Nhân, 37 Tâm Sở (- Trí)
6. Câu Sinh Quyền					Trí	46 Tâm Vô Ký Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí), 17 Sắc Tâm Vô Ký 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
7. Đồ Đạo Duyên					Trí	"
8. Câu S. Bất T. Ứng	3 Nhân Bất Thiện	17 Sắc Tâm Bất Thiện			3 Nhân Vô Ký	17 Sắc Tâm Vô Ký, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
9. Tương Ứng Duyên					3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở
10. Hổ Tương Duyên					3 Nhân Vô Ký	54 Tâm Vô Ký Hữu Nhân 38 Tâm Sở, Ý Vật Tái Tục
11. Dị Thục Quả					3 Nhân Vô Ký	37 Tâm Quả Hữu Nhân 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm Quả 20 Sắc Nghiệp Tái Tục
Cộng Duyên Hiệp Lực	5		4		11	
- Nói theo Khi (Thời):	Bình Nhứt		Bình Nhứt		Tái Tục - Bình Nhứt - Từ	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		26 Cõi Vui Hữu Tâm	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		3 Phàm Vui - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

THÔNG THƯỜNG TÁU HỢP 9 Cách									
1C. NHÂN DUYÊN TÁU HỢP (SABHĀGA)	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC					
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất T. Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương	Hữu Hỗ T. Hữu T. Ư.	Hữu Bất T. Ưng	Hữu H. T. Hữu B. T. Ư.
Năng Duyên	6 Nhân	6 Nhân	6 Nhân	6 Nhân	3 Nhân	3 Nhân	3 Nhân	3 Nhân	3 Nhân
Sở Duyên	103 Tâm Hữu Nhân	103 Tâm Hữu Nhân	103 Tâm Hữu Nhân	17 Sắc Tâm Hữu Nhân	37 Tâm Quả Hữu Nhân	13 Tâm Tái Tục Hữu Nhân	37 Tâm Quả Hữu Nhân	15 Sắc Tâm Hữu Nhân	Sắc Ý Vật Tái Tục
	52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	52 Tâm Sở (- Si hợp 2 Tâm Si)	20 Sắc Nghiệp Tái Tục	38 Tâm Sở	Ngũ Uẩn	38 Tâm Sở	20 Sắc Nghiệp Tái Tục	Tâm Hữu Nhân
Mãnh Lực Duyên	17 Sắc Tâm Hữu Nhân	20 Sắc Nghiệp Tái Tục	2 Tâm Si)	2 Tâm Si)	20 Sắc Nghiệp Tái Tục	35 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục	35 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục	35 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục	35 Tâm Sở Sắc Ý Vật Tái Tục
1. Nhân Duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân
2. Câu Sinh	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.	C. S. Y.
4. C S Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. C S Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG	HỒ TƯƠNG
7. Tương Ưng	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG	TƯƠNG ƯNG
8. C. S. Bất T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
Cộng Câu:	7	3	3	3	1	1	1	1	1

HỮU QUYỀN LỰC - HỮU ĐỒ ĐẠO												TÁU HỢP			9 Cách			
VÔ DỊ THỰC						HỮU DỊ THỰC												
Biến Hành			Hữu Hố Tương		Hữu Hố T. Ứng		Hữu Bất T. Ứng		Biến Hành		Hữu Hố Tương		Hữu Hố T. Ứng		Hữu Bất T. Ư.		Hữu Hố T. Hữu B T Ư	
Trí			Trí		Trí		Trí		Trí		Trí		Trí		Trí		Trí	
1D. NHÂN DUYÊN TÁU HỢP (HETUPACCAYO SABHĀGA)	79 Tâm Tam Nhân			79 Tâm Tam Nhân		17 Sắc Tâm 20 Sắc		33 Tâm Quả Tam Nhân		9 Tâm Tái Tục Tam Nhân, Cõi Ngũ Uẩn		33 Tâm Quả Tam Nhân 37 Tâm Sở		15 Sắc Tâm 20 Sắc		Sắc Ý Vật Tái Tục với Tâm Tam Nhân		
	37 Tâm Sở			37 Tâm Sở		Nghiệp Tái Tục		37 Tâm Sở		34 Tâm Sở		37 Tâm Sở		Nghiệp Tái Tục				
	17 Sắc Tâm			17 Sắc Tâm				17 Sắc Tâm		20 Sắc		17 Sắc Tâm						
	20 Sắc Nghiệp Tái Tục			20 Sắc Nghiệp Tái Tục				20 Sắc		Nghiệp Tái Tục		20 Sắc						
Năng Duyên																		
Sở Duyên																		
Mãnh Lực Duyên			7		8		9		8		8		9		10		10	
1. Nhân Duyên			Nhân		Nhân		Nhân		Nhân		Nhân		Nhân		Nhân		Nhân	
2. Câu Sinh			C. S.		C. S.		C. S.		C. S.		C. S.		C. S.		C. S.		C. S.	
3. Câu Sinh Y			C. S. Y		C. S. Y		C. S. Y		C. S. Y		C. S. Y		C. S. Y		C. S. Y		C. S. Y	
4. C. S. Hiện Hữu			C. S. H. H.		C. S. H. H.		C. S. H. H.		C. S. H. H.		C. S. H. H.		C. S. H. H.		C. S. H. H.		C. S. H. H.	
5. C. S. Bất Ly			C. S. B. L.		C. S. B. L.		C. S. B. L.		C. S. B. L.		C. S. B. L.		C. S. B. L.		C. S. B. L.		C. S. B. L.	
6. C. S. Quyền			C. S. Q.		C. S. Q.		C. S. Q.		C. S. Q.		C. S. Q.		C. S. Q.		C. S. Q.		C. S. Q.	
7. Đồ Đạo			ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO		ĐỒ ĐẠO	
8. Hố Tương			HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG	
9. Tương Ứng					TƯƠNG ƯNG		TƯƠNG ƯNG						TƯƠNG ƯNG					
10. C. S. Bất T. Ư.							C. S. B. T. Ư.						C. S. B. T. Ư.		C. S. B. T. Ư.		C. S. B. T. Ư.	
11. Dị Thực Quả									D. T. Q.		D. T. Q.		D. T. Q.		D. T. Q.		D. T. Q.	
			Thiện-Thiện Thiện-Vô Ký Thiện-Thiện + Vô Ký Vô Ký-Vô Ký		Thiện-Thiện V Ký -V Ký		Thiện-Thiện V Ký -V Ký		Thiên-V K V Ký -V Ký		Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký	
Cộng Câu:			4		2		2		2		1		1		1		1	

1E. NHÂN DUYÊN TÁU HỢP (HETUPACCAYO SABHĀGA)		HỮU TRƯỞNG - HỮU QUYỀN - HỮU ĐỒ ĐẠO TÁU HỢP 6 Cách					
		VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
Biến Hành		Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu	
Trí		Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	
66 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí) 17 Sắc Tâm		66 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân 37 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm	
Mãnh Lực Duyên		8	10	9	11	10	
1. Nhân Duyên	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	Nhân	
2. Cấu Sinh	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	CÂU SINH	
3. Cấu Sinh Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	CÂU SINH Y	
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	C. S. HIỆN HỮU	
5. C. S. Bất Ly	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	C. S. BẤT LY	
6. C. S. Trưởng	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	C. S. TRƯỞNG	
7. C. S. Quyền	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	C. S. QUYỀN	
8. Đồ Đạo	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	
9. Hỗ Tương		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG		
10. Tương Ứng		TƯƠNG ƯNG			TƯƠNG ƯNG		
11. C. S. Bất T. Ư.			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.	
12. Dị Thực Quả				DỊ THỰC QUẢ		DỊ THỰC QUẢ	
Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký		Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Vô Ký	
Cộng Câu:		4	2	2	1	1	1

2. CẢNH HIỆP LỰC (ĀrammanaPaccayo Ghatanā)	PHẦN TỔNG QUÁT		CẦU # 1		CẦU # 2	
			Thiện - Thiện		Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	121 Tâm, 52 Tâm Sở 28 Sắc, Níp Bàn và Chế Định		32 Tâm Thiện (- Tâm Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở		17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở	
Sở Duyên	121 Tâm 52 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện, Tâm Thiện Thắng Trí, Thiện Thức Vô Biên Xứ, Thiện Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
CẢNH DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Trưởng Duyên	18 Sắc rõ thành cảnh tốt	8 Tâm Tham	32 Tâm Thiện (- Tâm Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở	8 Tâm Đại Thiện 33 Tâm Sở	17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
	116 Tâm	8 Tâm Đại Thiện				
	47 Tâm Sở và Níp-Bàn	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Tâm Siêu Thế				
	"	45 Tâm Sở				
	Sắc Ý Vật Cận Từ	47 Tâm nương Vật nhứt định 44 Tâm Sở				
2. Cảnh Cận Y Duyên	"	"	"	"	"	"
3. Vật Cảnh T. Sinh Y	"	"				
4. Vật Cảnh Tiền Sinh	"	"				
5. V. C. T. S. B. T. Ưng	"	"				
6. V. C. T. S. Hiện Hữu	"	"				
7. V. C. T. S. Bất Ly	"	"				
8. Cảnh Tiền Sinh	18 Sắc rõ thành hiện tại	54 Tâm Dục Giới 2 Tâm Thắng Trí 50 Tâm Sở				
9. C. T. S. Hiện Hữu	"	"				
10. C. T. S. Bất Ly	"	"				
Cộng Duyên Hiệp Lực		10	2		2	
- Nói theo Khi:		Bình Nhật	Bình Nhật		Bình Nhật	
- Nói theo Cõi:		Ngũ Uẩn - Tứ Uẩn	Ngũ Uẩn - Tứ Uẩn		Ngũ Uẩn - Tứ Uẩn	
- Nói theo Người:		4 Phàm - 4 Quả	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:		Ngũ + Ý + Kiên Cố	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý Môn	

2A. CẢNH HIỆP LỰC (ĀrammanaPaccayo Ghatanā)	CẦU # 3		CẦU # 4		CẦU # 5		CẦU # 6	
	Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện		Bất Thiện - Thiện		Bất Thiện - Vô Ký	
Năng Duyên	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
	10 Tâm Duy Tác Dục Giới 11 Tâm Na Cảnh, Duy Tác Thắng Trí, Quả và Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, Tướng Xứ (- Tâm Khai Ngũ Môn) 33 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện Tâm Thiện Thắng Trí 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ Phản và Vô Lượng Phản)		10 Tâm Duy Tác Dục Giới 11 Tâm Na Cảnh, Tâm Duy Tác Thắng Trí (- Khai Ngũ Môn) 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ Phản và Vô Lượng Phản)	
CẢNH DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Trưởng	Tâm Đạo Vô Sinh 36 Tâm Sở	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 33 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở				
2. Cảnh Cận Y	"	"	"	"				
3. Vật Cảnh T. S. Y								
4. Vật Cảnh Tiền Sinh								
5. V C T S Bất T Ứng								
6. V. C. T. S. Hiện Hữu								
7. V. C. T. S. Bất Ly								
8. Cảnh Tiền Sinh								
9. Cảnh T. S. Hiện Hữu								
10. Cảnh T. S. Bất Ly								
Cộng Duyên Hiệp Lực	2		2		0		0	
- Nói theo Khi:	Bình - Nhật		Bình - Nhật		Bình - Nhật		Bình - Nhật	
- Nói theo Cối:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo người:	4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

2B. CẢNH HIỆP LỰC (ĀrammanaPaccayo Ghatanā)	CÂU # 7		CÂU # 8		CÂU # 9	
	Vô Ký - Vô Ký		Vô Ký - Thiện		Vô Ký - Bất Thiện	
Năng Duyên	52 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác 38 Tâm Sở, 28 Sắc, Níp Bàn		47 Tâm Quả, 20 Tâm Duy Tác (- Quả Vô Sinh), 38 Tâm Sở, 28 Sắc, Níp Bàn		32 Tâm Quả Hiệp Thế 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở và 28 Sắc	
Sở Duyên	23 Tâm Quả Dục Giới 11 Tâm Duy Tác Dục Giới, Tâm Duy Tác Thức Vô Biên Xứ, Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tướng Xứ và 20 Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện Tâm Thiện Thắng Trí 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở		12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở	
CẢNH DUYÊN	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Trưởng Duyên	Tâm Quả Vô Sinh 36 Tâm Sở và Níp Bàn	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Duy Tác Thắng Trí 20 Tâm Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở	3 Tâm Quả Thấp 36 Tâm Sở Níp Bàn	4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở	31 Tâm Quả Hiệp Thế (-Thân thức Khổ thọ) 20 Tâm Duy Tác, 35 Tâm Sở 18 Sắc thành tựu	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
	"	"	"	"	"	"
	Sắc Ý Vật Cận Tử	11 Tâm Duy Tác Dục Giới 11 Tâm Na Cảnh, Duy Tác Thắng Trí, 33 Tâm Sở	Sắc Ý Vật Cận Tử	8 Tâm Đại Thiện Thiện Thắng Trí 36 Tâm Sở	Sắc Ý Vật Cận Tử	12 Tâm Bất Thiện 27 Tâm Sở
4. Vật Cảnh Tiền Sinh	"	"	"	"	"	"
5. V. C. T. S. Bất T. Ứng	"	"	"	"	"	"
6. V. C. T. S. Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
7. V. C. T. S. Bất Ly	"	"	"	"	"	"
8. Cảnh Tiền Sinh	18 Sắc thành tựu hiện tại	"	18 Sắc thành tựu hiện tại	"	18 Sắc thành tựu hiện tại	12 Bất Thiện 27 Tâm Sở
9. Cảnh T. S. Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
10. Cảnh T. S. Bất Ly	"	"	"	"	"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	10		10		10	
- Nói theo Khi:	Bình Nhặt		Bình Nhặt		Bình Nhặt	
- Nói theo Cõi:	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo người:	4 Phàm - 4 Quả		Phàm Tam Nhân - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiến Có		Ngũ + Ý + Kiến Có		Ngũ + Ý	

2C. CẢNH TÁU HỢP (ĀrammanaPaccayo Sabhāga)	CÂU # 1	CÂU # 2	CÂU # 3	CÂU # 4	CÂU # 5
	Cảnh Trưởng	Cảnh Tiền Sinh	Vật Tiền Sinh	Cảnh Tiền Sinh Trưởng	Vật Tiền Sinh Trưởng
Năng Duyên	18 Sắc thành tựu thành cảnh tốt 116 Tâm 47 Tâm Sở và Níp-Bàn	6 Cảnh Sắc là 18 Sắc thành tựu	Sắc Ý Vật Cận Tử	18 Sắc thành tựu thành cảnh tốt	Sắc Ý Vật thành cảnh ưa thích
	8 Tâm Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng và 40 Tâm Siêu Thế 45 Tâm Sở	54 Tâm Dục Giới 2 Tâm Thắng Trí và 50 Tâm Sở (- Vô Lượng Phần)	43 hoặc 47 Tâm nương Vật 44 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
Sở Duyên					
Mãnh Lực Duyên	3	4	6	6	8
1. Cảnh Duyên	CẢNH	CẢNH	CẢNH	CẢNH	CẢNH
2. Cảnh Trưởng	CẢNH TRƯỞNG			CẢNH TRƯỞNG	CẢNH TRƯỞNG
3. Cảnh Cận Y	CẢNH CẬN Y			CẢNH CẬN Y	CẢNH CẬN Y
4. Cảnh Tiền Sinh		CẢNH TIỀN SINH		CẢNH TIỀN SINH	
5. C. T. S. Hiện Hữu		C. T. S. H. H.		C. T. S. H. H.	
6. C. Tiền Sinh Bất Ly		C. T. S. B. L.		C. T. S. B. L.	
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Y			V. C. T. S. Y		V. C. T. S. Y
8. V. Cảnh Tiền Sinh			V. C. T. S.		V. C. T. S.
9. V C T S B Tương Ứng			V. C. T. S. B. T. Ư.		V. C. T. S. B. T. Ư.
10. V.C.T.S. H. Hữu			V. C. T. S. H. H.		V. C. T. S. H. H.
11. V.C.T.S. Bất Ly			V. C. T. S. B. L.		V. C. T. S. B. L.
	Thiện - Thiện Thiện - Bất Thiện Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện	Vô Ký - Thiện Vô Ký - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Thiện Vô Ký - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Bất Thiện	Vô Ký - Bất Thiện
Cộng Câu:	4	3	3	1	1

3. CẢNH TRƯỞNG HIỆP LỰC (GHATANĀ)	PHẦN TỔNG QUÁT		Câu # 1		Câu # 2		Câu # 3
			Thiện - Thiện		Thiện - Bất Thiện		Thiện - Vô Ký
Năng Duyên	116 Tâm (- Sân, Si, Thân Thức Khổ thọ 47 Tâm Sở 18 Sắc thành tựu thành cảnh ưa thích và Níp Bàn		32 Tâm Thiện (- Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở		17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở		Tâm Đạo Vô Sinh 36 Tâm Sở
	8 Tâm Tham, 8 Tâm Đại Thiện 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở		8 Tâm Đại Thiện 33 Tâm Sở (- Ngăn Trừ và Vô Lượng Phần)		8 Tâm Tham 22 Tâm Sở		4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 33 Tâm Sở
CẢNH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng D.	Sở D.	Năng D. Sở Duyên
1. Cảnh Duyên	116 Tâm 47 Tâm Sở 18 Sắc thành cảnh tốt và Níp-Bàn	8 Tâm Tham 8 Tâm Đại Thiện 4 Duy Tác Tương Ứng 40 Tâm Siêu Thế 45 Tâm Sở	32 Tâm Thiện (- Đạo Vô Sinh) 38 Tâm Sở	8 Tâm Đại Thiện 33 Tâm Sở	17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	Tâm Đạo Vô Sinh 36 Tâm Sở
	"	"	"	"	"	"	"
2. Cảnh Cận Y	18 Sắc thành tựu ưa thích	8 Tâm Tham, 22 Tâm Sở					
3. Cảnh T. S. H. Hữu	"	"					
4. C. T. S. Bất Ly	"	"					
5. C. Tiền Sinh	"	"					
6. Vật Cảnh T. S. Y	Ý Vật Cận Từ	8 Tâm Tham, 22 Tâm Sở					
7. Vật Cảnh Tiền Sinh	"	"					
8. V. C. T. S. Hiện Hữu	"	"					
9. V. C. T. S. Bất Ly	"	"					
10. V. C. T. S. B. T. Ứng	"	"					
11. V. C. T. S. Trưởng	"	"					
Cộng Duyên Hiệp Lực	11	11	2	2	2	2	2
- Nói theo Khi:	Bình Nhật	Bình Nhật	Bình Nhật	Bình Nhật	Bình Nhật	Bình Nhật	Bình Nhật
- Nói theo Cõi	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn
- Nói theo Người:	4 Phàm - 4 Quả	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	4 Phàm - 3 Quả H. H.	4 Phàm - 3 Quả H. H.	4 Phàm - 3 Quả H. H.	Quả Vô Sinh
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Y + Kiên Có	Ngũ + Y + Kiên Có	Ngũ + Y + Kiên Có	Ngũ + Y + Kiên Có	Ngũ + Y	Ngũ + Y	Phán Khán

3A. CẢNH TRƯỞNG HIỆP LỰC (GHATANĀ)	Câu # 4		Câu # 5		Câu # 6		Câu # 7
	Bất Thiện - Bất Thiện	Năng D.	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Vô Ký - Bất Thiện
Năng Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	Tâm Quả Vô Sinh 36 Tâm Sở Níp-Bàn	4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 20 Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở	Tâm Quả Vô Sinh 36 Tâm Sở Níp-Bàn	3 Tâm Quả Thấp	4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng 20 Tâm Đạo 36 Tâm Sở	31 Tâm Quả Hiệp Thế (- Thân Thức Khổ Thọ) 20 Tâm Duy Tác 35 Tâm Sở, 18 Sắc thành tựu
	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	4 Đại Duy Tác Tương Ứng 20 Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở				8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	
Sở Duyên							
CẢNH TRƯỞNG	Năng D.	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở			31 Quả Hiệp Thế 20 Tâm Duy Tác 35 Tâm Sở 18 Sắc thành cảnh tốt	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	
	"	"	"	"	"	"	"
2. Cảnh Cận Y							
3. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu						18 Sắc thành ưa thích	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
4. C. Tiền Sinh Bất Ly						"	"
5. Cảnh Tiền Sinh						"	"
6. Vật Cảnh T. Sinh Y						Sắc Ý Vật Cận Tử	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
7. Vật Cảnh Tiền Sinh						"	"
8. V. C. T. S. H. H.						"	"
9. V. C. T. S. Bất Ly						"	"
10. V. C. T. S. B. T. U.						"	"
11. V. C. T. S. Trưởng						"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực	2	2	2	2	2	11	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt	Bình Nhựt	Bình Nhựt	Bình Nhựt	Bình Nhựt	Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Tứ - Ngũ	Tứ - Ngũ	Tứ - Ngũ	Tứ - Ngũ	Tứ - Ngũ	Tứ - Ngũ	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	4 Quả	4 Quả	4 Quả	4 Phàm - 4 Quả	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Y	Ngũ + Y + Kiên Cố	Ngũ + Y + Kiên Cố	Ngũ + Y + Kiên Cố	Ngũ + Y + Kiên Cố	Ngũ + Y	

BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỨ TẬP I

Cảnh Trường Duyên

3B. CẢNH TRƯỞNG TÁU HỢP (AdhipatiPaccayo Sabhāga)		LINH TINH TÁU HỢP Có 3 Cách (PAKINNAKA SABHĀGA)		
		Câu # 1	Câu # 2	Câu # 3
Năng Duyên		116 Tâm (- Sân, Si, Thân Thức Khổ Thọ) 47 Tâm Sở 18 Sắc thành tựu ưa thích và Níp-Bàn	18 Sắc thành tựu cảnh tốt	Sắc Ý Vật Cận Tử
Sở Duyên		8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng 8 Tâm Tham, 40 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên		3	6	12
1. Cảnh Trường Duyên		Cảnh Trường	Cảnh Trường Duyên	Cảnh Trường Duyên
2. Cảnh Cận Y Duyên		Cảnh Cận Y	Cảnh Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên
3. Cảnh Duyên		Cảnh Duyên	Cảnh Duyên	Cảnh Duyên
4. Cảnh Tiền Sinh Duyên			Cảnh Tiền Sinh Duyên	Cảnh Tiền Sinh Duyên
5. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu			Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu	Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu
6. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly			Cảnh Tiền Sinh Bất Ly	Cảnh Tiền Sinh Bất Ly
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Y				Vật Cảnh Tiền Sinh Y
8. Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên				Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên
9. V. C. T. S. Bất Tương Ứng				Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng
10. Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu				Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu
11. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly				Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly
12. Vật Cảnh Tiền Sinh Trường				Vật Cảnh Tiền Sinh Trường
		Thiện - Thiện Thiện - Bất Thiện Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký Vô Ký - Thiện Vô Ký - Bất Thiện	Vô Ký - Bất Thiện	Vô Ký - Bất Thiện
Cộng Câu:		7	1	1

4. CẤU SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (SahajātAdhipatiPaccayo Ghatanā)		PHẦN TỔNG QUÁT		Câu # 1	
Năng Duyên		84 Tâm Đồng Lực Nhị và Tam Nhân Tâm Sở Dục } hợp với 84 Tâm Đồng Lực Nhị- Tam Nhân, Tâm Sở Cần Tâm Sở Trí hợp với 52 Tâm Đồng Lực Tam Nhân		Thiện - Thiện	
Số Duyên		84 Tâm Đồng Lực Nhị và Tam Nhân (Hữu Trưởng) 51 Tâm Sở (- Hoài Nghi), 17 Sắc Tâm Hữu Trưởng		Tứ Trưởng: Dục, Cần, Tâm, Thảm	
CẤU SINH TRƯỞNG		Năng Duyên	Số Duyên	Năng Duyên	Số Duyên
1. Nhân Duyên		Trí	66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Trí	33 Tâm Đồng Lực Thiện Tam Nhân, 37 Tâm Sở
2. Câu Sinh Duyên		Tứ Trưởng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Tứ Trưởng	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
3. Câu Sinh Y Duyên		Tứ Trưởng	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu		Tứ Trưởng	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly		Tứ Trưởng	"	"	"
6. Hỗ Tương		Tứ Trưởng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở	"	"
7. Danh Vật Thực		84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng	51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	37 Thiện Tam Nhân	38 Tâm Sở
8. Câu Sinh Quyền		84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tâm Sở Cần và Tâm Sở Trí	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Cần, Tâm, Thảm	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở
9. Đồ Đạo Duyên		Cần, Trí	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Cần, Trí	"
10. Tương Ứng Duyên		Tứ Trưởng	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 51 Tâm Sở	Tứ Trưởng	"
11. Câu Sinh Bát T. Ứng		Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm		
12. Dị Thực Quả		Tứ Trưởng	20 Tâm Quả Siêu Thế 36 Tâm Sở + 15 Sắc Tâm		
Cộng Duyên Hiệp Lực		12		10	
- Nói theo Khi:		Bình Nhật		Bình Nhật	
- Nói theo Cõi:		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:		4 Phàm - 4 Quả		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học	
- Nói theo Lộ:		Ngũ + Y + Kiên Cố		Ngũ + Y + Kiên Cố	

BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỨ TẬP I

Câu Sinh Trưởng Duyên

4A. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	Câu # 2		Câu # 3		Câu # 4	
	Thiện - Vô Ký		Thiện - Thiện và Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện	
Năng Duyên	Tứ Trưởng 17 Sắc Tâm		Tứ Trưởng 37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm		3 Trưởng (- Trí) 10 Tâm Bất Thiện (- 2 Tâm Si) 26 Tâm Sở (- Si Hoài Nghi)	
Sở Duyên						
CÂU SINH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Nhân Duyên	Trí	17 Sắc Tâm	Trí	33 Đồng Lực Thiện Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm		
2. Câu Sinh Duyên	Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm	Tứ Trưởng	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	3 Trưởng (-Trí)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (-Si Hoài Nghi)
3. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
4. Câu Sinh Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
6. Hổ Tương Duyên					"	"
7. Danh Vật Thực	Thức Thực Thiện (37 Thiện)	17 Sắc Tâm	Thức Thực Thiện (37 Thiện)	38 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	10 Tâm Bất Thiện	26 Tâm Sở
8. Câu Sinh Quyền	Cần, Tâm, Thâm	"	Cần, Tâm, Thâm	37 Tâm Thiện 38 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	Cần, 10 Tâm Bất Thiện (- Si)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (- Si)
9. Đồ Đạo Duyên	Cần, Trí	"	Cần, Trí	"	Cần	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở (- Cần, Si)
10. Tương Ứng Duyên					3 Trưởng (-Trí)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở
11. Câu S. B. T. Ứng	Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm				
12. Dị Thực Quả						
Cộng Duyên Hiệp Lực	9		8		9	
- Nói theo Khi:	Bình Nhựt		Bình Nhựt		Bình Nhựt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 7 Thánh Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý + Kiên Cố		Ngũ + Ý	

BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỨ TẬP I

Câu Sinh Trưởng Duyên

4B. CÂU SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (GHATANĀ)	Câu # 5		Câu # 6		Câu # 7	
	Bất Thiện - Vô Ký		Bất Thiện - Bất Thiện và Vô Ký		Vô Ký trợ Vô Ký	
Năng Duyên	3 Trưởng (- Trí)		3 Trưởng (- Trí)		Tứ Trưởng	
Sở Duyên	17 Sắc Tâm		10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm (- Si)		20 Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng, 35 Tâm Sở	
CÂU SINH TRƯỞNG	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên	Năng Duyên	Sở Duyên
1. Nhân Duyên					Trí	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm
2. Câu Sinh Duyên	3 Trưởng (- Trí)	17 Sắc Tâm	3 Trưởng (- Trí)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	Tứ Trưởng	20 Quả Siêu Thế + 36 Tâm Sở 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng 17 Sắc Tâm
3. Câu Sinh Y Duyên	"	"	"	"	"	"
4. Câu S. Hiện Hữu	"	"	"	"	"	"
5. Câu Sinh Bất Ly	"	"	"	"	"	"
6. Hỗ Tương					Tứ Trưởng	20 Quả Siêu Thế + 36 Tâm Sở 17 Duy Tác Hữu Trưởng + 35 Tâm Sở
7. Danh Vật Thực	10 Tâm Bất Thiện (- Si)	17 Sắc Tâm	10 Tâm Bất Thiện	26 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 17 Duy Tác Hữu Trưởng	36 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm
8. Câu Sinh Quyền	Tâm Sở Căn 10 Tâm Bất Thiện	"	Tâm Sở Căn, 10 Tâm Bất Thiện (- Si)	10 Tâm Bất Thiện 26 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	Căn - 20 Tâm Quả Siêu Thế, 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng + Trí	20 Quả Siêu Thế + 36 Tâm Sở 17 Tâm Duy Tác Hữu Trưởng + 35 Tâm Sở
9. Đồ Đạo Duyên	Căn	"	Căn	"	Căn, Trí	"
10. Tương Ứng					Tứ Trưởng	"
11. Câu Sinh B. T. U.	3 Trưởng	17 Sắc Tâm			Tứ Trưởng	17 Sắc Tâm
12. Dị Thực Quả					Tứ Trưởng	20 Tâm Quả Siêu Thế, 36 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm
Cộng Duyên Hiệp Lực	8		7			12
- Nói theo Khi:	Bình Nhứt		Bình Nhứt		Bình Nhứt	
- Nói theo Cõi:	Ngũ Uẩn		Ngũ Uẩn		Tứ Uẩn - Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:	4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Phàm - 3 Quả Hữu Học		4 Quả	
- Nói theo Lộ:	Ngũ + Ý		Ngũ + Ý		Ngũ + Ý + Kiên Cố	

4C. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SahajātAhipati Paccayo SABHĀGA) Có 24 Cách	DỤC TRƯỞNG TÁU HỢP 6 CÁCH					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất T. Ứng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất T. Ứng
Năng Duyên	Dục Trưởng hợp 84 Tâm Đồng Lực Nhị - Tam Nhân	Dục Trưởng hợp 84 Tâm Đồng Lực Nhị - Tam Nhân	Dục Trưởng hợp 84 Tâm Đồng Lực Nhị - Tam Nhân	Dục Trưởng hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Dục Trưởng hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Dục Trưởng hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Dục, 17 Sắc Tâm	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Dục, Hoài Nghi)	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở (- Dục) 17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở (- Dục)	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	5	7	6	6	8	7
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu S. Y Duyên	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương Duyên		HỒ TƯƠNG			HỒ TƯƠNG	
7. Tương Ứng		TƯƠNG ƯNG			TƯƠNG ƯNG	
8. C. S. Bất T. Ứng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
9. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký T - Thiện + Vô Ký Bất Thiện - B. T. Bất Thiện - Vô Ký B T - B T + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện B Thiện - B Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1	1

BẢN ĐỒ ĐẠI PHÁT THỨ TẬP I

Câu Sinh Trưởng Duyên

CẦN TRƯỞNG TÁU HỢP 6 Cách					
4D. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SABHĀGA) Có 24 Cách	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC	
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ưng	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ưng
Năng Duyên	Tâm Sở Cần hợp 84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng	Tâm Sở Cần hợp 84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng	Tâm Sở Cần hợp 84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng	Tâm Sở Cần hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế	Tâm Sở Cần hợp 20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở 17 Sắc Tâm	84 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng 50 Tâm Sở (- Dục, Hoài Nghi)	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. Câu Sinh H. Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Đồ Đạo Duyên	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO	ĐỒ ĐẠO
8. Hỗ Tương Duyên		HỒ TƯƠNG		HỒ TƯƠNG	
9. Tương Ưng		TƯƠNG ƯNG		TƯƠNG ƯNG	
10. C. S. B. T. Ưng			C. S. B. T. Ư.		C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				DỊ THỰC QUẢ	DỊ THỰC QUẢ
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Bất Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Bất Thiện - Bất Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	7	3	3	1	1

4E. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SABHAGA) Có 24 Cách	TÂM TRƯỞNG TÁU HỢP 6 Cách					
	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ưng	Hữu Bất Tương Ưng	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ưng	Hữu Bất Tương Ưng
Năng Duyên	84 Tâm Hữu Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng	84 Tâm Hữu Trưởng	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế	20 Tâm Quả Siêu Thế
Sở Duyên	51 Tâm Sở (- Si Hoài Nghi)	51 Tâm Sở	17 Sắc Tâm	36 Tâm Sở 15 Sắc Tâm	36 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	7	9	8	8	10	9
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. Câu Sinh Y Duyên	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Hỗ Tương Duyên		HỖ TƯƠNG			HỖ TƯƠNG	
7. Tương Ưng Duyên		TƯƠNG ƯNG			TƯƠNG ƯNG	
8. Danh Vật Thực	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.	D. V. T.
9. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
10. C. S. Bất T. Ưng			C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
11. Dị Thực Quả				D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện Bất Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Bất Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Bất T - Bất T Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Bất Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu :	7	3	3	1	1	1

THẨM TRƯỞNG TÁU HỢP 6 Cách						
4F. CÂU SINH TRƯỞNG TÁU HỢP (SABHAGA) Có 24 Cách	VÔ DỊ THỰC			HỮU DỊ THỰC		
	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Trí	Biến Hành	Hữu Hỗ Tương Hữu Tương Ứng	Hữu Bất Tương Ứng
Năng Duyên	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí	Trí
Sở Duyên	66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân 37 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm	66 Tâm Đồng Lực Tam Nhân 37 Tâm Sở (- Trí)	17 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm	20 Tâm Quả Siêu Thế 35 Tâm Sở	15 Sắc Tâm
Mãnh Lực Duyên	8	10	9	9	11	10
1. Câu Sinh Trưởng	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.	C. S. T.
2. Câu Sinh Duyên	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.	C. S.
3. C. S. Y Duyên	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y	C. S. Y
4. C. S. Hiện Hữu	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.	C. S. H. H.
5. Câu Sinh Bất Ly	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.	C. S. B. L.
6. Câu Sinh Quyền	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.	C. S. Q.
7. Đồ Đạo Duyên	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN	ĐỒ ĐẠO DUYÊN
8. Nhân Duyên	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN	NHÂN DUYÊN
9. Hỗ Tương Duyên		HỒ TƯỚNG			HỒ TƯỚNG	
10. Tương Ứng		TƯƠNG ƯNG			TƯƠNG ƯNG	
11. C. S. Bất T. Ứng		C. S. B. T. Ư.	C. S. B. T. Ư.			C. S. B. T. Ư.
12. Dị Thực Quả			D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.	D. T. Q.
	Thiện - Thiện Thiện - Vô Ký Thiện - Thiện + Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Thiện Vô Ký - Vô Ký	Thiện - Vô Ký Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký	Vô Ký - Vô Ký
Cộng Câu:	4	2	2	1	1	1

5. VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG DUYÊN HIỆP LỰC (Vatth Ārammana Purejāt Adhipati Paccayo GHATA Ō)		CÂU # 1	
Vô Ký - Bất Thiện			
Năng Duyên		Sắc Ý Vật thành cảnh tốt	
Sở Duyên		8 Tâm Tham, 22 Tâm Sở	
VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG DUYÊN		Năng Duyên	Sở Duyên
1. Cảnh Duyên		18 Sắc thành ưa thích	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
2. Cảnh Trưởng Duyên		"	"
3. Cảnh Cận Y Duyên		"	"
4. Cảnh Tiền Sinh Duyên		"	"
5. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên		"	"
6. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên		"	"
7. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên		Sắc Ý Vật Cận Từ	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
8. Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên		"	"
9. Vật Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên		"	"
10. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên		"	"
11. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ưng		"	"
Cộng Duyên Hiệp Lực		11	
- Nói theo Khi (Thời):		Bình Nhứt	
- Nói theo Cõi:		Ngũ Uẩn	
- Nói theo Người:		4 Phạm - 3 Quả Hữu Học	
- Nói theo Lộ:		Ngũ + Ý	

5A. VẬT CẢNH TIỀN SINH TRƯỞNG DUYÊN TẤU HỢP (Vatth Ārammana Purejāt Adhipati Paccayo SABHĀGA)	LINH TINH TẤU HỢP (PAKINNAKA SABHĀGA)
Năng Duyên	Sắc Ý Vật Cận Từ
Sở Duyên	8 Tâm Tham 22 Tâm Sở
Mãnh Lực Duyên	12
1. Vật Cảnh Tiền Sinh Sinh Trưởng Duyên	Vật Cảnh T. S. T.
2. Cảnh Duyên	Cảnh Duyên
3. Cảnh Trưởng Duyên	Cảnh Trưởng
4. Cảnh Cận Y Duyên	Cảnh Cận Y Duyên
5. Cảnh Tiền Sinh Duyên	Cảnh Tiền Sinh
6. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên	C. T. S. Hiện Hữu
7. Cảnh Tiền Sinh Bất Ly	Cảnh T. S. Bất Ly
8. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên	V. C. T. S. Y D.
9. Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên	Vật Cảnh T. S. D.
10. Vật Cảnh Tiền Sinh Sinh Hiện Hữu Duyên	V. C. T. S. H. H.
11. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên	V. C. T. S. Bất Ly
12. V. C. T. S. Bất Tương Ưng Duyên	V. C. T. S. B. T. U.
	Vô Ký - Bất Thiện
Cộng Câu:	1